



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass.Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Thư đầu năm

Giá trị Tây phương và việc tân tiến hóa đất nước

Trước thềm năm 2000, chúng tôi xin chúc quý độc giả và thân hữu một năm mới an khang và thịnh vượng. Nhân dịp này chúng tôi chân thành cảm tạ các chí hữu, thân hữu xa gần, trong và ngoài nước, về các đóng góp tinh thần cũng như vật chất quý báu cho tờ báo. Nhờ những đóng góp đó, Thông Luận tiếp tục giữ được vai trò của một diễn đàn chính trị, góp phần vào công cuộc tranh đấu chung cho tự do, dân chủ và nhân quyền của người Việt. Với số báo đặc biệt dày hơn bình thường này, Thông Luận bước vào năm thứ 13 và trở thành cơ quan ngôn luận chính thức của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Mục tiêu tranh đấu và tham vọng góp phần của Thông Luận không đổi, chúng tôi mong muốn làm được nhiều việc hơn nữa.

Trong lá thư đầu năm nay, chúng tôi xin không trình bày nhiều về tình hình đất nước để có thể đề cập đến một vấn đề cũ mà trong thế kỷ vừa qua người Việt vẫn chưa làm được đến nơi đến chốn. Đó là việc hấp thụ vào văn hóa Việt Nam những giá trị tốt đẹp của văn minh Tây phương để làm nền tảng cho việc tân tiến hóa đất nước nghĩa là phát triển và hiện đại hóa toàn bộ sinh hoạt của xã hội.

Tình hình đất nước

Trong lá thư đầu năm 1999, chúng tôi đã dự đoán là Việt Nam tiếp tục tụt hậu và mất định hướng trước ngưỡng của thế kỷ 21. Đầu tư ngoại quốc sút

giảm. Số người thất nghiệp gia tăng. Xã hội tiếp tục băng hoại. Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục tha hóa vì tham nhũng, cửa quyền. Giới lãnh đạo tiếp tục tranh quyền và ở thế bị động vì những mâu thuẫn đối kháng giữa quyền lợi của Đảng và quyền lợi của dân tộc. Đại đa số đồng bào tại quê nhà còn phải chịu đựng bất hạnh của nghèo đói, khổ cực. Thảm hại hơn cả là cho đến cuối thế kỷ 20, sau bao nhiêu hy sinh xương máu, người Việt Nam vẫn chưa có tự do, vẫn phải sống trong lo sợ vì thiếu thốn vật chất, vì áp bức thường xuyên của bộ máy quyền lực. Trí tuệ và nội lực của dân tộc vì vậy tiếp tục bị trói buộc, kìm hãm. Nguyên do của tình trạng bi đát này là chế độ độc tài, độc quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hay chính xác hơn là của băng đảng lãnh đạo thủ cựu, chỉ bo bo giữ lấy đặc quyền, đặc lợi. Phe này vẫn chiếm đa số và giữ những địa vị then chốt trong Đảng. Điều bất hạnh cho dân tộc là các lực lượng dân chủ Việt Nam chưa đủ sức mạnh để buộc phe bảo thủ, độc tài phải nhượng bộ, trả lại cho nhân dân quyền làm chủ thực sự đất nước của mình.

Về phía đối lập dân chủ, tình hình tiếp tục tiến triển tốt. Số người đòi hỏi công lý, dân sinh, dân quyền mỗi ngày một nhiều và dưới nhiều hình thức, bất chấp những thủ đoạn trấn áp của công an. Từ đơn khiếu nại các lạm quyền của quan chức Nhà Nước, đơn kiện vì bất công oan ức, thư chất vấn các "ông

lớn" về tội tham nhũng, các bài viết sâu sắc của các trí thức như các ông Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Ngọc Lan, Hà Sĩ Phu, Bảo Cự, Lữ Phương..., phong độ bất khuất của nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà văn Dương Thu Hương..., thái độ an nhiên tự tại tranh đấu cho tự do tín ngưỡng của linh mục Chân Tín, hòa thượng Thích Quảng Độ... đến lập trường dân tộc, dân chủ trong sáng và thái độ dũng cảm của bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Các tôn giáo chính cũng đã nhập cuộc với những đòi hỏi rõ rệt hơn về tự do tín ngưỡng. Hàng trăm ngàn tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đã tập hợp tại An Giang vào đầu tháng 7-1999. Bản lên tiếng chung của bốn tôn giáo vào đầu tháng 9. Nhận định chung của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, vào tháng 10-1999.

Hiện nay không có yếu tố nào cho phép nghĩ rằng tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước có thể tốt đẹp hơn trong năm 2000. Phe thủ cựu trong Đảng tiếp tục co cụm, đi ngược lại trào lưu tiến hóa để chống lại các đòi hỏi về tự do, dân chủ. Việt Nam tiếp tục tụt hậu và mất định hướng. Đối lập dân chủ sẽ tiến thêm và đảng cầm quyền sẽ buộc phải nhượng bộ thêm một bước. Điều đáng lo âu là Việt Nam tiếp tục ở trong tình trạng trì trệ với những chuyển biến chậm chạp trong khi đa số các nước dân chủ trên thế giới canh tân, phát triển với tốc độ nhanh chóng nhờ những tiến bộ vượt bậc của truyền thông và tin học.

Công cuộc tân tiến hóa đất nước

Gần một phần tư thế kỷ vừa qua, đất nước chúng ta như một giòng sông cái cần phải đổ ra biển để hội nhập vào trào lưu tiến hóa. Đảng Cộng Sản là tảng đá lớn đang chặn sông ở cửa biển. Chắc chắn không bao lâu nữa nước sông sẽ sỏi mòn, đẩy tảng đá sang bên để vượt ra biển. Vấn đề đặt ra cho người Việt Nam là làm sao cho lưu lượng các nhánh sông đổ về sông cái được hùng hậu để không những đẩy đổ tảng đá hiện tại mà còn ngăn chặn hữu hiệu sự thành hình của các tảng đá tương lai. Nói một cách khác, là làm thế nào để tự do, dân chủ và nhân quyền cùng như nhiều giá trị tốt đẹp khác của văn minh Tây phương trở thành những giá trị trong văn hóa của người Việt? Vấn đề này đã được nhiều nhà cách mạng, đặc biệt các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, đặt ra từ đầu thế kỷ nhưng tiếc thay cho đến nay vẫn còn gần như nguyên vẹn.

Xin nhắc lại vấn đề ở đây một vài sự kiện lịch sử. Văn minh Tây phương đã bắt đầu bành trướng từ thế kỷ thứ 16 với các đoàn thám hiểm vì "Thượng đế và vàng" của người Âu Châu. Họ đã đi khắp nơi và ngay đầu thế kỷ thứ 19 (năm 1800) họ đã chinh phục 35% đất đai trên trái đất. Vào đầu thế kỷ thứ 20 (năm 1914), ưu thế vượt bậc của văn minh Tây phương, chủ yếu về khoa học, kỹ thuật, tổ chức và vũ khí, đã quá rõ. Các nước Tây phương chiếm giữ 84 % đất đai trên thế giới. Phần lớn các dân tộc thuộc những nền văn minh khác đã bị chinh phục, đã phải chịu sự đô hộ của các nước Âu Châu. Nước Việt Nam cũng không thoát khỏi cảnh ngộ chung của các nước cổ truyền và hủ lậu. Pháp đã đến và áp đặt dễ dàng chế độ đô hộ lên đất nước ta từ giữa thế kỷ thứ 19.

Sau những thất bại của phong trào Cần Vương, lớp sĩ phu Việt Nam mới thấy rõ nhu cầu phải tân tiến hóa xã hội, phải học hỏi Tây phương. Từ thời đó đã có ba xu hướng khác nhau về việc học hỏi này. Khuynh hướng thứ nhất chủ trương bảo tồn văn hóa truyền thống và chỉ cần học hỏi khoa học, kỹ

thuật. Khuynh hướng thứ hai cho rằng không thể tách rời khoa học, kỹ thuật ra khỏi tư tưởng nên phải bắt chước toàn bộ. Mặt khác chính vì văn hóa ta hủ lậu nên dân tộc mới bị đè nén và đất nước mới hèn yếu. Khuynh hướng thứ ba chủ trương du nhập có chọn lựa về mặt tư tưởng. Cuộc thảo luận mới bắt đầu thì bị ngừng lại vì kháng chiến chống Pháp và sau đó là cuộc chiến mang nặng ý thức hệ giữa hai miền Nam-Bắc.

Vấn đề tân tiến hóa cũng đã được đặt ra cho các nước thuộc các nền văn minh khác trước sự bành trướng của Tây phương. Một số như Nhật Bản và sau đó Thổ Nhĩ Kỳ, Đại Hàn... đã hấp thụ được vào văn hóa của họ những giá trị Tây phương nên vừa giữ được bản sắc vừa tạo được điều kiện cho phát triển lâu dài về mọi mặt, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội. Lịch sử cho biết rằng những dân tộc thành công trong việc tân tiến hóa đất nước đều không có mặc cảm bị "Tây phương hóa" mà ngược lại, càng phát triển họ càng có khả năng và điều kiện phát huy những giá trị tốt đẹp trong văn hóa của họ để góp phần vào gia tài chung của nhân loại.

Tại Việt Nam, sau khi chiến thắng, Đảng Cộng Sản đã áp đặt trên toàn xã hội một mô hình không tưởng, xuất phát từ Tây phương nhưng chưa bao giờ thành công tại các nước này vì nó trái ngược với những giá trị nền tảng của văn minh Tây phương. Do đó gần như trong suốt thế kỷ vừa qua, Việt Nam vẫn đứng ngoài trào lưu học hỏi, hội nhập. Ngoài trách nhiệm rất lớn của tầng lớp lãnh đạo độc tài vì chính sách bưng bít, "ngu dân hóa" để cai trị của họ, tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam nói chung đã không có một cái nhìn rõ rệt, đã không cổ vũ, vận động cho việc học hỏi, hấp thụ nói trên. Tương quan giữa Tân tiến hóa, "Tây phương hóa" và Bản sắc dân tộc đã chỉ được đa số cảm nhận qua kinh nghiệm riêng tư với tâm lý thụ động và nhiều mặc cảm. Vì thiếu hay không có tinh thần khoa học nên người Việt đã không tìm hiểu một cách hệ thống và kỹ càng về những tương quan này

mặc dù tất cả có lẽ đồng ý là không phải điều gì của Tây phương cũng là đúng là tốt nhưng có rất nhiều điều cần được học hỏi. Kết quả là người Việt Nam, tuy từ lâu không còn dị ứng với văn minh Tây phương, nhưng đã chỉ chạy theo các sản phẩm vật chất, chưa hấp thụ được vào văn hóa của mình những giá trị tốt đẹp, nền tảng của nền văn minh này. Xin đơn cử một thí dụ. Những danh từ như tự do, dân chủ đã có từ lâu trong ngôn ngữ Việt Nam. Nhưng nội dung của các giá trị đó không những chưa được phổ biến mà còn chưa được hiểu rõ ngay cả trong các thành phần có trách nhiệm hướng dẫn dư luận trong và ngoài nước. Dân chủ thường được hiểu một cách đơn giản là việc bầu cử. Tinh thần dân chủ không được cổ vũ, phát triển nên tâm lý "Được làm vua, thua làm giặc" vẫn còn rất nặng. Từ đó thường có sự lạm quyền của người được bầu kèm theo sự từ nhiệm hay chống đối của thiểu số. Tự do có vẻ dễ hiểu hơn. Nhưng tự do có nghĩa gì trong một xã hội, một cộng đồng nếu nó không được gắn liền với công bằng, bình đẳng và với tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng luật pháp? Một chế độ tự do dân chủ chỉ bền vững nếu tự do, dân chủ được hấp thụ, chấp nhận là những giá trị văn hóa để được áp dụng trong sinh hoạt thường ngày và để được đa số sẵn sàng bảo vệ.

Tóm lại, trong công cuộc tân tiến hóa đất nước người Việt Nam cần tỉnh táo để chủ động hấp thụ vào văn hóa của mình một số những giá trị tốt đẹp của văn minh Tây phương. Đây là một công việc lâu dài, cần được thực nghiệm trong mọi sinh hoạt ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Để góp phần của mình, tờ báo Thông Luận sẽ đề xướng việc tìm hiểu, đánh giá và phổ biến một cách hệ thống về những giá trị của văn minh Tây phương cũng như về tình trạng du nhập tự nhiên hiện có trong văn hóa của người Việt. Chúng tôi mong đợi và tin tưởng ở sự tham gia quý báu của quý độc giả, thân hữu và chí hữu. Xin chân thành cảm ơn trước.

Vũ Thiện Hàn

Từ Thông Luận tới Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tổ chức Thông Luận bước vào thế kỷ 21 với một danh xưng mới: Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Cho đến nay "nhóm Thông Luận" trên thực tế là một kết hợp chính trị không có danh xưng. Thông Luận chỉ là tên của một tờ báo, đăng sau tờ báo là một số người cùng theo đuổi một mục tiêu: thiết lập tại Việt Nam một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Hơn mười bảy năm đã trôi qua kể từ ngày thành lập, tổ chức đã phát triển, đã có mặt tại Việt Nam và trên khắp các quốc gia có đông đảo người Việt. Số chỉ hữu đối với một tổ chức mới chỉ tập trung xây dựng đội ngũ nòng cốt, không phải là ít. Chính sự phát triển này đã làm nảy sinh ra nhu cầu có một danh xưng chính thức, khác với "nhóm Thông Luận". Một trong những lý do là nhiều thành viên làm việc, có khi ở địa vị điều khiển, trong những cơ quan báo chí khác.

Nguyệt san Thông Luận dĩ nhiên vẫn tiếp tục, như là cơ quan ngôn luận chính thức, chứ không phải duy nhất, của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Tại sao "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên"?

Bởi vì cụm từ "Dân Chủ Đa Nguyên" đã gắn liền tổ chức chính trị được gọi là "nhóm Thông Luận" trong nhiều năm qua; trong khi tập hợp (Rassemblement, Rally) là danh từ diễn tả trung thành nhất bản chất của nó. Một tập hợp chính trị đúng nghĩa không phải là một đảng, dù có tổ chức và gắn bó hơn một câu lạc bộ, một hiệp hội hay một diễn đàn. Đảng là kết hợp của những người cùng bảo vệ một số quyền lợi và cùng chia sẻ một cách lâu dài một phương cách quản trị đất nước. Tập hợp là sự gặp gỡ và đoàn kết của những người cùng theo đuổi một mục tiêu trong một giai đoạn lịch sử. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tiếp nối "nhóm Thông Luận" để theo đuổi cùng một mục tiêu đã được đưa ra từ mười bảy năm qua. Nó có tham vọng kết hợp mọi người thuộc mọi thành phần xã hội và mọi quá khứ chính trị cùng chia sẻ mục tiêu đó. Một khi mục tiêu đã đạt được các

chỉ hữu có thể tham gia những chính đảng dân chủ khác nhau.

Như thế Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên bước vào thế kỷ mới sau mười bảy năm hoạt động với một tên gọi mới và những tham vọng mới.

Trong mười bảy năm qua, tập hợp đã đóng góp không nhỏ cho cuộc vận động dân chủ.

Nó đã đóng góp đem sự đúng đắn và tinh thần bao dung vào hoạt động chính trị Việt Nam, đặc biệt là tại hải ngoại. Hơn thế nữa, nó còn đóng góp biến tinh thần bao dung thành một yếu tố nền tảng của cuộc đấu tranh chống độc tài.

Nó đã đóng góp biến dân chủ thành một thâm tín và một lý tưởng thay vì một khẩu hiệu và một chiêu bài.

Nó đã góp phần chủ yếu áp đặt đa nguyên như một trận tuyến, buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận trận tuyến này trong thế bị động lúng túng và tuyệt vọng chống đa nguyên đa đảng, chống diễn tiến hòa bình.

Nó đã hòa giải và kết hợp được nhiều người dân chủ thuộc những quá khứ chính trị khác biệt và đạt được những đầu cầu dân chủ quý báu tại quốc nội.

Nó đã thuyết phục được đại đa số những người quan tâm tới tương lai đất nước về sự cần thiết của cố gắng hòa giải và hòa hợp dân tộc, ngay cả nếu một số người, do di sản của quá khứ, vẫn còn chưa trút bỏ được hết những dị ứng với cụm từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc".

Và hơn hết, Tập Hợp đã cống hiến nhiều lý luận, đóng góp vào việc xây dựng một tư tưởng chính trị cho Việt Nam. Trong một quốc gia mà nguyên nhân chính của mọi đổ vỡ và đau khổ là sự thiếu vắng một tư tưởng chính trị, đây là một đóng góp quan trọng.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên để làm gì?

Một mục đích phụ, nhưng cũng không phải là không quan trọng, là để tạo ra một tổ chức tương trợ và liên đới. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một tổ chức chính trị đấu tranh cho thắng lợi của dân chủ nhưng nó đồng thời cũng là một gia đình lớn trong đó các chỉ hữu giúp đỡ

nhau trong nghề nghiệp và trong cuộc sống. Hợp quần gây sức mạnh, người ta không làm được gì hết nếu không có tổ chức. Tập Hợp đã thành công đáng kể, số chỉ hữu khá đông đảo, số thân hữu còn đông hơn gấp bội. Các thành viên của Tập Hợp vừa giúp đỡ nhau để thành công những dự án chính đáng vừa khuyến khích và động viên nhau giữ vững lý tưởng dân chủ và tình cảm với quê hương đất nước. Họ cùng gián tiếp giám sát nhau bởi vì cái nhìn của những người quý mến mình và mình quý mến luôn luôn có một sức mạnh nhắc nhở. Việc kết hợp với nhau chung quanh một lý tưởng chính trị tuy một mặt có thu hẹp phạm vi kết hợp, nhưng mặt khác lại khiến cho sự liên đới đậm đà hơn.

Tập Hợp dĩ nhiên cũng tiếp tục một vai trò mà "nhóm Thông Luận" đã làm từ lâu, đó là vai trò của một phòng thí nghiệm tư tưởng. Phương châm trao đổi và thảo luận trong Tập Hợp rất rõ rệt: "không có ý kiến nào cấm nêu ra, không có đề tài nào cấm bàn đến". Các thành viên của Tập Hợp đã đi vào cuộc phiêu lưu tư tưởng này một cách khiêm tốn và thận trọng nhưng không mặc cảm, với niềm tin rằng người Việt Nam cũng có thể có những tư tưởng lớn và nhìn ra được những hướng đi đúng cho mình. Nó muốn từ nay bước sang một giai đoạn mới: đem những ý kiến vào đời sống chính trị một cách mạnh mẽ hơn.

Tập Hợp cũng còn là một thử nghiệm mới về tổ chức. Làm thế nào để điều hành và phát triển một kết hợp hải ngoại trải rộng trên khắp thế giới, trong các nền văn hóa khác nhau và trong các tổ chức xã hội khác nhau, nhất là khi tổ chức đó lại thuần túy dựa trên tinh thần dân thân tự nguyện? Đó là một bài toán chưa có sẵn giải đáp. Áp dụng một sơ đồ tổ chức cổ điển chắc chắn là không được. Cho tới nay tất cả những kết hợp hải ngoại đã thành công, dù là của Tôn Dật Tiên tại Trung Quốc, của Lênin tại Nga, của Peron tại Á Căn Đình, của Caramanlis tại Hy Lạp, v.v... đều có chung một đặc điểm chính là được xây dựng chung quanh một lãnh tụ, lấy sự ràng buộc với lãnh tụ làm chất keo gắn bó các thành

viên với nhau. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên có một tham vọng khác: nó muốn đoàn kết các chí hữu chung quanh một lý tưởng và một dự án chính trị. Vì là một thử nghiệm hoàn toàn mới, Tập Hợp đã phải tiến tới bằng những bước chân vừa dò dẫm vừa khai phá. Một công thức mới vẫn còn phải phát minh ra nhưng nhiều thành tố của nó đã tìm được và đã giúp Tập Hợp không bị một rạn nứt nào sau mười bảy năm sinh hoạt.

Tập Hợp sẽ tiếp tục, nhưng với một tinh thần lạc quan hơn, hai cuộc chiến đấu tư tưởng lớn: tinh thần đa nguyên và tinh thần hòa giải dân tộc, mà trong khuôn khổ bài này xin chỉ nhắc lại một cách rất ngắn gọn một trong những khía cạnh.

Đa nguyên trước hết là tinh thần coi mọi khác biệt đều là nhỏ so với cái chung lớn hơn: chúng ta đều là người Việt, đều là đồng bào. Như vậy đa nguyên là một thể hiện của lòng yêu nước thực tình.

Còn hòa giải? Khi một đất nước đã có xung đột đẫm máu và chia rẽ trầm trọng thì chỉ có hai chọn lựa: một là hòa giải, hai là tan vỡ. Chấp nhận hòa giải dân tộc vì vậy cũng là chúng tỏ lòng yêu nước thực tình.

Cuộc vận động tư tưởng mà Tập Hợp theo đuổi vì vậy cũng là cuộc vận động cho một sức bật mới của lòng yêu nước, chìa khóa tối cần để mở lối cho đất nước ra khỏi tình trạng bế tắc hiện nay.

Sau cùng, mục đích và lý do hiện hữu chính của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên vẫn là để tham gia vào một cuộc đấu tranh chính trị, chống độc tài đảng trị và phát huy dân chủ, tự do và nhân quyền.

Chủ nghĩa và chế độ cộng sản là những ngộ nhận tai hại đã kéo dài quá lâu rồi. Ngày hôm nay đảng cộng sản Việt Nam lại còn bắt chước một cách thô vụng đàn anh Trung Quốc trong một thử nghiệm ngớ ngẩn khác là xây dựng dần dần một chế độ tự do về kinh tế nhưng xiết chặt về chính trị và độc đoán về tư tưởng. Muốn thành công, mô hình này cần những con người thông minh và sáng tạo nhưng lại biết tự giới hạn trong phạm vi những gì được cho phép. Những con người tự do nhưng lại tự nguyện không dùng một số tự do. Nói cách khác, những con người đã bị phế bỏ một số chức năng, một giống người khác, "giống người mới

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Ý đồ này thật là kinh khủng và ghê rợn vì sự đàn độn của nó. Nó sẽ thất bại chắc chắn, nhưng vấn đề là từ đây đến đó nó sẽ còn tiếp tục tàn phá tài sản quý nhất của đất nước: con người.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tự cho mình nghĩa vụ tố và đánh bại ảo tưởng điên cuồng này. Tập Hợp theo đuổi một lý tưởng giản dị là phát huy và tôn vinh những con người rất bình thường, như những người bạn, những đồng nghiệp, những người hàng xóm, với niềm tin thầm kín là những con người đó, nếu có tự do, sẽ có đủ trí tuệ để góp ý và góp sức xây dựng với nhau một tương lai tươi đẹp chung, và cùng nhau họ có khả năng tạo ra những phép màu.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đi vào thế kỷ mới với một danh xưng mới và với một ý chí lớn hơn. Trong hai mươi năm qua áp lực của nhân dân Việt Nam và bối cảnh thế giới đã liên tục buộc chế độ cộng sản triệt thoái. Từ những vụ hành quyết thô bạo và những biện pháp bắt giam dài hạn không xét xử, họ đã phải triệt thoái về những phiên tòa chính trị, rồi những biện pháp quản chế và tạm giam. Cuối cùng, tuyến phòng thủ chống dân chủ hiện nay của chế độ chỉ còn là những biện pháp cô lập và sách nhiễu. Bàn tay hung bạo đã run rẩy và khựng lại.

Tuyến phòng thủ cuối cùng này, cô lập và sách nhiễu, chẳng bao lâu sẽ tan, bởi vì nó chỉ là một cuộc đấu tuyệt vọng chống lại những phương tiện truyền thông ngày càng hoàn chỉnh và những khối lượng thông tin ngày càng vượt tầm kiểm soát. Và khi nó đã tan vỡ thì cuộc vận động dân chủ sẽ đổi hẳn khí thế và tầm vóc: đối lập dân chủ trong nước sẽ chuyển mình từ bí mật sang công khai, từ giai đoạn của các phản kháng cá nhân sang giai đoạn của đấu tranh có phối hợp và tổ chức.

Một giai đoạn mới đầy hy vọng sắp mở ra. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên trong mười bảy năm qua đã góp phần làm chín muồi một cuộc đấu tranh dai dẳng này. Nó cũng đã làm xong một số chuẩn bị. Dĩ nhiên, nó muốn có một vai trò tích cực trong giai đoạn sôi động đầy thử thách và hy vọng sắp tới.

Thông Luận

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
37 rue du Clos de l'Erable
77400 Saint Thibault des Vignes,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:
Mrs. Vuong Bich Ngoc
36 Kallista Road
Springvale Vic 3171

Chính trị quốc tế:

Công nhân tự do và nô lệ

Hội nghị Seattle của Tổ chức Mậu dịch Thế Giới (WTO, OMC) được tổ chức vào ngày 30-11-1999, đã thất bại.

Người ta không lấy gì ngạc nhiên về sự thất bại này. Nhưng điều ngạc nhiên là cuộc biểu tình tại Seattle để phản kháng WTO, với những khẩu hiệu "thế giới không phải là món hàng", "chúng ta là công dân, không phải là người tiêu thụ".

Hội nghị Seattle có màn mỏng thất bại ngay từ những cuộc họp chuẩn bị tại Geneva. Các đại diện của 135 quốc gia đã chia tay nhau tại Geneva vào ngày 23-11-1999, nhưng không đi đến một thỏa thuận nào cả về chương trình nghị sự cho Seattle. Có hai mâu thuẫn lớn. Hoa Kỳ và 15 nước xuất cảng nông phẩm đòi Liên Hiệp Châu Âu phải bãi bỏ các trợ giúp canh nông. Trong khi đó, các nước đang phát triển do Ấn Độ dẫn đầu, yêu sách một thời hạn để áp dụng chu kỳ Uruguay (1987-1994) trước khi bắt đầu bàn cãi chu kỳ mới, được gọi là chu kỳ thiên niên kỷ, trên nguyên tắc, được phát động tại Seattle.

Cuộc biểu tình tại Seattle đã đưa ra ánh sáng một số vấn đề được xem là trọng đại cho thiên niên kỷ sắp được mở màn.

Sự kết hợp giữa các phát triển về khoa học, kỹ thuật, và tư bản đã khai sinh ra những kỹ nghệ vô cùng mới mẻ và tinh vi, đòi hỏi một số vốn rất lớn cùng như những đầu tư trí tuệ vô cùng quan trọng, như kỹ nghệ di truyền đã phát minh ra những cơ thể-di-truyền-thay-đổi (OGM, MGO). Những triển khai này mà động cơ là sự tìm kiếm lợi nhuận, sự tối đa, sự sinh lợi đã tuân theo một lô-gíc tính toán và định mệnh là sản xuất và dùng các máy móc trong các địa hạt của cuộc sống con người. Các phát triển này đã đem lại cho con người nhiều yếu tố thuận lợi chưa từng thấy hoặc khó mà tưởng tượng được, có thể thay đổi hẳn cuộc vận hành của sự vật. Nhiều ngành khoa học đã quy tụ, kết hợp và phát triển những hiểu biết phức tạp ngược hẳn với những vận hành đơn giản hóa và qui kết hóa của thế kỷ trước đây. Nhiều kỹ thuật mới ra đời như thông tin-computation-truyền thông, khai sinh ra internet, tự nó đã đem lại những sự ảo và khai phóng vừa nô lệ con người.

Kẻ thù, không phải là chủ nghĩa tư bản, thật ra rất cần cho một nền kinh tế cạnh tranh. Nhưng sự tin tưởng một cách

mù quáng vào cái lô-gíc nhân tạo, cái lô-gíc lợi nhuận là tai họa lớn nhất cho văn minh nhân loại và hơn nữa là một hiểm họa toàn diện cho con người. Sự phát triển vô cùng cực của bộ ba khoa học-kỹ thuật-kỹ nghệ đã sinh ra ba mối hiểm họa lớn cho nhân loại: vũ khí nguyên tử, sự vận dụng di truyền, và sự ô nhiễm môi sinh. Hậu quả là: cực lực canh tác, cơ-thể-di-truyền-thay-đổi, hiệu năng tối đa trong canh nông và kinh tế, xuống cấp phẩm chất của thức ăn, của cuộc sống, của môi trường thiên nhiên, của môi trường thành phố, đồng nhất hóa con người...

Đối với người dân tây phương, sống trong kỷ nguyên hậu kỹ nghệ, sự toàn cầu hóa mậu dịch tăng thêm tầm phát triển của bộ ba khoa học-kỹ thuật-kỹ nghệ, mà con người không còn đủ sức để kiểm soát.

Đây là một lý do giải thích sự tham gia vào cuộc biểu tình tại Seattle của các tổ chức không chính phủ, bảo vệ môi sinh, hoặc nói theo Francis Fukuyama, giáo sư đại học George Mason (Hoa Kỳ), của quần chúng "cánh tả mới".

Lý do thứ hai là sự tham gia tích cực của các nghiệp đoàn Hoa Kỳ. Các nghiệp đoàn này, mạnh nhất là AFL-CIO, đưa ra những qui phạm xã hội trong các trao đổi mậu dịch quốc tế, chẳng hạn như cấm trẻ con vị thành niên làm việc, cấm lao động cưỡng bách, đề ra những biện pháp bảo vệ người lao động làm việc trong những điều kiện vệ sinh cần phải có, cho phép tự do nghiệp đoàn... Để làm áp lực trên cuộc họp Seattle cũng như trên lập trường của chính tổng thống Clinton, họ đã huy động các thành viên tham gia một cách hăng say cuộc biểu tình. Đó là vấn đề cơm áo của chính họ: các hàng hóa sản xuất tại các nước chậm tiến với giá nhân công hạ là một mối đe dọa cho chính bản thân họ.

Theo các nghiệp đoàn này, sự thiết lập những qui phạm xã hội trong cuộc mậu dịch toàn cầu cho phép đi đến một "mậu dịch sòng phẳng".

Francis Fukuyama cho rằng những nhân công tây phương là những nhân công tự do, trong khi đó những nhân công tại Trung Quốc hoặc các nước chậm tiến là những nô lệ và ông ta dõng dạc tuyên bố, trong một bài báo đăng trên Wall Street Journal, cơ quan ngôn luận của trung tâm quyền lực tài chính quốc tế,

rằng không có một biện minh đạo đức cũng như kinh tế nào cho phép công nhân tự do cạnh tranh với người nô lệ.

Các nước chậm tiến đã không hội đủ các qui phạm xã hội trong việc quản trị các công ty và xí nghiệp. Trung Quốc đã dùng tù nhân để chế tạo các mặt hàng xuất khẩu, giá thành của các mặt hàng này sẽ là một vũ khí cạnh tranh vừa bất chính vừa vô nhân đạo với các mặt hàng tây phương với giá nhân công vô cùng đắt đỏ. Các nước độc tài chậm tiến, vì lý do chính trị đã không cho các nghiệp đoàn tự do hoạt động, do đó quyền lợi của công nhân đã không được bảo vệ, nếu không muốn nói là bị chà đạp. Lao động cưỡng bách để sản xuất hoặc ngăn cấm tự do nghiệp đoàn cần phải được bãi bỏ.

Cấm trẻ con vị thành niên làm việc cũng như gia tăng phẩm chất lao động, trên lý thuyết rất đúng và phù hợp với những nguyên tắc nhân quyền. Nhưng tất cả đều phải trả bằng một giá nào đó. Trong một xã hội nghèo đói mà trẻ con cần phải làm việc để giúp đỡ gia đình, nếu không muốn nói để tự nuôi thân, nếu cấm làm việc thì họ lấy gì mà ăn. Gia tăng phẩm chất lao động thì giá thành sẽ cao, hàng bán ít hơn, doanh số xuống thấp, công ty phải sa thải công nhân và hậu quả là số người thất nghiệp sẽ tăng. Thảm cảnh và bất công xã hội sẽ càng trầm trọng khi một thiểu số lao động có công ăn việc làm được ưu đãi, trong khi đó số thất nghiệp thiếu thốn đủ mọi điều càng ngày càng đông.

Trong tương lai, WTO sẽ phải đương đầu với hai tranh chấp. Bên ngoài, các nghiệp đoàn và tổ chức không chính phủ sẽ luôn luôn giữ vai trò cảnh sát để những trung tâm quyền lực siêu quốc gia-tài chính, mậu dịch-tự chế những tham vọng cực đoan. Bên trong, thế giới các nước chậm tiến dưới sự lãnh đạo hiện nay của Ấn Độ và trong tương lai của Trung Quốc, khi nước này chính thức gia nhập, sẽ chống đối các đòi hỏi, trên nguyên tắc rất chính đáng, thiết lập các qui phạm xã hội cho một "mậu dịch sòng phẳng".

Nếu các nước tân tiến chấp nhận mở cửa cho hàng hoá các nước chậm tiến, như đã cam kết trong các điều khoản của chu kỳ Uruguay, không đòi hỏi một cuộc "mậu dịch sòng phẳng", thì mậu dịch quốc tế sẽ đem lại những kết quả khích lệ và lâu dài hơn viện trợ.

Huyên Hùng

Ma Cao trở về đất mẹ

Nguyễn Phi Phụng

Hai năm rưỡi sau khi thu hồi Hương Cảng, Bắc Kinh vừa chính thức, ngày 20-12-1999, lấy lại chủ quyền trên đảo Úc Môn (Macao) do người Bồ Đào Nha quản trị trong 442 năm qua.

Đảo Macao trở thành một đặc khu hành chính trong hệ thống "Một nước, hai thể chế" do ông Đặng Tiểu Bình sáng chế. Thực tế, đây cũng chỉ là tính cách biểu tượng của sự chấm dứt sự thống trị của người Âu ở Á Châu vào cuối thế kỷ 20. Lại nữa, Ma Cao không phải là một con bài quan trọng về kinh tế và tài chính so với vị trí của Hương Cảng. Người ta, trái lại, còn có thể trách móc chính quyền Bắc Kinh, vì vấn đề nội bộ, đã vô tình hay cố ý duy trì chế độ thuộc địa trong nhiều thập niên trong khi các thuộc địa ở các nơi của người Bồ Đào Nha đã chấm dứt từ năm 1975.

Trong những tháng trước ngày giao trả, bộ máy tuyên truyền của Bắc Kinh đổ lỗi cho chế độ phong kiến và Quốc Dân Đảng đã bất lực không lấy lại chủ quyền trên đảo, nhưng trong nửa thế kỷ (1949-1999), họ không làm hơn! Họ quay sang làm dư luận thế giới và nhất là dư luận Đài Loan chú ý ở sự thành công của chính sách "một nước, hai thể chế" với ý đồ đem hệ thống này áp dụng vào Đài Loan. Nhưng Đài Loan hoàn toàn khác biệt với trường hợp của Hương Cảng và Ma Cao. Đảo Đài Loan do người Trung Hoa quản trị và do dân cử qua phổ thông đầu phiếu. Các nhà lãnh đạo Đài Loan đã nhiều lần lên tiếng phủ nhận hệ thống này và kêu gọi Bắc Kinh phải thực hiện dân chủ trước, không thể đặt cái cày trước con trâu!

Giới thiệu Ma Cao

Theo truyền thuyết, khi thuyền người Bồ Đào Nha bị bão tố và được phép lên đảo năm 1553, họ hỏi dân bản xứ tên của đảo thì được trả lời là A Ma Gau nghĩa là bà A Má (Mẹ). Nếu chữ A không có nghĩa gì đặc biệt, chữ Má là Tổ Má hay thần biển mà người Ma Cao đã xây cất một đền thờ trang trọng có tên là Thiên Hậu nương nương hay nương

Má hoặc A Má. Thiên Hậu nương nương là biểu tượng của một cô gái tên Lâm Mạc (960-987) sinh trưởng trong một gia đình ngư phủ ở Bồ Điền (Pu Tian) huyện My Châu (Mei Zhou) thuộc tỉnh Phúc Kiến. Khi tới tuổi trưởng thành, cô gái họ Lâm bị gia đình cưỡng bức lấy một người lớn tuổi, cô nguyên tự tử. Từ đó trở đi, cô được người đánh cá tôn thờ là thần biển. Sang triều đại nhà Tống, năm 1123, cô được chính thức công nhận là thần biển. Đến triều đại nhà Nguyên (1278), cô được phong tước là Thiên Phi (thứ hậu của thiên tử). Năm 1680, vua Khang Hy nhà Thanh phong thành Thánh mẫu Thiên cung. Hai năm sau, tướng Thi Lương (Shi Liang) nhà Thanh sang Đài Loan để chiếm đảo đang còn dưới sự kiểm soát của Trịnh Thành Công (Koxinga), một quan lại còn trung thành với nhà Minh. Cùng theo truyền thuyết, tướng này được thành công nhờ có sự hiển linh của Thiên Phi. Sang năm sau, Thiên Phi được nâng lên thành Thiên Hậu (hoàng hậu của Thiên tử). Tên Ma Cao bắt nguồn từ truyền thuyết nói trên.

Ma Cao nằm sát bên đặc khu kinh tế Chu Hải (Zhu Hai) của tỉnh Quảng Đông có ba đảo: bán đảo Úc Môn, đảo Đàng Tả (Taipa) và đảo Lộ Hoàn (Coloane) với một diện tích 21 cây số vuông (50 lần nhỏ hơn Hương Cảng). Dân số hiện nay lên đến 430.000 người trong đó có 96% người Hoa và 4% còn lại phần lớn là người lai Bồ Đào Nha-Trung Hoa (Macanais). Tổng sản lượng quốc nội có 6,9 tỷ USD (159 ở Hương Cảng) trong đó 50% do du lịch và các sòng bạc Casino cung ứng. Thu nhập bình quân đầu người là 16.000 USD (23.000 ở Hương Cảng). Bình quân, số tăng trưởng kinh tế lên đến 7% từ 1986-1993 nhưng sau đó bị giảm sút nặng dưới số không trong ba năm (1996-1998). Dịch vụ của đảo chiếm 59%, công nghiệp 40% và nông nghiệp 1%. Nền ngoại thương chiếm 2,2 tỷ USD (254 tỷ ở Hương Cảng). Tuổi thọ trung bình của người dân là 82 tuổi (79 tuổi cho đàn ông và 85 cho đàn bà). Số người

mù chữ chỉ 10%.

Về di tích lịch sử, Ma Cao, trái với Hương Cảng, còn được gọi là thành phố "La Mã của Viễn Đông", có nhiều nhà thờ với kiến trúc cổ kính và uy nghi. Phế tích của nhà thờ Sao-Paulo (Saint Paul) do nhà truyền giáo Carlo Spinola người Ý hoàn thành năm 1638 và bị cháy năm 1835 là một trong những nhà thờ huy hoàng nhất, kể cả ở nước Ý như theo sự nhận xét của nhà truyền giáo người Pháp Alexandre de Rhodes vào đầu thế kỷ 17. Ma Cao cũng là nơi pha trộn của nhiều chủng tộc và tôn giáo. Ngoài 20-25.000 người có dòng máu Bồ Đào Nha và Trung Hoa còn ở lại (có hơn 100.000 trước 1975), còn có sự pha trộn giữa nhiều dòng máu khác như Anh, Hoà Lan, Mã Lai, Ấn Độ, Nhật và ngay cả với người da đen. Về tôn giáo thì có thiên chúa giáo, tin lành, phật giáo và hồi giáo.

Vài dòng lịch sử

Năm 1510, người Bồ Đào Nha chiếm cảng Goa thuộc Ấn Độ làm thủ đô thương mại ở Á Châu. Năm sau, họ chiếm cảng Malacca (Mã Lai) và đảo Đông Timor (Nam Dương). Từ đảo Timor, họ dùng thuyền đi dọc theo biển Trung Hoa với mục tiêu tìm thị trường mới ở Nhật. Trên đường đi, thuyền tàu của họ bị bão tố và được phép lên đảo Macao năm 1553. Đảo lúc đó chỉ có vài trăm người. Bốn năm sau (1557), người Bồ Đào Nha trở lại dùng hối lộ mướn đảo này với các quan chức nhà Minh dưới thời vua Gia Tĩnh (Jia Jing) để thành lập một cảng đầu tiên của người Âu ở Trung Quốc, khác với trường hợp của Hương Cảng bị người Anh chiếm đoạt sau chiến tranh nha phiến vào đầu thế kỷ 19. Các quan chức nhà Minh cho người Bồ Đào Nha vào đảo Ma Cao là muốn dùng họ để chống bọn hải khấu Nhật Bản đang hoành hành khủng bố trên biển cả. Ma Cao từ đó trở thành trung tâm đường biển thương mại của Bồ Đào Nha từ Lisbonne đi Goa-Malacca-Timor-Macao-Nasagaki (Nhật)

trong gần một thế kỷ (1560-1640). Họ buôn bán vàng bạc, tơ lụa gấm và đồ sứ của Trung Quốc, vải in hoa bằng sáp (batik) của Java, long não (camphre) của Bornéo, gỗ đàn hương (santal) của Timor và các đồ gia vị (épices) v.v... Ma Cao lúc đó đặt dưới quyền quản trị của thống đốc ở Goa. Phải đợi đến năm 1623, một thống đốc đầu tiên mới được bổ nhiệm. Sang triều đại nhà Thanh, vua Khang Hy (Kang Xi), năm 1719, đề nghị với người Bồ Đào Nha là thương mại với ngoại quốc chỉ được tổ chức ở Ma Cao. Năm 1844, người Bồ Đào Nha đơn phương tuyên bố Ma Cao là một tỉnh ngoài nước như đảo Đông Timor. Họ đuổi các quan chức nhà Thanh và ngừng trả thuế.

Ma Cao trên thực tế trở thành một thuộc địa. Ngày 1-12-1887, nhà Thanh, qua hòa ước Thiên Tân, công nhận sự chiếm đóng thường trực Ma Cao và các đảo phụ cận của người Bồ Đào Nha. Trong đệ nhị thế chiến, Ma Cao là đảo độc nhất trong vùng không bị Nhật chiếm đóng vì vị thế trung lập của Bồ Đào Nha khác với trường hợp của Hương Cảng của Anh. Dân số lúc đó lên đến 500.000, phần lớn từ lục địa và Hương Cảng chạy sang. Sau khi Mao làm chủ lục địa năm 1949, một số tàn quân Quốc Dân Đảng sang đóng quân trước khi rút về Đài Loan. Trong nhiều thập niên, Ma Cao bị chìm đắm trong hôn mê cơ cực, sống trong tình trạng chờ đợi không biết ngày mai ra sao. Tháng 12-1966, hồng vệ binh của đảo theo chỉ thị đàn anh ở lục địa xuống đường đập phá và đòi người Bồ Đào Nha phải ra đi. Cảnh sát đã nổ súng làm 8 người thiệt mạng. Kết quả là người Bồ Đào Nha phải xin lỗi chính quyền Bắc Kinh và đề nghị giao trả đảo Ma Cao. Chính quyền Bắc Kinh lúc đó đang phát động một cuộc "đại cách mạng văn hóa" trên toàn quốc không muốn bận rộn vì "cục đá nhỏ" Ma Cao hay "khối đá cấn côi" Hương Cảng nên đã không chấp nhận lời thỉnh cầu này! Cho đến năm 1974, khi cách mạng cảm chướng của quân đội Bồ Đào Nha thành công, chính quyền mới của Lisboa phi thực dân hóa các thuộc địa, trả độc lập cho tất cả các đất đai ngoài nước như Đông Timor (cuối cùng bị Nam Dương của Suharto chiếm đóng cho đến những biến cố gần đây), An-

gola, Mozambique, Guinea-Bissau, Cap-Vert v.v... Các lãnh thổ nói trên trở thành độc lập, Ma Cao một lần nữa bị Bắc Kinh từ chối vì họ sợ giới kinh tài ở Hương Cảng hoảng sợ rút vốn ra đi trong khi đảo này là một nguồn ngoại tệ quý báu cho lục địa. Năm 1979, Lisboa và Bắc Kinh chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Hai bên đi đến thỏa thuận là Ma Cao là một lãnh thổ của Trung Quốc "tạm thời" đặt dưới quyền quản trị của người Bồ Đào Nha. Tình trạng này có thể kéo dài vô hạn định nếu như người Anh không hỏi ý Bắc Kinh về sự mãn hạn thuê nhượng của Hương Cảng trong năm 1984! Bắc Kinh bị cưỡng bách phải lấy lại Ma Cao và Hương Cảng. Cuối cùng, một hiệp định ký năm 1987 giữa hai chính phủ theo đó Ma Cao sẽ được giao trả vào ngày 20-12-1999.

Đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa

Trong nhiều thế kỷ có mặt ở Ma Cao, người Bồ Đào Nha hầu như hoàn toàn thống trị đời sống chính trị cho đến cách mạng tháng 4-1974. Năm 1976, quốc hội Lisboa cho thông qua một đạo luật tổ chức ở Ma Cao theo đó một Hội đồng Lập pháp được thành lập gồm có 17 người với nhiệm kỳ 4 năm trong đó 6 nghị viên do dân bầu trực tiếp, 6 nghị viên được tuyển chọn qua các đoàn thể nghề nghiệp xã hội và 5 nghị viên do thống đốc bổ nhiệm. Đạo luật này được tu chính năm 1990 và số nghị viên tăng lên 23 người. Mỗi thành phần được thêm 2 nghị viên.

Trong hai nhiệm kỳ đầu 1976-1980 và 1980-1984, đạo luật về quyền bỏ phiếu không bình đẳng vì người gốc Hoa phải cư trú ít nhất 7 năm mới có quyền bỏ thăm trong khi người Bồ Đào Nha hay người lai không bị ràng buộc thủ tục nói trên. Một phần vì lý do nói trên và một phần lớn vì không có truyền thống sinh hoạt dân chủ nên số người đi bầu trực tiếp rất ít (3.700 người năm 1976 và 4.200 người năm 1980). Phải đợi đến 1984, đạo luật được tu chính (bãi bỏ thời gian cư trú), số người đi bầu được tăng lên 50.000 năm 1984 và 116.000 năm 1996.

Về thực lực của các đoàn thể chính trị, người ta có thể chia ra ba nhóm

chính: nhóm thân Bắc Kinh, nhóm có liên hệ với tổ chức du lịch và các sòng bạc Casino của Hà Hồng Sâm (Stanley Ho) và nhóm kinh doanh từ lục địa sang từ thập niên 80 trở đi.

Về sự hiện diện của người gốc Hoa ở Hội đồng Lập pháp, số ghế của họ không quá 50% trong hai nhiệm kỳ đầu trong khi họ đại diện hơn 95% dân số của đảo. Họ bị thiệt thòi vì 30% ghế do Thống đốc bổ nhiệm. Nếu trong ba nhiệm kỳ đầu (1976-1988), người gốc Hoa có một hoặc hai người được thống đốc bổ nhiệm thì ở các nhiệm kỳ sau (1988-2001), không có người Hoa nào cả. Trái lại họ chiếm đa số ghế từ 75% trở lên ở thành phần bầu cử trực tiếp và thành phần tuyển chọn gián tiếp. Bình quân, họ chiếm 61% (14 ghế) so với 9 ghế của người Bồ Đào Nha. Theo sự thỏa thuận giữa Bắc Kinh và Lisboa, nhiệm kỳ 1996-2001 (5 năm) của Hội đồng Lập pháp không thay đổi cho đến tháng 10-2001, khác với trường hợp ở Hương Cảng, Hội đồng Lập pháp bị giải tán. Trong tương lai, thể thức tuyển chọn nghị viên sẽ thay đổi; số ghế bầu trực tiếp sẽ tăng lên 10 người vào nhiệm kỳ 2001-2005 và 12 người vào nhiệm kỳ 2005-2009, trong khi số ghế tuyển chọn gián tiếp được quy định là 10 người và số ghế bổ nhiệm vẫn giữ nguyên (7 ghế).

Về quyền lực của "trưởng quan hành chính" (danh từ thay thế chức Thống đốc), ông này đứng đầu một chính phủ gồm có năm bí thư (cơ cấu này không có trước đây). Như mọi người đều biết, Bắc Kinh đã bổ nhiệm, qua một cuộc bầu bán gián tiếp, ông Hà Hậu Hoa (Edmond Ho) làm trưởng quan trong tháng 5 vừa qua. Ông này, năm nay 44 tuổi, là con của ông Hà Hiền (Ho Yin), chủ ngân hàng Đại Phong (Tai Fung) và người đại diện của Bắc Kinh trong nhiều thập niên của đảo. Ngân hàng của ông có lúc bị thua lỗ nặng và được ngân hàng Bắc Kinh hỗ trợ cho đến ngày chết trong năm 1983. Ông Hà Hậu Hoa, sau khi du học ở Gia Nã Đại, về tiếp nối nghề nghiệp của cha với nhiều chức vụ của đảo và đồng thời là thành viên thường trực của Quốc hội Bắc Kinh. Bắc Kinh có thể trông cậy ở sự trung thành của vị trưởng quan này! Năm bí thư còn gọi là "tư trưởng" vừa được bổ nhiệm là bà

Trần Lê Mẫn, đặc trách hành chính pháp vụ, Trương Quốc Hoa, bảo an, Âu Văn Long, công vụ vận tải, Đàm Bá Nguyên, kinh tế và tài chính, Thôi Thế An, văn hoá và xã hội.

Về kinh tế và văn hóa, Bắc Kinh hầu như đã nắm hai khu vực trọng yếu này. Theo một nghiên cứu gần đây, 45% khu vực kinh tế do người lục địa nắm, so với 20% của người Ma Cao tại chỗ, 25% của người Hương Cảng, 5% của người Bồ Đào Nha và 5% của người nước ngoài. Vốn đầu tư của người Ma Cao và Hương Cảng tập trung ở ngân hàng và công nghiệp, hai khu vực tùy thuộc quan hệ với Bắc Kinh. Người ta có thể nói Bắc Kinh nắm 3/4 kinh tế của đảo.

Về cơ quan ngôn luận và báo chí, Ma Cao có 8 nhật báo và 10 tuần báo. Nhưng số báo phát hành có sai biệt từ 1 đến 20 lần. Chẳng hạn nhật báo Úc Môn (Ao-men ri-bao) do cục trưởng Tân Hoa Xã của Bắc Kinh (một đại sứ bán chính thức) đứng sau giật dây, mỗi ngày ra 100.000 số trong khi tờ báo thứ hai tương đối độc lập chỉ phát hành 10.000 số. Báo của người Bồ Đào Nha và một số báo khác xuất bản không quá 2.000 số.

Nói tóm lại, Ma Cao dù là một khu hành chính đặc biệt với nền "tự trị cao độ" đã là một tỉnh nhỏ của lục địa!

Ma Cao, thủ đô cờ bạc

Ma Cao nổi tiếng trên thế giới với Las-Vegas của Mỹ và Monte-Carlo của Monaco về các sòng bạc casino. Hàng năm đảo tiếp nhận hơn 7 triệu "du khách" trong đó 3/4 là những người đến đánh bạc. Các sòng bạc Casino này được thành lập từ năm 1934. Đầu thập niên 1950, hai công nghiệp chính của đảo là mua bán vàng bạc và cờ bạc. Công nghiệp mua bán vàng bạc do ông Hà Hiền cha của ông Hà Hậu Hoa nay là "trưởng quan" của Ma Cao và ông Roger Lobo, người sinh trưởng ở Ma Cao nhưng lại là một nhân vật quan trọng của Hội đồng Hành pháp của Hương Cảng vào thời đó.

Đầu năm 1960, nhà tài phiệt Hương Cảng Hoắc Anh Đông (Fok Ying Tung) và Hà Hồng Sầm (Stanley Ho) hợp tác thành lập một công nghiệp cờ bạc của đảo. Hai nhóm lúc ban đầu tranh chấp

chiếm độc quyền hai công nghiệp nói trên. Nhưng dưới áp lực của thống đốc Bồ Đào Nha, hai nhóm bắt buộc phải phân chia sinh hoạt. Năm 1962, Stanley Ho cho thành lập công ty du lịch và cờ bạc (CTDLCB) và bổ nhiệm ông Hoắc làm chủ tịch. Stanley Ho được thống đốc đảo cho độc quyền khai thác các sòng bạc trong 35 năm nghĩa là tới năm 1997. Vào đầu năm 1975, công ty tư nhân của ông Hoắc khai thác đường biển Hương Cảng-Ma Cao để đem du khách đến đánh bạc. Nhưng ông Hoắc sau đó vì bất đồng ý kiến với Stanley Ho nên từ chức chủ tịch CTDLCB. Tháng 9-1986, trong khi Bắc Kinh và Lisboa đang thương thuyết về tương lai của đảo, thống đốc Ma Cao lại gia hạn thêm 5 năm hợp đồng khai thác các sòng bạc cho Stanley Ho. Điều này làm Bắc Kinh bất mãn và ngay cả ông Hoắc cũng phản đối. Họ Hoắc đã trở thành thành viên của cơ quan Chính trị Hiệp thương của Bắc Kinh và là một đại diện bán chính thức của Bắc Kinh ở Hương Cảng và Ma Cao.

Vào giữa thập niên 1990, các nhóm thanh bang Hương Cảng như Tân Nghĩa An (Sun Yee On) và 14 K bắt đầu xâm nhập vào các sòng bạc ở Ma Cao để tìm mối lợi mới nhưng bị các thanh bang tại chỗ chống trả kịch liệt đến nỗi một chủ thanh bang mệnh danh "con hổ Loan Tái" (Wanchai) của Hương Cảng bị nhóm 14 K ám sát năm 1994. Nhóm 14 K do Đoàn Quốc Cầu (Wan Kwok Koi) mệnh danh "Răng bê" (Dent cassée) đứng đầu với 4.000 thành viên. Nhóm này còn ám sát các quan chức cảnh sát người Bồ Đào Nha và có ý định bắt cóc Stanley Ho để chuộc tiền như một trường hợp nổi tiếng ở Hương Cảng tháng 5-1986. Số là chủ bang Trương Tử Cường (Cheung Tse Keung), mệnh danh là "Big Spender", cho người bắt cóc con trai trưởng nhà tài phiệt thân Bắc Kinh Lý Gia Thành (Li Ka Shing) ở Hương Cảng và đòi chuộc tiền với 1,3 tỷ đô la Hongkong (khoảng 150 triệu USD). Ông Lý nhờ Bắc Kinh can thiệp và cảnh sát tỉnh Quảng Đông kín đáo cho bắt Big Spender đem về lục địa xử tử. Sự kiện này khiến các thẩm phán Hương Cảng và quốc tế đặt câu hỏi về sự độc lập thật sự của nền tư pháp của đảo. Sự lớn mạnh của các thanh bang ở Ma Cao

chúng tỏ Stanley Ho không còn nắm vững tình hình nữa. Ông này năm nay đã 78 tuổi và tài sản được ước tính tới 2,6 tỷ USD. Ngày 1-5-1998, "Răng bê" bị cảnh sát bắt ở một quán ăn và sau đó bị kết án 15 năm tù ở. Tuy vậy, "Răng bê" vẫn tiếp tục điều khiển nhóm 14 K từ trong tù ở đảo Lộ Hoàn. Cho đến những tháng cuối cùng trước ngày giao trả, chính quyền Bắc Kinh cố tình để tình trạng trở nên hỗn loạn hầu đổ trách nhiệm cho người Bồ Đào Nha với ý đồ cho quân đội sang mặc dù đạo luật cơ bản ký giữa hai nước không dự trừ điều khoản này. Bắc Kinh đã thành công vì 400 quân của họ được đóng ở Ma Cao và 400 quân khác đóng ở biên giới cách đó vài trăm thước dưới sự điều khiển của tướng Lý Việt Quân (Li Yue Jun).

Lễ bàn giao chủ quyền Ma Cao ngày 20-12-1999 cho Bắc Kinh chỉ đánh dấu một biểu tượng của sự chấm dứt sự có mặt của người Âu ở Á Châu. Nhưng đối với Bắc Kinh, biểu tượng chính là hệ thống "một nước, hai thể chế" đang tiến hành trong ổn định và trật tự hầu đem hệ thống này áp dụng ở Đài Loan trong những ngày (năm) sắp tới. Ông Giang đã không làm khi ông tuyên bố: "Sự thu hồi Hương Cảng và Ma Cao trong hòa bình mở một kỷ nguyên mới để giải quyết vấn đề Đài Loan. Chính phủ và nhân dân Trung Quốc tin chắc có khả năng sớm giải quyết vấn đề Đài Loan, hoàn thành thực hiện thống nhất tổ quốc".

Tuy nhiên, theo sự thăm dò ý kiến ở Đài Loan, 80% dân chúng bác bỏ hệ thống nói trên và 70% muốn giữ tình trạng hiện nay. Để chiêu dụ những thành phần còn lưỡng lự, Bắc Kinh đề nghị thêm là Đài Loan có thể giữ nguyên quân đội và các nhà lãnh đạo của đảo có thể tham gia vào chính phủ trung ương. Nhưng ông Lý Đăng Huy, đương kim tổng thống Đài Loan trả lời: "Chưa bao giờ một chế độ dân chủ có thể chung sống với một chế độ độc tài". Điều này giống như sự kết hôn giữa con thỏ và con cá chép nói theo người Pháp. Bắc Kinh có thể đi ngược nguyện vọng của 22 triệu dân người Đài Loan không? Nhất là khi họ sắp tuyển chọn theo phổ thông đầu phiếu một vị tổng thống mới trong tháng ba sắp tới.

Nguyễn Phi Phụng

Hội nhập và chủ quyền

Nguyễn Thanh Giang

LTS: Chúng tôi vừa nhận được bài viết đầu tháng 12 này của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, do Nói Kết từ trong nước chuyển ra. Cảm ơn các bạn Nói Kết, và trân trọng giới thiệu đến quý độc giả.

Bàn về hội nhập và chủ quyền có lẽ cũng khó như bàn về cái tôi và cái ta, về mối quan hệ giữa nguyên tử và vũ trụ. Mà, như Blaise Pascal (1623-1662) đã từng luận trong tác phẩm nổi tiếng "Hai cái vô cùng": cái vô cùng lớn lao như vũ trụ và cái vô cùng nhỏ bé như nguyên tử. Trước thiên nhiên, Pascal cho rằng con người là "một cái hư vô đối với cái vô cùng, một cái toàn thể đối với cái hư vô". Tuy nhiên, Karl Marx có nhận quan tích cực hơn khi ông nói trong "Tư bản luận": "Chúng ta tuyệt đối không thống trị tự nhiên như kẻ đi chinh phục thống trị một dân tộc nào khác... hay như một kẻ đứng ngoài tự nhiên; ngược lại, ta thuộc về tự nhiên. Toàn bộ sự thống trị đó là ở chỗ, khác với các sinh vật khác, chúng ta biết các quy luật của tự nhiên và sử dụng đúng đắn các quy luật đó". Thật vậy, "nếu chỉ thấy khía cạnh đối lập thì không thể nào không thấy con người là mong manh. Trái lại, nếu nhận thức được rằng ta là bàn tay, là bộ óc của vũ trụ, ta ở trong vũ trụ và vũ trụ có trong ta thì không việc gì phải rợn ngợp trước vô cùng, vì hữu hạn là ta mà vô cùng cũng là ta".

Toàn cầu hóa - xu thế lịch sử

Ý tưởng thế giới đại đồng đã được Khổng Tử nêu lên từ khoảng 550 năm trước Công nguyên. Ông nói trong thiên Lễ Vận "Đạo lớn được thực hành thì thiên hạ là của chung". Về sau, Khang Hữu Vi cụ thể hóa ý tưởng đó bằng chủ trương lập một "Công nghị chính phủ" cai quản cả thế giới, không phân biệt quốc gia, dân tộc, thông qua một số ban bộ, phụ trách các mặt đời sống tinh thần và vật chất (Đại đồng thư). Ở phương Tây, Emmanuel Kant (1724-1804) cũng từng kêu gọi xây dựng một "liên bang" toàn thế giới vì phần vinh của loài người và tự do của mỗi người. Ông cho rằng trong xã hội

như vậy thì "các thành viên của nó được tự do cao nhất... Ở đó mới có thể thực hiện được mục đích tối cao của tự nhiên là phát triển mọi tư chất của tự nhiên chứa đựng trong nhân loại".

Khi chủ nghĩa tư bản mới ra đời, trước thực tế sức sản xuất phát triển mạnh mẽ đẩy tới mỗi giao thương quốc tế ngày càng rộng rãi. Marx và Engels đã nhận định: "Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc". Từ đó, cách đây 150 năm, trong Tuyên ngôn của đảng Cộng sản, hai ông đã chỉ ra rằng: "Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới".

Thị trường thế giới về đại thể được hình thành qua ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn quốc tế hóa thương phẩm. Trong thế kỷ qua mậu dịch thương phẩm thế giới không ngừng tăng trưởng, vượt quá cả tỷ lệ tăng trưởng của tổng giá trị sản phẩm thế giới. Đến nay, khoảng 1/5 sản phẩm và dịch vụ của nền sản xuất thế giới đã trở thành thương phẩm được tiến hành giao dịch ở nước ngoài.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn quốc tế hóa về vốn. Ban đầu, dòng chảy của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu từ các nước phát triển đổ vào các thuộc địa hay các nước lạc hậu. Việc đầu tư vào thuộc địa của các nước đế quốc thời kỳ này nhằm khai thác tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ở chính quốc. Ở đây, tư bản đầu tư thu được lợi nhuận cao nhờ nguồn nguyên liệu phong phú và giá nhân công rẻ mạt ở bản quốc.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, do các nước ở châu Âu bị tàn phá nặng nề, cần nhiều vốn đầu tư để phục hồi nền kinh tế và xây dựng đất nước nên dòng vốn đầu tư nước ngoài đã đổi hướng vào các nước công nghiệp này. Kế hoạch

Marshall được vạch ra và các nhà tư bản Mỹ đã ò ạt đầu tư vào châu Âu để vực dậy phần lục địa bị chiến tranh tàn phá, nhằm cứu vãn tình thế cho những đồng minh của Mỹ. Khi các nước Tây Âu đã được vực dậy, cùng với Nhật bản và Mỹ, thế giới đã hình thành tam giác kinh tế với ba trung tâm là Mỹ, Tây Âu và Nhật bản thì các nước công nghiệp phát triển chủ yếu đầu tư lẫn nhau và thực hiện sự liên minh kinh tế nhằm củng cố tiềm lực kinh tế và vị trí chính trị trên trường quốc tế. Tuy nhiên, đến đầu thập kỷ 90 do suy thoái kinh tế diễn ra rộng khắp, lãi suất và lợi nhuận đầu tư vào các nước công nghiệp phát triển giảm mạnh, các nhà đầu tư phải tìm địa bàn mới ở các nước đang phát triển để tăng lợi nhuận.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào các nước đang phát triển tăng lên trong thập kỷ qua nhưng chủ yếu dành cho các nước có trình độ phát triển tương đối cao. Chỉ 20 nước đang phát triển kinh tế năng động nhất đã thu hút tới 87% lượng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Hơn 100 nước đang phát triển còn lại chỉ thu hút được hơn 10% trong tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào "thế giới thứ ba".

Giai đoạn ba là giai đoạn quốc tế hóa sản xuất. Biểu hiện rõ nét nhất là sự phát triển các công ty xuyên quốc gia và sự hiệp tác quốc tế về sản xuất với quy mô lớn.

Những công ty xuyên quốc gia đầu tiên xuất hiện từ cuối thế kỷ 19. Một số xí nghiệp của các nước công nghiệp đã đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức sản xuất tại chỗ và tiêu thụ tại chỗ. Đó là công ty dầu lửa Shell của Anh-Hà lan, công ty điện khí Siemens của Đức... Ngày nay, bàn tay công ty xuyên quốc gia đã vươn tới khắp nơi trên thế giới, chiếm 40% giá trị tổng sản phẩm toàn cầu, 50-60% mậu dịch thế giới, 80-90% danh mục sản phẩm công nghệ cao. Chín mươi phần trăm tổng kim ngạch

đầu tư quốc tế là do các công ty xuyên quốc gia khổng lồ.

Các phương thức giao dịch kinh tế quốc tế không ngừng mở rộng các hình thái ngày càng cao hơn. Từ những buôn bán theo lối hàng đổi hàng tới các thương vụ thông qua hiệp định thương mại có thỏa thuận song phương và đa phương về thuế quan rồi tiến đến thiết lập các hợp đồng dài hạn về ưu đãi thuế quan như kiểu AFTA. Ngày nay, những giao dịch quốc tế đã đạt cấp độ rất cao thông qua các liên minh kinh tế và liên minh tiền tệ. Từ đây ra đời các đồng tiền chung như đồng EURO, ngân hàng trung ương chung, sự phối hợp các chính sách kinh tế, sự chia sẻ hàng loạt chức năng và thể chế quốc gia thông qua một nghị viện chung như trong Liên hiệp châu Âu...

Mái nhà chung châu Âu đang không ngừng trải rộng và được củng cố thông qua tiến trình toàn cầu hóa về kinh tế đồng thời kéo theo cả tiến trình toàn cầu hóa về quân sự, về chính trị, về giáo dục, về khoa học-kỹ thuật... đang để lộ ra mầm mống của trạng thái nhất thể hóa toàn cầu. Có nhà nghiên cứu đã lạc quan nhận xét: "Toàn cầu hóa là hình thức bên ngoài của nhất thể hóa, nhất thể hóa là cơ chế bên trong của toàn cầu hóa; toàn cầu hóa là tiền đề của nhất thể hóa, nhất thể hóa là xu thế phát triển của toàn cầu hóa".

Nếu quả có như vậy thật thì điều kỳ vọng ngày nào: "Quan san muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em" của chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ còn được hát lên viên mãn hơn: "Quan san muôn dặm một nhà. Bốn phương nhân loại đều là anh em".

Trong xu thế toàn cầu hóa, cùng đồng thời thấy xuất hiện ngày càng rõ những yếu tố khu vực hóa như EU, ASEAN, NAFTA, APEC, AFTA, MERCOSUR... Đây là những phản ứng kiểm chế, là sự liên minh bảo vệ của các quốc gia cùng hoàn cảnh hay sự tập dượt tự nguyện, sự tạo mô của tế bào cho cơ thể toàn cầu hóa hoàn chỉnh?

Vừa qua, một số quy định của các tập đoàn khu vực như có biểu hiện sai khớp với xu thế toàn cầu hóa và nhất thể hóa. Đó là việc các tập đoàn châu Âu liên kết lắp ráp sản phẩm rồi bán phá giá sang châu Á, làm cho Nhật Bản bị thiệt

hại nặng nề, Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ thực hiện quy tắc giữ nguyên sản phẩm địa phương đối với các nước thành viên được hưởng sự ưu đãi miễn thuế đã làm cho mậu dịch của các nước đó quay về hướng nội và bài ngoại đối với mậu dịch ngoài khu vực... Dẫu sao, nhìn chung, khu vực hóa chỉ là cục bộ, tạm thời, cho nên không gây trở ngại rõ rệt đối với sự phát triển của mậu dịch tự do. Nhất thể hóa kinh tế khu vực có thể xem là giai đoạn tất yếu cuối cùng phải trải qua để thực hiện nhất thể hóa kinh tế toàn cầu. Đẩy mạnh nhất thể hóa kinh tế toàn cầu sẽ bảo đảm cho trào lưu khu vực hóa ngày càng phát triển lành mạnh. Đến lượt mình, nhất thể hóa kinh tế khu vực lại trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển nhất thể hóa kinh tế toàn cầu.

Dự báo của một số nhà nghiên cứu lớn cho rằng đến giữa thế kỷ sau, thế giới sẽ hình thành ba vòng tròn kinh tế lớn; vòng tròn kinh tế châu Mỹ xoay quanh Hoa Kỳ, vòng tròn kinh tế châu Âu với Liên hiệp châu Âu là trung tâm, vòng tròn kinh tế châu Á - Thái bình Dương, đứng đầu là Nhật Bản.

Hội nhập quốc tế - cơ hội và thách thức

Nhà tương lai học Mỹ trứ danh Alvin Toffler đã đưa ra trong tác phẩm "Tạo dựng một nền văn minh mới - Chính trị của làn sóng thứ ba" một nhận định: "Do các nền kinh tế đang bị cải biến bởi làn sóng thứ ba, cho nên họ bắt buộc phải nhượng bộ một phần chủ yếu và đành chấp nhận những sự xâm nhập kinh tế và văn hóa ngày thêm gia tăng tiến sâu từ nước nọ vào nước kia. Bởi thế, trong lúc các nhà thơ và các nhân vật trí thức của các khu vực chậm tiến về kinh tế sáng tác những khúc thánh ca, quốc ca, thì các nhà thơ và các nhân vật trí thức của nước làn sóng thứ ba lại cất lên tiếng hát ca ngợi những đức tính của một thế giới "không biên giới" và "ý thức hành tinh". Từ đó dẫn đến những va chạm, thực chất là sự phản ánh những đòi hỏi khác nhau sâu sắc của hai nền văn minh khác nhau từ căn bản, và có thể, trong những năm tới đây cũng sẽ gây ra một số trận lưu huyết khốc liệt nhất".

Thật vậy sau đại chiến hai, đặc biệt là từ khi kết thúc chiến tranh lạnh, trên

vũ đài lịch sử, cuộc chiến thế giới đã chuyển từ lĩnh vực quân sự, chính trị và lĩnh vực hình thái ý thức sang lĩnh vực kinh tế. Có những nhận định cho rằng chỉ có nền kinh tế thế giới cũ mới dẫn đến kết cục là một trạng thái lưỡng cực mà đầu này là một số ít nước giàu có và đại bộ phận các nước đang phát triển nghèo khổ là ở đầu kia. Trong thế giới ngày nay, sau khi Hiệp định buôn bán chung được thiết lập, người ta đã nhận thức rõ tiến trình nhất thể hóa kinh tế thế giới không thể xây dựng trên hệ thống của sự phân công quốc tế bất hợp lý. Mối quan hệ phân công hiệp tác ngày nay phức tạp hơn nhưng phải dựa trên điều kiện công bằng ở các trình độ sản xuất phát triển cao độ. Vì vậy, Hiệp định chung đã phải áp dụng một loạt biện pháp hỗ trợ, kể cả chế độ ưu đãi mà trong đó các nước phát triển phải đơn phương ưu đãi các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy các nước này nâng cao được trình độ của sức sản xuất. Nhờ vậy bốn "Con rồng Châu Á": Brasil, Argentina có được tốc độ phát triển kinh tế cao hơn cả các nước phát triển. Thực tế cho thấy có nước chỉ trong 40 năm đã đi trọn được con đường dài mà các nước tư bản công nghiệp phát triển phải lặn lội mấy trăm năm. Đây là điều không thể có trong thời đại duy trì chính sách bảo hộ mậu dịch.

Chính sách dựng hàng rào thuế quan trước đây đã tạo ra sự chia cắt kinh tế giữa các nước. Hiệp định chung về buôn bán thông qua nhiều vòng đàm phán về buôn bán đa phương giảm thuế đã đưa suất thuế quan trung bình của các nước phát triển từ 36% vào năm 1948 xuống dần tới không. Thuế suất thuế quan của các nước đang phát triển cũng giảm mạnh. Nhờ gạt bỏ dần những trở ngại quan thuế, mậu dịch quốc tế phát triển rất mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Hiệp định buôn bán chung còn giúp thúc đẩy mạnh các dịch vụ du lịch, vận chuyển, ngân hàng, kiến trúc... và các mậu dịch kỹ thuật. Mậu dịch dịch vụ và mậu dịch kỹ thuật là biểu hiện sự phát triển của sức sản xuất xã hội và kết quả của sự điều chỉnh cơ cấu ngành, là dấu hiệu quốc tế hóa sản xuất.

Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT, trở thành WTO từ năm 1995), Ngân hàng thế giới (WB) và

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) là 3 trụ cột lớn của kinh tế thế giới, bảo đảm sự thăng bằng thu chi quốc tế của các nước và giữ cho tỷ giá hối đoái của đồng tiền tương đối ổn định, thúc đẩy sự phát triển mậu dịch quốc tế, tạo điều kiện cho kinh tế thế giới sau chiến tranh có được một thời kỳ hoàng kim phát triển với tốc độ cao.

Tuy nhiên, có những ý kiến cho rằng lợi ích và những cơ hội mà toàn cầu hóa mang lại được phân phối rất bất công. Chênh lệch về thu nhập giữa 20% số người giàu nhất so với 20% số người nghèo nhất trên thế giới ở năm 1960 là 30 lần, năm 1990 tăng 60 lần, năm 1997 vượt tới 74 lần. Hai trăm người giàu nhất thế giới, trong 3 năm (1995-1998) đã tăng của cải của họ lên gấp hơn hai lần (trên 1.000 tỷ USD). Ba người giàu nhất thế giới có của cải nhiều hơn tổng sản phẩm quốc dân của 600 triệu người bao gồm trong 48 nước chậm phát triển nhất của thế giới (UNDP, 1998).

Trong phạm vi một lãnh thổ như Liên bang Nga thì khoảng 80% vốn tài chính được tập trung ở Moskva, 12% ở Saint Petersburg, chỉ 8% sót lại trải trải cho toàn bộ phần còn lại của đất nước. Chính vì thế mà đường phố Moskva tràn đầy những xe hơi phương Tây sang trọng, các khu nghỉ mát bờ Địa Trung Hải lù lượt những du khách Nga. Trong khi đó năm 1998, theo các con số chính thức, 21,7% số dân trong Liên Bang Nga có thu nhập dưới mức tối thiểu cho nhu cầu tồn tại. Còn ở Trung Quốc, nơi vẫn tuyên bố kiên trì đường lối chủ nghĩa xã hội, thì tại các tỉnh đặc khu kinh tế ven biển, tỷ lệ nghèo khổ trong xã hội đã giảm xuống còn 20%, trong khi tại một tỉnh nội địa, số dân đói nghèo vẫn còn đến 50%.

Martin Khor, Giám đốc mạng lưới thế giới thứ ba chuyên nghiên cứu xử lý các vấn đề kinh tế, môi trường và phát triển theo quan điểm của thế giới thứ ba cho rằng các nước phát triển đang hoạch định chiến lược đưa thêm vào tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) những áp lực mới về đầu tư, cạnh tranh, mua sắm của chính phủ, môi trường và tiêu chuẩn lao động...

Về vấn đề đầu tư, các nước công nghiệp phát triển thúc ép đưa ra quy tắc buộc tất cả các nước thành viên WTO

phải để các nhà đầu tư nước ngoài có quyền được tham gia cổ phần hóa hoặc lập doanh nghiệp mà họ sở hữu 100%. Doanh nhân nước ngoài và công ty nước ngoài phải được đối xử tốt (hoặc tốt hơn) doanh nhân hoặc các công ty trong nước. Bãi bỏ những hạn chế đối với nguồn vốn tự do chảy vào hoặc rút ra khỏi nước chủ nhà. Vậy nhưng, các thị trường tài chính quốc tế ngày nay, như lời các nhà nghiên cứu, giống như một sông bạc khổng lồ toàn cầu, trong đó những con bạc cá cược vào sự dao động từng phút của thị trường tài chính chẳng chút liên quan gì tới các hoạt động kinh tế thực sự. Thị trường tài chính nhộn nhịp và biến hóa đến nỗi người ta đang phải tích cực trở lại bàn định về việc sử dụng thuế Tobin để "ném một ít cát vào ngọn lửa đầu cơ tiền tệ nhằm làm giảm sự dao động của tỷ giá hối đoái". Năm 1980 bình quân giao dịch ngoại hối hàng ngày là 80 tỷ USD, ngày nay con số đó là 1.500 tỷ USD. Song, chín phần mười chu chuyển tư bản đó thực chất là đầu cơ chứ không phải sản xuất.

Trong lĩnh vực sản xuất thì các công ty xuyên quốc gia đang thay thế chủ thể quốc gia dân tộc trong các hoạt động kinh tế quốc tế. Thực hiện chiến lược kinh doanh toàn cầu hóa xuyên quốc gia về chế tạo, lắp đặt và tiêu thụ sản phẩm, công ty xuyên quốc gia coi cả thế giới là xưởng sản xuất và thị trường tiêu thụ của mình.

Trong tình hình các công ty xuyên quốc gia đang chi phối mạnh nền kinh tế và tài chính của thế giới như hiện nay, các nước đang phát triển sẽ phải đối mặt với nguy cơ doanh nghiệp bé nhỏ của mình sẽ bị sự cạnh tranh của các công ty nước ngoài hùng hậu hơn bội phần chèn lấn, xoá sổ hoặc thế chỗ. Nếu không đủ sức sáng suốt hoạch định chiến lược và sách lược, những món lợi nhuận kếch xù sẽ bị các công ty xuyên quốc gia vơ đầy túi chuyển về các nước phát triển. Trong khi đó, các xí nghiệp bản địa căn bản chỉ là những bãi thải công nghệ và máy móc thiết bị lỗi thời, đầu độc ô nhiễm nặng nề vào môi trường thiên nhiên và xã hội.

Về vấn đề mua sắm của chính phủ, mục tiêu của các nước giàu là đưa các quyết định, thủ tục và chính sách chi tiêu của chính phủ của tất cả các nước thành viên vào dưới ô bảo trợ của WTO

- nơi mà nguyên tắc "đối xử quốc gia" sẽ được áp dụng. Theo nguyên tắc này, các chính phủ sẽ không còn có thể dành ưu đãi hoặc ưu tiên cho các công dân hoặc công ty nước mình trong việc mua sắm và hợp đồng làm dự án được nữa.

Về vấn đề cạnh tranh, trong khi Lão Tử - nhà triết học cổ Trung Hoa đã phán quyết trong "Đạo đức kinh" rằng: "Trên hết, không được cạnh tranh", thì học thuyết Thatcher luôn cho rằng cạnh tranh bao giờ cũng là một đức tính mà kết quả của nó không thể là xấu. Bà đã từng nói: "Nhiệm vụ của chúng ta là giành vinh quang trong sự bất bình đẳng và bảo đảm cho tài nghệ và năng lực được thả sức phát huy vì lợi ích của tất cả chúng ta". Giá trị trung tâm trong học thuyết của Margaret Thatcher và trong bản thân chủ nghĩa tự do mới là khái niệm cạnh tranh - cạnh tranh giữa các quốc gia, các khu vực, các công ty và tất nhiên giữa các cá nhân. Ở cấp quốc tế, những người theo chủ nghĩa tự do mới đã tập trung mọi nỗ lực đẩy nhanh ba tiến trình: tự do mua bán hàng hóa và dịch vụ, tự do lưu thông vốn, tự do đầu tư. Mở rộng phạm vi định nghĩa về đầu tư nước ngoài, nó sẽ bao gồm không chỉ đầu tư nước ngoài trực tiếp mà còn gồm cả đầu tư chứng khoán và mua tài sản.

Martin Khor cho rằng cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á ít nhất cũng đã dạy cho thế giới một bài học là các nước đang phát triển sẽ chịu rủi ro ghê gớm khi bị yêu cầu tự do hóa nền kinh tế của mình quá nhanh hoặc phải tham gia vào toàn cầu hóa một cách thiếu suy xét. Khi các doanh nghiệp và trang trại trong nước chưa sẵn sàng để cạnh tranh với các công ty thiện nghệ và khổng lồ của nước ngoài, khi không còn có thể ưu đãi hoặc bảo hộ các nhà đầu tư, các cơ sở doanh nghiệp và nông nghiệp trong nước được nữa, các nước đang phát triển phải đối mặt với nguy cơ sản phẩm của họ bị sức cạnh tranh mạnh mẽ của công ty nước ngoài áp đảo.

Toàn cầu hóa sẽ tạo ra nhiều cơ hội hơn hay lắm nguy cơ hơn đã và vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Không phải chỉ có sự e ngại từ các nước đang phát triển mà ngay tại Hoa Kỳ, mặc dù trong vòng 6 năm qua, nhờ mở rộng thương mại, đã tạo thêm được 20 triệu

chỗ làm mới và những công nhân làm việc trong lĩnh vực thương mại được hưởng mức thu nhập cao hơn 25% so với những lĩnh vực khác, nhưng ngay hôm khai mạc Tổ chức Thương mại Thế giới (30-11-1999) tại Seattle (Mỹ) hàng chục ngàn người đã xuống đường biểu tình phản đối các chính sách tự do hóa của WTO. Nhiều người lo ngại rằng toàn cầu hóa nền kinh tế theo các phương thức dự kiến sẽ dẫn đến tình trạng chuyển hết việc làm từ các nước công nghiệp hóa sang những nước nghèo vì tại đây chi phí lao động rẻ hơn.

Ông Mike Moore, giám đốc điều hành Tổ chức Thương mại Thế giới thì nói: "Tôi chưa bao giờ thấy sự tương phản nào giữa thương mại và lao động... Thương mại đã tạo ra việc làm và thu nhập để thực hiện những giấc mơ của chúng ta về một nền y tế và giáo dục tốt hơn". Ông khẳng định rằng, chính sự nghèo đói là nguyên nhân chủ yếu khiến cho điều kiện làm việc và sự suy thoái môi trường trở nên khó chấp nhận. Để khắc phục vấn đề đó, cần phải thúc đẩy hơn nữa quá trình thương mại và kinh doanh, bởi vì, khi mức sống được cải thiện thì các yếu tố khác như giáo dục, y tế, môi trường và điều kiện sống sẽ được cải thiện.

Việt Nam với vấn đề hội nhập quốc tế

Quá trình hội nhập cưỡng bức hoặc không tự giác của Việt Nam với nền văn hóa, chính trị, kinh tế Trung Hoa và Ấn Độ diễn ra ngay từ trước Công nguyên; sau đó, với Nhật Bản và thế giới Phương Tây từ khoảng thế kỷ 15. Năm Giáp Dần (1614), đời Chúa Sãi đã có người Bồ Đào Nha tên là João da Cruz đến lập lò đúc súng ở Thuận Hóa. Các doanh nhân Bồ Đào Nha có lẽ cũng là những người châu Âu đầu tiên sang buôn bán ở Hội An và Phố Hiến. Đến năm 1637, đời vua Lê Thần Tông khi chúa Trịnh Tráng cho người Hà lan đến mở cửa hiệu thì Phố Hiến đã trở thành nơi buôn bán sầm uất nổi tiếng với câu ca "thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến". Khu phố trung tâm thương mại lớn đầu tiên của nước ta lúc bấy giờ có tới 2000 nhà.

Nơi gương Nhật Bản thời Minh Trị thiên hoàng, nhờ mở cửa để phương Tây

vào buôn bán, đầu tư nên chỉ sau 40 năm đã trở nên cường thịnh, đủ sức đánh tan cả hạm đội Nga hùng mạnh vào năm 1905, các nhà nho yêu nước cấp tiến đầu thế kỷ 20 như Nguyễn Trường Tộ, Phan Chu Trinh... đã dấy lên phong trào Duy tân với khẩu hiệu: "Duy tân di trí nhân, duy tân di phú dân, duy tân di cường quốc" (Duy tân để khôn người, duy tân để dân giàu, duy tân để nước mạnh).

Những tiền đề và truyền thống hội nhập quốc tế tốt đẹp như vậy không phải nước nào cũng từng có. Ngày nay, yếu tố mới của thời đại càng câu thúc mạnh mẽ hơn. Bởi vì, như Marx đã phán đoán "Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh". Chẳng những thế, Marx còn khẳng định: "Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp tư sản là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức màn lý tưởng thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục". Cho nên, tại Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VII, Tổng bí thư Đỗ Mười cũng đã phải phát biểu "Trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào, dù phát triển đến đâu, cũng không thể tự khép kín được. Với điểm xuất phát rất thấp như nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng. Phải có chính sách khôn khéo, cách làm có kết quả để mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài nhằm khai thác tốt nhất tiềm lực và lợi thế bên trong".

Tuy vậy, trong lịch sử cận - hiện đại, thực tế cho thấy, chúng ta đã đi những bước ngập ngừng và khá chậm chạp trên tiến trình hội nhập quốc tế. Năm 1977, tức là sau 32 năm Liên hiệp quốc ra đời và đã có nhiều đóng góp tích cực cho hoà bình, an ninh và phát triển quốc tế, ta mới bắt đầu gia nhập tổ chức này. Trong bản danh sách thành viên gia nhập Liên hiệp quốc ta đứng sau nhiều nước kém phát triển ở Châu Á, Châu Phi. Ngay cả đối với Tổ chức hợp tác phát triển khu vực ASEAN rất gần gũi, ta cũng loay hoay mãi để khi được kết nạp chính thức vào ngày 28 tháng 7 năm 1995 thì bị xếp ở vị trí thứ 7 trong thứ tự 10 thành viên của tổ chức này.

Dấu sao, nhờ đổi mới nhận thức, chỉ

trong thập kỷ qua, tiến trình hội nhập quốc tế của ta đã có bước chuyển biến quan trọng và đạt được những tiến bộ vượt bậc. Nếu đánh giá tốc độ hội nhập quốc tế bằng cách sử dụng hiệu số giữa mức gia tăng bình quân hàng năm của thương mại với mức gia tăng bình quân hàng năm của tổng sản phẩm thì từ 1986 đến 1995 tốc độ hội nhập trung bình của thế giới vào khoảng 2,8%, trong khi đó, tốc độ hội nhập quốc tế của Việt Nam là 55,1% ở thời kỳ 1991-1995.

Tháng 11 năm 1998, ta chính thức trở thành thành viên của Diễn đàn Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), và tháng 12 năm 1994 cũng đã đệ đơn gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới WTO.

Nhờ hội nhập quốc tế, nền kinh tế của ta rõ ràng khởi sắc. Từ chỗ trì trệ tối tăm, vượt qua được khủng hoảng, vươn lên đạt nhịp độ tăng trưởng cao hơn hẳn trước. Bộ mặt đất nước bắt đầu có dáng dấp công nghiệp và hiện đại. Mở rộng thương mại và khuyến khích đầu tư dường như đã tạo ra được cú hích mạnh, làm sống động lại nền kinh tế đất nước, làm cho con người trở nên năng động khẩn trương trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Suốt bao nhiêu năm làm ăn với Comecon, trong vòng tay của khối SEV nhưng cho đến 1986, kim ngạch xuất khẩu của ta chỉ ở mức 439 triệu rúp (350 triệu USD), tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm đến thời kỳ 1986-1990 cũng chỉ là 1.370 triệu rúp-đô la; vậy mà, thoát một cái, năm 1997 đã đạt 9 tỷ USD và năm 1999 này dự kiến xuất khẩu có thể đạt 11,2 tỷ USD (đến hết tháng 11-1999 đã đạt 10,2 tỷ).

Cuối năm 1987 ta mới ban hành Luật Đầu tư nước ngoài thì cuối 1997, vào thời kỳ hoàng kim, đã thu hút được 2300 dự án đầu tư với số vốn đăng ký trên 32 tỷ USD, trong đó vốn đã thực hiện vào khoảng 14 tỷ. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài FDI từng chứng tỏ được vị trí quan trọng thật sự trong nền kinh tế nước ta. Nó đóng góp tới gần 9% GDP, 35% tổng giá trị sản lượng công nghiệp, trên 22% kim ngạch xuất khẩu. Nếu kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI năm 1991 mới chỉ đạt 52 triệu USD thì 7 năm sau, đã tăng 40 lần để đạt được con số 1,982 tỷ USD.

Vậy thì, sao vẫn lại cứ tiếp tục chần chừ, ngần ngại ?!

Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ sau đăng đàng 3 năm, qua 8 vòng đàm phán đã được ký tắt, thế mà còn bị gác lại. Làm sao hiểu nổi khi một việc hệ trọng đến mức Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII phải dành cho một mục riêng mang tiêu đề "Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế", trong đó xác định rõ: "Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO, có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA" mà rồi đến phút cần quyết định để không lỡ thời cơ lại có thể trục trặc như vậy được?! Trong suốt 3 năm trời, qua 8 vòng đàm phán chắc là gay go, căng thẳng, lẽ nào Bộ Chính trị không chỉ đạo trực tiếp, Trung ương không được nghe báo cáo đủ 8 lần hoặc chỉ ít vài bốn lần. Hân hửu lắm, nếu Bộ chính trị và Trung ương không có thời giờ theo dõi, chỉ đạo suốt quá trình thì đến bước tối hậu trước khi quyết định ký tắt, tất cả nhất định đã phải được "đầu vào đó" rồi chứ!

Sao lại đến nông nỗi này? Mà, khi đã khúc mắc đến nông nỗi ấy thì toàn thể Ban Chấp hành Trung ương phải được báo cáo tường tận để bàn bạc nghiêm túc cho ra nhẽ. Ban Chấp Hành Trung Ương vẫn thấy lẩn tránh thì xin thêm ý kiến của Quốc hội. Quốc hội cũng còn phân vân thì trưng cầu ý kiến toàn dân. Vấn đề không chỉ ta biết mà Mỹ cũng biết thì việc gì mà phải bí mật với nhân dân mình. Phải chăng, hơn bao giờ hết, lúc này cần nhắc nhau ôn lại lời Bác Hồ: "Để trăm lần: không dân cùng chịu, khó vạn lần: dân liệu cùng xong".

Người viết bài này, với ý thức công dân nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm không thể thiếu đối với nhân dân, với tổ quốc mình, rất muốn được lật qua lật lại, được bàn bạc cặn kẽ về những điều hơn lẽ thiệt, về sự nên hay không nên trong ký kết Hiệp định Thương Mại Việt Nam Hoa kỳ nhưng bất lực vì "khung cảnh bí mật" của nó. Bài viết đành chỉ dừng ở mức lý luận chung chung và ước định sơ sài bởi lẽ đó.

Thận trọng bao giờ cũng là một đức

tính cần thiết, nhưng liệu ở đây có phải là sự thận trọng tinh táo và hợp lý không? Hay chỉ là sự thận trọng bị lợi dụng, bị thao túng.

Sau chiến thắng 1975, tưởng rằng đất nước sẽ vinh viễn sạch bóng quân thù. Trớ trêu thay, ta vẫn còn phải đánh giặc, thậm chí cả những cuộc chiến đẫm máu. Thế rồi, cho đến ngày nay, liệu còn kẻ thù không? kẻ thù của ta là ai? là cái gì? nó ở đâu?

Chúng ta luôn luôn nhắc nhở nhau cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hoà bình", nhưng, sẽ nguy hiểm hơn bội phần nếu chúng ta mất cảnh giác trước thủ đoạn xảo quyết của kẻ nào đó đang ra sức tô mạt "diễn biến hoà bình" thành một con ngáo ộp không có thật để hù dọa rồi khoái chí mở cờ trong bụng, nhìn ta ngây ngô tự cô lập mình, tự dựng rào sắt trước thế giới tiên tiến, chỉ để lại một lối hẹp đủ chui lọt vào ống tay áo họ. Ôi! Trở lại kiếp nô lệ này mới thực sự cay đắng. Hơn bất kỳ nỗi cay đắng nào!

Bởi vậy, hãy tỉnh táo, đừng chần chừ mà phải khẩn trương thực hiện chủ trương của Đại hội VIII: "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài... Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả".

Không thể không thận trọng, không thể mất cảnh giác nhưng hoàn toàn có thể và phải tự tin. Trong thế giới toàn cầu hóa, tất cả các quốc gia đều tùy thuộc lẫn nhau trong mối tương quan hai chiều ở mức độ này hay mức độ khác. Ngày nay, không phải cứ nước giàu làm chủ và hoàn toàn sai khiến được nước nghèo như tôi tớ, không phải nước lớn thả sức áp chế được nước nhỏ. Hướng chi, ta cũng có nhiều thế mạnh của một quốc gia 79 triệu dân với 4000 năm lịch sử, có vị trí địa lý chiến lược, có tài nguyên phong phú. Mối chỉ mười năm, nhờ đổi mới, nhờ sự kích thích của hội nhập, ta đã tạo được 10 mặt hàng chủ yếu khả dĩ chiếm lĩnh được thị trường thế giới. Trong đó: gạo đứng thứ hai, cà

phê, hạt điều, cao su đều có thứ bậc cao trong hàng xuất khẩu trên thế giới. Bên cạnh đó là dầu thô, hàng may mặc, hải sản, than đá, giày dép, lạc nhân, chè, thiếc v.v... Ở một số lĩnh vực nhất định và trên phương diện nào đó, các nước khác tất cũng phải phụ thuộc vào ta.

Ngày nay, độc lập dân tộc không thể chỉ được bảo đảm bằng ý niệm đơn giản "Nam quốc sơn hà, nam đế cư" mà chủ yếu phải là khả năng quốc gia đó có bảo vệ được chủ quyền của mình trước những tác động ngày càng sâu rộng của xu thế toàn cầu hóa hay không.

Nước ta tuy còn nghèo, nền kinh tế còn èo uột, vốn thiếu, sức cạnh tranh của hầu hết các mặt hàng kém, nhưng khi bước vào nền kinh tế thông tin, kinh tế trí tuệ, ta sẽ có lợi thế nếu tận dụng được tiềm năng chất xám vô cùng quý giá trong tư chất con người Việt Nam. Điều này, không chỉ những người Việt Nam tự tôn mà rất nhiều người nước ngoài cũng đã từng nói. Xin nêu thêm một dẫn chứng nhỏ. Tin học vốn là một lĩnh vực còn ngỡ ngàng đối với ta. Vậy mà, tại kỳ thi tin học quốc tế thứ 11 tổ chức ở Thổ Nhĩ Kỳ tháng 10-1999, đội tuyển nước ta đã giành vị trí thứ nhất, trên tất cả 60 đội tham gia. Trong đó có cả các cường quốc tin học như Nga, Trung Quốc... Bốn em trong đội tuyển đi thi thì 3 đoạt huy chương vàng, một đoạt huy chương bạc.

Đừng cam tâm dậm chân trong vùng hẹp, bởi như vậy chính là đánh mất chủ quyền một cách hổ nhục. Hãy "giương cánh buồm to như mảnh hồn làng" mà "phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trùng khơi" vào cái biển toàn cầu hóa đầy sóng gió. Chỉ cần chọn cho được những người thực sự tài đức ra đứng mũi chịu sào và phát huy cho được tiềm năng to lớn của dân tộc bằng một cơ chế dân chủ thật sự thì từ đấy buồm sẽ thêm no gió toàn cầu; từ đấy, tổ quốc ta sẽ như một con rồng bay lên.

Hà nội 5 tháng 12 năm 1999

Nguyễn Thanh Giang

Nhà A13 P9 TTPK Hoà mục
Phường Trung Hòa - Quận Cầu giấy

Đọc và cổ động
đặt mua dài hạn
báo Thông Luận

Một quan niệm bất lợi cho hoà bình của giáo sư Huntington

Nghiêm Phong Tuấn

Năm 1997, giáo sư Samuel P. Huntington, Đại Học Harvard, đã ra cuốn sách "*The clash of civilizations*" bàn về sự xung đột sẽ diễn ra giữa các nền văn minh khác nhau trên thế giới, sau khi chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản đã chấm dứt. Theo ý ông đó sẽ là hình thức cơ bản của thế giới trong những năm tới. Và để duy trì hoà bình, ông chủ trương phân chia thế giới ra từng vùng văn minh, mỗi vùng tránh can thiệp vào nội chính của vùng khác.

Cuốn sách ra đã được hơn hai năm, thời gian cũng dài. Nhưng sách có đủ tầm quan trọng để tới ngày nay, ta còn cần bàn đến. Ông Henry Kissinger nguyên cố vấn, rồi ngoại trưởng của tổng thống Nixon nước Mỹ, đã đánh giá sách này là một trong những tác phẩm quan trọng nhất được ra đời sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Giáo sư Huntington còn là người có chân trong một ban cố vấn về ngoại giao cho nhà nước Mỹ. Hơn nữa, ông dạy ở Đại Học Harvard là nơi đào tạo đa số những nhà lãnh đạo tương lai của Mỹ. Ngày mai bất chợt, nếu một tổng thống Mỹ nào mời ông ra giữ chức cố vấn quốc phòng như ông Kissinger ngày xưa, thì những ý kiến của ông sẽ trực tiếp định hướng chính sách ngoại giao của Mỹ. Bằng không, những ý kiến của ông ít ra cũng sẽ có ảnh hưởng sâu xa với cấp lãnh đạo nước Mỹ, do ông đào tạo năm này qua năm khác.

Đối với Việt Nam, những ý kiến của ông có tầm quan trọng, thứ nhất trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, thứ hai, trong công cuộc tranh đấu của ta cho nhân quyền và dân chủ. Những ý kiến này rất có hại cho ta, ta cần xét lại.

Phân tích

Mở đầu, cuốn sách trình bày những sự việc xảy ra từ đầu thập niên 1990, để dẫn chứng hai hiện tượng quan trọng trong thế giới ngày nay.

Một là sau khi chiến tranh lạnh đã chấm dứt, các nước trên thế giới không còn ràng buộc với chủ nghĩa của hai khối tư bản và cộng sản nữa mà đã trở về với văn hoá cổ truyền của mình, và với

những vấn đề do quá trình lịch sử để lại. Do đó những mâu thuẫn đã bị chìm đi trong thời chiến tranh lạnh, nay đã tái hiện; thí dụ, những vụ xung đột khốc liệt ta thấy ở Nam Tư.

Hai là sự suy đồi của Tây Phương. Trên thế giới dần dần hiện ra những vùng có cường lực kinh tế và quân sự, đủ khả năng để đương đầu với Tây Phương. Chứng minh cho sự vươn lên của các xã hội ngoại thuộc Tây Phương, ngày nay ta đã thấy những mâu thuẫn giữa Mỹ và Nhật Bản hoặc Đài Loan, ngày một tăng lên. Và hình như ngoài Việt Nam, tình thế bang giao của Mỹ với nước nào cũng càng ngày càng thêm khó. Kết quả sự suy đồi của Tây Phương là hiện đại hoá ngày nay không còn đồng nghĩa với Tây hoá nữa.

Sách có phân tích những khái niệm chứa đựng trong hai từ "civilization" và "culture". Từ "civilization" có hai nghĩa, một là nó trái nghĩa với "dã man" ("barbarism"), hai là nó bao gồm tất cả những phong tục, những tập quán, nói chung tất cả những gì diễn tả cách sống ("way of life") của một dân tộc. Trong sách, từ "civilization" dùng theo nghĩa thứ hai này, và hai từ "civilization" và "culture" được coi là đại khái như nhau.

Tiếng Việt Nam ta có từ "văn hiến" để đối với "dã man", và "phong tục" để chỉ toàn thể những tập quán nó hình thành một cách sống, như trong "Bình Ngô đại cáo" đã dùng :

Duy ngã Đại Việt chi quốc

Thực vi văn hiến chi bang

Sơn xuyên chi phong vực ký thù

Nam Bắc chi phong tục diệc dị.

Dịch nghĩa :

Xét như nước Đại Việt ta

Thực là một nước văn hiến

Bờ cõi do núi sông ngăn chia đã cách biệt

Phong tục Nam Bắc cũng khác nhau

Ta còn có từ "văn minh", có thể dùng theo hai nghĩa, cũng như "civilization": một nghĩa đối với "dã man"; còn như khi ta nói "văn minh trống đồng" thì ta dùng theo nghĩa thứ hai đã dẫn trên. Điều này có lẽ cũng không phải là do một sự tình cờ, mà chính vì các nhà học giả của ta đã

theo học Tây Phương. "Civilization" đây dịch là "văn minh".

Theo giáo sư Huntington thì dần dần các nước sẽ trở về nguồn cội của mình, và những nước thuộc cùng một văn minh sẽ hướng về nhau, và sẽ tập hợp thành từng vùng văn minh trên thế giới.

Ông phân loại ra bảy hoặc tám văn minh khác nhau, ấy là những văn minh: 1. Tây Phương, gồm có Bắc Mỹ và Tây Âu, 2. Chính Giáo (Orthodox), gồm có Nga và đại khái những nước nói tiếng gốc Slave và xưa theo đạo Chính Giáo, 3. Nam Mỹ, 4. Hồi Giáo, 5. Ấn Độ, 6. Trung Hoa, trong đó có Việt Nam, 7. Nhật Bản. Đó là bảy. Nếu thêm vào đó Phi Châu, mà ông chưa biết có đáng kể không thì là tám.

Ông còn miêu tả những nỗi gian nan khó giải quyết của những xã hội từ văn minh này muốn chuyển sang văn minh khác. Thí dụ như Nga từ mấy trăm năm nay, Thổ Nhĩ Kỳ, hay Mễ Tây Cơ ngày nay, khi những xã hội này muốn nhập vào văn minh Tây Phương. Ông còn nói đến Úc khi muốn nhập vào Á Châu. Nhưng không thấy nói đến Nhật.

Trong những nước cùng thuộc về một văn minh, có thể trội lên một nước cường thịnh hơn mọi nước khác, giáo sư Huntington gọi là nước nòng cốt (core state) của văn minh đó. Chẳng hạn nước Mỹ trong các nước văn minh Tây Phương, hoặc nước Nga trong văn minh Chính Giáo.

Nước nòng cốt đóng một vai trò rất quan trọng trong việc bang giao giữa các văn minh. Nước nòng cốt có thể dùng sức mạnh của mình để bảo vệ các nước cùng một văn minh với mình. Nước nòng cốt cũng có thể dùng uy tín của mình để kiềm chế những nước trong văn minh của mình, khi có sự xung đột với một nước ngoài.

Đường biên giới giữa hai văn minh khác nhau gọi là đường phay (fault line), như trong địa lý ta gọi những đường nứt rạn trên mặt địa cầu. Nguy cơ chiến tranh có độ cao nhất ở dọc những đường phay. Những mâu thuẫn giữa hai nước thuộc hai văn minh khác nhau thường dễ gây nên chiến tranh hơn là những vấn đề

giữa hai nước cùng một văn minh. Và sự xung đột giữa hai nước thuộc hai văn minh khác nhau cũng khốc liệt hơn.

Một cảnh tượng dễ xảy ra là hai nước ở hai bờ một đường phay gây chiến với nhau. Dần dần những nước mỗi bên cũng sấn vào để bên vực nước cùng văn minh với mình. Rồi đến lúc nước nòng cốt của hai văn minh cùng bị lôi cuốn vào cuộc. Lúc này hai bên có thể tính tới vũ khí hạt nhân, và nguy cơ tiêu diệt lẫn nhau rất lớn. Đó là lúc mà nước nòng cốt mỗi bên sẽ dùng uy tín đối với phe mình để làm giảm khí thế hung hăng của người trong phe mình mà đi đến chỗ thương lượng.

Xem như thế, vai trò của nước nòng cốt rất quan trọng. Một văn minh không có nước nòng cốt là một mối đe dọa cho hoà bình thế giới. Và đó là trường hợp của văn minh Hồi Giáo chẳng hạn.

Vẫn theo cuốn sách, nguy cơ lớn nhất đe dọa hoà bình là sự chống đối giữa các văn minh khác nhau. Đặc biệt điển hình cho sự chống đối giữa các văn minh là cuộc xung đột giữa Tây Phương và các nước Hồi Giáo.

Để bảo tồn hoà bình, giáo sư Huntington đề nghị nên lấy văn minh làm cốt, và tự nguyện chia thế giới ra từng vùng văn minh, để mỗi vùng do nước nòng cốt của vùng đó lãnh đạo, một nước thuộc một vùng không nên can thiệp vào nội chính của vùng khác.

Kết luận, ông còn tưởng ra một giai thoại để khuyên răn nhà cầm quyền Mỹ. Nhằm vào năm 2010, tức không còn xa ta lắm, Việt Nam đã thuê cho một số công ty Mỹ khai thác dầu mỏ ở một vài đảo trong Hoàng Sa. Vì một lý do nào đó, Trung Quốc cho hạm đội vào xâm chiếm những đảo đó. Hạm đội Việt Nam ra nghênh chiến, bị hỏa tiễn của Trung Quốc bắn đắm (ta không còn ở thời kỳ cao bồi đánh nhau với mọi da đỏ nữa nên không hề dùng tên lửa). Chiến tranh bùng nổ công khai giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trung Quốc tràn sang chiếm Hà Nội, chính phủ Việt Nam chạy lên chiến khu. Mỹ không để nước lớn đàn áp nước bé, cho đệ thất hạm đội vào cứu Việt Nam. Thế chiến thứ ba bắt đầu như thế.

Giáo sư Huntington khuyên chính phủ Mỹ đừng làm như thế, vì theo thuyết của ông, Việt Nam thuộc vào khu vực văn minh của Trung Quốc, Trung Quốc

làm gì với Việt Nam thì người Mỹ đừng can thiệp.

Lời phê bình chung

Nói qua về giai thoại cuối này, đặt vấn đề một cách rõ rệt như thế thật là quá vụng về. Ai đã quan tâm đến tình hình thế giới những năm qua mà không nhớ lại chiến tranh Cao Ly. Năm đó ngoại trưởng Dean Acheson của Mỹ tuyên bố rằng Nam Hàn không thuộc trong vòng phòng thủ của Tây Phương; hôm trước hôm sau, Bắc Hàn đã tràn sang định thôn tính Nam Hàn.

Nếu nước Mỹ có ý định bỏ mặc Việt Nam thì cũng không nên giao hẹn trước; hẹn thế có khác gì như khuyến khích cho sự xâm lăng bởi một nước ngoài. Còn như việc chiếm Hà Nội, ta mong rằng quân đội Việt Nam từ 1979 đến nay, không suy bại đến nỗi để Hà Nội bị chiếm dễ dàng như thế. Ta cũng mong rằng quân đội Việt Nam lúc đó đã là quân đội của một nước tự do dân chủ. Và trên hết, ta mong rằng biến cố mà giáo sư Huntington tưởng ra sẽ không có, vì bấy giờ Việt Nam đã thuyết phục được sự ủng hộ nhiệt tình của các nước Tây Phương và sự yểm trợ của các nước bạn đã ngăn ngay từ trong trứng những ý định xâm lăng nước ta.

Nói chung, chủ trương của giáo sư Huntington nhằm chia thế giới ra từng vùng văn minh, và khuyên răn người Mỹ đừng can thiệp vào những việc ngoài vùng của mình, chẳng qua chỉ là một hình dạng mới của khuynh hướng biệt lập từ xưa vẫn có trong tư tưởng chính trị của người Mỹ. Chủ nghĩa biệt lập, cho rằng Mỹ nên sống riêng biệt, không can thiệp vào thế giới bên ngoài, đã gây tai hại lớn cho thế giới khi Tổng Thống Wilson rút Mỹ ra khỏi Âu Châu sau năm 1919, và như thế đã tạo điều kiện cho Thế Chiến thứ hai.

Riêng về cuốn sách, nếu có nhiều điều không đúng làm hại cho ta, ta phải thận trọng biện bác.

Để lập nên thuyết của ông, giáo sư Huntington đã dựa vào những dữ kiện về Đông Âu và về mối quan hệ giữa các dân tộc Hồi Giáo và Tây Phương, đều là trong một lãnh vực mà ông hiểu thấu hơn ai hết.

Nhìn về Đông Âu, ta thấy sự bang giao giữa Nga và các nước Ukraine hoặc

Bielorus quả thật không có gì căng thẳng. Điều này có thể gọi là xác minh cho thuyết rằng giữa các nước cùng một văn minh, những sự chống đối thường không có gì là trầm trọng. Năm vừa rồi, lâu sau khi sách đã ra đời, người Bielorus còn muốn trở về với Nga để nhập thành một nước; thuyết lại được xác minh thêm nữa.

Về những biến cố xảy ra ở các nước Hồi Giáo, từ Bắc Phi cho đến Trung Đông, những lời bàn trong cuốn sách đều đúng hết. Về những nước chung quanh Âu Châu: Đông Âu, Bắc Phi, Trung Đông, tầm hiểu biết của giáo sư Huntington là của bậc thầy. Ta chỉ học lấy thôi, không dám cãi. Nhưng về Á Đông, những nhìn nhận của ông có thể không hoàn toàn đúng lắm.

Nhật Bản và văn minh Tam giáo

Đối với ông, Nhật Bản là một văn minh khác biệt với Trung Quốc. Trong một quy mô nào đó, nhìn như thế cũng không sai. Xưa kia, bài "Bình Ngô đại cáo" cũng khẳng định rằng phong tục nước Nam ta khác hẳn phong tục phương Bắc. Trong khuôn khổ nhỏ hẹp, mình ta với người Hoa, thì nước ta cũng như Nhật Bản thật là khác biệt với Trung Hoa. Nhưng nếu đưa cả người Chiêm Thành vào cảnh, thì chắc đã thấy ta có nhiều điểm chung với người Hoa. Nói ta là một nước văn hiến, có nghĩa là nhận ta cùng văn minh (xa dã man) bằng Trung Quốc. Hồi bấy giờ ta chỉ biết có Trung Quốc là văn minh thôi. Nhưng nếu ta ý thức được là trên thế giới có nhiều văn minh khác, thì nói ta là nước văn hiến lại có nghĩa là nhận ta cùng chung một văn minh với Trung Quốc. Ta khác biệt hay ta cùng một văn minh với Trung Quốc, điều đó chỉ tùy tầm nhìn xa gần của mình mà thôi.

Nhật Bản là một nước đã chịu nặng ảnh hưởng của các đạo Khổng, Lão và Phật. Thực sự này hiển hiện, ai mà không thấy. Hè vừa rồi, tuần báo *Time* của Mỹ có viết cả một bài về lễ Vu Lan bên Nhật. Người Nhật cũng biết lễ Vu Lan như người Việt, người Hoa, tuy họ lễ vào ngày mười lăm tháng bảy Dương lịch. Người Nhật cũng có Tết Nguyên Đán, tuy họ đặt vào ngày mùng một tháng giêng Dương lịch. Hơn người Việt mình, người Nhật còn biết đọc chữ Nho.

Nhìn với tầm rộng bao trùm cả thế giới thì Nhật Bản, như Việt Nam ta và Trung Quốc, cũng thuộc về nền văn minh dựng trên Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Ta sẽ dùng từ "Tam giáo" để chỉ văn minh này.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế ngày nay, Nhật Bản so với Trung Quốc, xem thật là vĩ đại. Có lẽ bằng vào đó, chính người Nhật cũng tự cho mình là một văn minh khác biệt. Nhưng năm mươi năm nữa, khi Trung Quốc đã đuổi kịp Mỹ, với dân số chỉ bằng một phần mười dân số Trung Quốc, Nhật Bản sẽ lại thành một nước nhỏ.

Việt Nam trong văn minh Tam giáo

Năm mươi năm nữa thôi. Những người chúng ta trên tuổi nào đó còn nhớ năm nào không xa, đội bóng chày của Trung Quốc sang đua với Pháp. Hồi bấy giờ ai ai cũng đầy cảm tình với một đội bóng biết chắc thể nào cũng thua. Những năm đó, nhiều lực sĩ Trung Quốc khoe rằng đã nhờ lời dạy của Mao mà phá được bao nhiêu kỷ lục; họ đã làm trò cười cho thế giới. Chỉ ít năm sau, Trung Quốc đã trở thành vô địch thế giới về bóng chày, đặc biệt đội nữ. Trong những môn thể thao khác, Trung Quốc cũng đã thực sự vươn lên hàng đầu. Thể thao là một chúng chi. Kinh tế sẽ đi sau.

Năm mươi năm nữa, khi Trung Quốc đã đuổi kịp Mỹ, ta sẽ thấy thời gian một trăm năm vừa qua chỉ là một khoảnh khắc trong ngàn năm lịch sử. Lúc bấy giờ trong những nước thuộc văn minh Tam giáo, ở giữa sẽ có Trung Quốc là nước mạnh nhất, chung quanh có Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, Việt Nam, Singapore. Còn Malaysia và Indonesia, do thiếu số người gốc Hoa, cũng có phần ngả về khối này.

Khi đó, ta có cần để Trung Quốc làm nước nòng cốt theo như thuyết của giáo sư Huntington, hay làm Thiên Triều, như xưa ta nói không?

Về tín ngưỡng, nước Việt Nam ta đã chịu ảnh hưởng của Tam giáo, Khổng, Lão, Phật, như Trung Quốc. Ngôn ngữ, phong tục ta, đã hấp thụ rất nhiều phần đóng góp của người Hán. Sơn Tinh, Thủy Tinh, chắc là riêng biệt của ta, nhưng các vua Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, bà Nữ Oa đội đá vá trời, là từ truyện cổ tích Trung Quốc mà ra. Lưu

Thần, Nguyễn Triệu lạc lối tới Thiên Thai cũng là chuyện viết ra vào đời nhà Hán. Trong ngôn ngữ của ta, sáu bảy mươi phần trăm các từ là gốc Hán: "quần", "áo", "ao", "hồ", "thành", "lũy"... Những gì ta chia sẻ với Trung Quốc, kể ra không hết.

Ta với Trung Quốc cùng một văn minh thật! Trước hết ta phải xác nhận điều này, để tự biết mình là ai.

Nhưng ta có nhiều cách để giữ chủ quyền trước sức mạnh khổng lồ của nước cùng chia sẻ một văn minh với mình.

Một cách là tìm đường ra khỏi văn minh này. Một cách ấu trĩ là bài Hán, gạt bỏ những từ gốc Hán đã thông dụng từ lâu, để thay vào đó những từ mà ta cho là hoàn toàn có tính cách dân tộc. Trong thực tế ta đã dịch nguyên văn chữ Hán để tạo ra những từ mà ta cho là "dân tộc".

Ta đã có những từ như: tên lửa, máy bay lên thẳng, chữ thập đỏ... Dùng cụm từ "máy bay lên thẳng" để thay vào "trực thăng" thì ta không còn từ nào nữa để chỉ thứ máy bay, khi cất cánh thì lên thẳng, rồi lúc bay ngang thì như những máy bay thường. Còn như "chữ thập đỏ", nó chẳng phải Ngô mà chẳng phải ta, nghe khó; "thập" thì Ngô, "đỏ" thì ta, "chữ" thì chuyển âm từ chữ "tự", không biết Ngô hay ta.

Tổ tiên ta đã thấm nhuần Hán học để rồi với cái nếp đã thành như thế, dần dần tạo ra cái tiếng êm ấm mà ta yêu chuộng ngày nay. Bỏ chữ Hán để rồi tạo ra một thứ tiếng mới thì chắc ngàn năm nữa ta mới làm được cái gì ra hồn. Không những ta không nên bỏ chữ Hán, mà ta còn phải đưa nó trở về chương trình học vấn của ta.

Không phải vì ta học chữ Hán mà đương nhiên ta sẽ lệ thuộc vào Trung Quốc. Xưa kia, tổ tiên ta nhờ có học chữ Hán, khi quân Mông Cổ sang, mới chằm được vào tay hai chữ "Sát Đát" (giết Mông Cổ).

Ngày nay, trong văn minh Tam giáo, ta không còn phải một mình đối thoại với Trung Quốc nữa. Ta có nước bạn tự nhiên mà ta phải tìm cách liên kết với họ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore (xin chú ý là chữ Hán vẫn thông dụng trong những nước này).

Ta phải mong rằng Đài Loan sẽ không bị Hoa Lục xâm chiếm. Trong đoản kỳ những năm tới, sự này tùy thuộc về Mỹ nhiều. Nếu nhà nước Mỹ theo thuyết

"đấu tranh văn minh" mà để mặc Hoa Lục thẳng tay tự tiện, thì nguy cơ Đài Loan bị xâm chiếm sẽ rất lớn. Đài Loan bị xâm chiếm là một tai hoạ lớn cho ta. Eo biển Đài Loan là một khu chiến lược đối với ta rất trọng yếu.

Singapore không phải là một khu di dân của Trung Quốc. Singapore có thể so với nước Nam Việt của Triệu Đà ngày xưa, tuy đất đai nhỏ. Triệu Đà nguyên là một viên tướng của nhà Tần, nhưng Nam Việt là một nước đã mở đầu cho con đường độc lập của Việt Nam ta. Về quyền lợi, Singapore gần ta hơn là gần Hoa Lục.

Muốn gây được sự kết hợp giữa các nước văn minh Tam giáo chung quanh Trung Quốc, ta phải có một trình độ kinh tế và xã hội tương đương với họ.

Quan hệ chính trị với Tây Phương

Cam kết với các nước văn minh Tam giáo là một mục đích ngoại giao trọng yếu của ta. Ngoài văn minh của mình, ta phải kết bạn với các nước lân bang ở Đông Nam Á, như ta đã bắt đầu dần dần thực hiện ngày nay. Nhưng mối quan hệ có tầm quan trọng nhất cho ta là với Tây Phương, đặc biệt với Mỹ, là đại diện của Tây Phương tại Thái Bình Dương.

Ngược hẳn với thuyết của giáo sư Huntington, ta phải làm cho nước Mỹ chấp nhận một sự kết hợp chặt chẽ với ta. Đối với ta, Mỹ là nước có tiền giúp ta mở mang kinh tế, và có vũ khí hạt nhân có khả năng bênh vực ta khi sự sống còn của ta bị đe dọa.

Về phía Mỹ, ta phải làm sao cho họ coi mình là một nước văn minh, xứng đáng làm bạn với họ. Văn minh ngày nay đối với Tây Phương, có một yếu tố là tôn trọng phẩm giá con người. Từ đó có đòi hỏi bảo đảm cho nhân quyền, cho bình đẳng, cho công bằng trong xã hội. Muốn nước ta được coi là văn minh, nhà nước phải đối xử đúng đắn với những người phát biểu những tư tưởng trái với ý mình. Phải chấm dứt chế độ quản lý tại gia đối với những người đã được ra tù, mà còn bị sách nhiễu đủ đường. Sách nhiễu thế để làm gì? Nhà nước đã dám phóng thích những tù nhân chính trị mà ta biết đến. An ninh trật tự trong nước vì thế đã bị loạn chưa? Cứ nói dễ sự sống cho các người hiện còn đang bị quản lý tại gia, thế giới sẽ hoan hô, mà an ninh trật tự

trong nước cũng sẽ không có gì thay đổi.

Khi đã đủ trình độ, ta có thể tìm đến sự ủng hộ của dư luận Mỹ. Ta phải có một kế hoạch tích cực để tổ chức những buổi nói chuyện nhằm huy động dư luận, thu lấy cảm tình cho mình. Mỹ là một nước tự do dân chủ, ai có tài ăn nói cũng có thể phát huy tư tưởng của mình được. Đối với Mỹ, sự ủng hộ của dư luận quan trọng hơn là sự ủng hộ của nhà nước. Dư luận ủng hộ thì nhà nước sẽ theo.

Văn minh Tam giáo sẽ hấp thụ những giá trị của Tây Phương

Ta không thấy có gì bắt buộc người Việt Nam phải có sự chống đối với Tây Phương, và đặc biệt với người Mỹ. Người Việt Nam rất dễ thu nhận những tư tưởng của bên ngoài mang lại, có lẽ là vì dân Việt Nam đã quen sống ở nơi gặp gỡ của nhiều văn minh khác nhau. Người Việt mình sẽ có nhu cầu tìm đến những giá trị tinh thần của Tây Phương.

Nói chung, tất cả các dân tộc Á Đông cũng sẽ tìm đến những giá trị của Tây Phương. Người Nhật đã đi trước và đã đi tới. Những dân tộc khác bên Á Đông, nguyện vọng của họ cũng giống như nguyện vọng của người Việt mình.

Ta không thể so với các nước Hồi Giáo ở Trung Đông, vì vấn đề của ta khác hẳn. Sau thế chiến vừa qua, các nước Hồi Giáo ở Trung Đông đã mở cuộc chiến tranh trường kỳ với nước Do Thái; nước Do Thái là nước mà các nước Tây Phương sau cùng vẫn bênh vực, dưới hình thức này hay hình thức khác. Thái độ và hành vi chống đối Tây Phương, đặc biệt chống Mỹ, của các nước Hồi Giáo ở Trung Đông đã có vì lý do rõ ràng đó. Sự chống đối lại càng thêm phần gay gắt vì những thất bại các nước Hồi Giáo liên tiếp đã phải chịu đựng.

Giáo sư Huntington dựa vào sự kiện ở Trung Đông để kết luận rằng sự chống đối giữa các văn minh khác nhau bắt buộc phải có.

Nhưng tâm trạng người Á Đông khác hẳn với tâm trạng người Hồi Giáo ở Trung Đông.

Nhìn quanh thế giới ngày nay, ta có thấy và luôn luôn sẽ thấy nhiều sự tranh giành quyền lợi giữa Mỹ và Nhật hay Đại Hàn hay Đài loan. Đó là những sự cạnh tranh về kinh tế và thương mại; nó cũng xảy ra giữa Mỹ và Âu Châu, và giữa cả

các công ty Mỹ với nhau. Đó không phải là những xung đột giữa các văn minh khác nhau; trái lại, những sự cạnh tranh này nguyên do là giữa những công ty thường hoạt động theo một khuôn mẫu như nhau, có khi với những người lãnh đạo đều tốt nghiệp ở Harvard như nhau.

Nói về văn minh như ta hiểu ở đây, người Á Đông không có mặc cảm chống Tây Phương.

Người Á Đông biết mình có khả năng theo kịp Tây Phương nên không có lòng thù ghét. Ta không có thái độ "không ăn đạp đồ", bài bác Tây Phương vì thấy mình không theo nổi. Theo học Tây Phương, ta không lấy gì làm hổ thẹn. Đặng Tiểu Bình khi sang Mỹ đã thản nhiên nói: "Chúng tôi sẽ học nhiều của các ông".

Trong thiên niên kỷ tới, người Á Đông có khả năng sẽ dẫn đầu các nước tiền tiến trên thế giới.

Nhưng để đi đến trình độ đó, ta phải học nhiều, không những về khoa học và kỹ thuật (tổ chức công tác cũng thuộc về kỹ thuật), mà còn phải học về đạo lý nữa. Trong xã hội, khi đã đến một trình độ kinh tế cao, tự nhiên sẽ xuất hiện ra những nhà tư tưởng ý thức được những nhu cầu đạo lý của xã hội. Nhu cầu phải tôn trọng phẩm giá con người được Tây Phương đã nêu ra; ta sẽ hiểu tầm quan trọng của nó đối với nhân loại.

Theo nhiều người Tây Phương nói, ta có cảm tưởng như các văn minh đến thời điểm này, tự nhiên phải ngừng tiến, để tiếp tục sống riêng với những giá trị của quá khứ. Đặc biệt, những văn minh xưa không biết đến những giá trị của Tây Phương như nhân quyền, tự do, bình đẳng, công bằng xã hội, thì theo họ, cứ phải làm lơ với những giá trị đó đi, để tiếp tục sống theo những tư tưởng cũ.

Giáo sư Huntington và nhiều nhà tư tưởng cũng như nhiều nhà chính trị Tây Phương cho rằng giúp các dân tộc Á Đông đưa vào văn minh của mình những giá trị của Tây Phương là điều không nên, vì người Á Đông không cần đến những giá trị đó.

Ta có thể chấp nhận khái niệm văn minh của giáo sư Huntington, và sự phân loại của ông, trừ trường hợp Nhật Bản mà ông tách ra khỏi văn minh Tam giáo; vì tách ra như thế là nhìn theo một quy mô không đủ rộng lớn, trong không gian và trong thời gian.

Nhưng các văn minh phải luôn luôn có sự tương quan thì mới có tiến bộ.

Văn minh Tam giáo không biết khoa học và kỹ thuật, phải học khoa học và kỹ thuật của Tây Phương, và đã đang học một cách nhanh chóng. Thu nhập được khoa học và kỹ thuật, văn minh của ta tiến lên được một bước.

Nhưng những giá trị đạo đức cũng là thành phần của một văn minh. Nói mạnh hơn, nếu không có thành phần đạo đức thì một văn minh, theo nghĩa là hình thức của một cách sống, không còn văn minh nữa theo nghĩa là trái với dã man.

Văn minh Tây Phương cho ta biết rằng tiến bộ có thể có trong tri thức: trong khoa học, trong kỹ thuật, trong triết lý. Tiến bộ cũng có thể có, và phải có trong đạo lý. Thu nhập được những khái niệm nhân quyền, tự do, bình đẳng, công bằng xã hội của Tây Phương, là một bước tiến bộ về đạo lý đối với văn minh Tam giáo của ta.

Những đòi hỏi về nhân quyền, tự do, bình đẳng, công bằng xã hội là những đòi hỏi hợp với lẽ phải. Vì lẽ nào mà một số người lại có thể ép người khác phải nghỉ, phải làm, theo mình? Vấn đề đặt ra chỉ nôm na giản dị thế thôi.

Di nhiên, ta cần có luật pháp để điều hành cuộc sống trong xã hội. Trong tư tưởng xã hội ngày nay, được phổ biến là khuynh hướng chính hình, dùng hình pháp để ngăn ngừa những hành vi hỗn loạn; khuynh hướng chính hình đến thời Hàn Phi Tử, công tử nước Hàn, đã thành một lý thuyết vững chắc, chứ không phải là một sáng kiến của Tây Phương; Khổng Tử thì tin vào đạo đức để trị dân, hình pháp chỉ dùng đến, khi đạo đức đã tỏ ra không đủ. Đó là những cách khác nhau để thi hành luật pháp. Nhưng không có một lý lẽ nào có thể biện minh cho sự chuyên quyền của một nhóm người, dù được tuyển lựa bằng cách nào.

Nhân quyền, tự do, bình đẳng, công bằng xã hội, không phải là những giá trị thời trang của Tây Phương đã cường bá một thời. Đây là một đòi hỏi, đã do Tây Phương phát hiện ra, nhưng là một đòi hỏi vĩnh cửu của lẽ phải.

Cuộc tranh đấu cho những giá trị này ở các nước trên thế giới đều là đích đáng. Và các nước Tây Phương khi giúp vào cuộc tranh đấu này là theo chiều tiến bộ của nhân loại.

Nghiêm Phong Tuấn

Những vấn đề và thử thách của kinh tế Việt Nam ở đầu thế kỷ 21

Nguyễn Ngọc Hiệp

Nhìn lại suốt 25 năm vừa qua, từ khi Việt Nam thống nhất, chúng ta thấy đường lối lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng Sản Việt Nam về một khía cạnh nhất định đã có sự thay đổi trắng đen rõ rệt. Từ "cách mạng", "tiền phong", đảng cộng sản thực tế đã trở thành phần tiến bộ, có thể nói là phần động, hiểu như một đảng bị "chết đứng", không sinh hóa, không chuyển đổi. Từ 1975 tới nay, giới lãnh đạo cộng sản chủ trương giữ nguyên trạng chủ nghĩa xã hội và chính quyền nhà nước dưới sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản. Đó là bản chất của chính quyền cộng sản Việt Nam.

Chính sách "đổi mới" và "kinh tế thị trường" theo định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là hiện tượng của một chế độ kháng kháng muốn giữ đường lối và tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội nguyên trạng. Phân tích kỹ, chúng ta thấy chính sách "đổi mới" ra đời chỉ vì tình thế đã bắt buộc giới lãnh đạo cộng sản phải làm để tồn tại. Họ không chủ tâm và chủ động đề xướng "đổi mới" theo luật chuyển đổi tự nhiên của tạo hóa và theo yêu cầu tiến bộ vì ích quốc lợi dân. Họ đã "đổi mới" một cách rất ngập ngừng và đồng thời chống đối mạnh mẽ "diễn biến hòa bình". Kiểu "đổi mới" của đảng cộng sản chung quy là một sách lược để cố duy trì nguyên trạng một chế độ có lợi cho cấp lãnh đạo, cố giữ quyền thế và một tổ chức nhà nước mà họ coi là của riêng.

Bản chất của giới lãnh đạo cộng sản là sợ chuyển đổi, không muốn chuyển đổi, và xa hơn nữa, họ chống chuyển đổi. Bản chất lãnh đạo như thế chính là mầm mống của những bế tắc chồng chất về các mặt chính trị, kinh tế và xã hội. Giờ đây, ở đầu thế kỷ 21, kinh tế Việt Nam có những vấn đề và thử thách to lớn cần phải giải quyết đúng đắn để đất nước có thể vững bước tiến lên văn minh và giàu mạnh.

Nhìn tổng quát, kinh tế Việt Nam phải đối phó với bốn vấn đề và thử thách quan trọng nhất sau đây:

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển kinh tế bền vững để dân giàu nước mạnh và sinh hoạt chính trị có trình độ thấp kém về tự do, dân chủ và nhân quyền.

- Mâu thuẫn giữa vai trò khống chế hệ thống sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước có hiệu năng thấp với tiềm năng rất lớn của khu vực kinh tế tư nhân bị kìm kẹp, không đóng góp được theo khả năng vào sự phát triển đất nước.

- Mâu thuẫn giàu nghèo giữa thành phần đảng viên cộng sản quyền thế làm giàu bất chính với các tầng lớp nhân dân sống thiếu thốn và không có các quyền kinh tế cơ bản.

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu thu dụng lao động, giảm thất nghiệp và bán thụt nghiệp với tình trạng tư bản và đầu tư thấp kém không đủ để xây dựng cơ sở sản xuất mới và tạo thêm việc làm.

Phát triển kinh tế và tự do dân chủ

Kinh tế với chính trị như đũa có đôi, không thể tách rời nhau được. Không thể có đũa dài đũa ngắn, đũa cong đũa thẳng. Tiến bộ kinh tế và tự do dân chủ có những quan hệ gắn bó ảnh hưởng lẫn nhau phức tạp và đa diện. Một tài liệu nghiên cứu của *National Bureau of Economic Research* (Cambridge, Massachusetts) đã kết luận rằng (1):

Ổn định xã hội không có liên hệ và không phụ thuộc vào tính chất tự do dân chủ hay độc tài chuyên chính của một chế độ chính trị. Vậy lập luận cho rằng cần có một chính quyền độc tài, hoặc cần giới hạn tự do dân chủ để có ổn định cần thiết cho tiến bộ kinh tế hoàn toàn là nguy hiểm.

Tiến bộ kinh tế và lợi tức cao của người dân tạo ảnh hưởng tốt giúp nâng cao mức độ tự do dân chủ. Tuy nhiên quan hệ này không có tính cách nhân quả. Điều này phù hợp quan điểm cho rằng không cần quan tâm tới tự do dân chủ và chỉ cần phát triển sản xuất và kinh doanh thì tự nhiên sẽ có tự do dân chủ.

Quan hệ giữa tự do dân chủ và tiến bộ kinh tế là sự chuyển đổi song song và đồng bộ của tự do dân chủ càng cao thì kinh tế càng tiến bộ và lợi tức người dân cũng cao hơn.

Như vậy, vấn đề then chốt không phải là chọn lựa giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa mà là, như Francis Fukuyama cũng nhận định, thực hiện một chế độ tư bản tối ưu có tự do dân chủ.

Ảnh hưởng trực tiếp ngắn hạn của tự do dân chủ lên tiến bộ kinh tế không đáng kể. Nhưng về dài hạn, tự do dân chủ nâng cao văn hóa giáo dục và đầu tư, và do đó gián tiếp giúp kinh tế phát triển.

Thêm điều sau cùng này thì chúng ta có thể xác minh rằng tự do dân chủ và nhân quyền tuy không bảo đảm chắc chắn có tiến bộ kinh tế, nhưng là điều kiện cần không có không được để nâng cao mức sống của người dân, đưa đất nước tiến lên giàu mạnh.

Trở lại với tình hình Việt Nam, một trong những thử thách lớn và cơ bản ở đầu thế kỷ 21 này là xóa bỏ sự mâu thuẫn giữa yêu cầu tiến bộ kinh tế của đất nước với chế độ độc quyền lãnh đạo và bóp nghẹt tự do dân chủ của giới lãnh đạo cộng sản. Hiện nay giữa kinh tế với chính trị có hố sâu cách biệt quá lớn. Các quyền tự do dân chủ cơ bản của người dân về kinh tế cũng như về các lãnh vực khác bị hạn chế và vi phạm có hệ thống khiến kinh tế bị bế tắc, thụt lùi và ngày càng gần khủng hoảng.

Trong giới lãnh đạo cộng sản còn có những người ngoan cố không thừa nhận nhu cầu san bằng sự chênh lệch giữa kinh tế với chính trị, nhu cầu phải mở rộng tự do dân chủ, bảo vệ và tôn trọng nhân quyền để kinh tế vươn lên và tiến xa hơn nữa. Kinh nghiệm của chính Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho thấy chỉ quyết định xóa bỏ chế độ hợp tác xã (1988), rồi tăng quyền sử dụng đất từ 15 năm lên 20-50 năm (1993) cũng đủ biến Việt Nam thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai trên thế giới.

Chính sách "đổi mới" của đảng cộng sản đã hết hiệu nghiệm từ hơn ba năm nay. Chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" chính thức không còn là một nền kinh tế chỉ huy và theo kế hoạch tập trung. Tuy nhiên, trong thực tế kinh tế Việt Nam hoạt động theo chỉ thị dưới sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản và trong đó các quyền kinh tế cơ bản của người Việt không được thừa nhận và bảo vệ. Trong điều kiện như thế, các động cơ của một nền kinh tế thị trường bình thường không thể xuất hiện được để điều hòa sản xuất và kinh doanh. Luật cung cầu, cạnh tranh đúng đắn và thi đua bình đẳng không có hoặc bị tê liệt. Hiệu năng và sáng tạo không có cơ hội để phát triển. Thay vào đó chúng ta thấy quyền thế, quan hệ và "móc ngoặc" là những yếu tố ảnh hưởng các sinh hoạt trong "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Mặc dù có thêm luật mới, có nhiều pháp lệnh, nghị định và thông tư kể không hết, kinh tế Việt Nam vẫn không có định hướng, bị sa lầy rồi tụt hậu và giờ phút này chưa thấy lối đi lên. Vấn đề chủ yếu đặt ra là các trở ngại khó khăn của kinh tế Việt Nam có thể khắc phục được không và sản xuất kinh doanh có tiếp tục gia tăng bền vững không nếu sinh hoạt chính trị không có tự do dân chủ và dân quyền đích thực, nếu đất nước không có một xã hội dân sự, nếu không chấm dứt tình trạng đảng cộng sản độc quyền chiếm giữ nhà nước và đứng trên pháp luật?

Thử thách lớn quan trọng hàng đầu của Việt Nam ở đầu thế kỷ 21 là đất nước cần phát triển kinh tế song song với tiến bộ chính trị. Để sản xuất gia tăng lành mạnh, lợi tức người dân lên cao bền vững, nhất thiết phải có tự do dân chủ và nhân quyền cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, phải có nhà nước pháp trị (2). Giới lãnh đạo các quốc gia còn dè dặt với quan điểm này, tối thiểu cũng phải thừa nhận, phát triển kinh tế và tự do dân chủ và dân quyền phải tiến hành song song. Từ khi khủng hoảng kinh tế xảy ra tháng 7-1997 tại nhiều nước trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương, lập luận dựa vào "các giá trị Châu Á" để duy trì những chế độ độc tài hoặc quyền uy, chà đạp nhân quyền và chống lại tự do dân chủ đã bị đánh đổ

hoàn toàn. Gần đây cựu thủ tướng Tân Gia Ba Lý Quang Diệu và ngay cả chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã phải xét lại lập luận "các giá trị Châu Á". Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tuần báo *AsiaWeek*, ông Lý Quang Diệu xác định ông không quan niệm rằng "các giá trị Châu Á" là lý do thành công kinh tế của các con rồng Châu Á (3). Vào cuối tháng 9- 1999, nhân kỷ niệm 50 năm thành lập chế độ cộng sản Trung Quốc, chủ tịch Giang Trạch Dân đã tuyên bố tại Diễn Đàn Toàn Cầu do tạp chí *Fortune* tổ chức ở Thượng Hải (*Fortune Global Forum*, từ 27 đến 29-9-1999) rằng "có quan hệ hỗ tương chặt chẽ giữa nhân quyền tập thể và nhân quyền cá nhân, giữa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền chính trị".

Hiển nhiên không có một giá trị văn hóa Việt Nam nào hoặc một giá trị văn hóa Châu Á nào đối nghịch với tự do dân chủ và dân quyền. Ở Việt Nam nếu có cái gì ngăn cản người dân có quyền chính trị và tự do dân chủ, đó là giới lãnh đạo cộng sản. Lập luận cho rằng vì yêu cầu sản xuất và phát triển kinh tế phải có ổn định và, để bảo vệ ổn định, phải hạn chế có hệ thống tự do dân chủ hoàn toàn có tính cách nguy hiểm. Chính sách chà đạp dân quyền, chống "diễn biến hòa bình" của đảng cộng sản mâu thuẫn với yêu cầu tiến bộ kinh tế của dân tộc. Nó thể hiện bản chất lạc hậu và phản tiến bộ, muốn giữ độc quyền lãnh đạo nhà nước, đứng trên pháp luật và trên hiến pháp của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân

Hiến pháp Việt Nam có viết rằng cơ cấu kinh tế Việt Nam gồm "nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng" (điều 15). "Các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được nhà nước bảo hộ" (điều 22).

Thực tế chúng ta thấy, một mặt chính quyền cộng sản Việt Nam áp dụng triệt để chủ trương sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng và mặt khác vi phạm có hệ thống nguyên tắc bình đẳng giữa

các thành phần kinh tế. Kết quả là khu vực kinh tế quốc doanh lộng hành, khống chế hoàn toàn bộ máy kinh tế của cả nước. Khu vực kinh tế tư nhân bị thu hẹp hầu như chỉ gồm những cơ sở nhỏ bé ở tầm mức cá thể hoặc gia đình. Giới lãnh đạo cộng sản thi hành một chính sách hết sức vô lý là mở cửa mời đón đầu tư nước ngoài, ngày càng dành thêm tự do sản xuất kinh doanh cho doanh nhân nước ngoài nhưng lại kìm kẹp kinh tế tư nhân ở trong nước!

Kinh tế phát triển tốt, bền vững hay không, có hiệu quả cao hay thấp phải chủ yếu dựa vào các động lực kinh tế trong nước và thứ yếu là đầu tư nước ngoài. Bởi vậy, sự tham gia và đóng góp của đông đủ các thành phần hợp thành nền tảng kinh tế quốc gia là một bất buộc. Ngoài ra sự tham gia và đóng góp ấy cần phải dựa trên tiềm năng sản xuất và kinh doanh đúng đắn của mỗi thành phần kinh tế trong khuôn khổ một tổ chức kinh tế thị trường lành mạnh.

Từ hơn hai năm nay, khi đầu tư nước ngoài giảm sút, chính quyền cộng sản Việt Nam dần dần chấp nhận chuyển đổi cho kinh tế tư nhân hoạt động dễ dàng hơn, nhưng một cách nhỏ giọt và tùy tiện. Trong khi khu vực kinh tế quốc doanh tiếp tục được ưu đãi, khu vực này luôn luôn tăng trưởng chậm hơn khu vực kinh tế tư nhân, thường bằng một phần hai tỷ lệ gia tăng của kinh tế tư nhân. Chẳng hạn, theo thống kê nhà nước, trong 9 tháng đầu năm 1999, kinh tế quốc doanh tăng 4,5% so với 8% của khu vực tư nhân. Nếu so sánh với khu vực đầu tư nước ngoài thì chỉ bằng một phần tư. Hiệu suất của khu vực quốc doanh cũng thấp kém hơn tất cả. Số liệu mới nhất của chính quyền Việt Nam cho biết, theo phương pháp hạch toán xã hội chủ nghĩa, trên tổng số 5.430 doanh nghiệp nhà nước được kiểm tra có 3.235 doanh nghiệp (60%) làm ăn thua lỗ, không có khả năng hoàn trả vốn vay nợ. Một số khác có lời, nhưng tỷ lệ lời/vốn thấp hơn lãi suất ngân hàng. Ngoài ra có cả trường hợp phi lý như doanh nghiệp lỗ là nặng nhưng vẫn hoạt động trong khi nếu đóng cửa doanh nghiệp và tiếp tục trả lương cho nhân viên còn đỡ thiệt hại hơn. Tình trạng thiết bị, máy móc và trình độ quản lý của khu vực kinh tế quốc doanh rất yếu kém. Kinh tế quốc

doanh là nền tảng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", nhưng không giữ được vai trò chủ động. Sự đóng góp của kinh tế quốc doanh vào sự tăng trưởng của GDP là 51% năm 1996 đã giảm xuống 24% năm 1998. Nói một cách tương đối thì kinh tế quốc doanh là một gánh nặng cản trở thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh. Kinh tế quốc doanh thời buổi "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" trong thực tế không khác nhiều so với lúc dưới chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa mà cựu thủ tướng Tân Gia Ba, Lý Quang Diệu, gần đây đã đánh giá là "một trong những hệ thống tổ chức kinh tế lãng phí nhất lịch sử loài người" (diễn văn đọc ngày 29-9-1999 tại Thượng Hải) (4).

Kinh tế Việt Nam hiện nay gần kề khủng hoảng là tại làm sao? Một trong những lý do chính là bởi khu vực kinh tế quốc doanh, vốn là nền tảng, nhưng hoạt động theo chỉ thị của giới lãnh đạo cộng sản và không đóng góp tương xứng vào sự phát triển kinh tế. Kinh tế quốc doanh là một công cụ phục vụ quyền lợi của đảng cộng sản, dùng để nuôi dưỡng và cấp việc làm cho đảng viên, giữ đảng viên trong tổ chức và để bảo tồn chế độ. Khu vực kinh tế quốc doanh không theo quy luật cung cầu, không tôn trọng tổ chức thị trường lành mạnh, không có yêu cầu thi đua và cạnh tranh, không được quản lý và kiểm tra đúng đắn. Từ nhiều năm nay, chính quyền Việt Nam loay hoay sửa đổi, hứa hẹn chuyển đổi khu vực kinh tế quốc doanh để trở nên hữu hiệu, đóng góp tích cực và nhiều hơn vào sự phát triển kinh tế. Nhưng kết quả không có tính cách thuyết phục. Hiện nay nhà cầm quyền cộng sản còn vòng quanh trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân. Điển hình nhất là chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng không tư nhân hóa, chủ trương bình đẳng giữa các thành phần kinh tế nhưng ưu đãi kinh tế quốc doanh và kìm kẹp kinh tế tư nhân. Giới lãnh đạo cộng sản không những quanh co mà còn thiên cận và quyết định bừa bãi, không cân nhắc. Cách đây không lâu, thủ trưởng kế hoạch và đầu tư Nguyễn Nhạc giải thích bằng quyết định của chính phủ để các cơ

sở liên doanh trở thành 100% nước ngoài và nêu lý do phía Việt Nam thiếu khả năng quản lý, khó khăn trong sản xuất và kinh doanh khiến phần lớn là do các doanh nghiệp liên doanh bị thua lỗ và nhà nước không thu được thuế. Trong khi khu vực kinh tế tư nhân bị kìm kẹp, quan điểm sửa đổi quan hệ liên doanh với nước ngoài nói riêng, cải tiến hoạt động kinh tế quốc doanh nói chung như vừa kể rõ ràng hoàn toàn sai hướng và không đúng đắn.

Nhiều chuyên gia ngay trong chính quyền (như ông Lê Đăng Doanh) cũng phải thừa nhận rằng cần phải có một đường lối chuyển đổi khu vực kinh tế quốc doanh một cách toàn bộ và mạnh bạo hơn. Thực trạng kinh tế ngày càng khó khăn của Trung Quốc báo trước rằng giải quyết quan hệ kinh tế quốc doanh - kinh tế tư nhân trong khuôn khổ chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" chỉ là một giải pháp tạm thời không bảo đảm tiến tới văn minh tiến bộ.

Giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam có biết chăng độc quyền nhà nước thì dễ, nhưng độc quyền phát triển kinh tế khó lắm! Nếu tiếp tục chế độ kinh tế như hiện nay chắc chắn sẽ thất bại trong nỗ lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

Để thực hiện dân giàu nước mạnh nhất thiết phải vận động tất cả các tài nguyên và phương tiện kinh tế ở trong và ngoài nước, phải có sự tham gia và cố gắng đóng góp của tất cả các thành phần kinh tế, mà quan trọng nhất và có nhiều tiềm năng là khu vực kinh tế tư nhân. Trong mâu thuẫn kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân, mặt chính của mâu thuẫn là kinh tế tư nhân. Một đường lối mạnh bạo và đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn đó cần phải dựa trên căn bản tối thiểu là để kinh tế tư nhân làm nền tảng, giải thể khu vực kinh tế quốc doanh, phá bỏ các bức tường giam hãm kinh tế tư nhân, và đồng thời chuyển đổi toàn bộ hệ thống tổ chức và quản lý kinh tế quốc gia. Đặc biệt là khuyến khích kinh tế tư nhân đầu tư sản xuất, hỗ trợ thành lập các cơ sở mới, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ một nhà nước pháp trị. Như vậy, vấn đề và thử thách lớn thứ nhì của Việt Nam ở đầu thế kỷ 21 là tạo điều kiện cần và đủ

để khu vực kinh tế tư nhân nảy nở, bành trướng, trở nên đa dạng, phong phú và năng động, hoạt động bình đẳng với các doanh nghiệp nhà nước.

Mâu thuẫn giàu nghèo trong xã hội Việt Nam

Bất cứ xã hội nào cũng có sự cách biệt kinh tế giữa các thành phần xã hội. Nhưng ở Việt Nam, sự cách biệt giàu nghèo nói chung, về thu nhập đầu người nói riêng, vô lý, bất chính và quá đáng. Trước đây, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, xã hội Việt Nam tương đối đồng đều trong sự khó khăn thiếu thốn. Bây giờ với chính sách "đổi mới" thì hoa lợi do sự tăng trưởng kinh tế tạo ra lại được phân chia một cách hết sức không đồng đều. Nói chung, chính sách "đổi mới" đã tạo ra hai thành phần xã hội: một bên là tầng lớp đảng viên đã thành công "đổi mới" cuộc đời của họ, cải tiến mức sống bản thân và bên kia là đại đa số quần chúng bị chính sách "đổi mới" bỏ quên hoặc gạt sang một bên, sống trong thiếu thốn và khó khăn.

Sự cách biệt về thu nhập đầu người ở nước ta bất công và gay gắt, trong thực tế nó là mâu thuẫn giàu nghèo tạo ảnh hưởng không tốt về mặt xã hội, không thuận lợi cho sự phát triển kinh tế. Mâu thuẫn này xuất phát từ trong lòng chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Chế độ kinh tế này thực chất là một thứ liên minh méo mó giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường. Qua liên minh này, giới lãnh đạo cộng sản chủ trương không từ bỏ chủ nghĩa xã hội và cũng không chấp nhận kinh tế thị trường. Họ hy vọng chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước để có khả năng kinh doanh và cạnh tranh mà không cần có một tầng lớp doanh nhân Việt Nam sáng tạo và năng động. Họ thừa nhận quyền sở hữu nhưng ngăn chặn người Việt hoạt động kinh tế tự do, làm chủ phương tiện sản xuất. Họ cần kinh tế thị trường nhưng không chủ trương cạnh tranh công khai và bình đẳng. Trong thực tế, một mặt, họ dựa vào chủ nghĩa xã hội, dùng quyền và thế để nắm giữ sản xuất và kinh doanh của cả nước và, mặt khác, họ lợi dụng kinh tế thị trường để làm giàu một cách bất chính. Hệ thống tổ chức và hoạt động "kinh tế thị

trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" chỉ là sự pha trộn và cấu kết đen tối giữa đường lối xã hội chủ nghĩa với quy luật kinh tế thị trường. Cuối cùng nó chỉ đem lại những hậu quả rất vô lý như người Việt không có quyền sở hữu đất chỉ có quyền sử dụng đất, chính quyền cổ phần hóa nhưng không tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước; nhà nước chấp nhận kinh tế tư nhân là một thành phần nhưng chủ trương gia tăng tỷ trọng của kinh tế quốc doanh trong tổng sản lượng nội địa. Liên minh xã hội chủ nghĩa - kinh tế thị trường của đảng cộng sản không theo đuổi một lý tưởng hoặc chủ nghĩa nào cả. Nó chỉ là một sách lược mà giới lãnh đạo cộng sản dùng để tổ chức sản xuất kinh doanh làm giàu cho bản thân và phục vụ mạng lưới quan hệ và quyền lợi bất chính. Nó cũng là nguyên do gây ra mâu thuẫn giàu nghèo rất trầm trọng trong xã hội Việt Nam.

Mâu thuẫn giàu nghèo là mâu thuẫn giữa thành phần có quyền có thể trong chính quyền và đảng cộng sản, làm giàu bất chính bằng tham nhũng hối lộ và chiếm đoạt tài sản nhà nước, và các tầng lớp nhân dân không có các quyền kinh tế cơ bản để có thể thỏa mãn yêu cầu chính đáng xây dựng một cuộc sống tốt đẹp. Tình trạng đảng viên có quyền thế và làm giàu bất chính là một hiện tượng quá rõ rệt và nghiêm trọng khiến giới lãnh đạo cộng sản phải thừa nhận nhưng chỉ thỉnh thoảng có những lời tuyên bố bài trừ trống rỗng. Một doanh nhân nước ngoài đã tuyên bố rằng hơi thở đối với con người quý như thế nào thì tham nhũng đối với chính quyền cộng sản Việt Nam cũng cần thiết như vậy!

Tháng 5- 1999, ủy ban quản lý tài sản nhà nước thuộc bộ tài chính Việt Nam tiết lộ rằng một cuộc kiểm kê tài sản của 55.000 cơ quan chính quyền cho thấy tài sản nhà nước bị thiếu hụt mất mát 29%. Nói thẳng ra là tài sản nhà nước bị thành phần có quyền thế trong đảng và chính quyền chiếm đoạt và trị giá tài sản bị mất như thế ước lượng là 5,8 tỷ USD! Một tài liệu nghiên cứu của *Institute of Southeast Asian Studies*, Singapore (5) cho biết từ 20 tới 40% trị giá các dự án đầu tư nước ngoài trong ngành xây dựng là "tiền quan hệ", tức là tiền hối lộ cho giới quyền thế trong các cơ quan hành chính

và tổ chức đảng. Tài liệu còn tiết lộ thêm rằng các dự án xây dựng do cơ quan nhà nước Việt Nam thực hiện quá tốn kém, phí tổn cao hơn giá chuẩn khoảng 20-30%. Gần đây, tổng giám đốc Honda Việt Nam cho biết những phí tổn linh tinh (hiểu là "tiền quan hệ") và thuế khóa cao làm giá thành xe gắn máy ở Việt Nam cao hơn gần hai lần giá thành ở Thái Lan.

Dựa vào các tin liệu vừa nêu thì chúng ta có thể xác định rằng mâu thuẫn giàu nghèo giữa thành phần quyền thế trong đảng hoặc chính quyền và các tầng lớp nhân dân không phải là sự cách biệt thu nhập bình thường trong một xã hội công bằng, văn minh và tiến bộ. Theo một vài nguồn tin thì thành phần quyền thế giàu có trong đảng cộng sản ước lượng khoảng từ 300.000 đến 400.000 người. Cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng tuyên bố nhân "chiến dịch bài trừ tham nhũng" tháng 5-1999 rằng Việt Nam có bốn nguy cơ là tham nhũng, nghèo khó, "diễn biến hòa bình" và xã hội chủ nghĩa lệch hướng. Tham nhũng và nghèo khó diễn nghĩa cách khác chính là mâu thuẫn giàu nghèo trong xã hội Việt Nam.

Số liệu tháng 4-1999 của tổ chức lao động quốc tế (OIT/ILO) cho biết 25% dân số Việt Nam còn sống trong bần cùng và túng thiếu. Tháng 9- 1999, WB-UNDP-SIDA nhận định rằng khoảng 30% dân số Việt Nam có thu nhập đầu người không cao hơn 100 USD/năm và thu nhập của 20% dân số giàu nhất gấp 7,3 lần thu nhập của 20% số dân nghèo nhất. Tài liệu của WB-UNDP-SIDA còn cho biết cách biệt giàu nghèo năm 1998 ở Việt Nam lớn hơn năm 1993, tính trung bình trong năm 1998 thu nhập đầu người mức cao nhất gấp 11 lần thu nhập mức thấp nhất trong khi năm 1993 chỉ gấp 3 lần. Nói chung, chênh lệch giàu nghèo ở thành thị trầm trọng hơn ở nông thôn. Tin từ chính quyền Việt Nam cho biết ở nông thôn khoảng cách giàu nghèo là 20 lần, trong khi ở thành thị lên tới 40 lần.

Mâu thuẫn giàu nghèo không những là một bất công xã hội mà còn là một trở ngại cho sự phát triển kinh tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Châu Á - Thái Bình Dương xảy ra tháng 7-1997 đã làm giảm sút đáng kể nhịp độ phát triển của

kinh tế Việt Nam. Chính quyền cộng sản đã nghi tới biện pháp khuyến khích tiêu dùng để sản xuất và kinh doanh giữ vững nhịp độ tăng trưởng của những năm trước. Nhưng thu nhập đầu người quá thấp và nhất là sự chênh lệch giàu nghèo đã khiến các biện pháp đó không thể áp dụng được. Việt Nam chưa có một thị trường tiêu dùng đủ trưởng thành để có thể bị ảnh hưởng bằng lãi suất, tín dụng hoặc giá cả. Sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn, sức mua của người dân quá thấp, do đó không cho phép các biện pháp kích thích tiêu dùng có kết quả như chờ đợi.

Ở Việt Nam, mâu thuẫn giàu nghèo còn xảy ra giữa thành thị và nông thôn. Tuy thu nhập của người Việt trung bình là 350 USD/năm nhưng không đồng đều. Theo số liệu của WB-IMF-ADB, cùng với ước tính của người viết, thì thu nhập trung bình đầu người ở Sài Gòn cao hơn những nơi khác, khoảng 1.350-1.400 USD/năm, so với 1.000-1.100 USD ở Hà Nội. Tại các tỉnh khác, thu nhập đầu người từ 550 USD ở các tỉnh nhỏ (dân số khoảng 100.000 người) tới 1.000 USD tại các tỉnh đông dân (khoảng 400.000-500.000 người hoặc cao hơn). Thu nhập đầu người ở Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang, Huế khoảng 900-1.000 USD, ở Hải Phòng, Đà Lạt, Phan Thiết, Mỹ Tho khoảng 800-850 USD. Nếu tính chung cho 18 triệu dân sống ở tỉnh thành thì thu nhập đầu người khoảng 950-1.000 USD so với 150-160 USD cho 59 triệu dân sống tại các làng xã. Như vậy, tính trung bình, dân tỉnh thành có thu nhập cao hơn gấp khoảng 6 lần dân ở nông thôn.

Sự chênh lệch giàu nghèo còn cho thấy sự cách biệt hết sức phi lý về lương bổng giữa tầng lớp đảng viên lãnh đạo các cơ quan hành chính hoặc kinh tế và tập thể lao động. Lấy thí dụ các doanh nghiệp nhà nước liên doanh với đầu tư nước ngoài. Một cuộc kiểm tra 175 xí nghiệp liên doanh ở Sài Gòn do Bộ Lao Động, Thương Binh và Xã Hội thực hiện tháng 9-1999 cho thấy lương của cấp chỉ huy xí nghiệp trung bình cao gấp 15-20 lần lương trả cho lao động không chuyên môn (55-60 USD). Kết quả kiểm tra còn nêu trường hợp một viên chức giám đốc xí nghiệp lĩnh lương gấp 62 lần lương nhân viên thấp nhất!

Mâu thuẫn giàu nghèo trong xã hội Việt Nam là một hiện tượng xuất phát từ tham nhũng, lợi dụng nhân danh, lạm dụng quyền thế và chiếm đoạt tài sản nhà nước bởi các thành phần lãnh đạo đảng, các giới chỉ huy các cơ quan hành chính hoặc giám đốc các cơ sở sản xuất và kinh doanh. Nó là sản phẩm trực tiếp của chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", và chế độ này chỉ là tàn dư của hệ thống tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, đảng cộng sản đã thay một hệ thống tổ chức kinh tế "*lãng phí nhất lịch sử loài người*" bằng một chế độ kinh tế "*lãng phí và tham nhũng có một không hai*". Xóa bỏ chế độ kinh tế này, giải quyết mâu thuẫn giàu nghèo trong xã hội Việt Nam là một vấn đề và thử thách lớn khác đặt ra cho đất nước chúng ta ở đầu thế kỷ 21.

Yêu cầu đầu tư và thu dụng lao động

Đầu tư có mục đích nâng cao sản xuất, phát triển kinh doanh, đưa đất nước tiến lên văn minh tiến bộ. Song song, đầu tư cũng có vai trò tạo việc làm, thu dụng và đào tạo lao động, chống thất nghiệp và bán thất nghiệp. Như vậy, một cách gián tiếp, đầu tư giúp xã hội có ổn định và đem lại ấm no và hạnh phúc cho người dân.

Thành phần lao động Việt Nam hiện nay ước lượng gần 40 triệu người. Khoảng gần 70% hoạt động về nông-lâm - ngư nghiệp và 30% làm việc trong ngành công nghiệp, dịch vụ và hành chính nhà nước trung ương và địa phương. Hàng năm có thêm ước chừng 1,2 triệu người tới tuổi lao động, nhưng số việc làm mới tạo ra chỉ thu dụng được khoảng 800.000 người. Tình trạng thiếu vốn đầu tư và khan hiếm việc làm đã khiến thất nghiệp gia tăng, bán thất nghiệp xảy ra ở khắp nơi và trong mọi ngành. Mức độ thất nghiệp và bán thất nghiệp, tình trạng thiếu việc làm hoặc lao động không sử dụng đúng mức trầm trọng hơn nhiều các con số do nhà nước loan báo. Tin tức từ chính quyền nói rằng tỷ số thất nghiệp toàn quốc tăng đều từ 1996, và ngày nay là khoảng 7%-8% nhưng báo *South China Morning Post* (28-7-1999) thuật lại rằng bộ Lao Động, Thương Binh và Xã Hội dự đoán số người thất nghiệp có thể lên tới 8 triệu

vào cuối năm 1999, tương đương với 22% tổng số người lao động. Ngân Hàng Thế Giới nhận định rằng các doanh nghiệp nhà nước dư thừa khoảng 20-30% lao động (6). Theo sự phân tích của người viết, tỷ số thất nghiệp và bán thất nghiệp ở Việt Nam không thể thấp hơn 25%. Hiện tượng lao động di cư từ nông thôn lên thành thị (số lao động này ước lượng khoảng 3 triệu người), sinh viên ra trường không có việc làm, chính quyền phải ký nghị định (tháng 10-1999) khuyến khích thành lập doanh nghiệp chuyên về dịch vụ xuất khẩu lao động, số người thất nghiệp không có việc trong thời gian lâu hơn 12 tháng lên tới gần 50%, v.v... là biểu hiện của mâu thuẫn rất trầm trọng giữa yêu cầu thu dụng lao động và tình trạng yếu kém về đầu tư sản xuất, giữa số lao động tìm việc đông đảo nhưng số việc tạo ra thì ít. Chính quyền cộng sản hoàn toàn bất lực không giải quyết được mâu thuẫn này.

Khả năng tạo việc làm, thu dụng lao động và giảm thất nghiệp chủ yếu tùy thuộc vào số lượng vốn đầu tư, đặc biệt vốn từ các nguồn trong nước. Ngoài ra sự phân chia đầu tư giữa các khu vực quốc doanh và tư nhân, giữa các doanh nghiệp lớn và bé, giữa các ngành các nghề cũng ảnh hưởng lên số việc làm tạo ra và tỷ số thất nghiệp. Vậy xét về số lượng và phẩm chất của đầu tư ở Việt Nam thì như thế nào?

Tổng cộng tất cả các nguồn vốn đầu tư trong năm 1998 là khoảng 4,5 tỷ USD. Tỷ số đầu tư/GDP khoảng 16-18% rõ ràng không đủ để tạo đủ việc làm và giảm bớt thất nghiệp. Vốn trong nước ước lượng 2,5 tỷ USD, còn lại là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) 800 triệu USD, viện trợ phát triển chính thức (ODA) 1,2 tỷ US. So với cách đây 2 hoặc 3 năm vốn trong nước không thay đổi nhiều, nhưng vốn đầu tư nước ngoài (FDI cộng với ODA) đã giảm khoảng 50%. Tính cho năm 1999, tổng số đầu tư có lẽ tương đương với năm 1998. Như vậy có thể kết luận rằng bước sang thế kỷ 21, Việt Nam không có triển vọng giải quyết mau chóng nạn thất nghiệp. Vấn đề huy động tiết kiệm và vốn trong nước từ nhiều năm nay vẫn không tiến. Doanh nhân nước ngoài chán ngán và thấy lợi điểm đầu tư ở Việt Nam tan biến dần. Còn lại đầu tư viện

trợ phát triển chính thức, nhưng vì hướng về hạ tầng cơ sở và dịch vụ nên không có khả năng tích lũy gây vốn đầu tư mới. Mâu thuẫn giữa đầu tư và yêu cầu tạo việc làm là một thử thách càng gay go hơn vì chính quyền Việt Nam còn bám víu vào chủ trương kinh tế quốc doanh giữ vai trò nền tảng và dành ưu tiên cho sản xuất biến chế để thay thế hàng hóa nhập khẩu.

Trong vấn đề tạo việc làm, thực tế cho thấy, ở bất cứ trình độ phát triển nào, trong một nền kinh tế tiên tiến hay chậm tiến, các doanh nghiệp nhỏ và trung tạo việc làm nhiều hơn và cần vốn đầu tư ít hơn cho mỗi việc làm tạo ra so với các doanh nghiệp lớn. Ở Việt Nam điều này đúng hơn nữa vì gần 6.000 doanh nghiệp nhà nước mà đa số có tầm vóc lớn chiếm 20% tổng số đầu tư của cả nền kinh tế, 50% tổng số tín dụng ngân hàng nhưng chỉ thu dụng khoảng 2,5 triệu người trên tổng số lao động 40 triệu người (7). Trong khi đó, khu vực kinh tế tư nhân với hơn 24.000 doanh nghiệp tầm vóc trung hoặc bé và trên 2 triệu cơ sở kinh tế cá thể và gia đình, tuy không được vay mượn vốn ngân hàng một cách dễ dàng, đã tạo việc làm cho ước chừng 8,5 triệu người. Như vậy, khu vực kinh tế quốc doanh không những không có khả năng tạo việc làm và khi tạo ra việc làm thì rất tốn kém. Ngân Hàng Thế Giới ước lượng một việc làm do xí nghiệp quốc doanh tạo ra cần một số vốn đầu tư khoảng 18.000 USD so với 800 USD nếu là xí nghiệp tư nhân, như vậy gấp hơn 20 lần (8). Mặc dù như vậy, chính quyền cộng sản tiếp tục kìm kẹp kinh tế tư nhân, làm giảm khả năng tạo việc làm và hạn chế rất nhiều nỗ lực đóng góp của khu vực này vào yêu cầu giải quyết thất nghiệp.

Còn một điều khác hết sức bất lợi là chính quyền cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển sản xuất nhằm thay thế nhập khẩu trong những ngành dùng nhiều tư bản (cũng có nghĩa là cần ít lao động) trong khi yêu cầu là ưu tiên đầu tư và mở mang các ngành biến chế thu dụng nhiều lao động. Chủ trương đó đòi hỏi phải bảo vệ hoạt động sản xuất trong nước mặc dù các sản phẩm có giá thành cao và chất lượng thấp, điều này áp dụng đặc biệt với các ngành sản xuất xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, xi măng, sắt

thép, phân bón và đường ăn. Ngoài ra nó ảnh hưởng chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài khiến đầu tư này tập trung trong những ngành vừa sử dụng ít lao động vừa hướng về thị trường tiêu dùng trong nước, chỉ trừ có ngành sản xuất quần áo và giày dép cần nhiều lao động và nhắm thị trường xuất khẩu. Tính tới cuối năm 1999, số đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thực hiện tổng cộng là 10,5 tỷ USD nhưng chỉ thu nhận 280.000 người làm việc. Đầu tư nước ngoài không đóng góp nhiều trong vấn đề tạo việc làm ở Việt Nam.

Quyền có công ăn việc làm là một trong những quyền kinh tế cơ bản của con người, nhưng chính quyền cộng sản không tạo điều kiện dễ dàng và thuận lợi để người dân có việc, có nghề, để khu vực kinh tế tư nhân dễ dàng thiết lập cơ sở sản xuất và kinh doanh thu dụng lao động. Hiện nay chính quyền cộng sản đối xử với kinh tế tư nhân như loại công dân hạng nhì, không dành cho khu vực này những quyền bình đẳng với kinh tế quốc doanh. Ngoài ra, tình hình thế giới ngày nay biến chuyển theo hướng toàn cầu hóa và các nước đều mở cửa để trao đổi thương mại được dễ dàng hơn. Trong bối cảnh này, Việt Nam càng cần hướng đầu tư trong các ngành sản xuất có lợi thế so sánh, có tiềm năng xuất khẩu và đồng thời thu dụng nhiều lao động.

Đảng cộng sản vô vọng giải quyết các vấn đề và thử thách kinh tế

Từ khoảng ba năm nay, kinh tế Việt Nam xuống dốc không ngừng và không có dấu hiệu đổi hướng vươn lên. Trong khi các vấn đề và thử thách kinh tế của nước ta đòi hỏi những chuyển đổi đích thực, sâu rộng và trong mọi lãnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, v.v..., giới lãnh đạo cộng sản lại theo đuổi và bám víu một chính sách "đổi mới" giả hiệu. Xã hội Việt Nam cần có những giá trị tích cực, những tổ chức sáng tạo, những phương pháp năng động nhưng đảng cộng sản lại áp đặt và duy trì một chế độ kinh tế vừa "lãng phí nhất lịch sử loài người" vừa mắc bệnh tham nhũng trầm trọng. Phát triển kinh tế, tăng cường sản xuất, mở rộng kinh doanh là quyền lợi và bổn phận của mỗi người Việt, nhưng đảng cộng sản đã độc quyền

nhà nước lại còn muốn độc quyền cả phát triển kinh tế. Biết bao giờ kinh tế Việt Nam mới hồi phục bởi vì những hàng rào ngăn cản người Việt tham gia sản xuất kinh doanh trong nước? Biết chừng nào xã hội Việt Nam trở nên văn minh tiến bộ trong khi mâu thuẫn giàu nghèo còn sâu đậm, nạn thất nghiệp và bán thất nghiệp tràn đầy?

Kinh tế Việt Nam đang đứng trước nhiều thử thách khó khăn, phạm vi của các vấn đề, các mâu thuẫn quan hệ tới tự do dân chủ, bình đẳng chính trị, công bằng xã hội, nhà nước pháp trị, chính quyền trong sáng, con đường đi tới giàu mạnh, văn minh, tiến bộ còn rất trắc trở.

Tiếp tục "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" hoặc chính sách "đổi mới" nửa vời để đối phó với các vấn đề và thử thách của kinh tế tức là đi vào con đường vô vọng. Có thể nào trông chờ giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam, bước sang thế kỷ 21, mở đầu một kỷ nguyên mới bằng cách áp dụng một đường lối thúc thời gây được lạc quan và tin tưởng chăng? Mới gần đây, tháng 11-1999, nhân kỳ họp của ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã tuyên bố rằng "Thế kỷ 20 là thế kỷ tranh đấu giành độc lập và tiến lên xã hội chủ nghĩa; thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia, xây dựng, củng cố và hoàn thiện xã hội chủ nghĩa". Giới lãnh đạo Việt Nam bước vào thế kỷ 21 với quan điểm như thế thì chắc chắn tình hình kinh tế vô vọng tiếp diễn. Những vấn đề và thử thách của kinh tế Việt Nam chỉ là báo động khủng hoảng gần kề.

Dân tộc Việt Nam có đủ tiềm năng giải quyết các vấn đề kinh tế lớn hoặc khó nhất. Các thử thách kinh tế cần phải được chuyển thành cơ hội cho tất cả người Việt vận động và thi thố tài năng, cho đất nước lập nên những thành tích và tiến bộ vượt bậc. Tự do dân chủ, nhà nước pháp trị, lấy kinh tế tư nhân làm nền tảng, xóa bỏ mâu thuẫn giàu nghèo, huy động và nâng cao các nguồn vốn trong nước, hướng dẫn đúng đắn đầu tư nước ngoài, có đường lối và hình thức đầu tư chống thất nghiệp là những mục tiêu cần phải theo đuổi và xây dựng để đánh tan tình hình vô vọng và báo động hiện nay, để người Việt có lý do hy vọng

bản thân có một tương lai ấm no hạnh phúc, quê hương có văn minh tiến bộ.

Nguyễn Ngọc Hiệp

(1) John F. Helliwell, *Empirical Linkages Between Democracy And Economic Growth*, working paper No 4066, National Bureau of Economic Research, Cambridge, 1992.

(2) Một tài liệu của ADB, *The Role of Law and Legal Institutions in Asian Economic Development 1960-1995*, tháng 11-1998, thực hiện bởi một nhóm nghiên cứu trong đó có đại diện của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đại Hàn, Mã Lai và Đài Loan đã kết luận rằng luật pháp và nhà nước pháp trị ảnh hưởng tích cực và có lợi cho phát triển kinh tế.

(3) AsiaWeek, 21-5-1999, *Looking to the Future: a Wide Range Interview with Lee Kwan Yew*. Trả lời câu nói "Your cherished Asian values also took a beating in the crisis" (tạm dịch là "Giá trị Châu Á mà ông ưa quý đã bị đánh bật trong cuộc khủng hoảng", ý nói khủng hoảng tháng 7-1997) của phóng viên, họ Lý đáp lại: "Read what I've said. I don't refer to Asian values" (tạm dịch: "Hãy ghi đúng những điều tôi nói. Tôi không ám chỉ giá trị Châu Á"). Phóng viên nói tiếp: "But the Asian miracle was often attributed to Asian values, not systems" (tạm dịch: "Nhưng phép màu kinh tế Châu Á thường được dẫn giải bằng giá trị Châu Á, không bằng cơ chế"), họ Lý trả lời: "You attributed it, I did not" (tạm dịch: "Các ông dẫn giải như thế, tôi không").

(4) Lee Kwan Yew, *China - An Economic Giant?, Singapore Senior Minister talks about China's history and future at Fortune Global Forum*, September 29, 1999, Shanghai.

(5) Institute of Southeast Asian Studies, edited by Suiwah Leung, *Vietnam Assessment: Creating a Sound Investment Climate*, Singapore, 1996.

(6) The World Bank, "Viet Nam, Rising to the Challenge", New York, 11-1998.

(7) International Monetary Fund, -Vietnam: Selected Issues, Staff Country Report, n°99/55, 7-1999, Washington.

(8) The World Bank, *Viet Nam, Rising to the Challenge*, New York, 11-1998.

Thử phác họa một mô thức dân chủ hóa Việt Nam

Lê Minh Văn

Mười năm sau sự sụp đổ của bức tường Bá Linh, tiến trình dân chủ hóa của các quốc gia hậu cộng sản vẫn còn nhiều vấn đề. Các yếu tố tiêu cực, nội tại lẫn khách quan, đặc biệt là từ các nước dân chủ phát triển phương Tây và các định chế kinh tế tài chính quốc tế, đã làm cho các nền dân chủ non trẻ, đặc biệt là ở Nga, chìm đắm trong khủng hoảng triền miên. Sự chuyển tiếp không mấy sáng sủa này đã làm cho "diễn trình sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa" ngừng lại ở các nước cộng sản Châu Á, vùng đất mà các giá trị phổ biến của nền dân chủ phương Tây chưa thấm thấu hoàn toàn. Ngoài bạo lực, các chế độ chuyên chính vô sản dày dạn kinh nghiệm đã áp đặt được một thứ "ổn định chính trị" trong đầu óc người bị trị vốn sợ hãi những xáo trộn. Đòn phản công tâm lý này đã tỏ ra có hiệu quả ở các nước vẫn có khuynh hướng bài Tây phương do hoàn cảnh lịch sử như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba.

I. Nhìn lại một quá trình

Ở Việt Nam, tiến trình dân chủ hoá bị trì trệ vì những lý do như sau:

- Sự tự hủy của chế độ cộng sản đã giảm tốc, ít ra cho đến hiện tại. Khuynh hướng dân chủ, cải cách đã tỏ ra yếu thế trước cánh bảo thủ, chuyên chính luôn diễn dịch tư tưởng Hồ chí Minh ở các khía cạnh đạo đức, dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Trong khuôn khổ ý thức hệ và kế thừa sự nghiệp của lãnh tụ quá cố, phe cải cách thường lúng túng trong phương cách hành động và nửa vời trong chủ trương tư tưởng nên thường bị đánh bại bởi phe bảo thủ chính thống hơn.

- Các khuôn mặt dân chủ ngoài đảng hoặc thuộc chế độ miền Nam cũ đã bị trấn áp thẳng tay nhằm ngăn chặn những âm mưu nổi dậy của dân chúng miền Nam chống độc tài cộng sản. Những lãnh tụ chính trị như Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái; hoặc những khuôn mặt dân chủ thuộc thế hệ mới như bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt dù đã

hy sinh toàn bộ cuộc đời, và cả gia đình họ, vì lý tưởng dân chủ hoá đất nước vẫn bị một vài khuynh hướng cực đoan hiểu lầm hoặc cố tình không hiểu tâm tư và đường lối tranh đấu của họ. Sự phân hoá của những người dân chủ hải ngoại đã làm cho lực lượng đối kháng với chế độ mỏng ra, yếu đi. Những mũi tấn công đã hầu như mất hết lý tưởng và lý do tồn tại, nhưng lại rất nhất trí trong việc bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của tầng lớp lãnh đạo. Những người dân chủ Việt Nam nói chung, không phân biệt chính kiến, tuổi tác và giai tầng xã hội, đang nỗ lực vực dậy một khí thế đòi dân chủ, đặc biệt sau "sự cố" đáng tiếc vì những chữ ký "bản tuyên bố đòi tự do tôn giáo ở Việt Nam", giới trẻ dần dần đang hình thành sự đồng thuận về một đại cuộc.

Tuy vậy niềm tin dân chủ hoá đang được hâm nóng lại. Trong không khí tung bùng của nhân loại chuẩn bị bước vào năm 2000, những chuyển biến dân chủ hoá tại Việt Nam có thể trở thành hiện thực. Người Việt Nam đang đứng trước hai chọn lựa, một là đổi thay một hệ thống giá trị cũ trong kỷ nguyên mới, hai là mãi mãi đứng bên lề cuộc tiến hoá của nhân loại.

Trong hiện tình kinh tế bế tắc, chính trị đóng băng, tương quan Đông - Tây căng thẳng, bàn về vấn đề dân chủ hoá thật không đúng lúc. Như người xưa, "mọi sự đến chỗ cùng sẽ biến", người viết vẫn lạc quan về tương lai mở cửa của các pháo đài xã hội chủ nghĩa Trung Quốc và Việt Nam. Lạc quan này càng được củng cố nếu những người đối lập dân chủ chúng tỏ được một khả năng suy nghĩ và viễn kiến chính xác về những cơ chế, mô hình, phương thức dân chủ hoá và phát triển đất nước. Quan niệm như thế, người viết đã không ngại kiến thức nông cạn của mình để thử phác họa một thể chế chính trị dân chủ đa nguyên, hay khai triển những thao thức về một khuôn mẫu dân chủ cho Việt Nam mà tướng Trần Độ hoặc tiến

sĩ Nguyễn Thanh Giang hằng hoài bão.

II. Mô thức dân chủ hóa Việt Nam

Thoát thai từ một chế độ chuyên chính toàn trị đã kèm hãm đất nước trong nhiều thập niên, con đường dân chủ hoá Việt Nam rất khó nhận dạng và khó đi. Bối cảnh chính trị xã hội phức tạp kéo dài quá lâu đã ảnh hưởng không ít đến niềm tin và ý chí dân chủ hóa của quần chúng. Thừa hưởng một gia tài rách nát của những giá trị truyền thống (hầu như tan vỡ trong thời thực dân và cộng sản), người Việt Nam đã phân hoá, chia rẽ, nghi kỵ lẫn nhau một cách đáng ngại. Sự thay đổi nhanh chóng và liên tục của các xã hội dân chủ phương Tây đã làm người trong nước chóng mặt và có lý do nghi ngại những giá trị dân chủ, dù trong thâm sâu họ vẫn mơ ước tự do và dân chủ. Một số người Việt hải ngoại đang sống trong những môi trường dân chủ đa nguyên lại không chúng tỏ được sức thuyết phục của lý tưởng này trong hành động của họ. Sự thể hiện đa nguyên giữa những con người dân chủ với nhau khá tiêu cực. Đa nguyên chỉ có nghĩa là sự khác biệt về những quyền lợi cá nhân. Xã hội Việt Nam truyền thống đã đánh mất trong quá trình suy thoái của nó tính đồng nguyên về những quyền lợi tối thượng của dân tộc nói chung, cao hơn bản sắc cục bộ của tôn giáo hay sắc tộc. Con đường dân chủ hoá của Việt Nam trong tương lai có thể là sự hội tụ khó khăn những quyền lợi riêng lẻ của xã hội công dân. Một đồng thuận có khả năng kết hợp được những khác biệt là chiếc chìa khóa mở cánh cửa của dân chủ thật sự. Tuyệt đối tránh đốt giai đoạn, hoặc sự cóp nhặt thiếu suy nghĩ những mô hình có sẵn. Một nền dân chủ đích thực cho một đất nước chỉ xuất hiện từ những hiện thực rất khách quan của dân tộc đó. Hai giai đoạn lớn của tiến trình xây dựng ấy có thể được phân tích như sau:

A. Thời kỳ tiền dân chủ

Vào thời điểm này, những khuynh hướng chính trị, kinh tế và xã hội khác biệt vẫn chưa định hình được một khuôn mẫu dân chủ rõ rệt. Những chương trình hành động vẫn còn mang tính cục bộ và ngắn hạn, vì những quyền lợi nhất thời và cử tri chưa quen với dân chủ và các thể lệ bầu cử; một quốc hội lập hiến chỉ có thể mang tính chất đại diện tương đối cho những khuynh hướng chính trị nổi bật hoặc các đặc tính tôn giáo, sắc tộc, văn hoá đặc thù của các địa phương mà thôi. Việc tổ chức bầu cử cũng nên giản dị để dễ dàng hoá việc kiểm soát, bảo đảm tính trong sạch của cuộc bầu cử. Thể thức bầu cử nên theo "danh sách đóng" - cử tri phải chọn toàn bộ một danh sách - có thể thích hợp nhất. Đơn vị bầu cử là cấp tỉnh trên căn bản 200.000 dân một dân biểu chẳng hạn. (Truyền thống hành chánh thời Việt Nam Cộng Hòa cũng như dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đều lấy tỉnh làm đơn vị đầu não của nền hành chánh địa phương. Tỉnh do đó mang những đặc trưng mạnh về truyền thống và nền hành chánh tỉnh do đó được tổ chức chặt chẽ).

- Tỉnh nhỏ nhất có 230.000 dân chẳng hạn sẽ được bầu một dân biểu. Trường hợp này mỗi đảng hoặc liên minh chỉ cử một ứng cử viên chính thức và một dự khuyết.

- Các tỉnh có 2 ghế trở lên được bầu theo "danh sách đóng"; nghĩa là cử tri chỉ có quyền chọn danh sách A, B hoặc D hoặc E của các đảng, tổ chức hay liên minh chính trị. Danh sách này đã ghi sẵn tên số ứng viên chính thức tương đương với số ghế được chia + 1 ứng cử viên dự khuyết nếu đơn vị bầu cử dưới 3 ghế và 2 nếu đơn vị bầu cử từ 4 ghế trở lên.

- Các thành phố lớn, dân số đông, như Sài Gòn - Chợ lớn, Hà Nội, Hải Phòng có thể chia thành nhiều đơn vị bầu cử.

Thể thức bầu cử này vừa tương đối giản dị vừa mang tính tranh đua quyết liệt vì chỉ có một danh sách được chọn. Do đó các khuynh hướng chính trị hoặc đảng nhỏ sẽ tìm cách liên minh với nhau, đặc biệt với những khuynh hướng tôn giáo hoặc sắc tộc để hy vọng tranh thắng với các đảng hoặc tổ chức chính trị có tầm vóc lớn và ảnh

hưởng mạnh tại địa phương.

Nhiệm vụ chính yếu của quốc hội lập hiến như tên gọi là soạn thảo một bản hiến pháp đúng đắn, thích hợp với tình hình quốc gia; đáp ứng được thực trạng kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước; đồng thời dự phóng được một tương lai phát triển song hành với sự hoàn thiện dân chủ. Việc dự liệu một thể chế chính trị cho tương lai cũng như những định chế tổ chức nhà nước và nền hành chánh công quyền, đặc biệt là công tác chỉnh trang lãnh thổ và phân vùng phù hợp với nhu cầu phát triển phải được tiên liệu đầy đủ. Sau khi hiến pháp được ban hành, quốc hội này có thể được lưu nhiệm tùy theo hoàn cảnh, biến thành một quốc hội lập pháp trong một thời gian vừa đủ để có thể ban hành những luật căn bản, những biện chế pháp (loi organique) hiện thực hoá những đường hướng lớn do quốc hội lập hiến là tiền thân của nó đã vạch ra.

B. Thời kỳ dân chủ chuyển tiếp

Kinh nghiệm chứng tỏ chế độ tổng thống thường bị biến chất thành quân phiệt, chuyên chính, độc tài ở một số các nước đang phát triển Nam Mỹ, Phi, Á Châu, hoặc nơi các quốc gia hậu cộng sản Đông Âu và Nga. Vị tổng thống dân cử với quyền hành quá lớn thường có khuynh hướng lấn ép quốc hội và coi thường quần chúng cử tri đã bầu cho họ. Thể chế chính trị xét ra thích hợp nhất cho giai đoạn phức tạp xuất phát từ những chuyển đổi sâu sắc mọi hoạt động xã hội có lẽ là chế độ bán tổng thống - bán đại nghị, bởi các lý do sau đây:

- Vị nguyên thủ quốc gia được toàn dân trực tiếp bầu ra sẽ đại diện cho quá trình thống nhất dân tộc. Với vai trò trọng tài, tổng thống dân cử sẽ có đủ tất cả uy tín và quyền hành hiến định cần thiết để đối phó hữu hiệu với những đột biến của tình hình.

- Bên cạnh đó một quốc hội cũng do dân bầu trực tiếp từ hầu hết các khuynh hướng chính trị quốc gia sẽ đại diện trực tiếp cho ý chí chung của quần chúng trong các hoạt động lập pháp xây dựng chế độ dân chủ pháp trị nói chung.

- Một thủ tướng chính phủ có tư cách dân cử và đồng thời lãnh đạo các khuynh hướng đa số của quốc hội sẽ có đầy đủ

uy tín và hậu thuẫn chính trị để quản trị hữu hiệu đất nước, đưa quốc gia đến chỗ giàu mạnh. Dù trên nguyên tắc nhân vật này do tổng thống bổ nhiệm và bãi chức, nhưng các hành động này phải tuân theo những qui định chặt chẽ của hiến pháp. Nếu tổng thống chịu trách nhiệm hành pháp trước toàn dân để chủ tọa hội đồng nội các thì thủ tướng là người thực thi ý nguyện quần chúng thông qua những đường hướng lớn của quốc hội. Một cơ chế hành pháp như thế sẽ có khuynh hướng tôn trọng nguyên tắc phân quyền và liên đới chia sẻ trách nhiệm với quốc hội trong việc phát triển quốc gia và hoàn thiện nền dân chủ.

Một bản hiến pháp khả thi và khả dụng ngoài tính chất trong sáng, chính xác còn phải thích hợp với những điều kiện hiện hữu của đời sống chính trị và bối cảnh xã hội của một quốc gia, được soạn thảo trong tinh thần đồng thuận của những nhà lập hiến có khả năng viễn kiến. Hiến pháp đó trước tiên bảo đảm cho dân chúng những quyền căn bản nhất về nhân phẩm, tự do, phát triển. Nó cũng phải tạo cơ hội cho những người con ưu tú của dân tộc dần dần phục vụ đất nước và dân chủ. Nó phải có đủ những biện pháp để ngăn chặn những khuynh hướng độc tài cá nhân hoặc đảng phái, đồng thời khai mở dần hướng đi về trật tự dân chủ tự do. Trong tinh thần đó, những định chế căn bản cho giai đoạn chuyển tiếp chính trị Việt Nam có thể dự liệu như sau:

1. Tổng thống: Trên danh nghĩa quốc trưởng, tổng thống đại diện cho sự thống nhất đất nước và sự toàn vẹn lãnh thổ; do đó là người trọng tài quốc gia. Tổng thống chủ tọa hội đồng nội các, hội đồng quốc phòng, hội đồng thẩm phán tối cao. Tổng thống có toàn quyền trong các công tác đối ngoại, tuyên bố chiến tranh hay hòa bình. Tổng thống ban hành luật pháp sau khi được Viện bảo hiến phê chuẩn. Tổng thống có quyền ban hành các sắc luật và dụ (tương đương luật) trong trường hợp cần thiết hoặc khẩn cấp, nhưng chỉ thành hiệu lực nếu có chữ ký phó thủ của thủ tướng. Việc giải tán quốc hội trong trường hợp khủng hoảng phải được hiến pháp tiên liệu và qui định chặt chẽ.

2. Thủ tướng chính phủ: Với tư cách lãnh đạo phe đa số ở quốc hội và lãnh

đạo chính phủ, thủ tướng là nhân vật thực sự quản trị đất nước. Trên nguyên tắc, thủ tướng thi hành chính sách do quốc hội thông qua phe đa số. Tuy nhiên trong một quốc gia hậu cộng sản mà các đảng phái chính trị chưa vững mạnh (ngoại trừ đảng cộng sản biến thân), một thủ tướng chỉ thật sự mạnh và hữu hiệu nếu được sự ủng hộ của các khối tôn giáo, sắc tộc và liên kết được với các nhóm áp lực có màu sắc chính trị khác. Tóm lại là hậu thuẫn cần thiết của đại bộ phận xã hội dân sự. Có thể hiến pháp nên dự liệu tính mềm dẻo của việc cử nhiệm vị thủ tướng chính phủ trong giai đoạn này. Thủ tướng không nhất thiết là lãnh tụ của đảng áp đảo của liên minh đa số ở quốc hội như thường thấy trong các chế độ đại nghị thuần túy ở Anh, Ý, Nhật... mà là một nhân vật chính trị có đầy đủ uy tín thuộc phe đa số có khả năng thu phục sự hậu thuẫn cần thiết của xã hội dân sự. Nếu có thể quan niệm hội đồng Thượng viện đã có thể đóng vai trò đại diện cho đại bộ phận các khuynh hướng dân sự như sẽ nói ở phần sau, sự vững mạnh của một chính phủ và uy tín cá nhân của vị thủ tướng có thể kiểm nghiệm qua thủ tục tín nhiệm tấn phong nội các trước khoảng đại lưỡng viện, và trong các khoá lưỡng trình định kỳ hoạt động của chính phủ trước hội đồng lưỡng viện. Thủ tướng chủ tọa hội đồng phát triển quốc gia (liên quan đến các mặt kinh tế tài chính, văn hóa giáo dục...) và trách nhiệm tối cao các công việc nội trị, các vấn đề an sinh xã hội và lao động. Thủ tướng xét duyệt các dự luật của các bộ chuyên môn chuyên qua quốc hội biểu quyết.

3. Quốc hội: Đại diện cho xã hội chính trị, tập hợp một tổng số dân biểu trên tỉ lệ 150.000 dân/một người đại diện (khoảng 500 dân biểu). Đơn vị bầu cử lấy các đơn vị liên xã làm căn bản. Số dân còn lại của tỉnh nếu vượt quá bán (75.000) sẽ có thêm một dân biểu. Trong giai đoạn này, các đảng phái nói chung chưa được tổ chức chặt chẽ chưa bám rễ sâu trong quần chúng, các chính trị gia chưa có đủ tầm vóc của những chính khách thực thụ. Thể thức bầu cử do đó đóng vai trò một cơ chế đôn bẩy tăng cường việc củng cố các cấu trúc chính trị dân chủ:

- Tập hợp các tổ chức chính trị, đảng

phái tầm trung và nhỏ thành các khối, liên minh có thực lực.

- Phe đa số ở quốc hội chỉ mang được tính chất tập hợp các thực lực chính trị khi đại diện rộng rãi cả hai khuynh hướng chính trị và dân sự. Thể thức đầu phiếu hai vòng có khả năng thỏa mãn hai nhu cầu chính trị nêu trên: phân nửa tổng số dân biểu được bầu theo thể thức trực tiếp đơn danh; nửa còn lại chia cho các đảng phái, liên minh, tập hợp... nếu có số phiếu đạt được trên 5% tổng số phiếu bầu hợp lệ trên toàn quốc (do các ứng cử viên đại diện thu được trong vòng bầu đơn danh).

Để giản dị hóa việc đầu phiếu, nguyên tắc bầu cử kép được đề nghị như sau: khi vào phòng phiếu cử tri sẽ chọn ứng cử viên đơn danh bỏ vào phong bì; sau đó chọn tiếp phiếu bầu cho một đảng phái hoặc liên minh chính trị (có in sẵn danh sách nhiều ứng cử viên đảng thuộc vùng theo thứ tự) bỏ vào một phong bì thứ hai khác màu. Việc khai phiếu bầu theo danh sách bỏ túc này chỉ được thực hiện sau khi ban tuyển cử trung ương công bố chính thức kết quả đầu phiếu đơn danh.

Thí dụ: Trong cuộc bầu cử đơn danh vòng đầu, đảng C dành được 13 trên 300 ghế trên toàn quốc (4,33%), nhưng số phiếu bầu cho đảng đạt 5,05%. Trong vòng hai (bỏ túc), ở Vùng Tây nguyên chẳng hạn, đảng C thu được 230.000 phiếu bầu (trong lúc liên minh A được 390.000 phiếu, liên minh B: 250.000 phiếu, đảng D: 70.000 phiếu và danh sách E: 60.000 phiếu). Để tính số ghế chia cho các đảng và liên minh, trước hết phải định thương số tuyển cử, lấy tổng số phiếu bầu chia cho số ghế qui định ($1.000.000/10=100.000$), sau đó lấy số phiếu của các liên minh, đảng phái thu được chia cho thương số này, ta sẽ có số ghế cho từng danh sách. Nhưng thông thường số ghế không chia hết vì luôn có số phiếu dư không tính:

- Nếu muốn nâng đỡ các đảng nhỏ ta dùng phương pháp "số dư lớn nhất", kết quả sẽ là: liên minh A: 3+1 ghế (dư 90.000 phiếu), liên minh B: 2 ghế (dư 50.000 phiếu), đảng C: 2 ghế (dư 30.000 phiếu), đảng D: 0+1 ghế (dư 70.000 phiếu), danh sách E: 0+1 ghế (dư 60.000 phiếu).

- Nếu muốn tăng cường các đảng hay tập hợp lớn, ta có thể dùng phương

pháp chia ghế dư theo phương pháp "số dư trung bình cao nhất" hay phương pháp D'Hondt để số ghế cho các danh sách ở vùng Tây nguyên như sau:

- 1% số phiếu đạt được của từng danh sách lần lượt chia cho 1, 2, 3,...

	L/m A	L/m B	Đảng C	Đảng D	D/s E
1	390.000	250.000	230.000	70.000	60.000
2	195.000	125.000	115.000	35.000	30.000
3	130.000	83.330	76.660	23.330	20.000
4	97.500	62.500	57.500	17.500	15.000
5	78.000	50.000	46.000	14.000	2.000

- 2% do số ghế bỏ túc là 10, xếp các con số từ 390.000 (cao nhất) xuống 250.000, 230.000, 195.000, 130.000, 125.000, 115.000, 97.500, 83.330 và 78.000. Thương số thứ 10 này (78.000) gọi là *số phân phối* dùng để tính số ghế chia cho các đảng và liên minh ở vòng bỏ túc. Kết quả sẽ như sau:

- Liên minh A : $390.000/78.000 = 5$ ghế.
- Liên minh B : $250.000/78.000 = 3$ ghế.
- Đảng C : $230.000/78.000 = 2$ ghế.
- Đảng D : $70.000/78.000 = 0$ ghế.
- Danh sách E : $60.000/78.000 = 0$ ghế.

Phương thức bầu bỏ túc theo tỉ lệ này cho phép các tổ chức đảng phái, phong trào, tổ chức chính trị địa phương có tiếng nói ở quốc hội. Ngoài ra, các đảng và tổ chức nhỏ thường có khuynh hướng liên minh, tập hợp tiếng nói và phương tiện tranh cử với các đảng phái lớn hơn.

Về tổ chức, cuộc bầu cử các dân biểu quốc hội gồm hai cấp:

- Ủy ban bầu cử Trung ương có nhiệm vụ soạn thảo và ban hành kế hoạch bầu cử, ấn định số ghế đơn danh và đơn vị bầu cử, phân phối số ghế bỏ túc cho các Vùng theo tỉ lệ cử tri vùng so với tổng số cử tri toàn quốc; bổ nhiệm ban bầu cử Vùng, đôn đốc và kiểm soát tiến trình và kết quả bầu cử; giải quyết các khiếu nại tại các đơn vị bầu cử căn cứ trên biên bản của ban bầu cử Vùng; quyết định hủy bỏ cuộc bầu cử khi có gian lận tại đơn vị được kiểm chứng và tổ chức lại trong thời hạn sớm nhất; tuyên bố kết quả bầu cử trên toàn quốc.

- Ban bầu cử Vùng do Hội đồng vùng đề nghị trong khuôn khổ luật lệ bầu cử do Trung ương ban hành; có nhiệm vụ giúp tổ chức, theo dõi và kiểm soát các cuộc bầu cử tại các đơn vị bầu cử nằm trong khu vực Vùng. Trách

nhiệm tổ chức, khai phiếu và lập biên bản bầu cử bỏ tức trình lên Ủy ban bầu cử Trung ương xét duyệt, ban hành kết quả các ghế dân biểu bỏ tức.

4. Hội đồng thượng viện: Đây là cơ quan tư vấn bao gồm những đại biểu đại diện cho các Vùng. Đơn vị bầu cử là Vùng, theo thể thức liên danh gồm tất cả các khuynh hướng chính trị, tôn giáo, sắc tộc, hội đoàn, thân hào nhân sĩ có tổ chức cơ sở và hoạt động trong Vùng. Đại diện cho khuynh hướng vùng, liên danh đặc cử sẽ đại diện cho các khuynh hướng tôn giáo, sắc tộc, xã hội dân sự địa phương hơn là màu sắc chính trị quốc gia.

Hội đồng thượng viện tư vấn cho hành pháp về các vấn đề lớn của quốc gia, như đề nghị chiến tranh hay hòa bình, tình trạng khẩn trương, phê chuẩn các hiệp ước quốc tế do hành pháp ký.

Thượng hội đồng cũng có nhiệm vụ cứu xét các khiếu tố hành chánh của dân chúng đối với các cơ quan công quyền để chuyển hồ sơ đến các tòa án hành chánh liên hệ xét xử. Mỗi cuối năm, hội đồng thượng viện thông qua bản đúc kết về tình trạng thi hành dân chủ và nhân quyền của các cơ quan nhà nước và đề nghị những biện pháp cải thiện.

5. Viện bảo hiến là cơ quan tối cao bảo vệ nền dân chủ non trẻ, củng cố những thể chế hiến định, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thể hiện được những nguyên tắc của nền dân chủ pháp trị, thành viên Viện bảo hiến độc lập hẳn với các tổ chức chính trị, hành pháp và lập pháp, nhiệm kỳ của họ phải tương đối dài - có thể gấp đôi nhiệm kỳ quốc hội hay thượng hội đồng đã đề cử họ. Các thành viên chỉ định cũng có nhiệm kỳ tương đương.

Viện bảo hiến có thể bao gồm một số thành viên ngang nhau do tổng thống, quốc hội và hội đồng thượng viện chỉ định hoặc đề cử. Một số thành viên khác do hội đồng thẩm phán tối cao chọn lựa, chiếu đề nghị của thẩm phán đoàn và luật sư đoàn. Các thành viên chỉ định hay đề cử bắt buộc phải có kiến thức sâu rộng về luật hiến pháp và công luật, xuất thân từ các giáo sư, thẩm phán cao cấp hay luật sư dày kinh nghiệm, các nhà nghiên cứu hoặc dân cử đã đóng góp thành tích rực rỡ cho các hoạt động lập hiến và lập pháp.

Chủ tịch Viện được bầu trong phiên họp đầu tiên. Chủ tịch đề nghị hội đồng cử nhiệm các Chánh nhất và phụ thẩm các tòa án bảo hiến và tòa phá án trong số thành viên của Viện.

Tòa án bảo hiến xét xử những tranh tụng về tính chất hợp hiến hay không của của các phán quyết, luật lệ, quyết định hành chánh... theo các trường hợp sau đây:

- Cá nhân các công dân có thể tranh tụng về tính chất hợp hiến của một phán quyết do một tòa án thường tụng tuyên bố, theo thể thức do luật pháp qui định thông qua ủy ban tiền cứu xét của thượng viện. Chỉ có những tranh tụng hợp lệ và chính đáng mới được chuyển lên tòa án bảo hiến xét xử.

- Các tổ chức chính trị, hiệp hội, nghiệp đoàn có tầm vóc quốc gia có quyền khiếu tố thẳng lên tòa án bảo hiến những đạo luật, quyết định được xem là vi hiến.

- Tổng thống, thủ tướng, các bộ trưởng, dân biểu, thượng nghị sĩ và các thành viên khác của hội đồng thẩm phán tối cao với tư cách cá nhân có thể khiếu tố thẳng lên tòa án bảo hiến về tính chất bất hợp hiến phát hiện được trong lúc thừa hành nhiệm vụ.

- Trong trường hợp có tranh chấp hay bất đồng ý về tính chất hợp hiến hay không của các đường lối chính sách quốc gia giữa các cơ chế hiến định, hành pháp và lập pháp; hoặc giữa tổng thống và thủ tướng trên phương diện thực hiện những quốc sách chẳng hạn, hội đồng bảo hiến sẽ triệu tập những phiên họp khoáng đại cứu xét. Trong trường hợp hội đồng tuyên bố vô thẩm quyền, sẽ đề nghị tổng thống tổ chức trưng cầu dân ý.

- Với tư cách là định chế tối cao bảo vệ và phát triển dân chủ, hội đồng bảo hiến ngoài thẩm quyền xét xử còn có nhiệm vụ giải thích hiến pháp ở những điều khoản không được rõ ràng, minh bạch. Do đó khi cứu xét tính chất hợp hiến của các đạo luật trước khi được tổng thống ban hành, tòa án bảo hiến trong trường hợp bác khước phải chuyển hoàn quốc hội trong thời hạn luật định, kèm theo phán quyết của hội đồng có giải thích rõ những điểm hoặc điều khoản vi hiến hay không phù hợp với tinh thần hiến pháp.

Tòa phá án có nhiệm vụ ban hành

những án lệ với mục đích hoàn thiện luật pháp quốc gia:

- Tòa phá án xử chung thẩm, trong một lần duy nhất các kháng án do các tòa thượng thẩm chuyển lên. Nhằm mục đích làm sáng tỏ luật pháp các phán quyết của tòa phá án phải giải thích rõ ràng những lý do chấp thuận hay bác khước các quyết định của tòa thượng thẩm. Trong những trường hợp đặc biệt và có tính chất điển hình của vụ án, tòa phá án ban hành những án lệ bỏ tức các pháp chế liên hệ.

- Trong giai đoạn chuyển tiếp chính trị còn tồn tại những vấn đề pháp luật tế nhị, khi mà những thay đổi đến tận gốc rễ xã hội với vô vàn những vấn đề mới nảy sinh, tòa phá án còn có nhiệm vụ theo dõi tình công chính của các thẩm phán và sự vận hành nhanh chóng đúng qui lệ của các tòa án và các thủ tục pháp lý nói chung. Những thẩm quyền đặc biệt tạm thời này của tòa phá án nhằm mục đích xét xử kịp thời những tội phạm và những tệ nạn tiêu cực nảy sinh trong lúc giao thời. Tính rắn đe, ngăn chặn này phải đi kèm với mục đích tinh yếu khác của luật pháp là giáo dục, phổ biến luật pháp sâu rộng trong quần chúng, gây dựng tinh thần trọng pháp. Khi mọi người đều hiểu luật và biết rõ cái giá của những trừng phạt, tệ nạn xã hội và những tội phạm sẽ giảm.

Mô thức dân chủ hóa đề nghị cho giai đoạn chuyển tiếp này tóm lại nhằm hai chủ đích:

- Tăng cường và củng cố các khuynh hướng chính trị tiến dần đến lưỡng cực hoặc tam cực với khối trung mạnh làm nòng cốt.

- Đặt căn bản vững chắc cho một nền pháp trị đúng đắn với các định chế bảo hiến như là lá chắn bảo vệ cho nền dân chủ non trẻ. Khi các cấu trúc chính trị dân chủ đã vững mạnh, một mô hình cân đối sẽ dựa trên nguyên tắc thăng bằng hai xã hội chính trị đại diện bởi quốc hội - hành pháp, và bên kia là xã hội dân sự đại diện bởi viện Diên Hồng. Bên cạnh đó, các cơ chế pháp trị là Viện bảo hiến và nền tư pháp sẽ đóng vai trò cầm cân nảy mực cho đời sống quốc gia và nhu cầu công lý của quần chúng. Nếu có dịp thuận tiện, người viết sẽ trở lại vấn đề này.

Le Minh Văn

Một vài suy tư trước ngưỡng cửa của thiên niên mới

Tôn Thất Long

Nếu ta đã xác định rằng con đường duy nhất đưa dân tộc ra khỏi tình trạng đồ nát hiện tại là một sự thay đổi về bản chất quyền lực xã hội, chấp nhận các giá trị căn bản đã được đề cập trong các xã hội dân chủ tự do (*Thông Luận* số 132, 12/1999) và đó cũng là con đường đổi mới duy nhất còn lại mà Đảng Cộng Sản Việt Nam còn có thể thực hiện được... thì ngược lại, một khi đã chấp nhận các giá trị này, con đường phát triển và xây dựng đất nước thành một xã hội dân chủ tiên tiến không phải là một điều hiển nhiên sẽ phải xảy đến và còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác mà ta cần phải xác định. Đặt ra ngoài mọi vấn đề liên quan đến việc tổ chức các lực lượng đấu tranh hữu hiệu để thực hiện tiến trình dân chủ hóa đất nước, có hai vấn đề tôi muốn sẽ đề cập lại sau đây mà cộng đồng chúng ta, hoặc vẫn chưa có cơ hội đi vào các tranh cãi sâu rộng về nội dung, hoặc đã được đưa ra tranh luận gay gắt quá nhiều mà vẫn chưa tìm được một biện minh rõ rệt để đi đến một sự đồng thuận thỏa đáng. Đó là sự lựa chọn một mô hình dân chủ cụ thể cho xã hội tương lai và sự biện minh cho chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc.

Việc lựa chọn một thể chế chính trị

Đối với mọi người có lẽ vấn đề quan trọng nhất cần phải được giải quyết trước tiên là sự lựa chọn một mô hình xã hội để thay thế cho chế độ hiện tại, khi chấm dứt được chế độ độc quyền hiện nay. Đồng thời, đây cũng là một vấn đề rất ít được đưa ra tranh luận trong hai thập niên vừa qua hay được giải quyết một cách chính xác và cũng là một vấn đề mà ta không thể không nêu lên ngay từ bây giờ.

Các nguyên tắc chính yếu của một thể chế dân chủ đã được nhiều người phát biểu, trong đó ba vấn đề lớn có thể xem như hoàn toàn chấp nhận là tính đa nguyên, sự phân quyền và tản quyền nhưng việc xây dựng những cơ cấu tổ

chức guồng máy chính quyền cụ thể, nhất là trong lãnh vực hành pháp ở chính quyền trung ương, là một vấn đề cần được đào sâu hơn nữa.

Trong *Dự án chính trị dân chủ đa nguyên* 1996, *Thông Luận* đã dành riêng một chương để giải thích các khái niệm trên và quyết định lựa chọn chế độ đại nghị làm cơ cấu tổ chức cho bộ máy hành pháp tương lai, giữa ba giải pháp phổ biến hiện nay trên thế giới: chế độ tổng thống, chế độ bán tổng thống và chế độ đại nghị. Có lẽ đa số trong chúng ta đều cho rằng đó là một chế độ thích hợp nhất cho các xã hội dân chủ lý tưởng, khi các sinh hoạt chính trị đã đi vào nề nếp, khi trình độ văn hóa của dư luận đã lên cao.

Trong *Thông Luận* số 97, tháng 10-1996 khi đề cập đến vấn đề này tôi muốn đặt lại vấn đề một cách thực tế hơn: thay vì làm một sự lựa chọn trong những điều kiện của một xã hội dân chủ lý tưởng, ta nên làm lựa chọn nào thích hợp nhất cho một giai đoạn giao thời cụ thể, khi dứt bỏ được chế độ độc quyền hiện tại? Đó là một vấn đề mà ta phải đặt ngay từ bây giờ và tìm cách đặt lại một cách thường xuyên cho thích hợp với các điều kiện tiến hóa cụ thể mới của xã hội Việt Nam, để khi cần ta có thể làm một sự lựa chọn cụ thể mau chóng.

Tôi không nhắc lại ở đây tất cả các lập luận đã được nêu ra mà chỉ nhấn mạnh rằng, trong mọi trường hợp, tất cả vấn đề đều tùy thuộc vào các điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, trong những khoảng thời gian và không gian nhất định... Có nhiều lý do giải thích suy tư này. Trước tiên đó là một vấn đề quan trọng hàng đầu, cần có thời gian để suy xét và lựa chọn từ từ, không thể khẳng định một cách tuyệt đối ngay từ bây giờ, trong những điều kiện lý tưởng tuyệt đối... để áp dụng cho mọi thể hệ trong tương lai, trong những điều kiện mà ta chưa thể tiên đoán được một cách chính xác. Nếu phải đặt vấn đề lựa chọn ngay từ bây giờ thì ta nên giới hạn các

tầm nhìn, không đi quá các phương tiện và điều kiện mà ta có thể thực hiện được hay tiên đoán trước được, chẳng hạn chỉ làm một hay nhiều lựa chọn cho một giai đoạn cụ thể. Điều quan trọng cho các lựa chọn này là một hay nhiều giải pháp uyển chuyển, cho phép các biện pháp cải cách khi cần thiết, đặt các nền móng cơ bản và để cho các thể hệ tương lai nhưng dễ dàng thích ứng với sự tiến hóa không ngừng của xã hội. Lý do thứ hai xuất phát từ một sự kiện cụ thể, vì trên thực tế, sự lựa chọn một thể chế chính trị mới cho giai đoạn giao thời sẽ tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau mà ta chưa có đầy đủ dữ kiện. Các yếu tố cụ thể đó là vai trò và sự tương quan của những lực lượng chủ động tạo ra biến cố này, sự tương quan lực lượng giữa Đảng Cộng Sản Việt Nam và các lực lượng của đối lập... cũng như các phản ứng và trình độ của dư luận ở thời điểm đó. Trong điều kiện hiện nay, khi chưa tiên đoán được tiến trình của biến cố này, một sự lựa chọn tuyệt đối là một điều không thực tế, nhất là khi ai ai trong chúng ta cũng thấy rõ sẽ nảy sinh trong giai đoạn giao thời của một tình trạng hỗn loạn đa đảng khó lường trước được và lúc đó... rõ ràng là cần phải có một cơ cấu chính quyền mạnh, có khả năng quyết định mau chóng, để thực hiện những chính sách cần thiết.

Chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc

Hòa giải và hòa hợp dân tộc có lẽ là đề tài tranh luận gay gắt nhất trong cộng đồng chúng ta từ hơn một thập niên vừa qua khi, dựa trên sự phân tích các dữ kiện lịch sử dân tộc trong quá khứ, *Thông Luận* đề xướng chủ trương này như là một tinh thần dùng làm nền móng xây dựng cộng đồng dân tộc trong tương lai, dựa trên sự chấp nhận các khác biệt về quan niệm chính trị, về chủng tộc, về địa phương, về tôn giáo, về quyền lợi... và, bằng đối thoại thường xuyên, cùng nhau san bằng các sự khác biệt, cùng

nhau xóa bỏ những vết đơ trong lịch sử, để cùng nhau chia sẻ một tương lai chung, trong hòa bình, ổn định...

Trên thực tế, mặc dầu đã có thể chấp nhận một cách dễ dàng chủ trương này trong một quá trình xây dựng lâu dài trong tương lai, chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc vẫn gặp phải sự chống đối của nhiều thành phần khác nhau trong cộng đồng dân tộc, vì nhiều lý do tâm lý cụ thể tương phản lẫn nhau. Trong *Thông Luận* số 100, tháng 1-1997, tôi đã đề cập đến ba thành phần trực tiếp liên quan tới sự kiện này, trực tiếp liên hệ đến tiến trình vận động cho dân chủ hiện nay. Nhưng vì đây là một vấn đề chính yếu, khi bước qua ngưỡng cửa của thiên niên mới, tôi không ngần ngại đề cập lại một cách cụ thể các lý do của sự chống đối này và xác định lại một lập trường đã nhiều lần lặp lại.

Hiển nhiên, thành phần chống đối mãnh liệt nhất chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc là tập đoàn thiểu số lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, đang nắm chặt bộ máy chính quyền của chế độ hiện tại. Mặc dầu đã nhận thức được rằng chế độ đã mất hết mọi căn bản về ý thức hệ và con đường duy nhất cho phép Đảng Cộng Sản Việt Nam tìm được một chỗ đứng xứng đáng trong tương lai là từ bỏ vai trò độc quyền lãnh đạo xã hội, thực hiện sự dân chủ hóa đất nước nhưng họ vẫn tìm mọi biện pháp để duy trì quyền lợi và quyền lực đã chiếm đoạt được và chỉ còn tượng trưng cho một tập đoàn phân hóa, phản động và là thành phần duy nhất thực sự chống lại chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc. Đối với các thành phần này của Đảng Cộng Sản Việt Nam, dứt khoát hòa giải và hòa hợp dân tộc không có nghĩa là dung túng làm ngơ trước các sai lầm trong quá khứ, hòa hợp hay hợp tác với họ.

Ngược lại, đại bộ phận còn lại trong Đảng Cộng Sản Việt Nam, bao gồm các thành phần thừa hành trong bộ máy chính quyền ở mọi cấp và trong mọi lãnh vực, phần đông theo Đảng trong các thời kỳ chiến tranh, hoặc vì lý tưởng, hoặc vì làm lẫn rồi bị guồng máy của Đảng lôi cuốn và kiểm soát chặt chẽ, không tự họ được thành các khuynh hướng chính thức đối nghịch lại với tập đoàn cầm quyền trong Đảng, chống lại

các chính sách sai lầm của Đảng. Cùng như mọi thành phần khác trong dân tộc, họ thừa hiểu rằng tình trạng tòi tệ hiện nay xuất phát từ vai trò độc quyền của Đảng và mong muốn một sự thay đổi thật sự trong chiều hướng của một xã hội dân chủ tự do để cùng với các tầng lớp khác trong dân tộc xây dựng một tương lai chung, trong tinh thần bình đẳng và đối thoại thường xuyên. Họ sẵn sàng chấp nhận chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc nhưng vẫn do dự, hoặc vì chưa tin tưởng thật sự vào chủ trương này của những thành phần đang tranh đấu cho dân chủ tự do, đối lập với Đảng, hoặc vì chưa thoát ly được khỏi sự kiềm chế của Đảng. Vì vậy họ thường có một thái độ không dứt khoát hay vẫn tin rằng chỉ có thể đổi mới trong khuôn khổ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc chắc chắn là phải nhắm vào các thành phần này, tranh thủ sự đồng tình của họ, chỉ cho họ một con đường, xác định cho họ một tương lai.

Muốn đạt được mục đích này, hòa giải và hòa hợp dân tộc phải được cụ thể hóa qua đối thoại để tìm kiếm những giải pháp thích đáng cho việc thiết lập một thể chế thực sự dân chủ tự do, đặt ra các căn bản pháp lý rõ ràng để giải quyết một cách ôn hòa các sai lầm trong quá khứ và xóa bỏ hận thù trong khuôn khổ của luật pháp. Nhưng điều quan trọng hơn cả là phải làm cho họ thấy rõ vị trí thuận lợi của họ khi họ chấp nhận thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa đất nước và nhất là làm cho họ thấy rõ tương lai tươi sáng của họ trong viễn ảnh xây dựng một xã hội dân chủ mai sau. Chỉ khi nào nhìn thấy được viễn ảnh này, người ta mới có thể đề cập hữu hiệu đến sự dẫn thân của các thành phần đang hiện hữu trong Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong tầm nhìn này, tôi tin rằng chỉ có những thành phần đang hiện hữu trên lãnh thổ Việt Nam, đang chia sẻ các hậu quả của các sai lầm của Đảng Cộng Sản Việt Nam và đang thực sự tranh đấu cho dân chủ tự do mới là những thành phần lãnh đạo chủ yếu, đóng góp cụ thể cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước mai sau. Phải chấp nhận một cách cụ thể rằng, trong công cuộc vận động chung hiện nay, cộng đồng Việt Nam hải ngoại, tuy có thể động viên được đầy

đủ các phương tiện và có đủ khả năng vạch ra các kế hoạch phát triển lâu dài, cũng chỉ có thể đóng một vai trò xúc tác và mọi đề án đấu tranh hay xây dựng chỉ có thể thực hiện và xảy ra trong môi trường cụ thể của đất nước Việt Nam và... với những tầng lớp người cụ thể sống trong môi trường đó. Trên thực tế, như ta đã thấy rõ trong các xã hội Đông Âu, chỉ trừ ra một thiểu số các thành phần bất hảo của các đảng cộng sản, đại đa số các tầng lớp lãnh đạo xã hội và điều hành quyền lực trong các chế độ mới đều xuất phát và được đào tạo từ trong các chế độ cũ.

Thành phần thứ ba mà ta phải đề cập ở đây là các nạn nhân của chế độ cộng sản. Trong các thời kỳ chiến tranh các nạn nhân thường xuất phát từ hai phía, từ chế độ miền Nam hay từ Đảng Cộng Sản Việt Nam, hoặc vì các thái độ chính trị bất đồng, hoặc vì các lý do hoàn toàn ngẫu nhiên do chiến tranh gây ra. Sau chiến tranh, các nạn nhân của chế độ miền Nam gần như đã được đền bù thích đáng, qua sự chiến thắng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, qua sự chia sẻ quyền lực mới hay qua sự trả thù đối với kẻ bại trận. Đối với họ, chính nghĩa, theo quan điểm của họ, đã được sáng tỏ và không còn là một uẩn khúc trong cuộc sống bình thường.

Còn kẻ bại trận, nạn nhân của Đảng Cộng Sản Việt Nam, dù đã tranh đấu cho một lý tưởng hay cho một chính nghĩa, các hy sinh của họ không những không được chấp nhận mà còn tiếp tục bị chà đạp, bản thân họ bị giam cầm trong các trại giam, gia đình bị phân tán... Trong thời hậu chiến, hàng chục triệu người khác lại bị xô đẩy trở thành các nạn nhân khác của chế độ, qua các đợt đấu tranh giai cấp, qua các sự khác biệt về chính kiến hay qua các chính sách chiếm hữu kinh tế... ly hương, nước mất nhà tan, nạn nhân của biển cả... Tất cả các hình ảnh này vẫn còn sống động trong đời sống hàng ngày và, cho đến nay vẫn chưa được công lý giải tỏa. Đó là một nhận xét tâm lý giải thích thái độ của nhiều tầng lớp đang tranh đấu cho dân chủ tự do nhưng vẫn chưa chấp nhận chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc hay chống đối mãnh liệt chính sách này. Đối với các nạn nhân này của Đảng Cộng Sản Việt Nam, hòa

giải và hòa hợp dân tộc hay xóa bỏ hận thù là cả một vấn đề phức tạp mà ta cần thận trọng để tránh các hiểu lầm đáng tiếc. Tôi chỉ muốn nêu rõ thêm rằng, tuy đó là một thái độ tiêu cực chưa cho phép cộng đồng chúng ta tiến mau trên quá trình đấu tranh cho dân chủ tự do, thái độ của họ không phải là không có lý do chính đáng! Trên phương diện tâm lý, thái độ này hoàn toàn phù hợp với đời sống tình cảm của những con người bình thường nhất. Chúng ta cần có thời gian để thông cảm và tranh thủ, để thuyết phục và giải thích, xoa dịu các vết thương của các tầng lớp nạn nhân này, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, thay vì đi vào dấu vết cũ của chia rẽ và chống đối lẫn nhau. Điều còn lại là phải nêu rõ, ngay từ bây giờ, đến các biện pháp phục hồi danh dự và quyền làm người cho các nạn nhân của Đảng Cộng Sản Việt Nam, bởi thường vật chất thỏa đáng cho tất cả những ai đã là nạn nhân của của các chính sách kinh tế sai lầm trong quá khứ và, quan trọng hơn cả, phải làm sáng tỏ "tinh thần công lý", một giá trị căn bản của mọi xã hội dân chủ tự do.

Trong mọi xã hội, ngay cả ở trong các xã hội tiên tiến phương Tây ngày nay, công lý luôn luôn là một đòi hỏi thiết yếu, cần được làm sáng tỏ và không có thời gian tính. Sự thành lập các tòa án quốc gia hay quốc tế để xét xử các tội ác trong các thời kỳ chiến tranh hay ở trong các chế độ độc tài trong quá khứ cũng không ngoài mục đích này. Vì vậy, phải xác định rõ ràng rằng "xóa bỏ hận thù" cũng không có nghĩa là không tìm hiểu các diễn biến của lịch sử, quên đi các sai trái trong quá khứ, xóa bỏ các tội ác tập thể, không còn cần thiết phải phân biệt chính nghĩa và các phản lực của ngụy biện. Ngược lại, mọi biến cố của lịch sử cần phải được đưa ra phân tích trước công luận, không phải trong mục đích trả thù mà để tìm hiểu trách nhiệm của mỗi tầng lớp người nhất định, trong những giai đoạn nhất định của lịch sử... Điều quan trọng là các sự kiện này phải được xúc tiến trong những điều kiện bình thường, với những dữ kiện và bằng chứng rõ ràng, xứng đáng với một xã hội thật sự dân chủ tự do.

Tôn Thất Long

Phát biểu về thế kỷ và thiên niên kỷ mới

LTS: Trước thêm một thế kỷ và một thiên niên kỷ mới, nếu bỏ qua một ưu tư về sự chính xác theo đó thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba chỉ bắt đầu vào ngày 1-1-2001, Thông Luận đã đặt câu hỏi sau đây cho một số thân hữu: "Bước vào thế kỷ mới, nếu phải chọn một vấn đề thì vấn đề nào quý vị quan tâm nhất?" Sau đây là những phát biểu. Độc giả có thể thấy là yếu tố con người được quan tâm nhiều nhất.

Xây dựng một thế hệ mới hiểu biết và trách nhiệm

Gần như trong 20 thế kỷ qua đất nước Việt Nam chúng ta đã trải qua không biết bao nhiêu năm chiến tranh, và rồi bao nhiêu xây dựng thì càng bấy nhiêu đổ nát, rồi cuộc chúng ta còn lại được những gì? Những niềm tin cho nhau chỉ còn rất mơ hồ vì quá nhiều đổ kỹ, tị tiềm, thành kiến, ngay cả giữa những người cùng có chung chí hướng, cùng có chung mục tiêu và ước mơ.

Muốn xây dựng đất nước thì điều kiện tiên quyết vẫn là yếu tố con người. Con người có thể làm nên tất cả nhưng con người cũng có thể phá hoại tất cả. Muốn xây dựng một đất nước Việt Nam thịnh vượng và thái hoà, thế hệ trẻ hôm nay phải tiếp nối công việc mà thế hệ cha anh đang làm, phải là những viên gạch lót đường cho thế hệ mai sau, phải học được những tinh hoa của nhân loại, gạt bỏ được cái nào tốt cái nào xấu và cố gắng duy trì văn hoá của dân tộc chúng ta. Mỗi thế hệ mỗi lớp người có thể đóng góp xây dựng để cùng nhau đạt được mục tiêu lớn lao này nếu mỗi chúng ta có được tinh thần xây dựng và tinh thần trách nhiệm một cách đúng đắn và đúng mức trong thiên niên kỷ mới. Vấn đề còn lại là làm thế nào để có được tinh thần đó?

Phạm Phú Đức

Phạm Phú Đức, 37 tuổi, kỹ sư, sinh sống tại Melbourne (Úc), tích cực trong nhiều sinh hoạt khoa học, văn hóa, xã hội, cộng đồng. Từng đứng đầu một danh sách ứng cử ban chấp hành cộng đồng người Việt tại Melbourne năm 1999.

Sớm chấm dứt chế độ độc tài

Tết năm 1973, bản hiệp định Paris ký chưa ráo mực, một người bạn hỏi tôi là

điều gì khiến tôi quan tâm nhất khi nghĩ về đất nước. Tôi trả lời, chỉ mong sao có hòa bình thực sự để thực hiện một chuyến đi suốt Bắc Nam, và nếu được, tổ chức một đoàn công tác thanh niên góp tay xây dựng lại những hoang tàn đổ nát do chiến tranh gây ra cho người dân.

Những cái Tết sau đó, khi đất nước bị qui về tay người cộng sản, câu hỏi này càng được bạn bè lặp lại, khi thì trong cuộc sống tù đày, khi thì ở ngoài đời. Câu trả lời của tôi vẫn vậy. Vì dù bom đạn không còn, nhưng cuộc chiến vẫn còn: cuộc chiến chống nghèo đói, lạc hậu, độc tài, cuộc chiến vì dân chủ tự do.

Nhân loại sắp bước sang thiên niên kỷ mới mà người dân chúng ta vẫn nghèo đói, quyền sống vẫn bị chà đạp. Điều quan tâm nhất của tôi là dân tộc phải sớm thoát khỏi vùng lầy hiện nay. Vì chậm ngày nào, khả năng phục hồi, nhất là về mặt con người, sẽ khó chùng nẩy. Điều này có thực hiện được hay không là do chúng ta, người Việt trong và ngoài nước.

Đình Quang Anh Thái

Đình Quang Anh Thái, 47 tuổi, nhà báo và ký giả đài phát thanh. Cùng với Nguyễn Đan Quế và một số bạn bè thành lập Phong Trào Dân Tộc Tiến Bộ, bị bắt giam tám năm. Vượt biên sang Mỹ năm 1985, tham gia thành lập nguyệt san Người Dân, sinh sống tại Hawaii trong hai năm rồi trở về làm ký giả đài VNCR, sau đó làm biên tập viên đài Châu Á Tự Do (RFA) cho tới nay. Hiện định cư tại Washington DC.

Đào tạo một nhân sự chính trị thực sự Việt Nam

Hơn nửa thế kỷ qua các lãnh tụ cộng sản Việt Nam đã thẳng tay tiêu diệt bất cứ ai, cả trong lẫn ngoài đảng, xem ra có khả năng tranh giành quyền lãnh đạo của họ.

Vì mục đích bảo vệ quyền cai trị độc tôn, đảng cộng sản Việt Nam đã thi hành chính sách kèm kẹp và hủy hoại khả năng tư duy và phán đoán của nhiều thế hệ. Hậu quả là quốc gia sẽ không có đủ số người lãnh đạo có khả năng ở các cấp, ngay cả nhiều năm sau khi đất nước bắt đầu có tự do dân chủ.

Nhờ vào công cuộc vượt biên của hàng triệu người Việt, chúng ta đang có hàng trăm ngàn thanh niên "du học", vừa có kỹ năng chuyên môn cao, vừa quen thuộc với cách thức sinh hoạt chính trị dân chủ. Trên lý thuyết, vấn đề lãnh đạo trung cấp nhờ thế sẽ được giải quyết. Nhưng thực tế còn tùy thuộc vào thực sự sẽ có bao nhiêu người trẻ trở về làm việc trong một nước Việt Nam còn chậm tiến về mọi mặt và trong số đó sẽ có bao nhiêu người sẽ thích ứng được với hoàn cảnh phức tạp của nước nhà. Do đó, một việc mà chúng ta cần phải làm từ bây giờ là chuẩn bị cho giới trẻ có những kiến thức đúng đắn về chính trị xã hội văn hóa của nước nhà, và nhất là khả năng kết hợp hài hòa với người trong nước.

Lê Huy Lượng

Lê Huy Lượng, 50 tuổi, kỹ sư, du học và tốt nghiệp tại Đức. Hiện định cư tại Brisbane (Úc), hợp tác với chương trình Việt ngữ của đài phát thanh HEB tại đây, phụ trách phần chính trị.

Xây dựng con người mới, có lương tâm và trách nhiệm

Nghĩ về đất nước, tôi thấy điều đáng lo nhất hiện nay là con người Việt Nam bị tha hóa với tốc độ rất nhanh. Đảng cộng sản càng hô to khẩu hiệu "xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa" bao nhiêu thì tình trạng tha hóa đó càng trầm trọng bấy nhiêu. Vì sao? Vì "con người mới" đó được xây dựng theo mẫu mực của nhóm thống trị tham lam quyền lực và quyền lợi, phủ nhận các giá trị đạo đức chung của toàn nhân loại. Vì "con người mới" đó được xây dựng nhằm phục vụ cho một tập đoàn cầm quyền độc đoán, xảo quyệt, dối trá và ích kỷ. Có nhiên, nền kinh tế thị trường kiểu "rừng rú" càng góp phần không nhỏ vào sự tha hóa con người, băng hoại đạo đức.

Xin hãy nhìn thẳng vào thực tế. Hiện nay ở nước ta, có quá nhiều đờ ròm: hàng ròm, băng ròm, bác sĩ ròm, công ty ròm, giấy tờ ròm, thậm chí tổ chức từ thiện ròm, tu sĩ ròm, tôn giáo ròm, trí thức ròm.

Tại sao cái ròm ở nước ta thịnh hành đến như vậy? Một trong những nguyên nhân chính là vì những người cầm quyền đất nước trong nhiều thập niên đã "sản xuất" ra quá nhiều đờ ròm. "Nói" và "làm" của họ không đi đôi. "Thực" và "giả" lẫn lộn. Sự dối trá đã thành nếp sống. Một trong muôn vàn thí dụ: từ năm 1946 đến nay, các hiến pháp, do đảng cộng sản đưa ra, thực tế là ròm: bao nhiêu quyền tự do dân chủ ghi trong đó đều là "bánh vẽ".

Trong thế kỷ tới, việc chấn hưng đạo đức, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lương tâm và ý thức trách nhiệm công dân cho mọi người phải đặt lên hàng đầu. Việc này phải làm tích cực và kiên trì ít nhất trong bốn năm thế hệ, có khi còn nhiều hơn, mới mong có sự biến chuyển căn bản. Muốn làm được công việc lớn lao này phải dựa vào một tầng lớp trí thức mạnh và có lòng, phải dựa vào các tôn giáo, các tổ chức văn hóa, giáo dục, từ thiện... chân chính. Khốn thay, chỗ dựa để làm công việc đó ở nước ta hiện còn quá mỏng manh và bấp bênh. Đó là khó khăn lớn nhất. Hơn nữa, để làm được công việc lớn lao này thì điều kiện tiên quyết là phải chuyển hóa chế độ cực quyền đảng trị hiện nay thành một xã hội công dân lành mạnh, một chế độ dân chủ đích thực. Vì không có một chính quyền thật sự do dân và vì dân thì không làm nổi việc này.

Nguyễn Minh Cần

Nguyễn Minh Cần, 74 tuổi, trước là đảng viên cộng sản, từ tháng 6.1964 đã thoát ly đảng, sống lưu vong ở Nga, nghỉ hưu, hiện sống ở Moskva, cộng tác viên của một số báo Việt ngữ Bắc Mỹ, Âu châu và Úc châu.

Phát huy những giá trị mới

Nửa thế kỷ chiến tranh triền miên, cộng với mấy chục năm ngự trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam với chủ trương vô thần, coi trọng bạo lực, đã đẩy xã hội Việt Nam vào một tình trạng suy thoái và hỗn loạn trầm trọng về đạo đức. Tình trạng này cần được chấm dứt, và những giá trị "xã hội chủ nghĩa" hiện nay cần được thay thế bằng một hệ thống giá trị mới.

Những giá trị "mới" này phải có khả năng chỉ đạo người Việt Nam trong mọi cư xử, mọi hành động của họ từ sáng đến khuya, từ lúc ra đời cho đến lúc nhắm mắt. Chúng phải có khả năng đưa Việt Nam tiến lên không ngừng trong đời

sống vật chất và tinh thần, và được sự đồng thuận rộng rãi của dân Việt Nam.

Đến nay, đề nghị loại bỏ tất cả những giá trị cũ thì nhiều, nhưng chưa có ai đưa ra một hệ thống "mới" như trên cả. Đó là mối ưu tư lớn nhất của tôi trước thềm thế kỷ XXI.

Tôn Thất Thiện

Cựu tổng trưởng Việt Nam Cộng Hòa, giáo sư Đại Học Québec từ 1976 đến 1992. Hiện hưu trí, cư ngụ tại Ottawa.

Vấn nạn của người Việt hải ngoại

Dù rủi ro đến mức độ nào trong thế kỷ tới nước Việt Nam của chúng ta cũng sẽ thoát khỏi chế độ toàn trị và thấy được một chế độ dân chủ, và (cứ để cho trí tưởng tượng đi dong chơi một chút) vào khoảng giữa thế kỷ (lúc đó bọn mình không ai còn sống) Việt Nam là một quốc gia tiên tiến hoàn toàn phát triển còn hơn cả Thụy Điển và Mỹ bây giờ. Nghịch cảnh là con cháu của chúng ta sinh ra ở Pháp hay ở Mỹ đều là Pháp và Mỹ hoàn toàn (hoàn toàn theo nghĩa nói tiếng Pháp và tiếng Anh như người Pháp, người Mỹ, và không biết gì ngoài nơi mình đã sinh ra và lớn lên). Nhưng với sắc diện Á châu, chúng vẫn cảm thấy như một công dân bậc hai trên quê hương của chúng nó. Nếu có dịp về thăm Việt Nam thấy quê hương gốc giàu mạnh, tự do, dân chủ, thanh bình chúng có thể oán trách ông cha sao mang nó đến một vùng đất mà dù muốn chúng càng không thể dự phần một cách đầy đủ.

Đó là cái nghịch lý lớn nhất của thế kỷ đối với người Việt ly hương tôi có thể tưởng tượng trong đó có đàn cháu của tôi.

Trần Bình Nam

Trần Bình Nam, tên thật Trần Văn Sơn, cựu trung tá hải quân và cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa. Tham gia thành lập Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam và lãnh đạo tổ chức này đến năm 1991. Hiện tập trung cố gắng vào nghiên cứu hợp tác với nhiều báo Việt ngữ. Đã xuất bản ba tuyển tập bình luận chính trị.

Một kết hợp dân chủ đáng tin cậy

Cảm nghĩ trước thềm năm 2000? Con số 2000 gợi đến ý niệm thời gian? Và nghĩ tới thời gian thì mấy ai không buồn phiền? Xét theo hiện tình dân chủ

hóa nước nhà hiện nay thế chủ động còn thuộc về các thế lực phản dân chủ. Bởi vì tốc độ dân chủ hóa Việt Nam chậm hay nhanh, hay có thể đứng chững lại, phần rất lớn lệ thuộc vào họ. Tệ hơn nữa, hình như tập đoàn cầm quyền tại Việt Nam hiện nay không hề biết ý nghĩa của thời gian.

Năm 2000, thấy rất nhiều tủ nhục vì làm người Việt Nam. Gần 5000 văn hiến mà dân mình vẫn còn mơ ước có được cơm ăn hai bữa. Dân tộc hào hùng với một lịch sử dài mà vẫn chỉ mong ước có được áo quần lành lặn để mặc. Cần thêm bao ngàn năm nữa dân mình mới có thể hưởng được tự do, dân chủ, và một mức sống thoải mái như những dân tộc có lịch sử ngắn ngủi đôi ba trăm năm?

Năm 2000, thấy sợ hãi nhìn lại lịch sử cận đại. Hơn 20 năm chiến tranh tương tàn rồi đưa đến chiến thắng của bạo lực. Hòa bình (cái thứ hòa bình giả tạo vì được đặt trên sự trấn áp các tiếng nói dân chủ) cũng đã hơn 20 năm, nhưng mức sống của người dân chỉ thụt lùi và nền kinh tế của đất nước chỉ thêm bi đát. Chúng ta sẽ còn mất thêm bao nhiêu cái hơn-hai-mươi-năm nữa để có một sự khởi đầu xứng đáng với một dân tộc thông minh và một đất nước giàu có tài nguyên?

Tất cả chúng ta đều cần đấm ngực ăn năn khi năm 2000 lộ diện trước mặt.

Đòi hỏi cấp bách nhất hiện nay là phải có một tập hợp dân chủ đáng tin cậy, có cơ sở lý luận vững vàng và có tầm vóc lớn. Tôi hy vọng dân tộc ta chỉ còn phải chịu đựng một cái hơn-hai-mươi-năm nữa thôi trước khi đất nước và con người Việt Nam thực sự hòa giải với nhau để cùng tiến về phía trước mặt. Dấu hiệu khởi đầu (dù đã rất muộn màng) là một Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã xuất hiện sau hơn 20 năm chờ đợi.

Năm 2000, vì thế, hy vọng sẽ là phần đầu của một trang sử Việt Nam đáng hành diện hơn.

Sơn Dương

Sơn Dương, 47 tuổi, cựu trung úy Thủy Quân Lục Chiến, đi cải tạo sau 1975, vượt trại hai lần, lần đầu bị bắt lại và biệt giam, lần sau thoát rồi vượt biên sang Úc. Hiện là chủ bút bán tuần san Việt Luận tại Úc.

Bảo vệ môi sinh

Trong thiên niên kỷ mới, nhu cầu bảo vệ môi sinh và môi trường thiên nhiên sẽ

trở nên cấp bách và cần thiết hơn bao giờ hết. Trước áp lực của đà gia tăng dân số, cây rừng và các loại thú hiếm đang bị tàn phá và diệt chủng. Phá hoại môi trường và ô nhiễm môi sinh dẫn đến những tai họa tàn khốc như lũ lụt, hạn hán, mất mùa, bệnh tật và đói kém. Người Việt Nam không nên đối xử tệ bạc với đất nước của mình như một "thuộc địa", cần phải bóc lột và khai thác triệt để. Không vì những lợi ích kinh tế nhất thời mà tàn phá di sản thiên nhiên của đất nước, chúng ta nên biết rằng mất di sản thiên nhiên là mất tất cả. Chúng ta có trách nhiệm gìn giữ và trao lại cho các thế hệ sau một môi trường sinh sống xứng đáng hơn xưa.

Võ Thanh Liêm

Võ Thanh Liêm, 39 tuổi, tiến sĩ sinh học, giáo sư đại học y khoa Monash Melbourne, thành viên Hàn Lâm Viện Khoa Học New York, đảng viên đảng bảo thủ Úc.

Cần một chính đảng hiện đại và đứng đắn

Như chúng ta đều biết, trên phương diện chính trị, nền dân chủ trong các xã hội tiến bộ ngày hôm nay đều đặt trên căn bản một thể chế gồm ba yếu tố quan trọng: hiến định, pháp trị và đa nguyên.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta quên đi một thực tế vô cùng quan trọng. Đó là nếu thể chế ấy hiện hữu, nhưng vẫn vắng bóng sự hiện hữu của những đảng phái chính trị chân chính và hiện đại thì chúng ta có thể tiên đoán rằng cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục có cơ hội nắm quyền một thời gian rất lâu trong thiên niên kỷ mới.

Chính vì lý do này, trọng tâm của chúng ta là làm sao xúc tiến không những sự hình thành mà luôn cả sự công khai xuất hiện của những chính đảng hiện đại và đúng nghĩa để đóng góp cho thiên niên kỷ mới.

Những yếu tính cần phải có trong những đảng phái này bao gồm sự trong suốt, tinh thần trách nhiệm, sự tham gia của mọi tầng lớp, kỹ thuật quản trị hiện đại và triệt để phá vỡ mọi huyền thoại, nhất là các huyền thoại về lãnh tụ.

Đào Tăng Dục

Đào Tăng Dục, 51 tuổi, tiến sĩ luật tại New Zealand, hành nghề luật sư tại Sydney, chủ tịch Hiệp Hội Dân Chủ Pháp Trị.

Giới thiệu sách mới

Quả Đất - Quê Hương

Nguyên tác: *Terre-Patrie*, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ, một nhà thơ và nhà văn lớn, đồng thời cũng là một học giả uyên bác. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời. E-mail: nht1@aol.com.

Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu. Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá: 80 FRF (+10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme. Nguyễn và gửi về 106 Avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil.

Người Trung Quốc Xấu Xí

Nguyên tác: *"Sưu Lậu Dịch Trung Quốc Nhân"* của Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ dịch, do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời, Paris, 1999, phát hành. Sách dày 300 trang, bìa cứng màu cá hồi, khổ A5.

Một cuốn sách tuy viết về người Trung Quốc nhưng lại còn đúng hơn đối với người Việt Nam. Một cuốn sách không thể thiếu cho những người quan tâm tới tương lai đất nước.

Giá bán, đã tính cước phí, tại Pháp và Châu Âu: 90 FRF hoặc tương đương; tại Hoa Kỳ: 20 USD; tại Úc: 25 AUD.

Chi phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về địa chỉ: Mr Nguyễn Khôi Minh, 106 avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil, France.

Những Mảnh Đời Rách Nát

Tuyển tập đầu tiên ghi lại cuộc sống của anh em thương phế binh và quả phụ trong nước sau ngày 30-4-1975 do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiển thực hiện. Sách dày 350 trang, tranh bìa giấy láng do Đinh Cường vẽ.

Một đóng góp hữu ích cho những người nghiên cứu đời sống xã hội miền Nam sau ngày 30-4-1975.

Một món quà đáng quý, một cuốn sách không thể thiếu trong mọi tủ sách gia đình.

Liên lạc: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France. Giá bán 120 FRF (đã kể bưu phí), chi phiếu xin đề: Mr NGUYEN.

Thỏa ước Mậu Dịch song phương Mỹ-Việt?

Vũ Trí

Đây là màn chót của vở kịch dài "50 năm chủ nghĩa xã hội" do Đảng Cộng Sản Việt Nam đạo diễn với những nghệ sĩ "vô sản" được đào tạo trong rừng sâu, chuyên môn phá hoại chém giết, lấy hận thù "đấu tranh giai cấp" làm căn bản, lấy thủ đoạn xảo trá làm phương cách, lấy ngu dân làm điều kiện cầm quyền. Lý tưởng Mác Lê, tư tưởng Hồ Chí Minh đã lỗi thời không còn ăn khách. Đào kép cùng đều đã giao động, mất niềm tin vì bị cái màu xanh của đồng đô la lôi cuốn, mua chuộc. Đoàn hát cộng sản Việt Nam đang trên đà rã đám. Nhóm kép độc "Phiêu-Lương-Khải" đang diễn màn chót để bảo vệ quyền lợi, cứu lấy thân và gia đình cùng phe đảng.

Đã rã đám này đã công khai bắt đầu từ Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 7-1998, đặt vấn đề xuống cấp về tư tưởng đạo đức trong xã hội, về suy thoái trong hàng ngũ cán bộ đảng viên, về tụt hậu kinh tế. Lê Khả Phiêu đã phải kêu gọi học tập chính đốn nội bộ Đảng, phát động phong trào tự phê tự kiểm, gia tăng bảo vệ Đảng, đe dọa xử lý thích nghi mọi vi phạm liên hệ đến Đảng.

Và chỉ ba tháng sau đó, Ban chấp hành Trung ương lại triệu tập hội nghị lần thứ 6, từ ngày 13 đến 17-10-1998, để giải quyết tình trạng khủng hoảng kinh tế, chỉnh đốn lại nội bộ Đảng, gây lại niềm tin quốc tế. Không khí hội nghị lần này rất nặng nề gay gắt vì những bất đồng ý kiến giữa các phe nhóm bảo thủ, cải tiến về chủ trương đổi mới, đường lối lãnh đạo, quan liêu tham nhũng. Lê Khả Phiêu đã phải cảnh cáo "Việt Nam sẽ đứng trước nhiều khó khăn thách thức quan trọng trong năm 1999 nếu không khắc phục được tình trạng suy thoái kinh tế hiện nay".

Vấn đề chỉnh đốn lại nội bộ Đảng không được đề cập đến, Hội nghị đã phải tạm ngừng, dời lại kỳ sau, dự trù vào tháng 12-1998, nhưng rồi bỏ qua không họp. Sự im lặng kéo dài thời gian này cho thấy là có sự tranh chấp nặng nề trong nội bộ, các vấn đề quyền lợi và nhân sự chưa được thỏa thuận giữa các

phe nhóm. Tình trạng phân hóa nội bộ càng gia tăng.

Đến tháng 5-1999, "Quốc hội" lại họp khóa 10, biểu quyết thông qua hai đạo luật: một là thể chế hóa nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức ngoại vi "Mặt Trận Tổ Quốc" trong lãnh vực soạn thảo hiến pháp và tổ chức bầu cử, hai là bổ sung luật báo chí để kiểm soát chặt chẽ không cho loan tin gì bất lợi cho Đảng và Nhà nước... chuẩn bị cho một cuộc bầu cử trong tương lai (?). Lê Khả Phiêu lại phát động chiến dịch "tự phê bình và phê bình" để chỉnh đốn lại nội bộ, lấy ngày sinh nhật của Hồ Chí Minh làm chuẩn và dự trù kéo dài trong hai năm.

Thế rồi qua tháng 6-1999, "Nhà nước" đã phải công bố minh bạch hóa thông tin ngân sách quốc gia vì bị áp lực của Mỹ và các giới đầu tư, viện trợ ngoại quốc... một việc mà từ ngày cầm quyền đến nay gần 50 năm chưa bao giờ được Đảng Cộng Sản Việt Nam áp dụng. Đây là một nhượng bộ quan trọng để thỏa mãn các kẻ thù đế quốc chiến bại. Cái thế của Đảng Cộng Sản Việt Nam đang trên đà xuống cấp quá rõ ràng.

Một sự trùng hợp khá lý thú và nhiều ý nghĩa là cũng vào đầu tháng 6-1999, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam, Pete Peterson, tiếp xúc với đồng bào tị nạn ở California, trả lời phỏng vấn báo "Sài Gòn Nhỏ", nhận định tình hình Việt Nam, cho rằng: "Quần chúng đã công khai chỉ trích chế độ, nhạo báng chánh quyền, không tôn trọng luật lệ... chế độ phải thay đổi... thay đổi trong hòa bình qua sự phát triển kinh tế, cấp lãnh đạo cộng sản đã biết rõ điều này". Ông tin rằng "nhà nước Việt Nam đang có những nỗ lực để thay đổi và sẽ loan báo một sự thay đổi lớn trong năm nay" (??).

Liên sau đó là phiên họp thứ 8 Mỹ-Việt tại Hoa Thịnh Đốn để thương thảo về Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương (14-18-6-1999) nhưng rồi cũng không có kết quả vì nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam chưa thống nhất được quan điểm. Cùng trong thời gian này, Đại sứ Đức tại Hà Nội, Wolfgang Frek, đã công khai cảnh cáo Đảng Cộng Sản

Việt Nam trong một cuộc họp báo tại Hải Phòng ngày 10-6-1999 là khối Liên Hiệp Âu Châu sẽ cắt giảm viện trợ cho Việt Nam nếu Hà Nội không tỏ quyết tâm đổi mới kinh tế chính trị. Áp lực quốc tế gia tăng.

Tại quốc nội, các tôn giáo lại lên tiếng đòi hỏi tự do. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phải trả tự do cho một số chức sắc lãnh đạo Phật Giáo, đã phải chấp nhận để Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập với gần một triệu người tham dự, đã phải chấp nhận để Công Giáo làm lễ kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra ở La Vang với hơn 200 ngàn tín đồ tham dự... Hòa thượng Thích Quảng Độ đã công khai xin phép làm báo, gửi văn thư đòi hỏi nhân quyền. Phật Giáo, Công Giáo, Hòa Hảo, Cao Đài đã liên kết phổ biến lời kêu gọi đòi tự do tôn giáo. Áp lực tôn giáo hình thành, cái thế xuống dốc của Đảng Cộng Sản Việt Nam càng xác định.

Về mặt đối ngoại thì áp lực Trung Quốc trở nên nặng nề ở biên giới vì quân đội Trung Quốc đã nhiều lần lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam và sự tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa vẫn chưa ngã ngũ. Về phía Mỹ thì phụ tá đặc trách nhân quyền Bennett Freeman đến Hà Nội trao cho Việt Nam danh sách 150 tù nhân chính trị và lương tâm và yêu cầu phóng thích. Quỹ Tiền Tệ quốc tế và Ngân Hàng Thế Giới cũng lên tiếng đòi Việt Nam phải đổi mới nhanh chóng nếu muốn được giải tỏa các ngân khoản viện trợ đầu tư. Thủ tướng Nhật bản Miyazawa cũng đến Hà Nội thông báo cho Phan Văn Khải là Việt Nam không được hưởng viện trợ mà chỉ có thể được vay 160 triệu trong tổng số 30 tỷ mỹ kim dành cho chương trình viện trợ của Nhật, nhưng với điều kiện đổi mới kinh tế chính trị. Áp lực quốc tế càng gia tăng.

Trước những diễn biến dồn dập, từ trong đến ngoài nước, Lê Khả Phiêu đã phải xoay chiều thái độ, muốn kết thúc mau chóng Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương, cứu nguy tình trạng kinh tế tài chánh đang trên đà phá sản, một nguy

cơ đe dọa Đảng và chế độ.

Thế là phiên họp thứ 9 được khai triển từ ngày 20 đến 25-7-1999 với kết quả sơ bộ là Thỏa Ước được hai bên thông qua và dự trù sẽ ký kết tại hội nghị APEC ở Tân Tây Lan vào đầu tháng 9-1999 để trình Quốc hội hai bên phê chuẩn trước cuối năm. Nhưng rồi Đảng Cộng Sản Việt Nam lại đổi ý không chịu ký kết, mặc nhiên phủ nhận kết quả sơ bộ. Lý do là vì phe bảo thủ, đặc biệt là giới quân nhân, muốn bảo vệ quyền lợi phe đảng và nhất là lo sợ hậu quả chính trị bất lợi, mất thế độc quyền?... nhưng cũng có thể là vì đàn anh Trung Quốc không muốn cho Đảng Cộng Sản Việt Nam xích lại quá gần, quan hệ quá chặt chẽ với Mỹ. Việc Hà Nội từ chối cuộc viếng thăm của bộ trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen cuối tháng 9 là một chứng minh cụ thể các áp lực của Trung Quốc.

Trong cuộc họp báo tại Helsinki ngày 23-9-1999, Phan Văn Khải đã thú nhận có những quan điểm khác nhau trong Bộ chính trị về nội dung bản Thỏa Ước, có sự "phức tạp" của một số điều khoản, bản tiếng yêu cầu Mỹ cứu xét thương thuyết trở lại trước khi ký kết. Phan Văn Khải cũng chính thức lên tiếng mời Tổng thống Bill Clinton viếng thăm Việt Nam, xác định lời mời gián tiếp của Nguyễn Mạnh Cầm hồi trung tuần tháng 9-1999 tại Bộ Ngoại giao của Á Căn Đình. Sự dồn dập mời mọc này cho thấy là Đảng Cộng Sản Việt Nam đang rất cần Mỹ để tạo thế quân bình ảnh hưởng với Trung Quốc... đồng thời cũng là gây lại niềm tin cho cán bộ đảng viên các cấp.

Liên sau đó, cố vấn an ninh quốc gia cho Tổng Thống Mỹ là Samuel Berger lên tiếng tán thành chuyến viếng thăm, với điều kiện là "Tổng Thống Bill Clinton phải đạt được một thành quả nào đó thay vì chỉ đến để chụp hình...". Đài RFI của Pháp cũng loan tin là Mỹ lên tiếng chấp nhận cứu xét thương thuyết lại một số điều khoản trong bản Thỏa ước. Như thế là những lời yêu cầu của Phan Văn Khải đã được Mỹ chấp nhận trên nguyên tắc, nhưng tiến trình và kết quả như thế nào, thời gian sẽ trả lời.

Tiếp theo là có tin Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam

Quan niệm:

"Thăng làm vua, thua làm giặc" không có lợi cho tiến trình dân chủ hóa

Võ Thanh Liêm

Gần đây tại Úc có dư luận cho rằng mức trợ cấp hưu bổng của các cựu lãnh tụ quá rộng rãi cần được xét lại. Dư luận kia đến từ phía báo chí truyền thông Úc và luôn cả báo chí Việt ngữ. Thật ra lương của chính khách Úc không cao lắm. Lương thủ tướng cầm đầu quốc gia chỉ có 205.000 AUD, không bằng lương các giám đốc công ty tư nhân, trung bình khoảng 7 triệu mỗi năm. Bù lại, các chính trị gia Úc được hưởng hưu bổng rất hậu hĩ.

sẽ triệu tập hội nghị vào đầu tháng tới, trước khi Lê Khả Phiêu lên đường đi Pháp ngày 22-11-1999 theo lời mời của Tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp Robert Hue. Không biết đây là một sự trùng hợp bất ngờ hay là một tiến trình "diễn biến chính trị" để bồi phần thoa son cho đàn em Đảng Cộng Sản Việt Nam, làm giá trao đổi với Mỹ trong việc ký kết Thỏa ước mậu dịch... hoặc là để có một sự thay đổi lớn ở Việt Nam, đúng theo lời tuyên bố của Đại sứ Pete Peterson hồi tháng 6-1999 tại California...?

Qua các sự việc nêu trên, có thể tin rằng thế nào Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương cũng sẽ được Đảng Cộng Sản Việt Nam ký kết trước năm 2000 vì đây là nhu cầu thiết yếu cho Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay. Sự việc Ban Chấp Hành Trung Ương triệu tập hội nghị rõ ràng là để cứu xét các khó khăn đang gặp phải, quyết định đường lối ngoại giao... lấy sự đồng thuận của đa số Đảng viên theo nguyên tắc "dân chủ tập trung", làm cây dù che chở cho Lê Khả Phiêu thương thảo trong cuộc du hành đến Pháp tới đây.

Luật trời vay trả vay, quả báo nhân tiền, đang ứng thực ở Việt Nam: "Khi lên cầm quyền, Đảng Cộng Sản Việt Nam trị dân bằng cái bao tử... thì ngày nay cũng vì cái bao tử của dân mà Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ mất quyền".

Vũ Trí

Phải nhìn nhận chính sách hưu bổng hậu hĩ dành cho các cựu lãnh tụ là một truyền thống của các dân tộc theo hệ thống Westminster của Anh Quốc. Khi bà Margaret Thatcher thôi làm thủ tướng, bà trở nên giàu có hơn thời kỳ còn làm thủ tướng. Chưa hết, bà Thatcher còn được tấn phong chức Nam tước và gia nhập Viện Quý Tộc.

Năm 1998, tôi được cựu thủ tướng Malcolm Fraser tiếp chuyện tại văn phòng của ông. Lúc ông làm thủ tướng tôi chỉ là một đứa trẻ ở những năm đầu trung học. Hôm đó, ông vẫn bệ vệ phía sau cái bàn làm việc to lớn mặc dầu đã thôi làm thủ tướng. Ông có văn phòng, cận vệ, tài xế đủ cả.

Đó là nói về những người đã lên voi nhưng không xuống chó. Thất bại, họ vẫn được cưỡi ngựa như thường. Thế còn lãnh tụ đối lập thì sao? Sự chênh lệch giữa lương của lãnh tụ đối lập và thủ tướng không nhiều. Có chăng chỉ có tính cách tượng trưng. Điểm khác biệt trọng yếu là địa vị và quyền lực.

Những sự kiện nêu trên có làm cho chúng ta suy nghĩ hay không? Nếu đem so sánh cái "ngày tàn cuộc vui" của các chính trị gia tây phương với các cựu lãnh tụ của Việt Nam thì sự khác biệt không gì to lớn hơn. Chỉ trong vài trang sử cận kim chúng ta được biết các việc sau đây: sau khi may mắn cướp được chính quyền nhờ hậu thuẫn của Mỹ và Tàu, ông Hồ Chí Minh liền hạ sát ngay cựu thượng thư bộ lại Phạm Quỳnh. Trong Sài Gòn, sau khi truất phế cựu hoàng Bảo Đại, thủ tướng Ngô Đình Diệm hạ lệnh tịch thu toàn thể tài sản hoàng gia bao gồm ba ngôi biệt thự nhỏ và một chiếc du thuyền. Tuy nhiên lệnh này không thi hành được vì sau khi kiểm lại thì các tài sản đó vốn thuộc chính phủ từ lâu. Năm 1963 ông Diệm và gia đình bị các tướng lãnh của ông tiêu diệt trong một cuộc đảo chánh. Sau đó, tướng Nguyễn Khánh cùng đi lưu vong sau khi thất thế. Nghe nói ông Khánh đã chỉ

kip mang theo một nắm đất nhỏ của quê hương khi lên máy bay đi lưu đày. Sau thất bại Mậu Thân, ông Hồ Chí Minh uất lên mà chết. Lê Duẩn chơi ác, không những không tuân theo di chiếu mà còn mang xác ông Hồ đi ướp để triển lãm. Sau 1975, không riêng gì các lãnh tụ miền Nam, cả thường dân cũng phải tội biệt xứ chung thân.

Cách đối xử với nhau của người Việt như vậy không có gì xa lạ với lịch sử chính trị của chúng ta. Thông lệ đó được gói ghém trong câu "Thắng làm vua, thua làm giặc" theo ảnh hưởng của Tàu. Thời Minh mạt bên Tàu, Bình Tây Vương Ngô Tam Quế dẫn Thanh binh nhập quan, sau đó ông chống lại vua Khang Hi nhà Thanh. Vua Khang Hi bắt được Ngô Tam Quế giải về Yên Kinh, nhà vua nhìn Ngô Tam Quế căm giận mà quát: "Nghịch tặc sao không khấu đầu chịu tội?". Ngô Tam Quế nói to: "Thắng giả vi vương, bại giả vi cẩu, người muốn giết ta thì cứ giết!".

Phong tục đó đi kèm với những hình phạt du nhập từ Trung Hoa như tru di tam tộc (trường hợp của ông Nguyễn Trãi, tổ của các vua Nguyễn sau này). Voi dầy ngựa xé (trường hợp của vua tôi nhà Tây Sơn). Chặt long mạch, quật mỏ mả (trường hợp lăng mộ của các chúa nhà Nguyễn từ Nguyễn Hoàng trở xuống bị vua Quang Trung đào xới liệng xác xuống sông). Sau này khi bắt được thầy Huỳnh Phú Sổ, ông Hồ Chí Minh cho chặt xác ngài ra làm ba khúc. Người Pháp không biết nghĩ sao lại tặng thêm cho chúng ta cái máy chém (trường hợp của các ông Ba Cụt, Nguyễn Thái Học). Mới đây ông Võ Xuân Minh (Thông Luận) có đề cập đến nhu cầu phải có một văn hóa dân chủ để hỗ trợ cho nền dân chủ tương lai (nếu chúng ta nhờ trời thương mà có được chăng). Trong bài "*Một vấn đề Việt Nam trước thiên niên kỷ mới: văn hóa và chính trị*", ông Võ Xuân Minh đã viết: "*Mọi vấn đề đều bắt nguồn từ văn hóa; không thể thay đổi vận mệnh quốc gia mà không cải thiện văn hóa. Chúng ta không thể tránh cuộc thảo luận này*". Tác giả Võ Xuân Minh rất có lý khi nêu lên khía cạnh văn hóa. Tuy nhiên một nền văn hóa dân chủ không chưa đủ bảo đảm cho tự do dân chủ. Muốn cho dân chủ được vững mạnh, quốc gia và xã hội phải có những

cấu trúc chính trị với quyền hạn rõ ràng và độc lập.

Các quốc gia dân chủ lâu đời đã sớm hiểu ra rằng uy quyền là một ma lực. Quyền lực càng to lớn, cơ hội độc tài càng nhiều. Lord Acton của Anh quốc xưa có nói: "*Quyền lực thường làm con người sa ngã. Quyền lực tuyệt đối sẽ đem lại sự tha hóa toàn diện*" (Power tends to corrupt, and absolute power corrupts absolutely). Trong khi Khổng Tử dạy "nhân chi sơ tánh bản thiện" thì nền văn hóa tây phương đương đại lại công nhận rằng "mọi người đều có tính bẩm sinh khả hoại (inherently corrupt), nếu có quyền lực tuyệt đối trong tay.

Một chân lý phải được vạch ra là các dân tộc của các nước dân chủ lâu đời có những bản tính thiên phú không khác chúng ta là bao. Họ cũng đã bao lần tiêu diệt lẫn nhau. Anh quốc là một nước khai sinh ra dân chủ nhưng cũng có một lịch sử đẫm máu hải hùng. Năm 1471 trong trận đánh Tewkesbury, vua Edward đệ tứ và công tước Clarence đánh bại quân Lancastrian của bà chúa Margaret of Anjou. Margaret dẫn tàn quân trốn vào giáo đường nhưng cũng bị vua Edward IV xông vào chém sạch cả trăm người, máu đổ lênh láng. Những ông hoàng bà chúa xứ Anh và Pháp bị rơi đầu cũng không ít như là vua Charles I, King of England, Marry, Queen of Scotland, Louis 16, Roi de France, v.v... Như thế mới hay rằng muốn xây dựng xã hội thành công, tốt hơn cả chúng ta không nên đi ngược lại bản tính thiên phú của con người. Trong cái thiện căn, con người vốn ác. Do đó song song với câu "nhân chi sơ tánh bản thiện" của Khổng tử lại còn có câu "nhân vô thập toàn". Một khi đã hiểu nhau thì không còn ngộ nhận nữa. Các chính trị gia Á châu và kể cả Âu châu lúc xưa thường dồn nhau vào thế cười lung cộp. Một khi rời bỏ quyền lực thì nhà tan cửa nát, sinh mạng không còn. Do đó họ đánh nhau chí chết, Hán Sở tranh hùng tạo loạn lạc điêu linh cho người dân vô tội.

Chế độ cộng sản chối bỏ quyền tư hữu, đi ngược lại bản tính con người là thích thủ lợi và tích lũy cho cá nhân. Lý thuyết cộng sản thoạt đầu nghe hay nên mê hoặc được hàng triệu người nhưng khi đem ra áp dụng lại thất bại chua cay. Truyền thống tưởng thưởng hậu hi những

người rời khỏi chính trường tại các nước dân chủ tây phương chẳng qua là một phần trong nhiều yếu tố tế nhị và phức tạp khác trong quá trình xây dựng và bảo vệ dân chủ. Thắng cũng vui nhưng khi bại thì cũng nhà to cửa rộng, ngàn năm một tiếng Công Hầu!

Tuy rằng Khổng Tử cho rằng ai mới sinh ra cũng thiện cả nhưng "cẩn tắc vô ưu", đề phòng trước vẫn hơn. Thế giới tây phương nơi đâu, cái gì cũng có bảo hiểm. Thế thì chúng ta tạm coi số tiền hưu và tước phẩm của các chính trị gia đã về chiều như là một thứ bảo hiểm chính trị vậy.

Muốn đất nước Việt Nam thôi lạc hậu, người Việt Nam không còn một lựa chọn nào khác là xây dựng dân chủ. Dân chủ chỉ bền vững khi được xây dựng trên nền tảng văn hóa đại chúng và phù hợp với nhân tính con người. Một nền văn hóa dân chủ phải bao gồm hai yếu tố lý và tình.

Những cố gắng trong suốt thế kỷ 20 để xây dựng dân chủ tại Việt nam đều bị thất bại vì cỗ xe dân chủ của chúng ta chỉ có cái bánh hiệu dân chủ. Nó thiếu những thứ phụ tùng lẫn mỡ như bù lon, con tán, thắng xe, hộp số v.v... những thứ mà tiếng Anh gọi là "checks and balances" có nghĩa là "kiểm soát và dung hòa".

Cựu thủ hiến Jeffrey Kennett, đảng Bảo thủ của Victoria, Úc đã thất cử dù rằng ông đã mang lại biết bao thành quả to lớn cho nhân dân. Lỗi của ông Kennett là đã coi thường dư luận khi cất bỏ quyền hạn của Viện giám sát (Auditor General). Trong cùng thời gian đó phong trào cộng hòa tại Úc nhằm chấm dứt chế độ quân chủ cũng đã thất bại ê chề và toàn diện. Nhân dân Úc đã nhìn rõ ra rằng cách lựa chọn tổng thống được đưa ra không thể bảo đảm tư cách độc lập của vị nguyên thủ quốc gia. Tự do dân chủ tại tây phương đã từ lâu là một đặc quyền của mọi người dân. Đặc quyền đó không những phải được "thực thi" mà còn phải được "cảm nhận" và "nhìn thấy"!

Con đường trước mặt dân tộc chúng ta còn rất dài và đầy gian nan. Tuy nhiên một khi mọi người hiểu được tầm vóc của vấn đề thì đoạn đường kia đã ngắn đi phân nửa.

Võ Thanh Liêm

Tổng Thống Mỹ viếng thăm Việt Nam ?

Báo Ngày Nay, số 421 ngày 15-10-1999, nơi trang nhứt có đăng bài "*Liệu tổng thống Clinton sẽ thăm Việt Nam vào năm tới?*" của ông Lê Trương với nội dung gồm các điểm chánh nguyên văn như sau:

- Theo tin của hãng Reuters vào giữa tháng 9, trong chuyến công du mạo dịch tại Á Căn Đình, ông Nguyễn Mạnh Cầm đã nói với các thông tin viên tại Bộ Ngoại Giao Á Căn Đình rằng "*Ông Bill Clinton sẽ được hoan nghênh, nếu ông có thể thu xếp thời biểu để đến thăm Việt Nam... Việc này sẽ là một cải thiện quan trọng trong các quan hệ giữa hai nước chúng tôi*".

- Theo tin của tờ *Washington Post*, do ký giả Al Kamen viết hôm 4-10-1999, tổng thống Bill Clinton có thể viếng thăm Việt Nam trong năm tới. Bản tin cho biết cố vấn an ninh quốc gia Samuel Berger đã tán thành chuyến đi với điều kiện ông Clinton phải đạt được một thành quả nào đó trong chuyến đi, thay vì chỉ đến để có dịp được chụp hình và được xem là tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt Nam sau năm 1975... nhưng các nhân vật chính trị cũng như ông John D. Podesta, chánh văn phòng Phủ Tổng Thống, đều không sốt sắng lắm về việc này.

- Tuy vậy, vấn đề vẫn chưa chấm dứt nơi đây vì ông Clinton vẫn có thể ghé qua Việt Nam trong chuyến du hành Á châu vào đầu năm tới khi ông tới thăm Ấn Độ và Hồi Quốc... (hoặc) vào cuối năm tới để tham dự hội nghị APEC ở vương quốc Brunei.

Và bài báo kết luận rằng "*Phải chăng tin đồn này được đưa ra như một quả bóng thăm dò xem phản ứng của mọi người ra sao?*".

Thật vậy, đây là một quả bóng chính trị được tung ra nhằm nhiều mục đích từ phía Việt Nam cũng như phía Hoa Kỳ trong nhu cầu ký kết bản Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương vừa bị phía cộng sản Việt Nam đình hoãn mặc dù đã thông qua chấp thuận trên nguyên tắc ngày 25-7-1999 sau ba năm thương thuyết kéo dài từ 1996 đến nay.

Lời mời gián tiếp của Nguyễn Mạnh Cầm tại Á Căn Đình, đã được Phan Văn

Khải xác nhận lại trong cuộc họp báo tại Helsinki ngày 23-9-1999, cho thấy là Hà Nội dồn dập lên tiếng muốn tổng thống Mỹ viếng thăm Việt Nam. Ý muốn này nhằm hai mục đích: trước tiên xem đó như là điều kiện trao đổi để ký kết Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương, hai là lấy sự thăm viếng Việt Nam của tổng thống Mỹ để tuyên truyền củng cố niềm tin cho cán bộ đảng viên đang trên đà phân hóa, lường gạt đồng bào về "tình hữu nghị Mỹ-Việt" tốt đẹp. Thủ đoạn chính trị này thường được cộng sản Việt Nam áp dụng trong quá khứ, cụ thể như hai trường hợp sau đây:

- Khi còn ở rừng Việt Bắc, phe cộng sản Việt Nam được tinh báo Mỹ yểm trợ huấn luyện để đánh Nhật. Hồ Chí Minh xin được chụp hình với thiếu tá Patty, trưởng toán Mỹ và xin được tặng một khẩu súng lục... rồi chứng minh rằng đã được Mỹ nhìn nhận và ủng hộ để nâng cao tinh thần đảng viên cán bộ.

- Năm 1946, Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng hướng dẫn phái đoàn đến Pháp tham dự Hội nghị Fontainebleau nhưng thất bại. Trước khi trở về Việt Nam, nửa đêm Hồ Chí Minh đến gõ cửa bộ trưởng thuộc địa Pháp, Marius Moutet, xin ký kết thỏa ước Modus Vivendi 14-9-1946 rồi lấy đó làm bằng chứng về thắng lợi thương thuyết.

Bản chất của cộng sản Việt Nam là thủ đoạn và dối láo, luôn luôn lấy bề ngoài của một sự việc có thật để giải thích một cách khác đi, đánh bóng cho Đảng, lừa gạt đồng bào, đảng viên kém hiểu biết vì chính sách ngu dân để trị.

Về phía Mỹ thì mục đích của quả bóng chính trị này là nhấn khéo cộng sản Việt Nam phải ký kết Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương. Lời tán thành chuyến viếng thăm Việt Nam của cố vấn an ninh quốc gia Samuel Berger và thái độ không sốt sắng của chánh văn phòng John D. Podesta... cùng với sự "có thể" trong chương trình viếng thăm Ấn Độ - Hồi Quốc, tham dự hội nghị APEC của tổng thống Clinton năm 2000 cho thấy là phía Mỹ đang áp dụng "chiến thuật nhu cương", trao đổi "viếng thăm với ký kết" hay là với một kết quả nào khác?

Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương chưa được ký kết là vì nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam đang bị phân hóa, phe bảo thủ sợ hậu quả chánh trị sẽ làm mất đặc quyền đặc lợi... nhưng trước tình trạng phá sản của nền kinh tế, suy thoái của xã hội, áp lực của tôn giáo, áp lực của quốc tế... đảng cộng sản không thể kéo dài thời gian bấp bênh này được. Chính Đảng Cộng Sản Việt Nam cần ký kết Thỏa Ước Mậu Dịch Song Phương này hơn là Mỹ để được hưởng qui chế tối huệ quốc, giải nguy kinh tế. Do đó cộng sản Việt Nam đang rất cần được tổng thống Mỹ viếng thăm để tạo hình ảnh "tình thân hữu Mỹ-Việt", tuyên truyền đối gạt đồng bào, củng cố niềm tin cán bộ trong nước. Thủ đoạn tuyên truyền dối láo này, trước đây Đảng Cộng Sản Việt Nam áp dụng được vì kỹ thuật thông tin báo chí còn thô sơ, vì đồng bào ít xuất ngoại... Nhưng ngày nay, với truyền thanh truyền hình, điện thoại, thư điện, video cassette, máy ảnh, máy thu hình... với biết bao nhiêu phái đoàn xuất ngoại tham quan, tu nghiệp, tranh đua thể thao, trình diễn văn nghệ, trao đổi thương mại... với bao nhiêu Việt kiều về nước du lịch, thăm gia đình... sự hiểu biết của đồng bào quốc nội được khai thông mở rộng, thấy rõ đâu là sự thật, đâu là dối láo... và quan trọng hơn nữa là đa số đồng bào quốc nội đều chán ghét chế độ cộng sản... cho nên cuộc viếng thăm của tổng thống Mỹ sẽ có ảnh hưởng ngược cho đảng cộng sản.

Chế độ độc tài cộng sản Việt Nam được xây dựng qua tuyên truyền dối láo, che đậy sự thật. Ngày nay, khi sự thật đã được mọi người biết thì chế độ đó không thể tồn tại được. Chỉ ngại một điều là vì nhu cầu quốc gia, vì nhu cầu an ninh chiến lược mà cuộc viếng thăm của tổng thống Mỹ sẽ trở thành hữu ích cho Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Mong rằng, sau 24 năm bỏ miền Nam, cấp lãnh đạo Mỹ đã hiểu nhiều về bản chất của cộng sản Việt Nam, nhìn nhận trách nhiệm đối với miền Nam, đừng để bị Hà Nội lợi dụng lừa gạt, kéo dài thêm thời gian kèm kẹp, đàn áp dân tộc Việt Nam.

Mai Viết Triết

Đối lập dân chủ phần khởi và lạc quan

Nguyễn Văn Huy

Ngày Dân Chủ 02-01-2000 tại Paris do bốn tổ chức: Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ, Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam và nhóm Thông Luận đã qui tụ đông đảo thân hữu trong không khí phấn khởi và xây dựng.

Phòng họp được trình bày giản dị và trang nhã với rất nhiều bích chương mang hình và tiểu sử của hầu hết mọi khuôn mặt dân chủ có tên tuổi tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Hùng, thay mặt ban tổ chức, đã khai mạc buổi họp mặt và sau đó đã đọc tham luận về cuộc tranh đấu của Phật giáo tại Việt Nam. Bài tham luận của ông Huỳnh Hùng nhắc lại vụ án hai hòa thượng Tuệ Sĩ và Trí Siêu với những lời đối đáp khảng khái của hai vị. Ông Huỳnh Hùng nhấn mạnh Phật Giáo Việt Nam không hề có tham vọng quyền lực, ngay cả khi có thể nắm quyền lực như dưới thời nhà Lý. Nhưng ngày nay Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam phải dấn thân vào cuộc đấu tranh đòi dân chủ vì đó là bổn phận của người Phật tử với tư cách công dân và cùng vì đó là điều kiện để các tôn giáo, trong đó có Phật Giáo có thể đảm nhiệm sứ mạng tinh thần của mình.

Tiếp theo ông Huỳnh Hùng là ông Đỗ Mạnh Tri, giám đốc báo Tin Nhà, nhận định về cuộc tranh đấu trong lòng chế độ cộng sản của linh mục Chân Tín và ông Nguyễn Ngọc Lan. Bằng lời lẽ dí dỏm, ông Đỗ Mạnh Tri đã lột bích họa luận điệu của nhà cầm quyền cộng sản tố cáo linh mục Chân Tín đã ép giáo dân phải ký kiến nghị phản đối nhà cầm quyền, ép các vị lãnh đạo tôn giáo khác ký vào lời kêu gọi của bốn tôn giáo, rồi lại ép cả hồng y Phạm Đình Tụng, ông tự hỏi làm sao Chân Tín có uy quyền đến thế. Trong một nhận định sắc bén khác, ông Đỗ Mạnh Tri nói rằng người cộng sản từng chế nhạo các tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng, nhưng chính họ lại rất thích các tôn giáo ru ngủ này và họ đã dồn mọi cố gắng để thành

lập ra những tôn giáo ru ngủ: Phật Giáo quốc doanh, Công Giáo quốc doanh, Cao Đài quốc doanh, Hòa Hảo quốc doanh. Trái lại họ rất kỵ và rất sợ các tôn giáo không ru ngủ.

Ông Vũ Thiện Hân, chủ nhiệm báo Thông Luận, đã giới thiệu Mạng Lưới Nhân Quyền và đọc bài phát biểu của ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, thành viên phối hợp của Mạng Lưới. Trong bài phát biểu công phu, ông Nguyễn Ngọc Quỳnh đưa ra những đề nghị cụ thể cho cuộc đấu tranh vì dân chủ và nhân quyền.

Tiếp theo ông Vũ Thiện Hân, bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, đã đọc thư ngỏ của giáo sư Đoàn Viết Hoạt gởi anh em dân chủ trong nước.

Ông Diệp Tường Bảo, phát biểu nhân danh Thông Luận. Ông Bảo nhận định rằng cuộc khủng hoảng tài chánh Á Đông đã phá vỡ những nguy biện chủ trương trả giá dân chủ đổi lại phần thịnh và bắt buộc chính quyền Việt Nam phải quay lại Tây phương, một điều mà họ rất nghi kỵ, thể hiện bởi thái độ do dự của Hà Nội đối với hiệp ước mậu dịch Việt-Mỹ. Nhắc lại một câu của De Tocqueville, ông Bảo nói rằng các tập đoàn độc tài không cần người dân thương họ mà chỉ cần người dân không yêu nhau. Theo ông Bảo, thái độ liên đới của người Việt trước vụ lụt tại miền Trung vừa qua, đánh dấu sự ra đời của một xã hội dân sự Việt Nam đích thực, có khả năng biến thành một phong trào đối lập quần chúng trong tương lai. Ông Bảo cũng nhân dịp thông báo từ nay nhóm Thông Luận đã chính thức sử dụng danh xưng "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên".

Ông Trần Thanh Hiệp, chủ tịch Trung Tâm Việt Nam Về Nhân Quyền tại Paris, đã tóm lược bài tham luận dài được phân phát trong phòng họp của Trung Tâm về một thảm kịch về nhân quyền tại Việt Nam do đảng cộng sản gây ra. Ông Hiệp nhấn mạnh rằng đảng cộng sản chà đạp nhân quyền cả trên

thực tế lẫn trong khái niệm.

Ông Nguyễn Quốc Nam, đại diện Liên Minh Dân Chủ, nhắc nhở cử tọa về trường hợp hai ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái. Sau đó ông Nam đã phát biểu hướng về tương lai. Ông Nam nói rằng các tổ chức dân chủ cần phối hợp với nhau để cùng thúc đẩy cuộc đấu tranh cho dân chủ. Nhân danh bốn tổ chức cùng đứng mời Ngày Dân Chủ, ông Nam tuyên bố: "Chúng tôi đã quyết định kết hợp với nhau vì mục tiêu chung, trong tương lai chúng tôi sẽ còn tiếp tục thắt chặt thêm quan hệ hợp tác đó". Ông đề nghị một dự án cụ thể là một đợt hội thảo để những người dân chủ Việt Nam đi đến đồng thuận về một hiến pháp tương lai cho Việt Nam. Ông Nam kết luận rằng thế kỷ 20 đã là một thế kỷ đáng buồn cho Việt Nam, "mở đầu trong ngoại thuộc và chấm dứt dưới độc tài", những người dân chủ Việt Nam phải quyết tâm để thế kỷ 21 mở ra kỷ nguyên dân chủ và phú cường. Ông lạc quan nhìn về tương lai vì chế độ cộng sản đã phải liên tục thoái bộ và giảm bớt sự hung bạo.

Cũng như ông Nguyễn Quốc Nam, ông Nguyễn Văn Trần đã nhắc nhở ý chí kiên cường của hai ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái, và nhận định rằng chúng ta đang đứng trước một tình thế thuận lợi vì chế độ cộng sản không còn dám hung bạo như trước nữa. Lấy thí dụ cụ thể là ngày lễ dân sinh giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, ông Trần thông báo rằng nhà cầm quyền đã vận dụng mọi thủ đoạn ma giáo để đánh phá nhưng đã không dám sử dụng bạo lực, và cuối cùng đã phải phóng thích ngay những người bị tạm giữ.

Ông Nguyễn Gia Dương đã phát biểu nhân danh Tổng Hội Sinh Viên Việt nam tại Paris. Ông Dương không đọc tham luận mà bắt đầu bằng những kỷ niệm cụ thể của đời sinh viên để kết luận rằng tuổi trẻ hãy cứ dám bắt đầu bằng những việc nhỏ, rồi góp lại sẽ thực hiện được những việc lớn.

Ông Nguyễn Gia Kiểng lên diễn đàn cảm tạ các thân hữu đã đóng góp cho Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam trong sáu năm qua, nhờ đó Nghĩa Hội đã có thể góp phần nuôi dưỡng và làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh vì dân chủ trong nước. Ông Kiểng cũng đặc biệt lưu ý ba trường hợp Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái và Nguyễn Thanh Giang. Hai ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái là những người tù chính trị bị giam cầm lâu nhất trong thế kỷ 20 và cũng là những người kiên cường nhất. Nguyễn Thanh Giang đã từ bỏ mọi ưu đãi của chế độ để thẳng thắn đứng vào hàng ngũ dân chủ và đang là đối tượng của những biện pháp trừ dập thô bạo nhất.

Ông Kiểng phân tích những triết thoái liên tục của chế độ trong 25 năm qua. Từ những vụ hành quyết thô bạo sang những vụ xử án chính trị, những biện pháp quản chế và cuối cùng là cô lập và sách nhiễu. Ông Kiểng nhận định chính sách cô lập và sách nhiễu là tuyến phòng thủ cuối cùng của chế độ, chắc chắn sẽ bị đánh tan mau chóng vì các phương tiện truyền thông hiện đại và vì sáng kiến của những người dân chủ Việt Nam. Ông Kiểng kết luận rằng dân chủ không những sẽ thắng mà còn sắp thắng.

Sau phần thảo luận, ban tổ chức đã cho chiếu các hình ảnh và tài liệu về những người dân chủ Việt Nam kèm theo giải thích. Trong dịp này, ông Vũ Thiện Hân đã đặc biệt nhắc nhở đến bác sĩ Nguyễn Đan Quế, với những gian truân trong 25 năm qua của ca sĩ Tâm Vấn, người bạn đời của ông Quế. Ông Hân đã làm mọi người cảm động về mối tình đẹp của Nguyễn Đan Quế và Tâm Vấn.

Sau đó, ông Huỳnh Hùng đã mời một số nhân sĩ và thân hữu phát biểu.

Nhà báo lão thành Bùi Tín, gương mặt đã trở thành thân quen của giới chính trị Paris, vẫn với sự lưu loát và sâu sắc thường lệ, đã làm nổi bật sự bối rối, co cụm của đảng cộng sản và khí thế dân chủ đang lên cao.

Ông Võ Nhân Trí, cũng vẫn sôi nổi và nhiệt tình như thường lệ, trước hết khẳng định: "Võ Văn Kiệt từng huênh hoang nói rằng những người đòi dân chủ là những kẻ bại trận năm 1975, tôi muốn nói cho ông Kiệt biết rằng hàng

ngũ dân chủ còn có những người cựu đảng viên cộng sản kỳ cựu như anh Bùi Tín và tôi, và nhiều người khác đã ý thức rằng chủ nghĩa cộng sản và chế độ cộng sản đã hết thời và phải chấm dứt". Sau đó ông Võ Nhân Trí phân tích và lộ bịch hóa câu nói của tổng bí thư đảng cộng sản Lê Khả Phiêu (ông Phiêu nói rằng đảng cộng sản sẽ không chia quyền lực với bất cứ ai, mọi đòi hỏi dân chủ, nhân quyền, đa nguyên, đa đảng đều là lừa bịp). Ông Trí nhận định: "Nói láo, nói huênh hoang và hãnh học không phải vì mạnh và tự tin mà vì yếu và sợ".

Ông Vũ Quốc Thúc nhắc lại không khí khủng bố và sợ sệt mà ông đã chứng kiến và chịu đựng khi ở trong nước. Ông nói rằng khi ra hải ngoại và trút bỏ được sự sợ hãi thì tuyệt đại đa số đã bày tỏ thái độ chống đối với chính quyền. Ở trong nước cùng thế, ngày nào sự sợ hãi chấm dứt, chế độ sẽ bị cô lập và đánh bại nhanh chóng. Ông nhận định rằng hiện nay sự sợ hãi đã đổi phía, dân đã bớt sợ trong khi chính quyền càng ngày càng sợ, sợ đủ thứ: sợ suy thoái kinh tế, sợ áp lực của thế giới, sợ sự bất mãn của quần chúng và sợ cả sự phân hóa nội bộ. Giáo sư Thúc kết luận rằng chúng ta càng quyết tâm chừng nào thì chế độ độc tài càng sụp đổ nhanh chóng chừng đó.

Nhà văn Vũ Thư Hiên gọi lời thăm của Nguyễn Đan Quế đến cử tọa, ông thông báo về những chia rẽ trầm trọng trong nội bộ đảng cộng sản qua những thí dụ cụ thể để đi đến kết luận là cuộc vận động dân chủ đang đứng trước một bối cảnh thuận lợi.

Sau đó ông Huỳnh Hùng đã thay mặt ban tổ chức đọc dự thảo quyết nghị của Ngày Dân Chủ. Nghị quyết đã được cử tọa đồng thanh chấp nhận.

Để kết thúc phần thảo luận, ông Huỳnh Hùng đã mời cựu niên trưởng Nguyễn Văn Ái lên để nói lời chúc với cử tọa. Bối cảnh thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ cũng là nhận định của cựu Nguyễn Văn Ái, cựu giám đốc các viện Pasteur Việt Nam và cựu chủ tịch Pax Romana Việt Nam. Cựu Nguyễn Văn Ái, rất cường tráng trong tuổi 82, bày tỏ sự vui mừng thấy các tổ chức dân chủ đã kết hợp với nhau. Riêng đối với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, vẫn được biết tới cho tới nay là "nhóm Thông Luận", cựu Ái nói: "Tôi đã ủng hộ ngay

từ đầu trong những ngày họ còn rất cô lập, tôi rất mừng rằng họ đã liên tục phát triển và bây giờ họ là "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên", họ đã dành mười bảy năm chuẩn bị để cho ra đời một tổ chức dân chủ, họ làm việc có phương pháp và tôi chắc họ sẽ thành công. Tôi vui mừng và chúc họ thành công".

Sau đó cựu Nguyễn Văn Ái chúc mọi người một năm mới an khang và mời cửa tọa sang phòng tiếp tân để dự tiệc rượu mừng năm mới, thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Buổi tiệc đã được chuẩn bị chu đáo và diễn ra trong không khí tung bừng và hân hoan. Cũng như trong các phát biểu, những trao đổi cá nhân trong tiệc rượu đều bày tỏ sự lạc quan và tin tưởng vào thắng lợi chắc chắn và gần kề của dân chủ. Mọi người đều đồng ý rằng giai đoạn sắp tới sẽ là giai đoạn rất sôi động, sẽ đòi hỏi nhiều cố gắng và nhiều đóng góp hơn nữa nhưng giai đoạn gian nguy đã qua.

Quyết định tổ chức Ngày Dân Chủ vào ngày 02-01-2000 của bốn tổ chức là một quyết định táo bạo bởi vì hầu hết đồng bào đều mắc bận trong dịp lễ cuối năm. Nhưng bốn tổ chức đã quyết định chọn ngày đó vì ý nghĩa biểu tượng của nó: đây là lần "ra quân" đầu tiên của phe dân chủ Việt Nam và có lẽ cũng là hoạt động chính trị đầu tiên trong thế kỷ và thiên niên kỷ mới.

Họ đã đánh cuộc và đã thành công, trước hết vì số người tham dự vẫn đông đảo, vào lúc cao điểm đã có tới trên 180 người. Nếu kể cả những người vì lý do cá nhân phải về sớm hay tới trễ, số người tham dự gần tới 200. Con số này đối với môi trường Paris tự nó đã là một sự thành công. Nhưng điều còn thành công hơn là không khí thân thiện, tung bừng và phấn khởi.

Nguyễn Văn Huy

**Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chánh và
cám ơn quý vị đã có động
và phó biến tờ báo**

Quá trình phát triển của nhân quyền trong lịch sử

Trần Thanh Hiệp

LTS: Ban biên tập Thông Luận xin lần lượt đăng những bài tham luận trong Ngày Dân Chủ 2-1-2000. Sau đây là bài tham luận rút ngắn của ông Trần Thanh Hiệp, luật sư, chủ tịch Trung Tâm Việt Nam Về Nhân Quyền.

Những bước tiến nhảy vọt của nhân quyền trước thềm thế kỷ mới

Nhân quyền là tiếng hay được dùng nhưng không hay được định nghĩa một cách rõ rệt. Mỗi người thường có lối định nghĩa riêng của mình. Nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam luôn luôn đưa ra luận điệu theo đó nhân quyền là một khái niệm của phương Tây, không phải của Việt Nam. Sự thực, ngày nay nhân quyền đã là một khái niệm chung của loài người tiến bộ. Dưới độ góc nhìn vấn đề như thế, nhân quyền là những đặc quyền, được pháp luật quy định và do pháp luật chi phối, mà con người, do tư cách con người của nó, được phép có và phải có trong các quan hệ giữa nó với đồng loại và giữa nó như một người dân với nhà cầm quyền. Nhân quyền là nguồn gốc thực tế của sự tự do của con người.

Nền dân chủ cổ điển thời Hy La, tuy vẫn còn nhiều hạn chế, đã tạo cho nhân quyền một đà tiến mạnh mẽ khởi đi từ một giác ngộ sâu sắc về con người, một sinh vật đặc biệt khi ra đời đã mang trong nó những quyền tự nhiên, không thể chuyển nhượng, không thể tiêu diệt. Lẽ ra, truyền thống cao đẹp này đã có thể đưa nhân quyền đi rất xa trên con đường tiến hóa nếu đà tiến ấy không bị chặn đứng vì Đế quốc La Mã sụp đổ. Mãi cho đến đầu thế kỷ XII, với bản Đại Hiến Chương 1215 (Magna Carta, Great Charter 1215) mà vua King John của nước Anh phải ban hành để hạn chế bớt quyền chuyên chế của mình, nhân quyền dường như đã thức tỉnh sau giấc ngủ dài trong đêm Trung cổ. Rồi từ đó liên tiếp giành thêm được những thắng lợi mới, với các bản văn tiêu biểu như Thỉnh nguyện Thư Dân Quyền 1628 (Petition of Rights 1628), Luật Bảo Thân 1679 (Habeas Corpus 1679), Điều Lệ Dân Quyền 1689 (Bill of

Rights 1689) của nước Anh, các bản Pháp Án về Dân Quyền, Tuyên Ngôn Nhân Quyền (Bill of Rights), Tuyên Ngôn Độc Lập 1776 (Declaration of Independence) của nước Mỹ, Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Công Dân quyền 1789 (Déclaration des Droits de l'Homme et du Citoyen 1789) của nước Pháp v.v... Hai cuộc cách mạng tư sản dân quyền nổ ra vào cuối thế kỷ XVIII tại Mỹ và Pháp đã phục hồi địa vị cho con người trước đồng loại và nhất là trước những kẻ cầm quyền vua chúa chuyên chế. Người ta coi thời điểm cuối thế kỷ XVIII là sự đột xuất của nhân quyền sau gần hai mươi thế kỷ bị chìm ngập trong bóng tối.

Những gì đã xảy ra trong địa hạt nhân quyền suốt hai thế kỷ XIX và XX cho thấy là nhân quyền nay đã được xác lập một cách vững chắc và tới hậu bán thế kỷ XX thì nhân quyền đã đạt được những bước phát triển nhảy vọt chưa từng thấy kể từ cổ đại đến nay.

Trước hết là bước nhảy vọt về bản chất. Thời cổ đại, nhân quyền tuy được coi là quyền tự nhiên của con người nhưng vẫn còn phải quy chiếu vào thần quyền, vào sự suy luận chủ quan của những triết gia. Thời hiện đại, chỉ trong vòng hơn 50 năm cuối cùng của thế kỷ XX, những quyền còn mang nhiều mâu sắc chủ quan ấy đã được đưa lên hàng những quyền khách quan, dựa trên cơ sở pháp lý và có một quy chế pháp lý thực định.

Bước nhảy vọt thứ hai là bước đã diễn ra trong lĩnh vực thực hiện. Nhân quyền ở vào hậu bán thế kỷ XX không còn là những từ ngữ suông ghi chép trên các bản văn mà là những khả thể con người trên khắp hoàn vũ, không có bất cứ một sự phân biệt nào, có thể tự cho phép và được phép, được quyền làm vì nó là con người và để được là con người. Hiến Chương Liên Hiệp Quốc 1945, Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân

Quyền 1948, hai Công Ước Quốc Tế về Nhân Quyền 1966 - đây chỉ mới kể mấy bản văn chính yếu - đã thực sự đưa nhân quyền từ thế giới tư tưởng, ước mơ vào thế giới cụ thể của đời sống hàng ngày. Mặt khác, sự chế tài để trừng trị những vi phạm nhân quyền đã bắt đầu được tổ chức và thực thi, với sự ra đời trong thập niên 90 của những cơ quan tài phán hình sự quốc tế.

Bước nhảy vọt thứ ba là bước nhảy của nhân quyền đi vào địa hạt nhân văn. Nhân quyền vào những năm cuối của thế kỷ sắp hết này vừa là những điều khoản của một bộ luật phải thi hành vừa được phổ cập sâu rộng vào những nếp sống của loài người, trong mọi lãnh vực sinh hoạt.

Những nhân quyền đời thứ nhất

“Nhân quyền đời thứ nhất” là cụm từ chuyên môn mà luật học thường dùng để chỉ những nhân quyền được nêu lên trong hai văn kiện lịch sử của thế kỷ XVIII là Tuyên Ngôn Độc Lập 1776 của Mỹ và Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Công Dân Quyền 1789 của Pháp. Nhờ hai cuộc cách mạng Mỹ và Pháp, nhân loại đã đẩy mạnh thêm cuộc chiến đấu cải thiện thân phận mỗi con người mà bước khởi đầu đáng ghi nhớ là xóa bỏ được mọi tàn tích của kiếp sống con người phải làm nô lệ cho con người. Hai cuộc cách mạng ấy là hai chiến thắng cơ bản trong cuộc chiến đấu này, là sự phục hoạt, dưới một hình thức cao rộng hơn, của nền dân chủ cổ điển Hy La, với một nội dung hoàn mỹ hơn, một phạm vi áp dụng phổ quát hơn. Tất một lời, hai cuộc cách mạng này đã chuyển hóa những chiến thắng về nhân quyền - mà con người đã giành được trong khuôn khổ chật hẹp của những thành quốc mấy ngàn dân thời Nhã Điển La Mã trước Công nguyên và biến chúng

thành một nền dân chủ bình đẳng, tự do, làm kỷ cương cho đời sống của những cộng đồng hàng triệu người ở phương Tây. Do đó mà những nhân quyền tổng hợp này có vinh dự mang tên gọi là những nhân quyền đời thứ nhất.

Và cũng nhờ có dân chủ, xã hội phương Tây đã sớm phát triển được kinh tế, nâng cao mức sống cho con người. Nhưng chính vì những thành công này mà phát sinh ra những nhu cầu mới về nhân quyền. Sự tăng trưởng kinh tế không thể không đi ra bất bình đẳng xã hội, mầm mống của tệ nạn “người bóc lột người” một hình thức áp bức con người mà cuộc tranh đấu nhân quyền coi là một tệ nạn phải loại trừ.

Những nhân quyền đời thứ hai

Trong xã hội cũ mà hai cuộc cách mạng nhân quyền và dân quyền Mỹ và Pháp đã lật đổ, sự áp bức dựa trên vũ khí và quyền lực chính trị. Trong xã hội mới thành hình trên tàn dư của xã hội cũ lại thấy xuất hiện một loại áp bức mới dựa trên tiền bạc và quyền lực kinh tế. Loại áp bức này, nếu tồn tại, sẽ có thể vô hiệu hóa những thành quả đã đạt được với những nhân quyền đời thứ nhất và lại đưa con người trở về kiếp sống nô lệ, lần này không phải cho vua chúa mà cho những kẻ có tiền bạc. Do đó cuộc tranh đấu cho nhân quyền lại tiếp diễn nhưng theo một chiều hướng khác.

Trước đây con người nổi dậy chống việc Nhà nước can thiệp vào đời sống cá nhân của mình. Nó đòi tự do-tự trị đối với Nhà nước đồng thời còn đòi quyền tự do-tham dự để có thể, bằng lá phiếu, tuyển chọn người thay mặt mình mà cầm quyền. Từ giữa thế kỷ XIX, để đối phó với những đe dọa của nền văn minh kỹ nghệ đối với đời sống, con người cảm thấy phải có thêm những nhân quyền mới, những nhân quyền mà xã hội phải tiếp tay để thực hiện. Nói xã hội là phải nói Nhà nước, vì Nhà nước là cơ quan nắm quyền lực chung. Tức là lại phải đòi Nhà nước can thiệp vào đời sống chung để một mặt, ngăn chặn mọi lạm quyền cá thể cũng như tập thể, mặt khác, bảo đảm cho mỗi con người được sống một đời

sống chính tề không mất phẩm giá con người. Công việc này không phải là một đặc ân con người chờ đợi Nhà nước ban phát mà phải được quan niệm như một món nợ Nhà nước phải trả cho mỗi con người. Bởi vậy, những nhân quyền mới này mang tên “quyền xã hội” (social rights). Vì chúng sinh sau để muợn so với những quyền chính trị nên chúng đã được gọi là những nhân quyền đời thứ hai.

Trong địa hạt nhân quyền dưới ánh sáng phương Tây, đòi những quyền xã hội không bao hàm việc bác bỏ những quyền dân sự, chính trị – gọi tắt là những quyền “chính trị” cho gọn. Trái lại hệ tư tưởng cộng sản, bác bỏ hết những quyền chính trị này vì hệ tư tưởng ấy coi chúng chỉ là những bánh vẽ của tư sản, nhất là theo hệ tư tưởng ấy, con người không hề có những quyền tự nhiên, chỉ có những quyền mà lịch sử mang lại cho nó. Vậy chỉ có một cách độc nhất là tập trung tất cả mọi quyền lực vào tay những người cộng sản để những người cộng sản lo cho cả xã hội. Những người cộng sản không đòi quyền xã hội cho con người mà họ đòi quyền chính trị cho chính họ, dưới lý do để họ thực hiện nhân quyền cho con người theo phương cách riêng của họ. Sự khác biệt giữa phương Tây với cộng sản - hay là giữa “xã hội” với “xã hội chủ nghĩa” cũng vậy - bắt đầu ngay ở khâu xuất phát điểm: Phương Tây công nhận con người có những quyền tự nhiên mà Nhà nước phải triệt để tôn trọng. Về phần cộng sản, con người không có những quyền tự nhiên, chỉ có những quyền do Nhà nước ban cho nó và tùy theo sáng kiến của Nhà nước. Hậu quả tai hại trước mắt là dưới những chế độ xã hội chủ nghĩa, con người chỉ có được Nhà nước ban phát cho những nhân quyền hạng nhì, dưới mức tối thiểu, trong sự chờ đợi có đủ mọi quyền sau một thời gian quá độ vô hạn định, nhưng rút lại không bao giờ tới, như sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô cũ đã chứng minh.

Tại các nước ở phương Tây, hai loại quyền chính trị và xã hội vẫn sống chung từ hơn một thế kỷ nay. Thoạt đầu, những quyền xã hội chỉ là phó sản của những quyền chính trị vì quyền xã hội là do chính sách chính trị để ra.

Dần dần, theo với thời gian, những quyền xã hội tách khỏi những quyền chính trị và cho đến giữa thế kỷ XX thì bắt đầu trở thành hẳn những quyền riêng biệt.

Trong số những quyền xã hội, phải kể quyền được có việc làm, được chọn việc làm và được trả lương xứng đáng với khả năng, quyền tự do lập nghiệp đoàn, đình công để chống áp lực của tiền bạc, quyền được hưởng an sinh xã hội, quyền được bảo vệ về sức khỏe chẳng những cho bản thân mà còn cho cả gia đình, quyền được giáo dục và đào tạo v.v... Cũng như những quyền chính trị, những quyền xã hội được Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 tuyên xưng, ngoài ra còn được được Công Ước Quốc Tế về các Quyền Kinh Tế, Xã Hội, Văn Hóa 1966 quy định và bảo đảm. Như vậy có nghĩa là những quyền xã hội ngày nay đã được định chế hóa trên cơ sở pháp lý quốc tế và các quốc gia nào đã ký kết hay tham gia các văn bản liên hệ có nghĩa vụ phải thi hành để thực hiện.

Sự kiện hai loại nhân quyền chính trị và xã hội đã thể chế hóa trong hai Công Ước Quốc Tế về Nhân Quyền 1966 được kết hợp chung với Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 để hợp thành Hiến Chương Quốc Tế về Nhân Quyền chứng tỏ rằng hai loại nhân quyền ấy không thể tách rời nhau và nhân quyền theo nghĩa hiện đại của nó phải gồm đủ cả hai mặt chính trị lẫn kinh tế.

Những nhân quyền đời thứ ba

Phương Tây đặt ra nhiều vấn đề dân quyền bởi vì cách sống ở phương Tây tạo ra nhiều cơ hội xâm phạm nhân quyền. Kể từ hai cuộc cách mạng đổi đời cuối thế kỷ XVIII đến nay, tính ra đã có ba đời nhân quyền. Sau những quyền dân sự, chính trị như tự do-tự trị, tự do-tham dự của đời thứ nhất, những quyền “đòi nợ Nhà nước” như các quyền kinh tế xã hội, văn hóa của đời thứ hai, những năm 80 và 90 đã chứng kiến sự xuất hiện của loại nhân quyền đời thứ ba, gọi chung là những “quyền tự do-liên đới”. Tưởng nên nhấn mạnh rằng loại nhân quyền mới này ra đời được là nhờ có những tiến bộ trong các

địa hạt nhân đạo, luật quốc tế, kỹ thuật cao, khoa học, y học v.v..., những thành tố của một đời sống toàn cầu trong đó không gian như đã được thu hẹp, biên cương các quốc gia bớt khép kín, các chủng tộc, sắc tộc được đưa lại gần nhau hơn. Phải có những biến đổi thần kỳ này thì mức độ liên đới giữa con người với con người mới gia tăng để trở thành một loại nhân quyền mới, nhân quyền đời thứ ba.

Loại nhân quyền này có thứ còn đang ở trong vòng thành tựu như quyền sống trong hòa bình, sống trong môi sinh được bảo vệ không ô nhiễm, sống theo bản sắc văn hóa riêng, phù hợp với tinh thần tự quyết, quyền được thiết kế việc sinh đẻ như phá thai, thụ thai nhân tạo v.v.... Có thứ đã thành hình và ổn định như “quyền được phát triển” (Right to Development), một quyền tổng hợp của nhiều quyền thuộc các lãnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, dân chủ.

Về quyền được phát triển này, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc năm 1986 đã biểu quyết bản Tuyên ngôn về Quyền được Phát Triển (Declaration on the Right to Development) ngày 04-12-1986 để long trọng xác nhận mấy nguyên tắc thiết yếu sau đây: Thứ nhất, con người là chủ thể trung tâm của phát triển, vừa là tác nhân chủ động tạo nên phát triển, vừa là người được quyền thụ hưởng thành quả của sự phát triển ấy. Thứ hai, tất cả mọi nhân quyền, dân sự, chính trị cũng như kinh tế, xã hội, văn hóa là không thể tách rời nhau (indivisible) vì chúng phụ thuộc chặt chẽ vào nhau (interdependent) nên đều phải được chú trọng và tôn trọng ngang nhau. Thứ ba, không tôn trọng các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa là ngăn trở sự phát triển.

Nói chung, sự xuất hiện của loại nhân quyền đời thứ ba biểu thị một bước tiến rất quan trọng của nhân quyền, theo hướng thực hiện cụ thể. Chia ra thành ba loại nhân quyền thuộc ba đời khác nhau chẳng qua chỉ là để rời bỏ lý thuyết mà bắt tay vào việc thực hành. Tuyên bố cho con người được có những quyền dân sự, chính trị không thôi, chưa đủ. Trong thực tế phải mang lại cho nó các quyền kinh

tế, xã hội, văn hóa để nó có điều kiện thực sự hành sử những quyền dân sự, chính trị mà không có sự đe dọa bị tước đoạt. Có những quyền kinh tế, xã hội, văn hóa mà lại thiếu những quyền dân sự, chính trị là rơi vào vòng lệ thuộc những kẻ cầm quyền để sống trong một bầu không khí bất an ninh thường trực đầy bất trắc cho sự sinh tồn của con người. Kết hợp nhân quyền, tận dụng khoa học để biến những quy phạm pháp lý nhân quyền thành những sự thật cụ thể trong đời sống hàng ngày, trên khắp hoàn vũ - điều người ta bắt đầu nhận thấy qua sự ra đời của những nhân quyền đời thứ ba - đó là nét đặc thù của hành trang loài người cuối thế kỷ XX trên đường đi tới thiên niên kỷ thứ ba.

Nhìn về chân trời Việt Nam những năm 2000, người ta không thể dứt bỏ được nỗi lo âu về tương lai nhân quyền không sáng sủa gì trên đất nước này. Những người cộng sản cầm quyền ở Việt Nam hơn một thập niên qua đã phải rời bỏ đảo tù của họ để tiếp xúc với thế giới văn minh. Để được cư mang hầu tồn tại, họ đã phải chấp nhận những quy phạm chung của cả loài người về nhân quyền và gián tiếp cam kết từ bỏ ý hệ mác xít phi nhân quyền. Nhưng cho đến nay, chỉ có được một vài tiến bộ không đáng kể về mặt ngôn từ trong lĩnh vực nhân quyền. Còn về mặt thực hiện thì người dân Việt Nam vẫn còn phải sống trong một môi trường nhân quyền hạng nhì rất thê lương, chẳng những các nhân quyền đời thứ ba mà ngay đến cả những nhân quyền đời thứ nhất cũng còn vắng thiếu. Thái độ cực kỳ bảo thủ - phải nói là phản động - này của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam không còn lý do gì để tồn tại. Trong mọi thứ tụt hậu, có lẽ sự tụt hậu về nhân quyền nguy hiểm nhất. Vì như bản Tuyên Ngôn 04-12-1986 của Liên Hiệp Quốc về Quyền được Phát Triển đã cảnh báo, sẽ không thể có phát triển nếu các nhân quyền cơ bản bị khinh miệt và xâm phạm.

Đặt vấn đề nhân quyền ở Việt Nam

Thời đại đã đưa tới cho người Việt Nam một khái niệm nhân quyền hiện đại như chưa từng bao giờ có trong lịch

sử loài người. Nhà cầm quyền Việt Nam trước sau như một đã chỉ nài ra những lý do vu vơ để bác bỏ khái niệm ấy. Do đó, cần đặt lại vấn đề nhân quyền một cách minh bạch và trước dư luận thế giới, không phải chỉ tranh cãi tay đôi với chính quyền chuyên chế tại chức ở Việt Nam.

Đặt nhân quyền vào trong cái toàn bộ đã sản sinh ra nó, một toàn bộ bao gồm đủ các thành tố triết lý, pháp lý, lịch sử, chính trị, văn hóa... Nhờ hệ quy chiếu này, người ta mới thấu hiểu được tại sao nhân quyền mang trong bản thân nó những đặc tính phổ quát, liên lập, bất khả phân. Những đặc tính này giúp con người nhận diện được những nhân quyền của nó và từ đó xét xem những nhân quyền ấy có bị xâm phạm hay không. Vào thời điểm hậu bán thế kỷ XX bước sang thế kỷ XXI, nói nhân quyền là nói những quyền tự do cụ thể, là nói dân chủ và phát triển hợp chung thành một thể thống nhất. Và thể thống nhất này đã được luật pháp quốc tế và phần lớn các luật pháp quốc gia tiêu chuẩn hóa. Vậy nhân quyền không còn là một đặc ân mà nhà cầm quyền tùy tiện ban phát cho người dân. Những tiêu chuẩn do pháp luật đã quy định ấy, các nhà cầm quyền có nghĩa vụ pháp lý phải tôn trọng đúng mức nghĩa là không được ít hơn mức tối thiểu.

Nói chuyện nhân quyền với ở Việt Nam không còn là luận bàn suông về triết lý nhân quyền hay là tỏ bày thỉnh nguyện chính trị với nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam mà là đưa ra những yêu sách đòi thực hiện những tiêu chuẩn về nhân quyền nhà cầm quyền này có nghĩa vụ phải tuân thủ và thực hiện. Sự đòi hỏi này là hệ quả tất yếu của việc nhà cầm quyền Việt Nam đã tự mình - chứ không phải bị một đế quốc nào hay một lực lượng thù địch nào ép buộc - xin gia nhập Liên Hiệp Quốc cùng cam kết tham gia một số Công Ước Quốc Tế về Nhân Quyền. Vậy nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam có nghĩa vụ phải thỏa mãn những đòi hỏi nhân quyền của người dân Việt Nam cũng như của cộng đồng nhân loại.

Trần Thanh Hiệp

Chủ tịch Trung Tâm Việt Nam về Nhân Quyền

Vạch áo cho mọi người cùng xem

Phan Thanh Tâm

Tốt khoe ra, xấu xa đậy lại và nhất định không có chuyện vạch áo cho người xem lưng. Đó là phương châm của phe ta. Tại sao vậy? Tự cho là thuộc dòng giống con rồng cháu tiên, và có quá khứ hơn bốn ngàn năm văn hiến nên người mình lúc nào cũng tốt, cũng bánh, cũng anh hùng, xuất chúng. Hễ nói tới người ngoại quốc thì xách mé, trích thượng; gọi họ bằng thẳng, bằng con. Và nước Việt Nam phải là minh châu trời Đông, là bó đuốc soi đường. Tuy nhiên gần đây, có dư luận lên tiếng là phải xét lại cái ý tưởng tự tôn, tự đại, ngông cuồng đó. Và cho rằng cứ hát ca và, nâng bi dân tộc mình một cách lộ liễu như vậy hoài thì ta sẽ mãi mãi ngất ngư như con gà mắc dây thun. Chắc hẳn phải có vấn đề, có trục trặc đâu đó vì tài khôn như vậy mà chưa ra cái con gì cả trong khi các nước lân bang ở Đông Nam Á nay đã là con cộp, con beo, con sư tử rồi.

Cái hay ở chỗ, người tạo ra dư luận là một nhà thơ hồi nhỏ ở Sài Gòn, du học ở Nhật năm 1966, định cư ở Pháp năm 1969, khi sang Tàu vớ được một cuốn sách khiến ông "thích thú quá cỡ" và nghĩ rằng "bất cứ người Việt Nam nào khác đọc được, bảo đảm cũng sẽ thích thú" như ông. Ông tin rằng quyển sách sẽ "giúp nhìn lại mà đánh giá bản thân, dân tộc và văn hóa của mình trong giai đoạn hiện nay". Vì thiện ý, ông bỏ công ra dịch và mong có nhiều người đọc. Nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời phát hành bản dịch lần đầu tiên tại Paris năm 1998. Cuốn sách được đón tiếp nồng hậu. Giới báo chí đua nhau nói về nó. Nhà xuất bản Văn Nghệ ở quận Cam, thủ đô của người Việt tị nạn, hưởng ứng in lại và quyển sách được coi là bán chạy trong năm 1999.

Nhà báo Lê Đình Điểu, trước khi qua đời, trong khi nằm trên giường bệnh, trong bài điểm sách đăng trong *Thế Kỷ 21* tháng 4-1999 viết: "*Đọc Người Trung Quốc Xấu Xí của Bá Dương, người Việt Nam nào cũng liên tưởng đến việc đây là chuyện của mình. Có lẽ chỉ thay cái tựa là Người Việt Nam Xấu Xí cuốn sách cũng vẫn có ý nghĩa. Phải chăng đó là lý do nhà thơ Nguyễn Hồi Thủ bỏ thì giờ,*

công sức ra dịch cuốn sách sang Việt Ngữ?".

Trả lời câu hỏi của nhà phê bình văn học Đặng Tiến, đăng trong *Việt Mercury*, dịch giả, tên thật là Nguyễn Khôi Minh, sinh năm 1945 tại Hà Bắc, nói sự đời là thuộc đấng đả tặc. Có chướng tai cũng phải nói. Ông tâm sự: "*không đọc quyển sách này có khi đỡ phải nghĩ ngợi lồi thối; còn chẳng may đọc có thể sẽ bị đau khổ nhiều hơn là thích thú*".

Trong bài phỏng vấn hồi tháng 10-1999 này, khi đề cập về những cuốn sách như *Người Việt Đáng Yêu*, *Người Việt Cao Quý*, dịch giả, đã có bảy tập thơ xuất bản ở ngoại quốc từ năm 1968, cho biết: "*Đó là chuyện ngược đời. Ở những nước tiên tiến giàu mạnh, chưa có nước nào bóc lột dân tộc mình một cách lộ liễu như thế cả. Người Mỹ, người Nhật, người Pháp, người Đại Hàn đều chỉ có những sách nói lên khuyết điểm, những cái tội lỗi của dân tộc, đất nước mình. Bây giờ đến lượt người Trung Quốc. Cuốn Người Trung Quốc Xấu Xí xuất bản ban đầu ở Đài Loan; sau đó được tái bản ở lục địa. Họ đã biết nghĩ, tuy là một nước lớn, văn hóa lâu đời, nhưng nếu cứ mãi ra rả về những cái vĩ đại thì theo nhà báo Bá Dương, tác giả cuốn sách, Trung Hoa sẽ đi đến chỗ diệt vong mà thôi*".

Nhà thơ Nguyễn Hồi Thủ, trong phần lời người dịch viết, ngay sau khi từ Trung Quốc về đến Việt Nam, ông đã đưa bản sao cho một người bạn ở Hà Nội và động viên người này dịch ra tiếng Việt. Nước Trung Hoa cộng sản đã chấp nhận cuốn sách. Người Âu Mỹ cũng thế, thì không có lý do gì người Việt Nam lại không thể được đọc nó, cho dù không phải để học hỏi, mà có thể vì hiếu kỳ, thông tin về một nước láng giềng. Hơn năm năm, ông đã ôm cái hy vọng là cuốn sách sẽ xuất hiện tại Việt Nam; nhưng cho đến nay, người trong nước vẫn chưa được đọc. Theo dịch giả, cuốn sách sẽ rất có ích cho tất cả các cộng đồng có liên quan ít nhiều đến văn hóa Trung Quốc. Chủ đích của tác giả Bá Dương là nếu muốn phục hưng dân tộc, phải bắt đầu bằng việc thừa nhận các khuyết điểm, sai trái của mình.

Đọc người rồi ngẫm đến ta

Tác giả Bá Dương, là nhà báo, nhà văn, nhà thơ và là sử gia, sinh năm 1920, chạy sang Đài Loan năm 1949, ở tù 10 năm vì các bài viết bị xem là phạm thượng. Ra tù ông đi diễn thuyết về hiện tượng Người Trung Quốc Xấu Xí. Cuốn sách gồm những bài nói chuyện của ông và của những người tranh luận với ông. Có người cho rằng nếu không đọc được sách của Bá Dương là một sự thiệt thòi lớn. Sách hấp dẫn, hơn chuyện chưởng của Kim Dung, vì nó khiến thiên hạ phải: đọc người rồi ngẫm đến ta. Thấy sao nó giống dữ vậy cà. Giống dễ sợ. Theo ông, văn hóa Trung Hoa đã biến thành một đầm nước chết, càng lâu càng thối, thành một vại tương rồi. Đặc tính rõ nhất của người Trung Quốc là đơ bản, hỗn loạn, ồn ào. Có nhiều nói, nếu người Trung Quốc đến ở là những người khác dọn đi.

Bất kỳ ở chân trời góc biển nào hễ có người Trung Quốc là có cắn xé nhau. Mỗi người Trung Quốc đều là một con rồng, nói năng vanh vách, cứ như là ở bên trên chỉ cần thổi một cái là tắt được mặt trời, ở dưới thì tài trị quốc bình thiên hạ có dư. Nhưng nếu ba người Trung Quốc họp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con giò. Người Trung Quốc vinh viễn không đoàn kết được. Mỗi người lại còn có đầy đủ lý do để có thể viết một quyển sách nói tại sao họ lại không đoàn kết. Bất cứ xã hội người Hoa nào ít nhất cũng phải có 365 phe phái tìm cách tiêu diệt lẫn nhau. Họ chưa biết tầm quan trọng của sự hợp tác; nhưng họ có thể viết ngay cho anh xem một quyển sách nói tại sao cần phải đoàn kết, hay họ đến Thượng Đế cũng có thể khóc được. Những thói xấu đó đã thâm căn cố đế. Cái loại triết học xâu xé nhau đó lại để ra nơi chúng ta một hành vi đặc thù khác: chết cũng không chịu nhận lỗi. Họ thích nói khoác, nói suông, nói dối, nói láo, nói những lời độc địa. Hễ cứ có dính đến lập trường chính trị hay tranh quyền đoạt lợi là những lời nói độc địa sẽ được tuôn ra vô hạn định.

Người Trung Quốc sống tại Mỹ cùng vậy, nào cánh tả, cánh hữu, trung lập, độc lập, thiên tả, trung, trung thiên hữu,

hữu thiên trung, vân vân và vân vân, chẳng biết đường nào mà mò. Người này đối với kẻ nọ đều mang mối cừu thù như nó giết bố mình. Thật không hiểu là thứ dân tộc gì? Đối xử với người Trung Quốc tệ hại nhất không phải là người nước ngoài, mà chính là người Trung Quốc với nhau. Bán rẻ, hãm dọa người Trung Quốc lại không phải là người Mỹ mà là người Hoa. Người Tây Phương có thể đánh nhau vỡ đầu rồi vẫn lại bắt tay nhau, nhưng người Trung Quốc đã đánh nhau rồi thì cừu hận một đời, thậm chí có khi báo thù đến ba đời cũng chưa hết. Sống trường kỳ trong cái hủ tương lâu ngày quá tự nhiên sinh ra tâm lý cầu thả. Một mặt tự đại khoe khoang, còn mặt khác tự ti, ích kỷ; không có can đảm dám khen người khác, chỉ có dùng khí để dả kích kẻ khác; chửi bới sau lưng; yêu thì sợ chúng cười, ghét thì sợ chúng thù. Họ vinh viễn không thể nào so sánh được với người Do Thái, chỉ cần so sánh với người Nhật, người Đại Hàn là đủ thấy bị thua tới cả trăm nghìn năm ánh sáng rồi.

Người Trung Quốc sợ sệt đủ mọi thứ trên đời. Cái nào trạng hải sợ này đã nuôi đường bao nhiêu bạo chúa, làm tổ ấm cho bao nhiêu bạo quan. Vì vậy bạo chúa, bạo quan không bao giờ bị tiêu diệt, và đã biến dân tộc Trung Quốc thành một dân tộc hèn mọn. Sức tưởng tượng, óc suy xét, tư duy của giới trí thức bị bóp chết, xơ cứng. Trong 4000 năm, từ Khổng Tử trở đi, không còn có một nhà tư tưởng nào lớn nữa. Cái hủ tương văn hóa, cái hủ tương thối làm cho người Trung Quốc xấu xí, không thể dùng tư duy của mình giải quyết, phải bắt chước, phải dùng cái tư duy của kẻ khác; lớn lên trong tham ô, hỗn loạn, chiến tranh, giết chóc, bần cùng, cho nên chẳng bao giờ có cảm giác an toàn, lúc nào cũng hoảng hốt, lo âu. Trung Quốc diện tích rộng thế, lâu đời thế mà người Trung Quốc lại có một tâm địa thật hẹp hòi, không muốn ai hơn mình. Phải chăng Thượng Đế đã phú cho chúng ta có một nội tâm xấu xa?

Trên đây là những đoạn trích các ý tưởng tản mạn trong sách của nhà báo Bá Dương. Ai cũng biết, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Hơn một ngàn năm đô hộ, lại sống sát vách một kẻ như thế, chẳng lẽ ta gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn? Họ sao ta vậy hay ta tệ hơn thì chẳng có gì lạ cả. Lại nữa, mỗi dân tộc có mỗi bệnh trạng xã hội. Bệnh trạng

của ta cộng thêm bệnh trạng của anh bạn láng giềng thì chắc phải hết thuốc chữa; hèn gì nước ta lúc nào cũng loay hoay như gà mắc đẻ, lết bệt đi sau thiên hạ. Nếu văn hóa Trung Hoa đã biến thành một cái hủ tương thối thì văn hóa ta là cái hủ gì? Hủ vàng hay là hủ mắm thối? Còn Người Việt Nam ra sao? Thử nhìn thoáng vào gương xem.

Mẫu người Việt Nam

Trong cuốn Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim có đoạn tả tính tình người Việt Nam trước năm 1930 như sau: "Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lấy sự nhân nghĩa, lễ, trí, tín làm năm đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy cũng có hay tính tình vật, cũng có khi quỉ quyết, và hay bài bác chế nhạo. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình nhưng mà đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật. Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang, và ưa trang hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma, tin quỷ, sùng sự lễ bái nhưng mà vẫn không nhiệt tin tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn. Đàn bà thì hay làm lụng và hay đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy việc gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các đức tính rất quý là tiết, nghĩa, cần, kiệm".

Với mẫu người nói trên và nếu cho rằng, văn hóa là sinh hoạt, ta không hiểu văn hóa ta là văn hóa gì, lại có thể sản sinh một tay gian hùng nhưng rất thành công như Trần Thủ Độ. Việt Nam Sử Lược của học giả Trần Trọng Kim cho biết, vì cốt gây dựng cơ nghiệp cho nhà Trần, dù tàn bạo đến đâu Trần Thủ Độ cũng làm cho được. Ông đã chôn sống cả giòng họ Lý. Trước đó, Trần Thủ Độ nói với vua Lý Huệ Tông, tuy đã bỏ ngôi vua, xuất gia đi tu, một câu để đòi "nhỏ cỏ thì phải nhỏ cả rễ cái". Trong khi đó, Nguyễn Trãi, đại công thần của vua Lê Lợi, thảo ra Bình Ngô Đại Cáo, một bản văn chương giá trị, và là tác giả câu đầy tình người "Thương người như thể thương thân", trong tập Gia Huấn Ca, thì lại bị

giết cả họ vì bị kết tội là dùng người thiếp đẹp và giỏi thơ, Nguyễn Thị Lộ, để mưu hại nhà vua.

Cụ Hoàng Văn Chí, trong cuốn từ Thực Dân đến Cộng Sản cho biết, vào những năm 1954 và 1956, khi Cộng Sản Việt Nam đem chiến thuật "Cải Cách Ruộng Đất" của Mao Trạch Đông, áp dụng tại Bắc Việt, mới thấy người mình sao lại có đầu óc nọ lệ dữ vậy. Đúng như cụ Trần Trọng Kim phê bình: "từ tư tưởng cho chí công việc làm, điều gì mình cũng lấy Tàu làm gương. Hễ ai bắt chước được Tàu là giỏi, không bắt chước được là dở". Mà theo Bá Dương, Trung Quốc hiện tại còn là một nước dã man nguyên thủy, thì việc Cộng Sản Việt Nam đưa ra phương châm: "thà giết mười người vô tội còn hơn để thoát một kẻ thù" trong khi phát động chiến dịch nói trên cũng là điều hiển nhiên thôi. Ở các nước văn minh thì khác. Nguyên tắc luật pháp của họ là: thà tha làm hơn bắt làm.

Mặt khác, trên sân khấu chính trị nước ta có một "diễn viên kỳ tài", chủ của nhà văn Vũ Thư Hiên khi nói về Hồ Chí Minh, một người làm cách mạng chuyên nghiệp, được huấn luyện tại Nga, tên thật là Nguyễn Sinh Cung. Ông tiến, ông thoái, khi hai bước, khi ba bước, khi khóc, khi cười, biến ảo khôn lường. Cả thế giới đều nghe danh ông. Cho đến nay chưa ai biết rõ "con đường bác đi". Theo giáo sư Nga Anatoli Sokolov, chuyên viên Liên Xô về Việt Nam Học, tại Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Phương ở Mạc Tư Khoa, trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh, ông có trên 150 bí danh. Để cho "chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới" ông sẵn sàng mua chiến thắng đó "dầu phải đốt sạch cả dãy Trường Sơn" hay phải "đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng". Không hiểu khí thiêng sông núi Việt Nam thế nào mà lại có thể hun đúc một con người kỳ bí như vậy? Ông đã gây ra bao cuộc bể dâu, chết chóc.

Hồi thập niên 60, có bài Tâm Ca Số Năm của Phạm Duy mang tên Để Lại Cho Em nói lên thực tế của đất nước: "bây giờ chỉ còn là một mảnh đất bị chia cắt, cày xới lên bởi bom đạn. Hận thù nhân danh chủ nghĩa, bạo lực vênh vang bề thế"; và "Đường về tương lai nghìn lối". Thế hệ đàn anh chỉ để lại "những giả dối, đê hèn, và vụng dại". Bài hát lưu

hành ở miền Nam rồi rơi vào quên lãng, bị át bởi tiếng xe tăng, máy bay, hỏa tiễn, AK, M16. Vũ khí này được cung cấp bởi các nước đồng minh của hai miền Nam Bắc. Đó là hệ quả của việc tìm đường cứu nước của bậc tiền bối. Kể đi Tàu, đi Nga, người đi Tây, đi Nhật, đi Mỹ. Ai cũng cho là thuốc mình mang về là thuốc tiên; nhưng vì muốn độc quyền trị nước nên Việt Nam thành chỗ thử lửa của cuộc chiến tranh lạnh.

Trong ba mươi năm nội chiến từng ngày, nửa nước từ con sông Bến Hải trở ra bắc theo Nga, theo Tàu; nửa bên này chống lại bằng dựa vào Tây, vào Mỹ. Cuối cùng miền Nam sụm vì hết điểm tựa. Hoa Kỳ rút lời cam kết, ngưng viện trợ. Chỉ nội hai tháng ba và tư năm 1975, cả một chế độ tan tành. Khôn sống, mống chết. Tướng tá cao chạy xa bay, tìm đường thoát thân. Trong lúc trời đất nổi cơn gió bụi mới thấy nhân tài, khôn lanh thì nhiều như lá mùa thu, còn tuấn kiệt thì như sao mai buổi sớm. Có bao nhiêu người đứng lại chịu chết, chịu tù, chịu nhục, chịu chia sẻ với thuộc cấp? Anh hùng tất phải hiếm. Điều đó dễ hiểu. Nhưng đâu rồi câu hát "Dân ta hăng anh dũng, dân ta vẫn oai hùng, dân ta dù nguy biến không nao"?

Ngày 30-4-1975 là ngày phơi bày rõ ràng bộ mặt của cấp lãnh đạo hai miền: miền Nam hèn kém, miền Bắc xảo trá, đê tiện, đầu óc nô lệ. Sau khi chiếm Sài Gòn, các người cộng sản tìm cách tiêu diệt các thành phần tinh nhuệ bằng các trại cải tạo và vợ vết tài sản của miền Nam một cách có hệ thống bằng hai chữ quản lý. Họ lại đốt sách báo và cấm lưu trữ các sản phẩm văn hóa cũ như thời Tần Thủy Hoàng. Họ cố xóa bỏ căn cước của dân miền Nam. Dân miền này không thấy được giải phóng mà thấy mình là dân bị trị, bị người anh em làm nhục, trả thù vì thế mới có chuyện người Việt dù chết vẫn tìm cách lao đầu ra biển, làm mồi cho hải tặc, cho sóng dữ. Đến ngay "cả cái cột đèn nếu biết đi cùng còn muốn bỏ nước ra đi"? Dân tộc Việt Nam, có quá khứ dài lâu; anh em như thể chân tay, sao lại không thể sống chung với nhau, mà lại đi ra xứ người sống với thiên hạ?

Con Rồng Cháu Tiên ?

Sau thế chiến thứ hai, chỉ trong vòng 20 năm, hai nước chiến bại, Đức và Nhật

đã phục hưng nhanh chóng, trở thành cường quốc kinh tế. Ông Bá Dương đã ví họ, "chẳng khác nào, một anh khổng lồ ba đầu sáu tay, dùng một cái bị đánh gục xuống đất, một lúc sau từ từ hồi tỉnh, đứng dậy phui quần áo bước đi, vẫn đường đường là một hảo hán".

Còn nước ta, còn là một nước nghèo. Đời sống nói chung so với các nước ở Đông Nam Á hãy còn thấp. Tuy theo tin báo, hiện đã có 39.000 thuê bao Internet nhưng nhà nước lại tăng cường tốc độ các bức tường lửa để kiểm soát các người vào lưới. Người dân chưa được tự do sử dụng máy in, một phát minh từ thế kỷ 15 của ông Johann Gutenberg. Mọi ấn phẩm đều phải có giấy phép của chính quyền. Ở thời đại tin học mà còn phải làm báo chui, báo lậu như tờ Thao Thức của một số sinh viên thì phải kể là chuyện hiếm hoi trên thế giới.

Tháng 5-1999, nhà văn Dương Thu Hương, từ trong nước đã gửi lên ra hải ngoại một đoàn văn. Theo cô: "sau chiến tranh ngót một phần tư thế kỷ, trên dải đất này vẫn chỉ nghe rõ tiếng vỗ cánh của bầy quạ đen trên các nghĩa địa nối dài từ bắc vào nam, từ nam ra bắc" và "Chiến tranh không làm cho các công dân chín chắn hơn, khôn ngoan hơn, xử dụng quyền công dân mạnh bạo hơn mà ngược lại nó khiến đám đông hèn nhát hơn, dễ thỏa hiệp hơn với sự nhục nhã, dễ cúi đầu hơn trước tội ác". Tại sao không tranh đấu? Ông Nguyễn Gia Kiểng, thuộc nhóm Thông Luận trong bài Vết Thương 30-4-1999 cho rằng: "Đó là vì dân tộc ta đã rã hàng, mỗi người tự thấy mình cô đơn, có muốn cùng chẳng làm được gì. Đó cũng là vì đã quá chán đất nước, đã mệt mỏi, đã mất ý chí và lòng tự hào. Đảng Cộng Sản không phải chỉ đánh gục phe quốc gia hay miền Nam. Họ đã đánh gục được cả dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã bị đả thương quá đau nên không thể đứng dậy".

Còn hải ngoại, được coi như là một Việt Nam Cộng Hòa nối dài thì thế nào? Tờ báo Hợp Lưu số 49 viết: "có nước nào trên thế giới chỉ bé tí bằng lỗ chân lông như Bolsa tiểu quốc, thế mà cái gì cũng thịnh dư lạm phát. Báo chí thì rợp trời kín đất như lá mùa thu. Văn bút thì chúng tôi có đến nhị vị chủ tịch (dù bây giờ chả còn ai trên thế giới công nhận, nhưng mặc xác thế giới, chúng tôi cứ là văn bút, cứ là chủ tịch, làm gì nhau?), cộng đồng

cùng đương kim hai ngài tổng thống (dù thật thà mà nói, trông mặt các ngài, con nít sẽ khóc thét như gặp ma, người lớn sẽ nôn nao ruột gan muốn ói), và chính phủ lưu vong cùng đảng phái yêu nước, nói không phải khoe, trung bình mỗi tháng mọc thêm chừng mười cái, nhanh, nhiều như nấm đại mùa đông". Sang đây, mất tất cả, thiên hạ mơ có quyền lực, ai cũng tự cho mình có sứ mệnh, như "ai bao năm từng lê gót nơi quê người" của thuở nào. Vàng thau lẫn lộn, không biết ai thật ai giả.

Năm 1958 hai tác giả William J.Lederer và Eugene Burdick cho phát hành cuốn The Ugly American (Người Mỹ Xấu Xí), nói về thói hư, vụng về, ngu dốt, tham nhùng, dộc tướng, của các chính khách Mỹ. Cuốn sách gây xôn xao trong chính trường Hoa Kỳ, bán rất chạy. Hơn sáu triệu ấn bản được bán ra. Tổng Thống Mỹ Eisenhower phải cho thành lập một ủy ban gồm chín nhân vật có uy tín để duyệt xét lại các chương trình viện trợ quân sự. Thượng viện Hoa Kỳ cũng lập một nhóm nghiên cứu cuốn sách và gửi cho mỗi Nghị sĩ mỗi người một cuốn. Ông Bá Dương viết, họ có năng lực sửa sai, tự điều chỉnh mình. Thay vì lấy tay che đít, họ nói toáng lên cho mọi người biết "tôi có bệnh trĩ đây". Họ có được cái trí tuệ và dũng cảm, tìm cách sửa đổi và giải quyết một cách thỏa đáng những lỗi lầm.

Nước Việt Nam cứ lẩn quẩn trong vòng chậm tiến, cùng "hoang mang lúng túng chẳng kém các cụ nhà Nho cách đây một thế kỷ" là vì ta không biết mình biết ta. Ta cần có một cuốn Người Việt Xấu Xí để "nôn ra được tất cả những thứ dơ bẩn trong ruột", rồi tìm ăn những thứ có chất dinh dưỡng tốt, giúp ta có thể tự phản tỉnh. Bỏ chuyện tự kiêu hào, giấy rách giữ lấy lề hay dói cho sạch rách cho thơm, thẳng thắn nói lên những tệ hại của dân tộc mình, để cùng nhau cải tiến. Trước thềm năm mới cùng là trước thềm thế kỷ và thiên niên kỷ mới, nhân loại đang tiến nhanh tiến mạnh trong cuộc cách mạng thông tin, chúng ta phải lẹ lẹ lên, chậm thì chết. Trong khi chờ đợi có cuốn sách như vậy, chúng ta hãy hè nhau vạch áo cho mọi người cùng xem, nếu không thay vì Con Rồng Cháu Tiên lại trở thành con khùng cháu điên mất. Phải không quý vị?

Phan Thanh Tâm

ANH HỌC LÀNG TÔI

Nguyễn Văn Hà

Trong làng, tôi sợ nhất cụ đồ - thầy tôi - bọn nhỏ không tháng nào không bị một vài trận đòn, không thuộc bài - roi - nghịch hoang - roi, có đứa tài khôn, lót mo cau, bị quất quần đít, hai ba ngày còn phải ngồi xỏm.

Người tôi thương là o Nhiều - o kể chuyện ngày xưa, chuyện ma quỷ, chuyện tiểu lâm - đôi lúc cho ăn khoai lùi. Mỗi lần qua đình làng một mình, thằng nhỏ chạy vắt giò lên cổ, sợ con tinh ru con lè lưỡi dài cả thước, đu đưa trên cây đa. Ngày nghe chuyện, đêm đái dầm là chuyện thường.

Có chuyện tôi không tin - như chuyện vú bà Trung, bà Triệu dài ba thước. Kỳ. Ngực o chỉ phình phình chút đỉnh - thì mày đi hỏi anh Học, chuyện này anh Học kể.

- ?

- Anh Học nói : 3 thước ta bằng khoảng nửa thước tây, dài bằng trái mướp. Mày còn nhỏ nên không biết, chứ loại vú mướp ngoài Bắc nhiều lắm.

Tôi tin liền.

O còn tập cho hút điếu cày. Tám tuổi, viên thuốc lào to tổ bố, thằng nhỏ chỉ cần nhấp nhấp vài cái, rít một hơi dài là tọt ống điếu - mày hút hay như anh Học - tôi khoái.

Cụ đồ dạy - tôi học. Anh Học nói - tôi tin.

Người tôi mến phục là anh Học. Anh hay dẫn tôi đi bẫy cu, nhiều khi ngồi canh cu cả ngày, không được con nào - nhưng vui, anh kể chuyện Thủy Hử, Tam quốc chí. Đến mùa mít chín, anh vót tên, sửa ná, cho tôi theo, rình bắn mấy con sóc. Tính anh ít nói, thâm trầm. Gần anh, tôi học được nhiều chuyện - từ cách đoán trời mưa nắng, chuyện chim chóc, cây cối trong rừng, đến chuyện lịch sử, cái khôn dại của mấy ông vua. Và nhất là mấy bài toán đố - bí, hỏi anh, anh giải ngon lành trong tích tắc.

Làng nghèo, suốt năm ai cày vát và cây bừa. Riêng anh Học, một năm vác cây, tặc hò đầu vài buổi, còn thì tà tà rong chơi, đọc sách, làm vè, câu hò, câu ví... Chuyện đồng áng, vườn tược, com nước - chị Học lo.

Tôi mơ được làm anh Học.

- Sao làng gọi anh là anh Học ?

- Thì đi học, họ gọi là Học

- Tui cùng đi học?

- Mày là học trệt.

Hỏi cụ đồ, cụ ngắm ngàng

- Mấy thằng Học là mấy thằng lếu láo.

Cụ đồ không ưa anh Học.

Nhớ hôm gỗ về, mấy anh làng lượm lượm ra sông.

Cha thương con, này (đô ta),

cho ăn thịt luộc (đô ta)

Gái thương chồng, này (đô ta),

cởi tuột qu... ra (đô ta là hò dô ta)

Cứ vậy mà gỗ tà tà lên. Các cô cười nghiêng ngả. Cụ đồ nhủ mày - lại thằng Học.

Lớn hơn một chút, được biết thêm. Anh học là danh vị của làng dành cho mấy cậu học trò.

Ngày xưa, học trò ít, mỗi làng 5, 10 mạng. Nhưng không phải ai đi học đều là anh học, bọn choai choai hỉ mũi chưa sạch, chỉ được gọi là học trệt, lớn hơn một chút gọi là học trò, anh học thường được chọn trong đám học trò có chữ nghĩa nhất, chững chạc, nghiêm túc, con nhà. Nghĩa là cái gì càng nhất. Sau đó phải có mâm xôi-con gà trình làng xã, trình huyện mới được thật sự gọi là anh học. Thứ như tôi khỏi mong.

Khó - nên làng có, làng không.

Anh học, tất nhiên đã có tự ngàn xưa - nhưng nghe đâu, chỉ được chính danh hồi triều Nguyễn, cùng thời với các cậu ấm, cô chiêu con quan.

Nhưng dù Học có chững chạc hơn, đạo mạo hơn mấy trò khác - thì vẫn là học trò - nghĩa là có cái ranh mãnh, chọc phá của ma. Bề ngoài, Học nghiêm túc - thâm trầm. Bề trong, Học chúa nghịch ngâm - ngạo đời, ngàng.

Ngạo, thì mấy Mệ trong Huế càng ngạo. Nhưng có khác.

Ngạo của mấy Mệ là cái ngạo của con vua cháu chúa đối với thứ dân.

Như Mệ Nam phổ, trộm cau, bị chủ nhà bắt gặp, lấy cây thọc.

Từ từ để Mệ xuống, thọc Mệ rớt, Mệ chém đầu bọn bầy.

Ngạo của mấy anh Học là cái ngạo của thứ dân đối với quan quyền.

Như Học Cao Bá Quát: *Câu thơ Thi xã, con thuyền Nghệ an* khen thơ các ngài Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương thum thum như nước mắm Diên châu.

Hoặc

Hai chiếc cùm đeo, vương với đế

Một lát gương đưa, đế mẹ đời.

Sắp rơi đầu còn đế mẹ nhà vua.

Giọng thơ này thường thấy ở mấy anh Học xưa, nào học Trình - Nguyễn Bình Khiêm, học Đôn - Lê Quý Đôn, hay học Lạc trong Nam sau này.

Học có ba loại.

Học làng - như anh Học làng tôi - Làng thương mà ông Lý, cụ đồ không ưa.

Học tỉnh - từ làng lên tỉnh học, đậu đạt, thường đi dạy - Trò thương mà quan tỉnh ghét.

Học du - mấy anh đi du học, thường về làm quan Trạng - Dân thương mà vua quan ngại.

Chỉ vì cái tính ngàng. Thích chàm chọc. Không biết cúi đầu.

Như hai thầy tôi - gốc học - dạy tôi hồi lớp năm, thời kháng chiến.

Thầy Pháp-văn, người Phủ Diễn - thâm trầm.

Học trò dốt, thầy dạy theo lối mấy ông đồ xưa, thay vì : Thiên trời - Địa đất - Tử mất - Tồn còn, thì: un (oon) một, deux (đơ) hai, trois (tro) ba...

Nhớ chữ bravo là hoan hô, Thầy dạy: nếu trò nào quên thì nhớ troavo cùng được, trois là ba, có vỗ tay hoan hô thì 3 cái càng đủ lễ. Thầy không thích cảnh giờ nằm đấm đá đảo, hay vỗ tay hoan hô hằng 5, 10 phút.

Chỉ tội, học với thầy, phải nhấn giọng, lâu ngày thành tật - ngọng - thêm dấu tùm lum, gần nửa đời ở Pháp - đọc chữ "un" không xong - dù đã được mấy cô đầm con uốn lưỡi.

Đó là chưa nói đến mấy chữ "the - that..." , phát âm bọn Mỹ sợ.

Dân Nghệ khó phát âm được dấu hỏi, ngã. Nên nhất loạt đổi ra dấu nặng cho khôe.

Trong bữa ăn:

- Xin mời làng cầm đũa (Xin mời làng cầm đũa).

hay

- Chị dụ chưa, mời thêm chút nữa ? (Chị dụ chưa, mời thêm chút nữa).

- Dạ, dụ rồi. (Dạ, dụ rồi).

Thầy Việt-văn miền Đô Lương - tình cảm, chàm biếm.

Nhớ hôm thầy đọc hai câu thơ :

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều.

Thầy bảo: Sai - Tại sao chín chiều mà

không trăm chiều, đâu phải cứ thêm thật nhiều chiều mới diễn tả được nỗi đau.

Nguyên thủy là "chiền chiền".

Chiền chiền là trò chơi của trẻ quê: ngắt một khúc trúc non - loại trúc nhỏ làm bờ dậu hay hàng rào, lớn bằng ngón tay út, cao khoảng 1,2 thước - lột vỏ ngoài giữa hai đốt, lõi măng non, rất dễ gãy - cầm phía trên, xoay tròn, nếu bị gãy là thua cuộc, do đó phải xoay cho khéo, phần măng non giữa hai đốt thất lại từ từ, nước măng ứa ra như mồ hôi, cho đến lúc chỉ còn một màn vỏ mỏng dính giữa hai đốt là thắng cuộc.

Thầy châm biếm: Người ta thường vì mẹ nhớ con lòng thất chiền chiền, còn đau chín chiều là đau kiết lý.

Tôi tin, một phần vì thường chơi chiền chiền với bọn nhỏ, một phần từng bị kiết lý. Uống nước ao cộng với mấy quả ổi sống, ruột nó thất đến cả mấy chục chiều, chứ 9 chiều đã ăn thua gì.

Còn hai câu thơ :

Hồi cô tát nước bên đàng,

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

Sách báo là của thi sĩ X - nhà thơ cách mạng.

Thầy cười: mấy câu này có đã trăm năm, mấy cụ cố càng biết, riêng thầy thuộc từ hồi để chỏm, thi sĩ X này nhiều lắm chỉ bằng tuổi thầy. Người ta cứ cầm nhăm cho oai. Cái gì "ta" càng phải nhất - đến độ người đầu tiên tìm ra thuốc chủng ngừa là cái ông Kóp Kóp gì đó bên Nga, còn Pasteur thì lờ đi.

Thầy không biết sợ.

May cho Thầy, hồi 50 chưa có đầu tổ.

Hỏi xuất xứ.

- Thơ dân gian sao biết được, thường thường do mấy "anh học" hay các cụ đồ xưa tức cảnh tức tình làm ra.

Cụ đồ, tôi không mấy tin.

Các cụ chỉ thích làm thơ phú, câu đối - đạo mạo quá - khó đến với dân gian. Thường 7, 8 giờ tối các cụ đã lên giường. Chó sủa, gà gáy - la con cháu - đâu có khơi khơi nửa đêm ra đồng ngắm trăng.

Nếu quả các cụ có xuất thần mấy câu thơ trên, thì chỉ vào cái thuở còn là anh học đại gái, đêm trăng nhón nhớ ra đồng hò đối đáp chọc gheo mấy o trong làng.

Ngay cả cụ Trọng Trình, thơ nhiều bài càng hóm hỉnh xỏ xiên, nhưng đó là thơ của thời học Trình. Lịch sử văn học có ghi.

Cụ đồ không thích Học - mấy thằng lếu lảo.

Học càng không thích gì cụ đồ - gàn.

Chuyện cụ đồ thấy o mặc váy ngồi hớ hang, làm thơ :

Sự đời là cái lá đa

Đen như môm chó, tổ cha (cái) sự đời.

Có vẻ như chê, mà lòng mơ màng!

Học biết, Học phang:

Đồ về đồ ngơ ngẩn

Đồ nợ tuồng đồ kia.

Các cụ còn hay dựa danh quân tử để dạy đời. Đét đít học trò.

Học trừu :

Quân tử nhất ngôn, quân tử đại

Quân tử nói đi nói lại, quân tử khôn

Trong làng, Học không có miếng, nhưng được trọng, làng biết ơn. Vì nhiều lẽ.

Là quân sư cho trai gái làng trong những đêm hội hát ví, hát chèo, thi đối đáp với trai gái làng bên.

Là người thường đặt thêm cho thơ bài chòi trong những ngày Tết. Mỗi năm một phong phú hơn. Đầu năm, hát bài chòi vô tội vạ - cu bướm, bạch tuyết, nọc đượng số chuồng thông dong đi chơi - Dân làng khoái, ăn tiền không bao nhiêu nhưng được cười thả cửa.

Chính thầy tôi càng cho rằng văn chương bình dân, thơ dân gian kể cả thơ bài chòi, nếu không hoàn toàn của Học, thì càng không thể phủ nhận sự đóng góp rất nhiều của các anh này.

Học còn là cái mợ của làng. Nói lên được những điều bất công, ngang trái.

Như, có cô gái Đồ lương điêu ngoa về làm dâu làng, và có cô gái làng gặp phải anh chồng tráo trở bên Cát Ngạn. Học mĩa mai:

Trai Cát ngạn - gái Đồ lương.

Đơn giản vậy, mà xóm làng thuộc - để đời.

Hoặc:

Sông không sâu, núi không cao

Trai đa trá, gái đa dâm.

Anh Nghệ xỏ xiên anh Hà Tịnh vì mấy chuyện không hay...

Mấy câu này càng được mấy anh xú Quảng bắt chước, châm chọc xú Huế.

Còn thêm chuyện ông Ba Phải.

Giai thoại ông Ba Phải, mỗi vùng một khác - Làng tôi là quan Huyện.

Học đặt chuyện riêu quan :

Quan là người công minh - bất cứ chuyện gì càng được Ngài tự thân tra cứu, kiểm nhận rồi mới phê phán đúng hay sai.

Có ba chị em trong làng. Cô chị 30 tuổi, xấu, mặt rỗ hoa. Cô em 25, không đẹp, nhưng khá mặn mòi. Cô út 16, hoa vừa chớm nụ, đẹp phây phây. Cả ba đều có bồ - nhưng còn thơ ngây.

Một hôm chị cả hỏi mấy em:

- Đố các em, cái nó bằng gì?

- Bằng gân. Cô thứ hai trả lời.

- Không, bằng xương. Cô út trả lời.

- Các em đều sai. Cái nó bằng thịt.

Cả ba đều cho mình đúng. Chuyện lên quan.

Chị cả trình bày - rằng nó bằng thịt - Trong áo thụng dài, quan tra cứu, nghiêm nghị phán :

- Phại

Cô hai trình bày - rằng nó bằng gân - Quan càng cẩn thận tra cứu, mỉm cười phán :

- Phại

Cô út vừa dứt lời - rằng nó bằng xương - Quan phán ngay, như bật lò xo:

- Phại

Thường thường xử xong, Quan đứng dậy phát tay áo bãi tòa. Lần này Quan ngồi!

Chuyện này o Nhiều kể lại.

Học du, nhiều vị giỏi - làm rạn rờ cho đất nước. Mấy cái bằng tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, các cụ lấy nhẹ nhàng như ăn hủ tiếu. Đại học danh tiếng nào càng thấy bóng dáng các cụ trên bục giảng.

Thế nhưng bằng cấp các cụ coi nhẹ, bỏ túi để trả nợ áo cơm. Hầu hết thì giờ, các cụ dành cho sở thích riêng tư, không ăn nhập gì đến nghề nghiệp.

Vì vậy mới có những chuyện trái khoáy.

Học, khoa-học gia. Nào toán, nào lý, nào nguyên tử... Học cho vào thùng rác - Học say mê bối lại đóng tro tàn, nào chữ Hán, chữ Nôm, nào chuyện Kiều xưa.

Học, nhân-văn. Nào luật, nào triết, nào văn chương - Học xếp xó - Học khoái mấy con rắn, con cắc kè - củ tỏi, củ riềng, cây cỏ ngọt, trái mướp đắng. Học làm rượu thuốc - mong giúp bà con trị bệnh nhức mồi, áp huyết, đáí đường.

Mấy chuyện trên, có đúng có sai. Nhưng tính bất cần đời, lè phè - thì chắc chắn là bản chất anh Học. Chuyện ông - Ông làm. Chuyện nhà - Bà lo.

Như Học Yên làng tôi, không phải ít: nồi cơm nấu không xong.

Mấy cụ Học - nhất là học-giá - có lẽ còn tệ hơn. Mỗi lần sửa soạn đi đâu, cụ Bà nhìn tới nhìn lui, lo chòng mang tất trái, cục quên gái. Cái ví thì chắc chắn phải coi kỹ, không biết có đồng nào cho cà phê, cà pháo không. Cứ đà này, mấy vụ khai thuế hằng năm càng để Bà lo.

Còn Học di tản, cụ nào càng có vẻ chán đời - thế sự thăng trầm quân mạc vấn - tìm quên trong bàn mặt chược cuối tuần, tà tà 5, 6 quánh vẫn chưa gọi là đà. Học Bà lúi húi lo cơm nước.

Học lấy vợ sớm, nhất là học làng - đó

càng là một đặc điểm của Học.

Học Yên dạm vợ hồi 3 tuổi, lấy vợ lúc 15.

Học Đặng dạm vợ hồi mới đẻ - Quan phủ Diên Châu gặp quan án Thanh Chương - "Tui vừa có thằng cu - bên đó có cái him thì cho nó" - cái him sinh ra đầu 6, 7 năm sau. Thời thế đổi thay - trong cái cách ruộng đất - dù đất đai, tài sản đã biểu trọn từ những ngày đầu cho kháng chiến - hai cụ kẻ trước người sau, bị chúng treo lên bắn. Gia đình tung toé tứ phương.

Mười năm sau, thằng cu gặp cái him - duyên tiền định mà càng là chuyện thần tiên. Thương.

Tôi đến thăm anh chị Học. Được báo trước, nên mấy cháu cu Anh, cu Em về, trừ cô con gái, lấy chồng xa. Cu Anh, vợ Mỹ, có hai nhỏ một trai một gái thật dễ thương, nhất là bé gái - xí xọn, khuôn mặt giống bà nội.

- Cháu tên gì?
- Himmay - và chỉ anh nó - Thankou Giọng trẻ ngọt ngào.
- Tên cháu ngộ quá há - hay hơn Hilary Clinton.

Mẹ nó cười, hành diện
- Ông nội đặt.

Texas, tháng năm trời bắt đầu nóng. Cơm xong, cả nhà quây quần ngoài vườn cây.

Chị Học lu bù cơm nước, bây giờ mới có dịp góp chuyện, tó:

- Anh biết không? Bố nó nhớ nhà. Tuần nào cũng đoạ mẹ con.
- ?

Chị nhái giọng anh - Ông trúng kỳ này, cho hết mẹ con bay - Ông về.

Mỗi tuần anh Học chơi Loto một lần. Anh vội phân trần.

- Xứ này có gì vui mà phải bám víu. Đất lạ, người lạ, tình người không có. Con cái lớn rồi. Không về thì làm gì ở đây. Mẹ mà không thấy buồn sao?

Cu Anh - bác sĩ - ngại cho bố:
- Cha nói vậy, nhưng về vấn đề sức khỏe...

Anh Học chận ngang
- Ở đây vệ sinh lắm sao, hết bò điên, heo điên, gà điên lại thêm bập điên. Cái xứ kỳ cục, ăn miếng thịt mà không biết có phải là thịt hay không. Không ung thư thì càng có ngày đi cà khật cà khiêng như mấy con bò đại.

Bọn bây càng phải coi chừng mấy đứa nhỏ - không biết ăn cái giống gì, con cái người ta mới 8, 9 tuổi có đứa nặng cả trăm ký.

- Còn chuyện vệ sinh, nước non ?

Anh hơi cúi:

- Vệ sinh, nước non! Mà đến mấy chỗ lọc nước chưa? Nó lọc nước cống, toàn rác rến cứt đái, cho mình uống. Nói thật, ở đây chỉ hơn bên làng mấy cuộn Kleenex. Hồi nhỏ tao chùi đít bằng cục đất, bây giờ có chùi lại bằng thanh tre hay cục đất cũng không chết ai. Không lý vì mấy cuộn Kleenex mà phải bám vào xứ đây cứt chó như xứ này? Chết thì ở đâu cũng chết. Bên này chết xe chết cộ, chết ung thư. Về xứ chết thành thói hơn. Ít nhất cũng có chút tình bà con làng xã, nói - nghe được tiếng của mình, khỏi chia verbe! Mà cứ nói cái giọng con mẹ mày!

Cu Em chỏ miệng vào:

- Ồ, cha nhớ nhà cha về, con không ngăn đâu, buồn cha trở qua. Nhưng cha về, có đem theo bàn mặc chược không?

- Câm. Mày móc họng cha mà hả? Cái xứ kỳ cục, chẳng có tôn ty trật tự, mấy đứa con nít mới nết mắt - từ cha đến ông đều gọi thẳng tuốt luột. Đã vậy, mà còn tập cho cho mấy đứa nhỏ leo thang. Cục...

Cu Anh vội đỡ cho em:

- Dạ, cục cứt càng phải có đầu có đuôi. Nhưng cha về bỏ thằng Cu với him Mai cho ai?.

Dụng đến Thankou, Himmay - ông im. Làng qua chuyện khác.

Cả nhà cười - biết tính ông quá mà - nói vậy mà lòng thương.

Tuổi già, thương cháu hơn con. Tuần nào chúng không lại, ông đi vào đi ra.

Tôi vẫn ngỡ các cháu có tên Mỹ. Anh Học này kỳ cục - coi xứ Texas này không bằng một góc nhỏ làng anh.

Đêm đã khuya, bên cốc trà, hai bạn già nhắc lại chuyện xưa, làng xóm, bà con, bạn bè, con sông, ngôi đình, cam Xã Đoài, buổi Hưng Yên, thậm chí đến cả nhút Thanh Chương.

Và những ngày lưu lạc xứ người.

Anh học trầm ngâm

- Bên này, bọn mình như bèo bọt, có rề mà không bám được đất... Về bên nhà càng không xong, nhà thờ họ, mồ mả tổ tiên, không còn - sống đâu được với bọn đầu trộm đuôi cướp đã giết cha ông mình! Mà nghĩ cùng kỳ, thời trước, các cụ sống sao mà ung dung tự tại - còn bọn mình, trên sáu mươi tuổi đầu, ông không ra ông, thằng không ra thằng...

Nhìn bạn, da đã điểm đồi mồi, tóc còn xanh mượt - tôi không khỏi ngậm ngùi

- Đồi là bể khổ! Chắc vì ba cái thuốc nhuộm tóc.

Nguyễn Văn Hòa

Quảng cáo

Hãng sản xuất thực phẩm
Á Đông và hợp vệ sinh dinh
đường (diététiques)

Việt Hưng S.A.

57 avenue de Strasbourg
93 130 Noisy le Sec.

Tél: 01 48 50 19 80

Fax: 01 48 50 01 37

đã được tín nhiệm nhất Âu Châu
về phẩm chất, vừa đưa ra thị
trường máy thức ăn mới để
mừng

TẾT 2 000

- Giò sống số 1 đông lạnh
- Chả chiên số 1
- Nem nướng đông lạnh
- Chạo tôm đông lạnh

Xin lưu ý:

Tất cả các thực phẩm của Việt Hưng có chữ "số 1" đều được làm bằng thịt thăn tươi và cam đoan không có hàn the vì chất này có thể làm se lưỡi và se dạ dày. Hai món nướng trên có thể thực hiện rất nhanh và rất ngon để mừng Xuân Canh Thìn.

Việt Hưng

xin chúc quý đồng hương
một năm 2000

- sức khỏe dồi dào,
- nhiều may mắn,
- nhiều thắng lợi và
- hoàn toàn hạnh phúc



"Đêm qua em mơ gặp bác Hồ"

Vương Sử

Tôi là dân Bắc Kỳ chính hiệu, lại là người Hà Nội chính gốc nữa. "Phúc đức" cho tôi là đã được sống trọn tuổi thơ, tuổi trẻ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa "tươi đẹp". Có đứa trẻ nào như thế hệ chúng tôi lại không mong được gặp bác Hồ? Sự tuyên truyền của chế độ đã biến ông Hồ thành ông Thánh sống. Có một điều mà bây giờ tôi mới hiểu rõ là ông Thánh này rất sợ chết, ông rất ít khi xuất hiện trước công chúng. Sự xuất hiện của ông ở một nơi nào đó thường rất bất ngờ và được giữ kín cho đến khi ông xuất hiện. Đây là còn chưa kể đến một lực lượng cá chim cá nổi vây quanh ông, đến trước để dọn đường cho ông. Cả đời tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông Hồ bằng xương bằng thịt, các bạn bè tôi cũng vậy. Để bù đắp cho sự thiếu thốn này, mấy tay văn nghệ sĩ quốc doanh mới chừa ra một số bài hát mật dịch trong đó có bài "Đêm qua em mơ gặp bác Hồ" mà bọn trẻ chúng tôi thuộc như cháo. Không gặp được bác thì cứ mang bài này ra mà hát để được gặp trong mơ. Đây, bài học đầu tiên về duy vật (matérialisme) là như vậy đó. Có điều nghịch lý là cứ hát rã cả giọng ra mà cũng chẳng bao giờ mơ gặp được bác.

Ấy vậy mà mới đây thôi, ở tuổi gần 50 rồi, khi mà Đảng là con ác mộng, bác chẳng còn gì là thần thánh nữa thì tôi lại gặp bác trong mơ. Ai mà chả từng đã có những giấc mơ. Những hình ảnh, sự kiện trong giấc mơ thường lộn xộn, nhiều khi thiếu lôgic, mong độc giả thông cảm. Sau này là những gì tôi thấy trong mơ, tôi ghi lại để quý vị đọc chơi cho vui.

Tôi mơ thấy mình đang cười chiếc xô-lếch mù đi bồng bênh trên một con đường mà tôi cũng chẳng rõ là ở đâu. Chợt tôi thấy một ông già râu tóc bạc phơ, vẻ mặt tươi tỉnh, vận quần áo bò thụng, chân đi giày Adidas nhưng đầu lại đội nón cối, cuối một chiếc Dream II lướt nhẹ qua mặt tôi, miệng hát véo von điệu nhạc của ABBA: "I believe in dollars. Something good in everything I see. When I know the time is right for me, I cross the street. I have a Dream. I have a Dream...".

Tôi vội vặn tẹt ga để đuổi theo và nhận ra đó chính là bác Hồ. Bác hiền từ đi chậm lại, đỗ sang lề đường vì thấy tôi có vẻ muốn nói gì với bác. Tôi đỗ lại bên cạnh bác kính cẩn chào. Bác cũng chào lại tôi và hỏi tôi là ai. Tôi nhanh nhẩu đáp:

- Cháu là cháu ngoan bác Hồ tên Sử, học trường Albert Sarraut cũ ạ.

Bác nhìn tôi từ đầu đến chân rồi đáp luôn:

- Cháu đừng có tinh tuống, nói dối bác, bác là bác kim tinh lắm, bác đã gặp biết bao nhiêu cháu ngoan bác Hồ, nhưng chưa hề gặp cháu bao giờ.

Tôi vội lu loa luôn:

- Cháu đã được vào danh sách để đi gặp bác rồi, thế rồi các thầy cô nói rằng lý lịch nhà cháu có vấn đề, thế là họ loại cháu ra khỏi danh sách, oan cho cháu quá bác ơi.

Bác liền đổi giọng:

- Chuyện lý lịch hả... ờ, ờ. Thôi cái vụ ấy xưa rồi, bỏ đi. Bây giờ đổi mới rồi nói chuyện khác. Thế cháu không thấy bác khác xưa à, cháu thấy bác thế nào? Bác đã đổi mới thật sự rồi nhé!

Tôi lúc này mới ngẩng nhìn bác kỹ hơn và trả lời:

- Cháu thấy bác có nhiều thay đổi lắm. Từ cách ăn mặc, cho đến cách nói, ngôn ngữ sử dụng nữa, bác cũng theo kịp thời đại. Nhưng trong năm điều bác dạy cháu vẫn còn nhớ là phải khiêm tốn, thật thà, dũng cảm. Cháu lấy hết dũng cảm và thật thà mà nói rằng bác ăn vận như thế này có cái gì đó không ổn. Bác đi xe Dream, mặc quần áo bò thụng, chân đi Adidas vậy mà bác còn đội nón cối, trông nó không hợp với nhau một tí nào cả. Mong bác thứ lỗi, trông nó hơi bị lố (lố bịch)!

Bác đáp lại một cách cứng rắn:

- Cháu dám ăn nói như vậy à? Đổi mới cái gì thì đổi mới, nhưng phải giữ lấy cái gáo (cái đầu). Bác làm như vậy là có suy nghĩ cả rồi, nó cũng giống như cái kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ấy, cháu rõ chưa?

Tôi sợ quá vội lảng sang chuyện khác:

- Nhưng tại sao bác chết từ lâu rồi mà

hôm nay bác lại ở đây? Bác lấy đâu ra cái xe Dream xịn thế?

Bác vuốt râu cười khà khà:

- Đúng là bác chết từ năm 1969 rồi, nhưng thỉnh thoảng vẫn được phép lên trần ngao du. Đạo này các đảng viên làm ăn đánh quả trúng mánh lia lịa, họ nhớ đến bác đã gầy dựng cơ nghiệp cho họ, họ đốt vàng mã, đồ la, cúp, ô tô cho bác dùng thoải mái, cứ dư thể chủ nghĩa cộng sản vậy sướng thật, đúng là "chưa bao giờ đẹp như hôm nay".

Tôi nhanh nhẩu đáp:

- Họ hối lộ đấy bác ạ. Trời ơi, đạo này các đảng viên hối lộ, ăn hối lộ tràn lan, không thể nào kiểm soát nổi, hối lộ trên trần, rồi lại còn hối lộ cả dưới âm phủ. Trời ơi, đảng thật là vi đại, họ làm ô ւế cả suốt vàng. Bác có biết không, đảng viên bây giờ thì giàu có, nhà lầu, xe hơi, tiền bạc gửi ra nước ngoài... còn dân thì nhiều người chết đói nhăn răng ra bác ạ.

Bác lại cười khà khà

- Cháu vẫn còn non nớt lắm, còn phải học hỏi nhiều. Thế cháu chưa học câu thơ "nước nổi lo chi bèo chẳng nổi" à? Còn chuyện họ có gửi cho bác vô số tiền bạc, xe pháo, cái đó không thể gọi là hối lộ được. Đó là họ phát huy truyền thống dân tộc như các cụ vẫn thường nói là "uống nước nhớ nguồn" thôi.

- Dạ, dạ, bác nói chí phải. Đó gọi là "uống nước nhớ nguồn" ạ. Tôi đáp lời.

Bác lại hỏi tôi tiếp về nghề nghiệp, học hành ra sao. Tôi buồn rầu trả lời:

- Cháu học kinh tế, nhưng cháu không gặp thời. Cái thời mà cháu đi làm thì đã có nhà thơ vi đại Tố Hữu làm kinh tế rồi. Đảng đã nghi hộ hết rồi thì bọn trí thức như chúng cháu chỉ còn ngồi chơi xơi nước và đói dài dài. Nguyên tắc chủ nghĩa xã hội là "làm theo năng lực, hưởng theo sản phẩm". Chúng cháu có nghĩ ra được cái gì đâu mà được hưởng. Thật là đại đột đăm đầu bỏ tiền, công sức ăn học. Đã vậy lại còn bị người ta nhạo cho là "học làm gì cho đầu to mắt cận, học để cho ăn hận suốt đời".

Bác ngắt lời tôi:

- Trí thức thì phải sáng tạo chứ, làm gì mà sống chứ!

Tôi đáp lại luôn:

- Có thằng nào sáng tạo thì đều bị đảng bỏ tù hết, hải lắm, nên chẳng còn ai sáng tạo nữa.

Bác lại nói tiếp:

- Nếu đảng đã nghi hộ cho rồi thì sướng chết đi được, còn kêu ca gì nữa?

- Ôi trời ơi, bác ơi. Sướng lắm bác ạ. Đói vàng mắt ra. Hồi đó cả nước đảo điên, suýt nữa thì chết đói cả nước. "Tố Hữu làm giá, lương, tiền. Làm cho cả nước phát điên, phát khùng". Người ta kêu lên tận trời, kêu lên cả bác nữa mà bác không nghe thấy à?

- Bác không thấy gì cả. Sự liên lạc âm dương nó chập chờn, tạm tịt lăm, lúc được lúc không. Người cần gặp thì không gặp được... Thế người ta kêu ca làm sao, giải thích cho bác nghe. Bác hỏi tôi.

- Chẳng là ông nhà thơ suýt nữa làm cả nước chết đói. Sau đó đảng thì mặc bỏ dân, mãi lo đập nhau. Tướng Giáp thì không còn một mảnh giáp, bị cho làm chủ tịch ủy ban sinh đẻ có kế hoạch, còn gọi là ủy ban kế hoạch hóa gia đình, nên người ta mới kêu lên bác rằng: "Nhà thơ thì đi làm kinh tế. Thống chế thì đi đặt vòng. Bác Hồ ơi thế có khổ không? Thạch Sanh thì ít, Lý Thông thì nhiều".

Mặt bác đan lại, bác nói:

- Thôi, không nói chuyện nghề nghiệp của cháu nữa. Đồi chủ đề đi, thế vợ cháu làm nghề gì?

Tôi kính cẩn đáp:

- Dạ thưa bác, vợ cháu làm nhà giáo ạ.

- Chà chà, "nhất tự vi sư, bán tự vi sư". "Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy", làm nghề này chắc sướng lắm đây. Bác tiếp lời.

- Dạ không có đâu bác ạ. Cả nước làm than, toàn dân vật vờ thì làm sao mà nhà giáo sướng được ạ? Tôi trả lời.

- Thế đói khổ của nhà giáo thời đó dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ra sao kể cho bác nghe. Bác hỏi.

- Cháu chỉ xin nói hai câu tổng quát thôi ạ. "Phấn trắng, giấy trắng, hai bàn tay trắng. Bông đen, mực đen, một cuộc đời đen".

- Lại đến nước vậy cơ à! Thế trước tình hình như vậy thì nhân dân phản ứng ra sao? Bác lại sốt ruột hỏi tiếp.

- Người ta tổng kết là "Chung quy chỉ tại vua Hùng, để ra một lũ vua khùng

vừa điên. Thằng nào nhanh cẳng thì vượt biên, thằng nào ở lại không điên cũng khùng". Thế là cả nước lên đường. Không phải lên đường đi đánh Pháp, đánh Mỹ như hồi xưa đâu, mà lên đường ra biển gây ra không biết bao nhiêu cảnh tang thương chết chóc, thật không bút nào tả xiết. Thôi để lần sau cháu sẽ kể tường tận cho bác nghe. Chỉ biết rằng quyết tâm ra đi của đồng bào rất cao. "Nếu mà đi được thì cái cột đèn cũng bỏ đi". Kể cũng phải thôi. Sài Gòn giải phóng rồi thì dân mình kéo nhau sang giải phóng nốt Paris và New York.

Bác thấy tôi đang lên cơn nặng, vội xoa dịu:

- Thôi bây giờ đổi mới rồi, cháu kể cho bác nghe xem đảng có làm được cái gì đẹp không? Từ này đến giờ cháu chỉ nói toàn cái xấu.

- Dạ thưa bác, mấy tay đảng viên của một số cơ quan hữu trách ở Hà Nội ăn tiền, "uống nước nhớ nguồn" của một số công ty nước ngoài cho xây dựng mấy tòa nhà cao tầng ở Hà Nội, trông đẹp ơi là đẹp. Cái điểm Tổng hợp thì người ta đập đi rồi. Cháu còn nghe nói họ định lấp luôn cả cái ao Hoàn Kiếm để lấy đất xây dựng cho đẹp hơn. Tôi lại tiếp tục.

- Thế tình hình ở nông thôn thì ra sao? Bác hỏi.

Lại trúng tủ, tôi được thể nói tiếp:

- Nhiều nơi ở nông thôn bây giờ, các đảng viên trở thành bọn cường hào, ác bá, ăn hiếp bà con. Cứ cần tiền để làm giàu, để ăn nhậu là chúng lại đè bà con ra bắt đóng đủ các thứ tiền. Cháu có trí nhớ tài tình mà cũng không sao nhớ hết nổi các khoản tiền mà bà con phải đóng. Thật là đúng là bà con đang rên xiết dưới tầng áp bức của bọn chúng. Vì thế nên có người mới nói rằng: "Bị đau thì cứ phải rên. Ở dưới cứ quãy, ở trên cứ đè. Đè chán thì lại phê phê. Đến khi đội cán lại đè, lại rên".

Bác nghe đến đây liền bật cười, xoa tay bảo:

- Thôi thôi, dẹp mấy câu thơ thần này đi. Nghe vậy bà con cũng sướng chết đi được có gì phải kêu với rên.

- Không có đâu bác ơi, tôi tiếp luôn. Vừa rồi không chịu nổi nên bà con mới vùng lên làm vụ "Xô Viết Thái Bình".

Bác hấp tấp hỏi luôn:

- Thế kết quả ra sao?

Tôi buồn rầu trả lời:

- Thì cũng như "Xô Viết Nghệ Tĩnh" thôi bác ạ. Ngày xưa Tây nó đàn áp thì bây giờ đảng đàn áp. Có điều cháu rất lạc quan. Nếu ngày xưa các sử gia quốc doanh nói là "Xô Viết Nghệ Tĩnh" là cuộc tổng diễn tập cho cách mạng tháng 8 thì bây giờ "Xô Viết Thái Bình" chắc phải là cuộc tổng diễn tập cho một cuộc cách mạng khác.

Tự nhiên tôi thấy mặt bác ỉu xiu, chắc là bác hơi bị buồn một phát vì những chuyện tôi kể. Tôi ân hận quá vội hỏi bác:

- Bác ơi, bác làm sao vậy? Làm sao bác buồn thế?

Bác trả lời:

- Cháu nói đến những năm trước cách mạng làm bác nhớ đến hồi đó bác bị Quốc Tế III kỷ luật và mới đây thôi bác lại bị Quốc Tế V kỷ luật lần nữa.

- Quốc Tế V là gì hả bác? Tôi vội hỏi.

- Quốc Tế V là quốc tế âm phủ (tiếng lóng còn có nghĩa là giả, giả dối). Bác trả lời. Ở dưới đó cũng có chi bộ, cũng họp hành, kỷ luật liên miên.

Tôi tự nhiên buột miệng nói luôn:

- Tội nghiệp cho mấy ông cụ đảng viên ở gần nhà cháu quá. Trước khi chết cứ dặn đi dặn lại con cháu là phải bỏ vào túi ngực cụ tấm thẻ đảng trước khi đi mai táng. Giá không mang theo có phải sướng không. Kể ra làm đảng viên cũng cực thật. Chết cũng không yên.

Sợ bị bác mắng vì cứ hay nói lung tung, tôi liền hỏi luôn cơ sự nào mà bác bị Quốc Tế Âm Phủ kỷ luật. Bác chần chừ một lúc rồi kể:

- Lần trước bác lên trần ngao du cùng với ông Lenin để xem giai cấp vô sản thế giới đã thực hiện chủ nghĩa cộng sản đến đâu. Hồi đó là năm 1979 (năm chiến tranh Việt-Trung).

Bác dừng lại hỏi tôi có biết câu nói nổi tiếng của Lenin về giai cấp vô sản không, tôi liền trả lời:

- Dạ cháu biết rõ lắm ạ. Lenin nói rằng "vô sản toàn thế giới hãy liên hiệp lại".

Bác lại hỏi tôi có biết tiếng Nga không và cắt nghĩa chữ "liên hiệp lại" Lenin dùng từ gì? Trúng tủ, trúng tủ, tôi trả lời:

- Cháu biết tiếng Nga và đã từng dịch mấy cuốn truyện tiểu lâm của Nga sang tiếng Việt. Ông Lenin dùng một từ

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC...

Tình hình chính trị đen tối ở Đài Loan

khí dịch ra tiếng Việt thì dịch ra liên hiệp lại. Từ đó có nghĩa đen là liên kết lại với nhau hay là bám vào nhau.

Bác vỗ đùi đánh tét, rồi tiếp luôn:

- Chết là ở chỗ đó. Vừa lên tới trần vào năm đó, bác và ông Lenin bị rơi đúng vào vùng biên giới Việt-Trung. Bác và Lenin thấy hai thằng đầu trọc, quần áo thì rách bươm, mặt mũi thì nhem nhuốc, đang hí hục vật nhau. Bác buột miệng kêu to: "Vô sản toàn thế giới hãy buông nhau ra". Lập tức bác bị triệu hồi về và bị Quốc Tế V kỷ luật. Bác buồn lắm, và tình hình vô sản toàn thế giới bấy giờ lại càng làm cho bác buồn thêm. Nhưng thôi, chuyện vô sản quốc tế thì chẳng cứu vãn được đâu. Nếu cứ như theo cháu nói thì bác cũng phải ra tay cứu nước lần thứ hai. Bác cũng nghe nói loáng thoáng về tình trạng bị đất của đất nước đầy nhưng bác chưa có kế gì. Và lại, như bác đã nói với cháu, liên hệ âm dương nó chập chờn lắm. Lên đây, người cần gặp thì không gặp được để chỉ thị. Lần này tình cờ gặp và nói chuyện được với cháu, nhưng cháu chỉ là một thằng dân thường thì cũng chẳng ích chi.

Tôi không thể để lỡ thời cơ, nói luôn:

- Thưa bác, cháu xin hiến bác một kế, chắc chắn được.

Bác có vẻ chần chừ, nhưng rồi cũng hỏi:

- Kế gì nói bác nghe.

- Dạ thưa bác, bác cứ triệu tập toàn bộ Bộ Chính Trị và ban Chấp Hành Trung Ương xuống đó để bác chỉ thị ạ.

- Hay, hay. Thằng này nói chí phải. Bác sẽ làm. Thôi chuyện dài dòng qua, bây giờ bác phải ngược đây. Để thưởng công cho cháu, vì đã hiến kế hay để cứu nước, bác cho cháu chiếc Dream này mà đi.

Nói rồi bác bỏ chiếc nón cối xuống, nhưng vẫn cầm ở tay và đi ra sau lùm cây rồi biến mất. Không biết là sau lùm cây đó bác có đội mũ lên không hay là vút đi. Tôi hy vọng là như vậy.

Tôi sung sướng quá. Được gặp bác Hồ, lại còn được chiếc Dream nữa. Tôi cười lên chiếc Dream và lướt trên đường phố miệng cũng hát véo von:

"I believe in the future. When they won't be there... I have a dream. I have a dream..."

Vương Sư

Còn khoảng hai tháng nữa là có tuyển cử tổng thống mới ở Đài Loan, nhưng tình hình chính trị của đảo không mấy lạc quan. Trong không đầy hai tháng, nội bộ Quốc Dân Đảng gần như bị nổ bùng. Ông Ngô Bá Hùng, một cựu bí thư đảng và cố vấn tổng thống phủ, sau khi chọn đứng về phía ứng cử viên độc lập Tống Sở Du đã bị trục xuất ra khỏi đảng. Ông Chương Hiếu Nghiê (John Chang), tổng bí thư đảng, có lẽ vì lạnh nhạt với liên danh Liên Chiến-Tiêu Vạn Trường (đương kim phó tổng thống và thủ tướng) đã bị Hoàng Côn Huy (Huang Kun Hwei) thay thế giữa tháng 11 để trở thành tổng bí thư tổng thống phủ do ông Hoàng giữ trước đó. Không đầy một tháng sau, ông Chương lại bị vụ "xì căn đàn" ngoại tình với một phụ nữ có chồng tên là Vương Tiểu Thuyền (Wang Xiao Chan). Báo chí Đài Loan phanh phui và khai thác buộc ông Chương phải từ chức sau khi cùng vợ bà Hoàng Mỹ Luân lên truyền hình xin lỗi về việc làm "đáng tiếc" của ông. Ông Đinh Mậu Thời (Ding Mao Shih), đương kiêm chủ nhiệm Hội Đồng An Ninh Quốc Gia được đưa lên thay. Ông Chương Hiếu Nghiê không phải là một nhân vật tầm thường. Ông là người con "roi" của cố tổng thống Tưởng Kinh Quốc (Jiang Jing Guo) và cháu nội của Tưởng Giới Thạch! Ông là thành viên thường trực (bộ chính trị) của Quốc Dân Đảng và đã nhiều lần làm bộ trưởng, như chủ nhiệm Kiều Vụ và ngoại trưởng.

Đảng đối lập, Tân Đảng, cũng nhân cơ hội cùng phanh phui vụ ông Lý Đăng Huy ngoại tình với một nữ nha si cách đây 20 năm và đã ngăn cản bà này trở về Đài Loan. Ông Huy đình chính một cách yếu ớt và tố cáo đối lập nói "tầm bậy". Tình hình càng thêm phức tạp khi bộ tài chính điều tra và khám phá ông Tống Sở Du, người của Quốc Dân đảng ly khai ra ứng cử tổng thống, có nhiều tương mục ở các ngân hàng trong và ngoài nước, với một số tiền lên đến nhiều triệu Mỹ kim do bà em vợ Trần Bích Dung và con trưởng là Tống Chân Viễn đứng tên. Quốc Dân đảng còn phao tin là ông Tống còn nhận tiền của Bắc Kinh. Ông Tống có khả năng bị đưa ra tòa và phạt tù.

Điều này có lẽ không xa lạ với cuộc thăm dò ý kiến gần đây theo đó ông Tống về đầu với tỷ số 30-35%, ông Trần Thủy

Biển, thuộc Dân Tiến Đảng, về nhì với 20-25%, trong khi liên danh Quốc Dân đảng Liên Chiến-Tiêu Vạn Trường về ba với 10-20%! Ông Hứa Tín Lương, cựu chủ tịch Dân Tiến Đảng ly khai và ông Lý Ngao của Tân Đảng mỗi người chỉ chiếm 5%. Trừ ông Lý Ngao chưa tìm được người ở chức vụ phó tổng thống, các ứng cử viên tổng thống khác đều có liên danh. Ông Tống Sở Du chọn ông Trương Chiêu Hùng (Zhang Zhao Xiong), một cựu trưởng đại học. Ông Trần Thủy Biển chọn bà Lữ Tú Liên (Annette Lu), huyện trưởng tỉnh Đào Viên, người cùng đảng. Còn ông Hứa Tín Lương thì chọn bà Chu Huệ Lương (Zhu Hui Liang), một dân biểu ly khai của Tân đảng.

Dân chúng Đài Loan đang đứng trước những lựa chọn khó khăn trong khi Bắc Kinh, qua lời tuyên bố của ông Đường Thụ Bị, phó chủ tịch Hiệp hội bang giao giữa hai bờ eo biển, nói: "Ngoại trừ ông Trần Thủy Biển ra, người nào cũng được"!

Bắc Kinh bổ nhiệm năm giám mục mới

Giáo hội Công giáo "yêu nước" của Bắc Kinh vừa bổ nhiệm ngày 6-1 năm giám mục mới ở nhà thờ Nam Đường (Bắc Kinh) cùng lúc với tòa thánh Vatican khi bổ nhiệm 12 tân giám mục. Năm người được may mắn này là các linh mục Lục Tân Bình (Lu Xin Ping) thuộc giáo khu Nam Kinh, Phương Kiến Bình (Fang Jian Ping), giáo khu Đường Sơn, Tô Trường Sơn (Su Chang Shan), giáo khu Bảo Định (Hà Bắc), Chiêm Tư Lộc (Zhan Si Lu), giáo khu Mãn Đông (Phúc Kiến) và Cận Đạo Viễn (Jin Dao Yuan), giáo khu Trường Trị (Sơn Tây).

Sự bổ nhiệm này làm Vatican tương đối ngạc nhiên vì hai bên đã gần đi đến thỏa thuận sau hơn một năm thương lượng với sứ quán Bắc Kinh ở La Mã. Từ năm 1951 trở đi, Bắc Kinh không công nhận Vatican can dự vào việc bổ nhiệm các giám mục. Giáo hội của Vatican phải đòi trợ sớ sang Đài Loan trong khi Bắc Kinh cho thành lập một Giáo hội "yêu nước".

Theo Bắc Kinh, số người theo đạo thiên chúa thuộc giáo hội "yêu nước" lên đến 4 triệu, trong khi tòa thánh Vatican ước lượng có 10 triệu con chiên theo tòa thánh. Nhưng những người này bị chính quyền tróc nã thậm chí nhiều linh mục bị tù. Vì lý do nói trên, Vatican chỉ bổ nhiệm một cách thăm lén các giám mục. Theo

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

phỏng đoán, giáo hội thuộc quyền Bắc Kinh có 60 giám mục, giáo hội thuộc Vatican cũng có con số tương tự.

Trong cuộc thương thuyết với Vatican, Bắc Kinh dưới sự chỉ đạo của Vương Triệu Quốc, một ủy viên Trung ương đảng đặc trách tôn giáo và dân tộc thiểu số, đặt nhiều điều kiện mà phần lớn đã được Vatican thỏa mãn. Hai điều kiện đầu tiên là Vatican phải đoạn giao với giáo hội Đài Loan và giáo hội xứ này không được nhân danh giáo hội Trung Hoa. Về việc bổ nhiệm giám mục, đức giám mục Claudio Maria Celli, người đã thương lượng với Việt Nam trước đây, đề nghị lấy "mô hình Việt Nam" làm tiêu chuẩn, nghĩa là Vatican bổ nhiệm giám mục với sự đồng tình của chính quyền. Bắc Kinh lại đòi thêm là giáo hội của họ phải độc lập với Vatican. Về điểm này Vatican đề nghị chữ tự trị thay chữ độc lập nhưng Bắc Kinh không chấp nhận. Để đi đến thỏa thuận, Vatican đề nghị một công thức nói vòng: "Tòa thánh Vatican tôn trọng tình trạng đặc biệt của Giáo hội Công giáo của Trung Quốc. Chúng tôi ngưỡng mộ tình yêu nước của những người thiên chúa giáo Trung Quốc". Lý do cuộc thương thuyết chưa có kết quả là vì Bắc Kinh lo ngại đức Đạt Lai Lạt Ma hay các môn phái như Pháp Luân Công sẽ bắt chước xin tự trị cho các tín đồ của mình để thực hành tín ngưỡng. Người ta ngạc nhiên sự trở mặt của Bắc Kinh vào giờ chót trong khi chính ông Giang Trạch Dân khẳng định quyết tâm bình thường hóa quan hệ với Vatican và đức giáo hoàng Jean Paul II cũng muốn viếng thăm Bắc Kinh.

Bắc Triều Tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Ý

Chế độ Bình Nhưỡng của Kim Chính Nhật (Kim Rong III) vừa tiến thêm một bước mới để thoát khỏi cô lập trên chính trường quốc tế bằng cách thiết lập quan hệ ngoại giao với Ý. Đây là nước thứ sáu của Liên hiệp Âu châu mà Bắc Triều Tiên thiết lập quan hệ sau các nước Áo, Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Điển và Bồ Đào Nha. Trên lý thuyết, sau khi hai miền Nam Bắc Triều Tiên trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc trong năm 1973, các nước trên thế giới đều có quyền thiết lập quan hệ với hai miền. Bắc Kinh, người thù địch của Hán Thành trong nhiều thập niên, có quan hệ ngoại giao từ 1992 và trao đổi về kinh tế giữa hai nước vượt cả

chục lần hơn trao đổi giữa Bình Nhưỡng và Bắc Kinh. Nếu Hán Thành có quan hệ ngoại giao gần hết với các nước trên thế giới thì chế độ Bình Nhưỡng chỉ được một số ít nước công nhận. Đa số các cường quốc Âu Mỹ như Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Gia Nã Đại và Nhật chưa công nhận một chế độ còn xem quyền con người như một trò chơi nếu không nói là diệt chủng.

Sau khi Kim Nhật Thành đi châu ông Mác trong năm 1994, chế độ Bình Nhưỡng trở nên bấp bênh vì bị mất mùa và bão lụt trong nhiều năm liên tiếp. Nạn đói đã làm từ một đến ba triệu người chết. Tuy vậy, chế độ vẫn thiết lập hệ thống vũ khí hạt nhân để hăm dọa Nam Triều Tiên và các xứ lân bang. Mục tiêu là làm đe dọa để Âu Mỹ Nhật viện trợ kinh tế và nhờ đó tiếp tục sống còn. Khác với trường hợp Đông Đức trước đây, chế độ Bình Nhưỡng một cách rất nghịch lý có thể "trụ" được nhờ địa thế về chính trị địa dư. Nam Triều Tiên, qua kinh nghiệm của Đức, không muốn thống nhất với miền Bắc (quá tốn kém!). Bắc Kinh cũng không muốn thấy một nước Triều Tiên thống nhất nằm trong quỹ đạo của Mỹ. Chỉ còn đường lối ngoại giao để thu phục chế độ Bình Nhưỡng. Tổng thống Clinton chủ trương đường lối này từ nhiều năm qua và bắt đầu gặt hái kết quả. Tháng 6-1999, ông Clinton gởi cựu bộ trưởng quốc phòng William Perry sang Bình Nhưỡng thương lượng. Kết quả là Hoa Kỳ bãi bỏ trừng phạt về kinh tế và Bắc Triều Tiên hứa ngừng phóng hỏa tiễn một cách vô ý thức, như trong năm 1999 phóng một tên lửa ngang không phận của Nhật. Tháng 12 vừa qua, một phái đoàn Nhật do cựu thủ tướng Tomichi Murayama hướng dẫn sang Bình Nhưỡng để thương lượng về thiết lập quan hệ trong khi hai phái đoàn Hồng thập tự của hai nước gặp nhau ở Bắc Kinh. Về phía Bình Nhưỡng, họ gửi một phái đoàn cấp cao sang Bắc Kinh trong tháng 9 năm qua để một mặt xin viện trợ và một mặt "hâm nóng" lại quan hệ lạnh nhạt trong nhiều năm vì sự công nhận Nam Triều Tiên của Bắc Kinh.

Việc thiết lập quan hệ với Ý, một thành viên của G7 sẽ đưa đến nhiều công nhận khác? Dù sao họ Kim (con) cũng bắt đầu nhận thức được không thể sống đơn độc khi thế kỷ đã bước đầu vào thiên niên mới!

Sử dụng sai trái quỹ viện trợ phát triển

Nhà cầm quyền Việt Nam vừa bắt giữ 10 cán bộ cùng 2 nhà thầu khu vực Lai Châu về tội sử dụng 240 tỷ VND để xây cất dinh thự nguy nga cho các cán bộ cao cấp địa phương, trong khi số tiền này thuộc ngân sách địa phương được nhà nước duyệt để cải thiện đời sống của một số dân tộc thiểu số nghèo.

Sự việc này đã được báo South China Morning Post đề cập đến từ cuối năm 1977. Theo báo này, ít nhất 1 triệu USD đã được sử dụng để xây một dinh thự mà dân địa phương gọi là "Ngôi Nhà Trắng" với kiến trúc kiểu Hy Lạp tọa lạc giữa một khuôn viên tráng lệ. Vào thời điểm đó, các cấp lãnh đạo địa phương tuyên bố rằng những công trình này sẽ trở thành trường học, nhà thương và các công trình cải thiện nông thôn.

Nhưng mới đây, báo Thanh Niên cho biết hơn 90% ngân sách mà Hà Nội đã thảo khoán để cải thiện đời sống những khu vực nghèo khó xa xôi đã được dùng vào những công trình xây dựng cao ốc, đường sá và những công trình thủy lợi quanh những tỉnh lớn.

Một trong những nhà thầu bị bắt, tên Lê Minh Thiết, thú nhận đã mua chuộc các cán bộ địa phương để trúng thầu.

Hơn 90% dân số Lai Châu (33.000) là các sắc tộc thiểu số sống bằng nghề làm rẫy và săn bắn, trình độ giáo dục ở mức sơ cấp tối thiểu. Hơn 60% dân số sống dưới mức nghèo khó, số trẻ em suy dinh dưỡng vượt xa mức trung bình quốc gia.

Kinh tế Việt Nam năm 2000 tiếp tục đen tối

Một lần nữa, trong một buổi họp ngày 13-12 do Nghiệp Hội Tài Chánh Quốc Tế (International Finance Corporation), một chi nhánh của Ngân Hàng Thế Giới, tổ chức, các nhà đầu tư ngoại quốc đã cho nhà cầm quyền Việt Nam biết rằng nạn của quyền, tham nhũng ngày càng khiến Việt Nam không thu hút được họ nữa. Họ nhắc nhở thêm rằng các nước Á châu khác đang dần dần khắc phục được hậu quả của cơn khủng hoảng tiền tệ năm 1997. Việt Nam, nếu không muốn lỡ chuyến đò cần phải có những biện pháp thích ứng và cấp thời để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài và tỏ rõ cho họ biết Việt Nam đang muốn gì hoặc đang muốn đi về đâu.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Theo họ, chắc hẳn Việt Nam đang tiến thoái lưỡng nan, không biết có nên hòa nhập với thế giới trong quá trình toàn cầu hóa với hệ lụy là nhà nước mất đi quyền uy của mình hay tiếp tục giữ nguyên tình trạng trì trệ hiện tại. Các cơ quan hữu trách Việt Nam vẫn tỏ ra không đặt niềm tin vào kinh tế tư doanh và nguyên nhân những khó khăn của kinh tế Việt Nam vẫn là nạn hành chính trì trệ, luật lệ thiếu rõ ràng và sự kỳ thị đối với các xí nghiệp ngoại quốc. Đầu tư nước ngoài đã giảm từ 11% GDP năm 1995 xuống còn 2,2% năm 1999.

Ông Trần Xuân Giá, bộ trưởng kế hoạch và đầu tư, tuyên bố rằng Việt Nam sẽ có những biện pháp thích hợp nhưng theo nhịp độ và vào những thời điểm mà Nhà Nước Việt Nam sẽ chọn lựa. Nhưng nói chung, theo ông, Nhà Nước sẽ tiếp tục ưu đãi các xí nghiệp bản xứ so với các xí nghiệp ngoại quốc. Ví dụ, chi phí quảng cáo trên truyền hình sẽ đắt hơn 5 lần đối với xí nghiệp nước ngoài.

Tuy nhiên, đối với khu vực quốc doanh, thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã phải nhìn nhận trước đó rằng một số xí nghiệp, khoảng 6.000 đơn vị, đang là một gánh nặng cho xã hội.

Nhận định chung của các chuyên gia ngoại quốc là, nếu Việt Nam muốn bắt kịp Thái Lan vào năm 2020 thì mức tăng trưởng của Việt Nam phải giữ được ở mức 10% năm, một giả thuyết không tưởng cũng như tất cả những cam kết thay đổi của nhà cầm quyền Việt Nam.

Việt Nam và Thỏa ước thương mại với Hoa Kỳ

Vấn đề Việt Nam có nên ký thỏa ước thương mại với Hoa Kỳ hay không vẫn đang được bàn cãi sôi nổi ở các cấp lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam. Sau một thời gian im lặng, thủ tướng Phan Văn Khải đã xác nhận lại rằng Việt Nam đồng ý trên những nguyên tắc đã được đôi bên thảo luận trước đây nhưng vẫn chưa quyết định khi nào ký.

Những yếu tố thuận lợi cho Việt Nam là xuất cảng sang Hoa Kỳ có khả năng tăng gấp đôi nếu Việt Nam được hưởng biểu thuế quan ưu đãi của Hoa Kỳ. Ngược lại, những điểm khiến cho Việt Nam do dự ký là: sau một thời kỳ từ 5 đến 7 năm, Việt Nam sẽ phải cho phép các ngân hàng, tổ chức luật sư, bảo hiểm và viễn thông Mỹ được tự do hoạt động tại Việt Nam. Lúc đó, toàn bộ hệ thống luật thương mại

của Việt Nam sẽ phải cải biến cho phù hợp với luật thương mại quốc tế. Các xí nghiệp quốc doanh Việt Nam có thể sẽ phải giải thể vì không cạnh tranh nổi với các xí nghiệp ngoại quốc, trong khi hiện nay chính quyền cộng sản vẫn đang ưu đãi và che chở khu vực quốc doanh.

Có nguồn tin cho rằng Việt Nam không ký thương ước vào tháng 9-1999 nhân dịp APEC nhóm họp tại Úc châu vì mấy ngày trước đó ngoại trưởng Madeleine Albright đã nói với Lê Khả Phiêu quan điểm của Hoa Kỳ về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam.

Mặt khác, cũng có nguồn tin rằng Trung Quốc đã làm áp lực lên Việt Nam để trì hoãn việc ký kết vì những nhượng bộ của Việt Nam sẽ gây khó khăn cho Trung Quốc trong việc ký kết thỏa hiệp thương mại với Hoa Kỳ. Nhưng chính quyền cộng sản Việt Nam bị chùng hững khi hay tin Trung Quốc và Hoa Kỳ ký thương ước ngày 15-10-1999. Như vậy Việt Nam đã ngu xuẩn nghe theo lời cản của Trung Quốc.

Việc Trung Quốc ký thương ước với Hoa Kỳ là một đe dọa trầm trọng cho ngành xuất khẩu của Việt Nam. Cho tới nay, hàng xuất khẩu của Việt Nam đang được hưởng một số quy chế đặc biệt về qua Liên Hiệp Châu Âu so với Trung Quốc. Nay Trung Quốc là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì ưu thế đó của Việt Nam có thể bị vô hiệu hóa. Trung Quốc cũng sẽ bớt mua cao su của Việt Nam để mua của những thành viên khác trong WTO như Thái Lan chẳng hạn.

Tỷ suất tăng trưởng tổng sản lượng nội địa (GDP) của Việt Nam dự kiến năm 2000 chỉ ở mức 4,7 - 5%, mức thấp nhất trong vòng 10 năm nay.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, chiến sĩ nhân quyền nổi tiếng ở Việt Nam, đã từng kêu gọi Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam phải đặt quyền lợi quốc gia trước những quyền lợi vị kỷ bằng cách ký kết thỏa ước thương mại với Hoa Kỳ.

Ký giả đài RFI bị trục xuất khỏi Việt Nam

Trong một văn thư gửi cho tổng bí thư Lê Khả Phiêu, tổ chức Phóng viên Không Biên giới (Reporters sans frontières) đã phản đối việc một ký giả của đài RFI, ông Phạm Thế Hùng, bị ép buộc phải rời Việt Nam. Đây là một vi phạm trắng trợn

quyền tự do thông tin. Ông Phạm Thế Hùng bị buộc tội là đã đi gặp ba tín đồ Công giáo không có tên trong danh sách đã khai khi xin chiếu khán.

Các nhà ngoại giao Hoa Kỳ gặp Hòa thượng Thích Huyền Quang

Văn phòng Thông tin Quốc tế của Viện Hóa đạo (VPTTQT-VHD) thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) đã đưa tin ngày 15-12-1999 về việc 30 dân biểu quốc hội Mỹ và Úc đã đề nghị tặng giải thưởng Nobel cho hòa thượng Thích Quảng Độ. Nguồn tin cũng cho biết đây là lần đầu tiên từ 17 năm nay hòa thượng Thích Huyền Quang được tiếp khách ngoại quốc. Ngày 2-12-1999, ông David Young, đệ nhị tham vụ tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội đã đến thăm hòa thượng Thích Huyền Quang tại Quảng Ngãi, nơi ông bị quản thúc không xét xử từ lúc bị bắt năm 1982. Trước đây đã có rất nhiều nhà ngoại giao, ký giả và tổ chức quốc tế đã xin phép gặp hòa thượng nhưng không được nhà cầm quyền Việt Nam chấp thuận. Ông Amor, báo cáo viên của Liên Hiệp Quốc về tự do tín ngưỡng, khi đến Việt Nam vào tháng 10-1998 cũng đã không được gặp. Ông Young đã đến Quảng Ngãi ngay trước khi miền Trung bị lụt. Ông đã trao đổi với hòa thượng trong ba tiếng đồng hồ với sự hiện diện của một phiên dịch viên của tòa đại sứ và một công an của trạm kiểm soát đặt ngay trước cửa nhà hòa thượng. Trong suốt buổi nói chuyện, người công an chỉ vắng mặt có một lần trong vòng 10 phút.

Hòa thượng Huyền Quang sau đó đã gửi được một văn bản tóm tắt buổi nói chuyện. Nói chung, hòa thượng đã giải thích cho ông Young khác biệt giữa GHPGVNTN với GHPGVN của chính quyền dựng lên, cho biết tình trạng đàn áp các tôn giáo tại Việt Nam và thông báo sức khỏe của ông rất sa sút. Ông không có quyền chọn bác sĩ mà phải chấp nhận bác sĩ do nhà nước chỉ định và mới đây bệnh bao tử của ông đã nặng hơn trước và bác sĩ đã kê làm thuốc.

Buôn lậu

Theo hãng Reuters, ngày 8-12-1999 công an Việt Nam đã bắt 45 người liên quan đến một vụ buôn lậu trị giá cả triệu USD. Báo Lao Động cho biết người cầm

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

đầu vụ này là Đỗ Thị Mỹ Phương đã sử dụng tên ba xí nghiệp và mua chuộc một số đồng cán bộ hải quan, trong đó có cán bộ hải quan của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, để chuyển vận hàng hóa. Theo thông tin viên ngoại quốc, nạn buôn lậu càng ngày càng bành trướng trong những năm sau này.

Báo cáo của Tổ Chức Bảo Vệ Nhân Quyền

Theo báo cáo của Tổ Chức Bảo Vệ Nhân Quyền (TCBVNQ, Human Rights Watch), Việt Nam vẫn đàn áp thành phần chống đối tại Việt Nam mặc dù đã thả một số tù nhân chính trị vào cuối năm 1998 và đầu năm 1999. Luật báo chí ra tháng 5-1999 tăng cường đàn áp tự do tư tưởng, quy định rằng mọi tin tức đưa cho các thông tin viên nước ngoài phải được bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin duyệt chấp thuận.

Nói chung, chính quyền Việt Nam đã khôn khéo chọn giải pháp quản thúc thay vì bắt giữ để tránh bị quốc tế lên án. Những người được thả bị quản thúc tại gia một cách nghiêm ngặt, gia đình bị phiền nhiễu đủ điều. Họ không được nhập hộ khẩu nên không được tự do đi lại, tự do hành nghề. Thượng tọa Thích Nhật Ban đã nhận định rằng họ đã rời một phòng giam nhỏ để vào một phòng giam lớn hơn.

Đó là trường hợp của những Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, Thích Tuệ Sỹ, Thích Không Tánh, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Hộ... Ngoài ra còn những người như Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân, Nguyễn Đình Huy vẫn còn bị giam giữ.

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã ra hai nghị quyết tồi tệ là 31/CP và 89/NDCP cho phép công an bắt người một cách tùy tiện, trái với hiến pháp. Trung Ương Đảng đã liệt ra 12 hành động của đảng viên bị coi là phạm pháp như chỉ trích cơ chế Đảng, tổ chức hay khuyến khích nhân dân phản kháng hay biểu tình chống nhà nước.

Về mặt tự do tín ngưỡng, báo cáo của TCBVNQ nhắc lại những khuyến cáo của đại diện Liên Hiệp Quốc, ông Abdelfattah Amor, đối với chính quyền Việt Nam để bảo đảm tự do tín ngưỡng nhưng nhận xét thấy Việt Nam vẫn kèm kẹp các tôn giáo từ đạo Công giáo, Tin Lành, Phật giáo đến Hoà Hảo.

Cứu trợ và... THA

Anh Minh là một người Việt tại Pháp vừa về thăm quê hương hai tháng. Vào đúng lúc có đợt cứu trợ. Anh Minh động lòng và tham gia một đoàn cứu trợ tự phát của đồng bào trong khu phố. Anh kể:

"Đoàn tôi quyên góp mua được hai xe tải trên 16 tấn hàng chở ra miền Trung. Chúng tôi quyết định đi thật xa vì được biết ở gần miền Nam đã có nhiều đoàn cứu trợ, các đồng bào ở xa phía Bắc, khoảng Thừa Thiên Huế thiệt hại nhiều mà nhận cứu trợ ít.

Chúng tôi cho xe chạy thẳng ra phía Bắc, không dừng lại bên đường mặc dầu thấy rất nhiều nạn nhân tụ tập quanh hai bên đường xin đồ cứu trợ.

Việc cứu trợ hoàn toàn không có tổ chức, khi xe vừa dừng lại thì một đoàn người ập tới xin. Những người cứu trợ mạnh ai nấy phát. Và phát vừa la ó yêu cầu trật tự nhưng không ai nghe. Không thể nào biết được những người xin có phải là những nạn nhân cần được cứu trợ nhất hay không. Nhưng ít nhất tôi chắc đồ cứu trợ không phí phạm vì những người xin đều đen đui, gầy yếu và xanh xao, khi được một gói mì họ ăn ngay lập tức. Tôi càng đau lòng khi nghĩ rằng có những người đói hơn, không đủ sức ra đường lộ để xin.

Xe chúng tôi đến gần Đà Nẵng thì không đi được nữa, chúng tôi đành dừng lại để phân phát. Chỉ trong một giờ 16 tấn thực phẩm và quần áo đã phát hết mà vẫn có những người không được gì vì quá yếu không thể chen lấn.

Cái lạnh ở đây rất lạ: nhiệt độ không thấp lắm nhưng lạnh buốt giá. Những người có sức khỏe còn cố tranh giành thực phẩm và quần áo, nhưng không biết những người già yếu và trẻ em ra sao. Lạnh quá chúng tôi phải bao xe trở về, tốn 7 triệu đồng, mà không sao cảm được nước mắt. Tôi bị ám ảnh bởi suy nghĩ về những người quá yếu không thể ra nhận đồ cứu trợ của chúng tôi.

Nhưng mục đích thực sự của tôi không phải là về để cứu trợ. Thực ra tôi về để cứu gia đình. Gia đình tôi làm doanh nghiệp bị giạt nợ gần một tỷ đồng. Có lý hoàn toàn nhưng lại không có tiền lo chạy quan tòa. Về đến nơi tôi được biết phải nộp cho thư ký tòa 10% và thẩm phán 10% mới xong. Họ cũng tử tế chỉ đòi 1/4 số tiền này trước, số còn lại sẽ nộp sau khi đã đòi được nợ.

Tạm thời yên chí, nhưng sau đó tôi lại được quan chức tòa nói nhỏ cho hay khi bản án xong vẫn còn phải nộp ít nhất 30% cho khâu Thi Hành Án, được viết tắt là THA. Không có tiền cho họ, hay đưa ít hơn phía đối phương, thì họ sẽ tha bên kia, nghĩa là không thi hành án. Lại thêm áy náy. Vừa tốn xong một khoản tiền mà chưa biết có đòi được nợ không. Bởi vì dù đã trả xong mọi khoản tiền trả nước vẫn còn có khả năng là con nợ đã phá sản, hoặc chấp nhận đi tù thay vì trả nợ, sau đó hối lộ để ra tù trước thời hạn. Ở Việt Nam hiện nay việc đã bị đi ở tù không hề hấn gì cả. Không thiếu gì người có tiền án lương gạt vẫn được phép kinh doanh.

Chuyện này có thể xảy ra lắm bởi vì nếu chấp nhận đi tù, con nợ vẫn có thể trả tiền cho công an để khỏi phải ở tù, như chúng tôi đã thấy. Và số tiền phải trả cho công an này vẫn còn thấp hơn số nợ phải cho gia đình tôi.

Gia đình tôi đã phá sản và chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh kể từ sau vụ giạt nợ này. Trong trường hợp đặc biệt này, chuyện con nợ sẽ phải ở tù nếu không thi hành án cũng là chuyện không thể xảy ra vì con nợ không ai khác hơn là một cơ quan nhà nước".

**Độc và cổ động
đặt mua dài hạn
báo Thông Luận**

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

Ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực : 200 FF/năm

Hội viên ân nhân : từ 500 FF/năm

trở lên

Liên lạc:

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

Vietnam Libertés

11 Mail Le Corbusier

77185 Lognes - France

Tội ác chống nhân loại

LTS: Tòa soạn Thông Luận vừa nhận một tài liệu từ trong nước gửi ra, do thân nhân 115 người bị giết hại sau 1975 đứng đơn, tố cáo hành vi dã man của Lê Văn Liễm, hiện là giám đốc Sở Công An tỉnh Phú Yên. Nội dung của đơn tố cáo này không cần bình luận, chúng tôi đăng nguyên văn và để độc giả rút ra kết luận.

Đơn tố cáo

về việc ông Lê Văn Liễm, giám đốc
Sở Công An tỉnh Phú Yên.

Kính gửi:

Ông Tổng Bí thư Trung ương Đảng
cộng sản Việt Nam

Thường vụ Bộ Chính trị

Ban Kiểm tra Trung ương Đảng

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Ban Thường vụ tỉnh Phú Yên

Ban Kiểm tra Đảng tỉnh Phú Yên

Đồng kính gửi: Văn Phòng Đại sứ quán
Hoa Kỳ tại Việt Nam

Chúng tôi là thân nhân của những
người dân vô tội bị ông Lê Văn Liễm sát
hại. Chúng tôi kính gửi lên quý cấp danh
sách những cha, ông chúng tôi bị chết
oan:

- Những người ở Đông Phước Hoa
An, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên: Đặng
Thành Thúc, Nguyễn Công, cha và con
ông Đào Tấn Ngọc.

- Những người ở Hòa Thắng, thị xã
Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên: Nguyễn Ngang,
Nguyễn Đình Nơ, Nguyễn Cung, Trần
Mính, Trương Lũng, Nguyễn Văn Khả,
Đoàn Bó, Nguyễn Hữu Công...

- và còn 94 người chúng tôi không
thể nhớ hết tên.

Chúng tôi viết đơn này khẩn cầu quý
cấp thẩm quyền xem xét sự việc quá oan
ức này.

Hơn 20 năm sau ngày giải phóng
miền Nam, nhiều gia đình có người thân
bị chết trận, bị hy sinh đầu rõ lý do chết,
song 115 người thân của chúng tôi bị sát
hại dưới bàn tay của ông Lê Văn Liễm
không rõ lý do vì sao chết. Đây là nỗi
đau oan ức đè nặng lên gia đình chúng
tôi mỗi khi con, em, cháu chúng tôi làm
đơn, hồ sơ xin việc làm, đi học, lao động
đều bị coi là gia đình có người thân bị
cách mạng diệt sau giải phóng. Đây là
nỗi đau, vết nhơ chính trị suốt đời này
qua đời khác đối với con cháu chúng tôi
sau này.

Lê ra sau ngày giải phóng, những

người thân của chúng tôi phải được sum
họp, sống hạnh phúc trong một đất nước
hòa bình, độc lập, thống nhất, được
hưởng chính sách khoan hồng của mặt
trận (*Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam
Việt Nam, ghi chú của tòa soạn*) như
những người khác, nơi khác nhưng ở
đây, ngược lại, sau khi giải phóng tỉnh
nhà, ông Liễm đã trực tiếp chỉ huy cán
bộ dưới quyền lúc bấy giờ, nhân danh
"chính quyền cách mạng", đã bắt trời và
dẫn đi thủ tiêu 115 người dân vô tội,
trong số đó có người tham gia làm việc
cho chế độ cũ vì hoàn cảnh bắt buộc, sau
giải phóng đã ra trình diện, có người
tuổi già đã nghỉ làm việc cho chế độ cũ,
có người vừa tham gia cho địch nhưng
đồng thời tham gia làm cơ sở cho cách
mạng đều bị ông Liễm dẫn đi để thủ tiêu
một cách dã man, trời hàng loạt và bắn
đầy xuống hố. Ông Chật (quê ở Hải
Hưng), cán bộ dưới quyền ông Liễm
thấy cảnh giết người dã man này đã phát
bệnh tâm thần. Nhiều người đến nay
không tìm ra mồ mả ở đâu.

Một việc làm dã man hơn vụ Mỹ giết
504 người ở Sơn Mỹ, Quảng Ngãi. Đế
quốc Mỹ lúc bấy giờ là kẻ thù của đồng
bào ta, nhân kỷ niệm 30 năm sự kiện
này. Còn vụ ông Liễm nhân danh
"chính quyền cách mạng", là đảng viên
Đảng cộng sản lại giết hại dã man bao
nhiều người dân vô tội, chẳng lẽ ông
Liễm không thấy, Đảng và Nhà nước
cùng không thấy hay sao mà để chúng
tôi mang nặng nỗi oan ức, vết nhơ chính
trị cho con cháu lâu dài đối với chế độ
cách mạng này sao? Mà hơn 20 năm
nay không được minh oan, do đó chúng
tôi khẩn cầu đề nghị quý cấp:

1. Có văn bản minh oan cho gia
đình chúng tôi càng sớm càng tốt để con
cháu được nhờ, khỏi mang nặng tiềm
thức gia đình có người bị "cách mạng
diệt" và thông báo cho bà con thôn xã
Hòa Định, Hòa Thắng, Hòa An để xóa
tan thành kiến với chúng tôi.

2. Giúp chúng tôi tìm kiếm những
người bị thủ tiêu nay chưa tìm ra mồ mả,
hài cốt ở đâu (việc này chắc ông Liễm là
người biết rõ nhất).

3. Xác định rõ nguyên nhân vì sao
ông Liễm thủ tiêu lén lút hàng loạt
người dân vô tội như vậy? Theo chúng
tôi là những người này có mâu thuẫn về
kinh tế, lối sống với gia đình, dòng họ
của ông Liễm từ lâu và ông Liễm thủ
tiêu những người biết việc ông nhận làm
việc cho địch qua những người này, có
một số người bị ông Liễm diệt vì là
những người tổ chức cho ông Liễm làm
mặt báo viên cho địch, vì thế ông Liễm
thủ tiêu để bịt đầu mối, kể cả những
người là cơ sở cách mạng của ta như ông
Bốn Hòe cũng bị ông Liễm tiêu diệt để
được thăng quan tiến chức. Việc này,
năm 1992 khi đại hội Đảng bộ tỉnh Phú
Yên họp, đã có đơn tố cáo của chúng tôi
nhưng không hiểu vì sao lại bỏ qua mà
lại đưa ông Liễm vào thường vụ tỉnh ủy
và lên làm giám đốc công an tỉnh Phú
Yên. Nhân dân xã Hòa Định, Hòa
Thắng và Hòa An chúng tôi rất căm thù
việc này.

4. Ông Liễm thực hiện việc làm tội
ác như vậy có đủ tư cách là đảng viên
Đảng Cộng Sản Việt Nam không? Cần
phải đưa ra xét xử trước công luận.

5. Việc này không được sớm làm rõ
thì chúng tôi sẽ cung cấp danh sách, lý
lịch, hình ảnh của những người bị giết
oan này cho báo chí, công luận làm sáng
tỏ, cho tổ chức nhân quyền Liên Hiệp
Quốc can thiệp và ông Liễm cùng vợ
con ông phải gánh chịu hậu quả tương
xung. Đây là một tội ác không thể dung
thứ, bỏ qua.

Quý cấp rút kinh nghiệm vụ xuống
đường ở tỉnh Thái Bình, nếu ông Liễm
còn giữ quyền chức một ngày thì người
dân chúng tôi còn oan ức một ngày.

Kính đề nghị các cấp sớm quan tâm
giải quyết, các ông hãy đến các xã nêu
trên chúng tôi sẽ cung cấp rõ hơn. Vì sợ
trả thù, chúng tôi không tiện đứng tên vì
ông Liễm mang dòng máu bạo chúa,
còn đương chức. Mong các ông hãy đến
với những con người bất hạnh đang còn
sống để chờ công lý của Đảng và Nhà
nước minh xét.

Thị xã Tuy Hòa, ngày 3- 8 -1998
Thân nhân những người bị giết oan
kính đơn

Tạp ghi

Phạm Duy giải nghệ. Năm 1999 đã là một năm nhiều mất mát đối với Phạm Duy. Vợ ông chết, rồi ông phải mổ tim. Quá. Phạm Duy quyết định giải nghệ. Một quyết định dễ hiểu và cũng tự nhiên. Rất nhiều người vẫn có thể có những thành tựu lớn ở tuổi già nhưng đó không bao giờ là những sáng tác lớn nhất của họ. Những tác phẩm của Phạm Duy có một cái gì rất cá nhân, cũng như chính cuộc sống bất chấp mọi thành kiến và mọi khuôn thước của ông. Thời niên thiếu, tôi không thích những bài hát kháng chiến của Phạm Duy bằng của Văn Cao. Nhạc Văn Cao hùng tráng hơn và sắt máu hơn nhiều. Phạm Duy không thể sắt máu, nhạc của ông không thể như thế, nó là tình yêu chứ không phải là căm thù. Về nhạc trữ tình, Phạm Duy cũng không được bằng Văn Cao hay Trịnh Công Sơn; họ mê đắm hơn ông. Nhưng ở một điểm không ai bằng được Phạm Duy, đó là cái tình yêu đất nước và con người Việt Nam. *Những mẹ già cuốc đất trồng khoai nuôi con sống đời dân cày, những nông phu đội sương nắng bên bờ Biển Đông từ ngàn năm đứng trên đất nghèo, những con người ốm yếu ho hen, một ngày công lao không cho biết đến hương đêm.* Những tình cảm đó thì không ai diễn tả được bằng Phạm Duy. Bản Tình Ca sẽ còn mãi mãi. Sự nghiệp của Phạm Duy về cả phẩm lẫn lượng đã quá vĩ đại rồi. Chúc Phạm Duy vui chơi. Và mong rằng ông sẽ có dịp về thăm một đất nước mà ít ai yêu bằng ông.

Yeltsin về vườn. Yeltsin rời chính trường như một tên âm trộm. Ông ta đã trả giá với Vladimir Putin chức tổng thống đổi lại với lệnh ân xá mọi tội lỗi cho mình và gia đình. Cái tội đó là ăn cắp và bao che cho đồng lõa ăn cắp cả tỷ đô la của một nước Nga kiệt quệ. Uy tín của ông đã xuống gần tới số không sau gần mười năm cai trị một cách cực kỳ bê bối. Chung quanh ông là một đám thuộc hạ sử dụng ông như một bình phong để tha hồ vơ vét. Và những chai Vodka. Một tổng thống nghiện ngập, tham nhũng, bệnh hoạn, ngang ngược và nham nhở.

Nhưng Yeltsin vẫn là người có công lớn đối với nước Nga và thế giới. Hình ảnh đậm nhất của ông vẫn là lúc ông

đứng trên xe tăng thách thức một âm mưu tái lập chế độ độc tài. Trong suốt thời gian cầm quyền, ông ta đã không sử dụng những biện pháp độc ác để hạ các đối thủ. Và đã tôn trọng, ít nhất trong căn bản, các quyền tự do chính trị. Con người này có rất nhiều tật xấu nhưng cũng rất có tầm lược và tầm nhìn. Hơn Gorbachev, Yeltsin đã là cấp lãnh đạo cộng sản Nga đầu tiên thực sự tin tưởng vào dân chủ. Có lẽ đây là niềm tin cơ bản đã hướng dẫn ông trong những bước đi lảo đảo của một anh chàng say rượu cầm quyền. Những bê bối, kể cả những sai phạm, của Yeltsin rồi sẽ chìm vào quên lãng. Yeltsin sẽ được nhớ tới như là người đã đem dân chủ tới cho nước Nga và biến dân chủ thành không thể đảo ngược; như là người đã giải phóng cả thế giới khỏi sự sợ hãi một cuộc chiến tranh nguyên tử; và sau cùng như là quốc trưởng Nga đầu tiên đã xin lỗi dân Nga rồi ra đi. Cho tới nay các Nga hoàng và các tổng bí thư đảng cộng sản không hề ra đi. Họ ở chính quyền cho đến lúc chết hoặc bị lật đổ. Và họ cũng không bao giờ có lỗi với bất cứ ai.

Lũ lụt miền Trung. Tinh dân tộc nghĩa đồng bào đã được thể hiện một cách tuyệt vời. Chất liệu nhân xã Việt Nam đang dần dần hồi phục. Một xã hội dân sự đang thai nghén. Nhưng hầu như mọi hoạt động cứu trợ đều chỉ là tự nguyện tự phát. Những người dân tự ý rủ nhau mua thực phẩm, thuốc men, quần áo chở ra những vùng bị thiên tai phân phối cho đồng bào mắc nạn. Chính quyền ở đâu? Một lần nữa người ta thấy bản chất của chính quyền cộng sản: bất lực. Bất lực trong việc bảo vệ trật tự an ninh, để trộm cướp hoành hành và ngăn cản mọi cố gắng làm ăn đứng đắn, bất lực trong việc bảo vệ môi trường sinh sống, bất lực trong việc ngăn chặn các thứ bệnh truyền nhiễm, bất lực trong việc bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải, và bất lực trong việc tổ chức cứu trợ khi xảy ra thiên tai. Chính quyền này không phải là một chính quyền. Nó chỉ, tạm thời, làm được một điều: ngăn chặn Việt Nam tiến tới dân chủ và giàu mạnh.

Họ phải sống. Bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá cho biết Việt Nam sẽ ký thỏa ước thương mại Việt

Mỹ. Ông Giá đổ tội cho một số công ty nước ngoài đã xúi dục chính quyền Việt Nam dùng ký. Giải thích ngớ ngẩn. Có ngu mới để cho người ta xúi dục. Nhưng ai cũng biết là Việt Nam đã không chịu ký thỏa ước này là vì sự phản đối của hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười chứ không do ai xúi dục cả. Và hai vị này không làm chút nào. Trái lại họ hoàn toàn có lý. Ký thỏa ước này đúng là ký một bản án tử hình cho chế độ độc tài đảng trị. Nhưng chế độ cộng sản không thể không ký, vì chính những áp lực trong nội bộ đảng và nhà nước. Lương của một vụ trưởng sếp sĩ 70 USD một tháng, thứ trưởng khoảng 100 USD, bộ trưởng 150 USD. Họ sống bằng cách nào? Chuyện khó tin nhưng có thật: họ sống bằng tiền thù lao, rất chính thức và hợp pháp, của những phúc trình nghiên cứu cho các dự án đầu tư nước ngoài. Những thù lao này và những quà cáp khác đã giúp cho một vụ trưởng thu nhập vài ngàn USD mỗi tháng, một thứ trưởng trên mười ngàn và một bộ trưởng vài chục ngàn. Không ký thỏa ước thương mại Việt Mỹ thì đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục giảm, số phúc trình nghiên cứu sẽ tiếp tục giảm. Và thu nhập của các quan chức cũng sẽ giảm. Từ hai năm qua nó đã giảm gần 75%. Chính những cán bộ đầu não của đảng và nhà nước không chịu đựng nổi tình trạng này nữa. Họ phải sống. Ngay cả khi để sống họ phải chấp nhận để đảng chết.

Bản tuyên bố của bốn tôn giáo. Lần đầu tiên bốn tôn giáo ký chung một tuyên ngôn. Phấn khởi, rồi chung hừng. Và buồn. Những tranh cãi chung quanh chữ ký của hòa thượng Quảng Độ đã rất tai hại. Một mình Công Giáo chế độ cộng sản không sợ, Công Giáo tuy có tổ chức và cơ sở mạnh nhưng chỉ là tôn giáo của 8% người Việt. Một mình Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cộng sản lại càng không sợ, có tiềm năng của một hậu thuẫn quần chúng đông đảo nhưng lại rất yếu về cơ sở và tổ chức. Chế độ cộng sản chỉ sợ sự liên kết giữa Công Giáo và Phật Giáo. Nhưng sau vụ này, vấn đề liên kết giữa hai giáo hội có lẽ sẽ không còn đặt ra trong một vài năm. Một món quà lớn cho chế độ cộng sản.

Nguyễn Gia Kiểng

Diễn sách "Mặt Thật", ấn bản tiếng Pháp của Bùi Tín:
1945-1999, Vietnam: La Face Cachée du Régime

"Còn hơn cả những phát hiện - hỏi oi, không thể chối cãi được - về chế độ quan liêu công an kèm kẹp dân tộc Việt Nam trong bàn tay sắt, gần nửa thế kỷ kể sau Điện Biên Phủ và một phần tư thế kỷ sau chiến thắng của miền Bắc, đây là lịch sử thật của Việt Nam trong thế kỷ 20 đã được Bùi Tín, một người giàu kinh nghiệm khó ai bì kịp, trình bày với độc giả.

Là con một nhân vật lón dưới thời Bảo Đại hưởng ứng phong trào Việt Minh năm 1945, đã chiến đấu chống cả Paris và Washington trong hai trận chiến, trở thành phóng viên chiến trường của các lực lượng võ trang Việt Nam, đã được sự tin cậy của các nhân vật lãnh đạo lừng danh Hồ Chí Minh, Giáp hay Trường Chinh, phó tổng biên tập nhật báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của đảng cộng sản từ năm 1986, Bùi Tín bỏ sang phương Tây (hiện đang ở Paris) từ năm 1990 để nói lên những sự thật về một cuộc phiêu lưu khổng lồ và kết cục (tạm thời) của nó. Bùi Tín là người có đủ tư cách hơn ai hết để phác họa bức tranh của một dân tộc đã anh dũng chiến đấu giành độc lập, đã được "giải phóng" để rồi sau đó nên độc lập mà họ đã trả giá đắt để giành được biến thành gông cùm của một đảng, hay đúng hơn của một nhóm cầm quyền tham ô.

Là người hiểu biết về phần đầu của giai đoạn lịch sử này, nghĩa là về hai cuộc chiến, tôi đánh giá sự thuật lại của tác giả về những năm 1945-1975 là nghiêm túc và lương thiện. Với đối thủ Pháp, các nguyên nhân của cuộc chiến tranh "đánh Pháp", cuối năm 1946, được trình bày một cách công bình, chẳng hạn như trách nhiệm hai chiều của hai bên lâm chiến, và bức chân dung rất cân đối của "bác Hồ", một người cộng sản không giáo, rất mác-xít nhưng cũng rất Việt Nam.

Một cách tự nhiên, sự đánh giá một tác phẩm về một chủ đề mà mình tự cho là hiểu biết dựa vào phần mô tả "mặt trái" của một hệ thống mà mình đã chỉ đo lường qua những cuộc thăm dò ngắn, sau vài cuộc điều tra. Điều đập vào mắt người quan sát nước ngoài là ảnh hưởng lớn của Trung Quốc ở đây được tác giả nhấn mạnh so với ảnh hưởng của Liên Xô mà người ta tưởng chiếm thế thượng phong, nhất là trong nhóm người thân cận ông Hồ như Giáp và Phạm Văn Đồng. Theo nhận định sáng suốt của Bùi Tín, sự tóm thâu quyền lực vào tay nhóm Lê Duẩn - Lê Đức Thọ, Lê Đức Thọ sống lâu hơn Lê Duẩn, vừa khóa chặt chế độ giống như nước láng giềng lớn phương Bắc, vừa chặn đứng mọi tiến hóa, như tại Liên Xô dưới thời Krouchtchev và nhất là Gorbachev, người bị Hà Nội coi là tên phản bội.

Bùi Tín cũng không vì thế mà quên nhấn mạnh về giai đoạn dài dưới ảnh hưởng xô viết do cuộc chiến chống quân Khmer Đỏ, đồng minh của Bắc Kinh: một chiến dịch mà ông cho là tốt, vì đã hạ được chế độ diệt chủng Pol Pot, nhưng tai hại, vì đã kéo dài một cách ngu xuẩn khiến Hà Nội phải lệ thuộc Moscou trong suốt mười năm.

Những tiết lộ của Bùi Tín về guồng máy quan liêu và công an của các chế độ xuất phát từ chủ nghĩa Stalin, rất đặc sắc trong thời chiến nhưng ngột ngạt trong thời bình, cũng rất cần thiết nhưng không mới lắm. Từ nỗi gian truân của một dân tộc vừa thoát khỏi ách thống trị của ngoại bang đã bị rơi vào ngục tù của một bè lũ hung bạo, ngu xuẩn đến nỗi không biết sử dụng hào quang của một anh hùng như Võ Nguyên Giáp, người ta có thể rút ra kết luận là một dân tộc có thể trừ được hung thần ngoại bang để dằng hơn là ác quỷ trong nước. Nhưng cũng có thể kết luận một cách khác: người thắng được hung thần cũng sẽ thắng được ác quỷ".

Trích Lời tựa của Jean Lacouture (NVH dịch)

Bùi Tín, "1945-1999 Vietnam La Face Cachée du Régime", Editions Kergour, Paris, 1999, 303 trang, 40 ảnh, trong đó chân dung những chiến sĩ dân chủ. Tìm mua trong các tiệm sách Pháp thoại hoặc liên lạc trực tiếp với tác giả: Bùi Tín, 1 ter rue des Francs Tireurs, 93120 La Courneuve, giá 140 FRF (đã kể bưu phí).

Ghi chú: Các bạn đã đọc Mặt Thật vẫn có thể thích thú với bản tiếng Pháp này vì Bùi Tín đã sửa chữa, bổ sung các sự kiện và phân tích, bình luận thời kỳ gần đây cho đến cuối năm 1999. Các bạn trẻ ít am hiểu tiếng Việt có thể tìm thấy những điều bổ ích trong quyển sách này về lịch sử Việt Nam cận đại.

Mục lục

1. Giá trị Tây phương và việc tân tiến hóa đất nước
Vũ Thiện Hàn
3. Từ Thông Luận đến Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên
Thông Luận
5. Công nhân tự do và nô lệ
Huỳnh Hùng
6. Ma Cao trở về đất mẹ
Nguyễn Phi Phụng
9. Hội nhập và chủ quyền
Nguyễn Thanh Giang
14. Một quan niệm bất lợi cho hòa bình của giáo sư Huntington
Nguyễn Phong Tuấn
18. Những vấn đề và thử thách của kinh tế Việt Nam ở đầu thế kỷ 21
Nguyễn Ngọc Hiệp
24. Thử phác họa một mô thức dân chủ hóa Việt Nam
Lê Minh Văn
28. Một vài suy nghĩ trước ngưỡng cửa của thiên niên mới
Tôn Thất Long
30. Phát biểu về thế kỷ và thiên niên kỷ mới
33. Thỏa ước mậu dịch song phương Việt-Mỹ
Vũ Trí
34. Quan niệm "Thắng làm vua, thua làm giặc" không có lợi cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam
Võ Thanh Liêm
36. Tổng thống Mỹ viếng thăm Việt Nam?
Mai Viết Triết
37. Đối lập dân chủ phấn khởi và lạc quan
Nguyễn Văn Huy
39. Quá trình phát triển của nhân quyền trong lịch sử
Trần Thanh Hiệp
40. Vạch áo cho mọi người cùng xem
Phan Thanh Tâm
45. Anh Học làng tôi
Nguyễn Văn Hà
48. "Đêm qua em mơ gặp bác Hồ"
Vương Sử
50. Tin tức thời sự
54. Tội ác chống nhân loại
55. Tạp ghi
Nguyễn Gia Kiểng
56. Giới thiệu sách mới